

HUỲNH MINH

"Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa"

ĐÌNH TƯỜNG (MỸ THO) XƯA



Trận thủy chiến lịch sử Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) Đại Phá
hai mươi vạn quân Xiêm tại sông Rạch Gầm năm Giáp Thìn 1784



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HUỖNH MINH

ĐINH TƯỜNG

(MỸ THO) XƯA

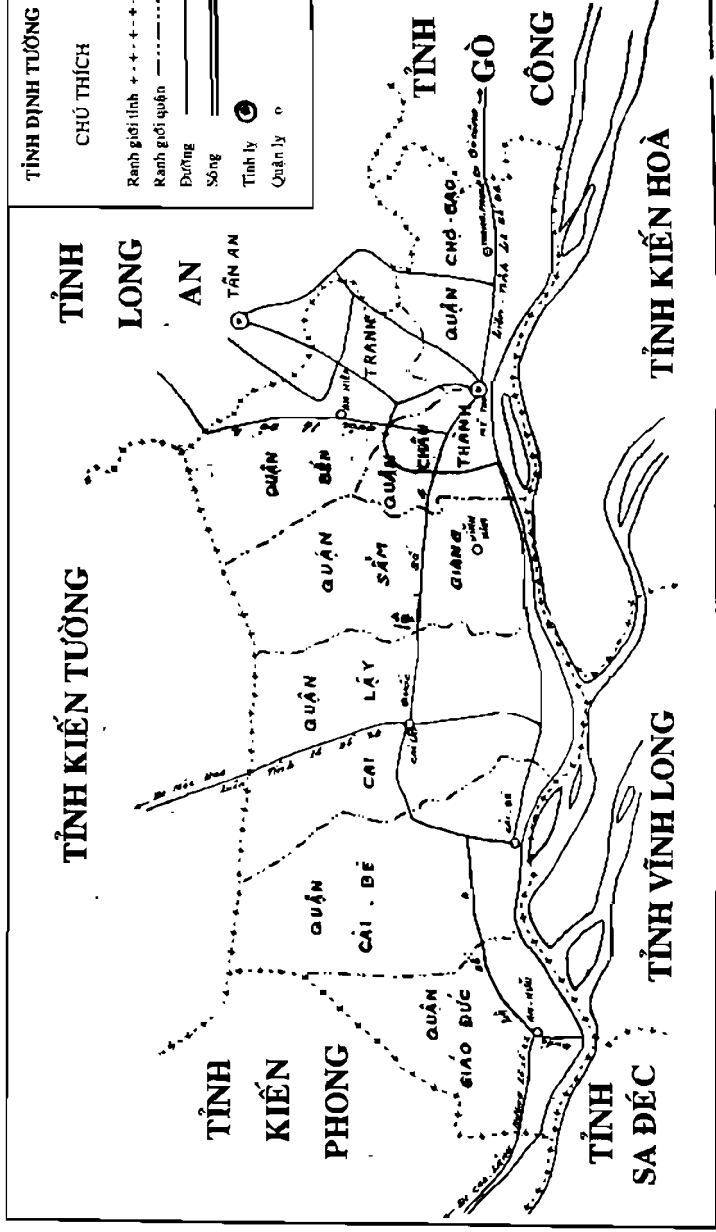
CÓ NHIỀU HÌNH CÓ GIÁ TRỊ

NỘI DUNG GỒM:

- LỊCH SỬ ĐINH TƯỜNG TRẢİ QUẢ CÁC THỜI ĐẠI.
- LỊCH SỬ TỔNG QUÁT.
- NHÂN VẬT NGÀY XƯA, ANH HÙNG LIỆT SĨ KHÁNG PHÁP.
- DI TÍCH LỊCH SỬ, LĂNG MỘ NHÂN VẬT
- HUỖN THOẠI, GIAI THOẠI, THỜ NGHỈ.
- CÁC BỘ MÔN VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT.
- ĐINH TƯỜNG, SINH HOẠT CÁC NGÀNH.
- TỔNG KẾT DÂN SỐ TRONG TỈNH NĂM 1970.
- ĐINH TƯỜNG VỚI VƯỜN HOA LẠC HỒNG NGÀY XƯA.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 2001

BẢN ĐỒ TỈNH ĐỊNH TƯỜNG





Mỹ Tho cảnh vật nên thơ
Dệt tình duyên ái bên bờ Long Giang
Khoa Huân tô đậm sơn vàng
Trong Nam quốc nở rõ ràng Rồng Tiên
Danh còn vang dội sơn xuyên
Ngũ Linh Thiên Hộ oai rền muôn thu
Cồn Phụng êm tiếng mẹ ru
Ngàn phương mây gió phiêu du đồng về
Gió chiều thổi nhẹ lê thê
Ai người trăn nặng tình quê Định Tường
Mau về giải kiếp phong vương

LỜI GIỚI THIỆU

Tác giả Huỳnh Minh viết nhiều sách sưu khảo xưa và nay về các địa danh: Gia Định, Định Tường, Bến Tre, Vũng Tàu, Tây Ninh... Như ông tâm sự: “Chúng tôi thích làm văn hoá, viết sách, sưu khảo, tìm hiểu non sông gấm vóc, ghi lại các sự kiện lịch sử từng địa phương, làm sống lại công nghiệp của tiền nhân có những trang sử oai hùng làm vẻ vang cho dân tộc”. Ông làm theo lý tưởng của mình, không nhờ sự tài trợ của cơ quan văn hoá nào. Chính sự vô tư đó đã cho ông cái nhìn đúng. Dù ghi lại lịch sử các địa phương, ông vẫn tỏ thái độ căm ghét và lên án bọn thực dân Pháp, ca ngợi những người đứng lên chống Pháp. Tác giả đã hoàn thành cuốn sách vào những năm bảy mươi, dưới chế độ Mỹ – nguy, song không một dòng nào nói về chế độ Mỹ – nguy. Viết về các nhân vật lịch sử, nhưng những kẻ bán nước chế độ Mỹ – nguy vốn được chúng phong tặng “nhiều danh hiệu”, tác giả Huỳnh Minh vẫn không hề đề cập đến. Ông lên án bọn bán nước cầu vinh cho thực dân Pháp, qua đó cũng gián tiếp lên án bọn bán nước cho đế quốc Mỹ.

Viết về các nhân vật Định Tường xưa, chúng ta thấy có nhiều nhân vật thời nhà Nguyễn. Nhưng như chúng ta đã biết nhà Nguyễn có công mở đất phương Nam, dĩ nhiên đi liền với nó là các ông quan có công, được nhà Nguyễn cho xây lăng miếu, ghi công. Còn những nhân vật thời Tây Sơn oai hùng đã bị nhà Nguyễn xoá bỏ không được ghi vào sử sách. Nhưng dù thế, tác giả Huỳnh Minh cũng có ít trang nói về các nhân vật thời Tây Sơn. Về hai triều đại nhà Tây Sơn-nhà Nguyễn, tác giả Huỳnh Minh đều viết một cách khách quan.

Như chúng ta đã biết, tác giả viết Định Tường xưa từ thời chế độ cũ rất nhiều số liệu, địa danh so với ngày nay đã khác. Song chúng tôi vẫn giữ lại trong lần tái bản này để độc giả có được tư liệu tham khảo, hiểu ngày hôm qua, chắc hẳn sẽ có ích cho chúng ta ngày hôm nay.

Dù sao cuốn sách cũng không tránh khỏi những sơ sót bất cập, mong bạn đọc lượng thứ.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI NÓI ĐẦU

Đuợm tình xứ sở, hoài bão quê hương góp công tô điểm non sông gấm vóc, phát huy nền văn hoá dân tộc, đó là nhiệm vụ thiêng liêng của mỗi người.

Vạch bóng thời gian để tìm chuyện xưa tích cũ đất Định Tường qua các thời đại, làm sống lại hùng khí của các bậc danh nhân anh hùng liệt sĩ có công với đất nước để tăng thêm phần hào khí cho con người hiện tại và thế hệ mai sau. Đó là lý tưởng của chúng tôi và cũng là lý tưởng chung của mọi người có tình thần yêu nước.

Định Tường xưa hân hạnh xin ra mắt bạn đọc để cống hiến cho đồng bào trong nước cũng như người nước ngoài có dịp đọc qua tác phẩm nói trên.

1973

Huỳnh Minh

ĐÔI LỜI TÂM HUYẾT

Trên tinh thần phục vụ văn hóa dân tộc, góp công tô điểm quê hương, bảo tồn di tích lịch sử nước nhà, đó là lý tưởng duy nhất của chúng tôi đã đeo đuổi trên mấy mươi năm.

Nhận thấy giang sơn gấm vóc Việt Nam trải qua bao cuộc thăng trầm vì thế mà chúng tôi không nài hà khó nhọc làm một công việc mà ít người chịu khó làm. Nghĩ như thế, chúng tôi muốn lưu lại một tác phẩm nho nhỏ cho đời, dầu hay, dầu dở cũng là công trình của tôi đối với nền văn hóa. Ở đời, nhân vô thập toàn, nói hay, nói giỏi mà không làm đâu cũng còn đó, tôi nghĩ vậy tự vạch một con đường để đi theo chí hướng quan niệm mình là **tìm hiểu non sông đất nước**, gởi lại công nghiệp của tiền nhân, bảo tồn phong tục, tập quán của quê hương, làng mạc qua từng địa phương.

TÌM HIỂU NON SÔNG ĐẤT NƯỚC

Lúc nhỏ tôi sinh sống ở thửa vườn, miếng ruộng, thường chơi đùa dưới những gốc đa cổ thụ sau bờ ao cạnh lũy tre xanh, dưới mái đình chùa cổ kính, tắm theo bờ sông rạch. Đi xem hát đình vào những đêm trăng thanh gió mát.

Với sức mọn tài hèn, chúng tôi tự quyết nêu lên những gương các danh nhân chí sĩ nước nhà, những phong tục tập quán của giống nòi, để đánh thức những ai lãng quên quê hương mình, quên cả mồ mả ông bà, quên những người nông dân tay lấm chân bùn, quên mâm cơm mắm kho bông bí luộc...

NON NƯỚC MẾN YÊU

Những ai, là người có tình thần tồn cổ, hoài bão quê cha đất tổ, xin đọc các tác phẩm sưu khảo các tỉnh miền Nam:

Vĩnh Long xưa

Bạc Liêu xưa

Gò Công xưa

Cần Thơ xưa

Kiến Tường xưa

Định Tường xưa

Chúng tôi sẽ lần lượt soạn khảo xuất bản thêm các h khác sẽ ra mắt bạn đọc một ngày gần đây.

Phần một:

*** Sơ lược**

*** Địa lý**

SƠ LƯỢC

NHÂN DÂN MIỀN TRUNG DI CƯ VÀO NAM

Đầu thế kỷ XVII, nhân dân miền Trung, vùng Quảng Nam, Qui Nhơn, Phú Yên thường hay mất mùa phải đói khổ luôn, vả lại lúc ấy chúa Nguyễn, chúa Trịnh đánh nhau cho nên số đông dân chúng gồng gánh, diu dắt nhau tản cư, tìm nơi an toàn, đất đai phì nhiêu mà sinh sống.

Đoàn di dân tiến về phía nam nước Chiêm Thành, có lẽ bây giờ là Cù Mi, La-gi, đổ bộ lên đất liền, lập nghiệp sanh cư, nơi đấy thuở ấy gọi là Mô Xoài (hay Mô Xứ) là vùng đất giữa Biên Hòa và Phước Tuy.

Đoàn khác lại theo dòng thủy triều mà tấp vào một nơi khác trên phần đất gò nổi có nhiều điều thú đa số là loài công, do đó truyền miệng nhau gọi là Gò Công (Khổng tước nguyên).

Đoàn người khác lại do theo cửa Cần Giờ ngược hướng Nhà Bè trở lên một đồng bằng, có lẽ nơi đây họ gặp bầy nai thân nhiên ăn cỏ giữa cảnh thiên nhiên cho nên tên vùng đất mới là Đồng Nai (Lộc Dã) tức là Biên Hòa.

Lại có nhóm di dân tản lạc lên tới bình nguyên Prey-Kor khai khẩn ấy là Sài Côn mà còn gọi là Sài Gòn.

CUỘC DI DÂN CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC VÀO NAM

Năm Kỷ Mùi 1679, tổng binh thành Long Môn (Quảng Tây) nhà Minh tên là Dương Ngạn Địch, phó tướng là Huỳnh Tấn và tổng binh Châu Cao, Châu Lôi và Châu Liêm (Quảng Tây) là Trần Thượng Xuyên, phó tướng là Trần An Bình, cử binh phản nhà Thanh để mưu khôi phục cơ nghiệp nhà Minh.

Thất bại, hai vị tổng binh đem tướng sĩ xuống thuyền chạy sang hải phận phía nam nước ta, thần phục Chúa Nguyễn Hiền vương.

Chúa Hiền vương có ý nghi lòng thành thật của đoàn người này, bởi vì trước đây dưới đời Trần, quân nhà Nguyên đã chẳng có lần muốn mượn đường Việt Nam xuống đánh Chiêm Thành, để gây cuộc can qua với Việt Nam.

Nhân đó, Hiền vương nghĩ cách đưa họ vào đất Thủy Chân Lạp một là để dùng họ làm những nhân công khai thác các vùng đất hoang hai là để tránh xa bọn người chúa không trợn tin.

Thế là nhứt cử lưỡng tiện vậy.

Trần Thượng Xuyên vào cửa Cần Giờ, ngược dòng Đồng Nai đặt chân lên đất Ban Lây (Biên Hòa) và Đông Phố (Gia Định) lập ấp định cư.

Dương Ngạn Địch và Huỳnh Tấn theo dòng sông Cửu Long lên cắm trại ở một vùng mà ngày nay gọi là Mỹ Tho.

Bây giờ Ban Lây (Biên Hòa) là trung tâm điểm của nông nghiệp và thương nghiệp, vì thế có nhiều nhà buôn bán Âu châu, Trung Hoa, Mã Lai, Nhật, thường lui tới mua bán đồ đạc hàng hóa.

Năm 1688, phó tướng Long Môn là Huỳnh Tấn giết chủ tướng Dương Ngạn Địch mà cướp lấy binh quyền, tự xưng là Phấn Dũng hỏ oai đại tướng quân, lập đồn đắp lũy ở phía bắc Mỹ Tho, cướp bóc, khuấy nhiễu cả vùng Tiền Giang và uy hiếp Nam Vinh (Nam Vang – Pnom-Pênh). Trước tình hình thế loạn trong đất Chân Lạp do người Trung Quốc gây ra, cố nhiên vua Chân Lạp là Nặc Thu sinh hờn Chúa Nguyễn mà bỏ lệ triều cống.

Đường khác, Nặc Thu nhờ viện binh Xiêm tiến đánh phó tướng Ông Non (thân Việt) ở Sài Gòn, nhưng phải bại binh lui về Long Út (Oudong).

Chúa Nguyễn vương Nguyễn Phúc Trăn gửi một đạo viện quân đến thanh trừng bọn loạn Trung Quốc và luôn tiện phạt Nặc Thu.

Viên tướng chỉ huy quân Việt Nam gạt bọn Trung Quốc làm cho họ lầm tưởng quân Việt tiến đánh Nặc

lưu rồi tương kế tựu kế giết chết Huỳnh Tấn, tiêu diệt bọn đồng loã.

Tiếp theo, quân Việt gửi thông điệp gọi tướng Trần Thượng Xuyên ở Mô Xoài (đem binh đến liên hiệp đánh Nặc Thu).

Khi liên quân Việt Nam đột nhập Nam Vinh (Pnom-Pênh) Nặc Thu không dám cự, xin thần phục và chịu dâng lễ triều cống như cũ.

CHÚA NGUYỄN ĐẶT NỀN CẠI TRỊ.

Năm Mậu Dần (1698) chúa Ninh vương Nguyễn Phúc Chu, sai Nguyễn Hữu Cảnh làm thống soái đem binh vào kinh lược đất Chân Lạp.

Tổ tiên ta bắt đầu sinh sống tại miền Nam kể từ đây.

Nguyễn Hữu Cảnh chia đất Đông Phố ra làm dinh, làm huyện:

-Ở Đồng Nam đặt ra huyện Phước Long (Biên Hòa), lập Trấn Biên Dinh.

-Ở Sài Gòn đặt ra huyện Tân Bình, Gia Định, lập Phiên Trấn Dinh; sai quan cai trị, mỗi dinh đặt một quan lưu thú, coi về việc hành chánh, một quan cai bộ (thủ quỹ) để giữ ngân khố và một ký lục (thẩm phán) hay về việc hình án.

Người đặt đồn canh giữ, mở mang đất đai ra đến ngàn dặm, được hơn bốn vạn nóc gia, lại chiêu mộ những dân từ Quảng Bình vào, đặt thành xã thôn, khẩn

ruộng đất, lập ra sổ dinh điền, lại hợp bao nhiêu người Trung Quốc ngụ tại Trấn Biên đặt làm một xã Thanh Hà, người Trung Quốc ngụ tại Phiên Trấn, đặt làm một xã Minh Hương.

Người Trung Quốc ở hai xã này cũng như người Việt được hưởng một chế độ cai trị như nhau.

Năm 1731, người Lào tên Sa Tốt đem binh Chân Lạp vào cướp phá Gia Định, chúa Ninh vương Nguyễn Phúc Chu tức giận liền chiếm đất Định Tường và Long Hồ, tức Vĩnh Long (lập châu Định Viễn và Trà Vinh).

Cũng năm này, tỉnh lỵ Định Tường từ Cái Bè được dời đến chỗ cũ bên kia bờ rạch Bảo Định và vẫn chiếm địa điểm trên ấy mãi đến khi người Pháp đến.

Năm 1753, chúa Võ vương lập đạo Trường Đồn gồm đất Mỹ Tho và Cao Lãnh rộng đến biên giới Cao Miên.

Và sau đây là kết quả mở mang bờ cõi trên phần đất Thủy Chân Lạp.

Năm 1698: chúa Ninh vương Nguyễn Phúc chu lập:

Trấn Biên Dinh (Biên Hòa) và Phiên Trấn Dinh (Gia Định).

Năm 1714: và mấy năm sau, nhận Hà Tiên trấn do Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích khai thác và qui phụ vào Nam triều:

Hà Tiên (Phú Quốc)

Long Xuyên (Cà Mau)

Kiên Giang (Rạch Giá)

Trấn Giang (Phong Dinh)

Trấn Di (Bạc Liêu, Bãi Xàu)

Năm 1732: chúa Ninh vương Nguyễn Phúc Chu
lập:

Định Tường và Long Hồ (Vĩnh Long)

Năm 1744: chúa Võ vương Nguyễn Phúc Hạo lập:

Trấn Biên Dinh

Phiên Trấn Dinh

Long Hồ Dinh

Hà Tiên Trấn

Năm 1753: lập đạo Trường Đồn, tức là Mỹ Tho và
Cao Lãnh

Năm 1755: nhận Tâm Bôn và Lôi Lạp tức vùng
Soài Rạp (Tân An bây giờ)

Năm 1757: nhận Trà Vàng tức Trà Vinh (Vĩnh
Bình), Ba Thắc (Bassac, Sóc Trăng)

Tầm Phong Long (vùng phía bắc Bassac).

Sau cùng năm 1959, chúa Võ vương lập năm đạo:

Đông Khẩu Đạo (Sa Đéc)

Tân Châu Đạo (cù lao Giêng)

Châu Đốc Đạo

Kiên Giang Đạo

Long Xuyên Đạo (An Xuyên)

ĐỊNH TƯỜNG DƯỚI THỜI

TÂY SƠN VÀ NGUYỄN ÁNH

Định Tường là một tỉnh còn lưu lại nhiều thành tích lịch sử quan trọng. Chính Định Tường đã nhiều phen chứng kiến những trận đánh giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn.

Bị đánh đuổi vào Nam, Nguyễn Ánh lê gót trên khắp lục tỉnh Nam kỳ và luôn dùng Định Tường làm bàn đạp để tấn công Sài Gòn do nhà Tây Sơn chiếm giữ.

Lần đầu tiên, tháng 11 năm Bính Thân 1776, Nguyễn Ánh đến Ba Giồng tức là một vùng đất rộng từ Rạch Gầm (Mỹ Tho) tới Giồng Cái Én-Tân An để chiêu dụ quân Đông Sơn mà Đỗ Thanh Nhân là chủ tướng.

Sau khi hai phen chiếm Sài Gòn rồi lại thất thủ, tháng ba năm Nhâm Dần (1782) Nguyễn Ánh chạy xuống Ba Giồng lần nữa vì thất một trận thủy chiến ở sông Ngã Ba, gần cửa Cần Giờ.

Tháng tư, Nguyễn Ánh đến giồng Cai Lữ (vùng Rạch Gầm) thu thập tàn quân độ 300, đánh chém được

đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Học thừa thắng đến Trấn Định Dinh (Tân Hiệp – Mỹ Tho).

Vào khoảng tháng hai năm Quý Mão (1783) bị Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đánh tan chiến thuyền tại sông Sài Gòn, Nguyễn Ánh chạy xuống Ba Giồng, từng thuyền chỉ còn năm, sáu người, binh lính không đầy 100.

Bị bại nhiều trận liên tiếp, đến năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Ánh qua Xiêm lần thứ nhất, viện được hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương dẫn 20.000 quân và 300 chiến thuyền theo giúp.

Tháng 11, Nguyễn Ánh lấy lại được đồn Ba Rài và Trà Tân, vùng Cai Lậy (Mỹ Tho). Nghe Nguyễn Ánh từ Xiêm về, Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn dẫn quân vào. Hai bên gặp nhau ở Rạch Gầm, Nguyễn Huệ đánh bại quân Xiêm chẳng còn manh giáp, đến đổi Chiêu Tăng, Chiêu Sương phải bỏ cả binh thuyền đạp đường bộ chạy về Vọng Các còn Nguyễn Ánh chạy qua Cần Thơ, rồi năm 1785 lại sang Xiêm lần thứ hai.

ĐỊNH TƯỜNG DƯỚI THỜI GIA LONG

Năm 1788, sau khi khắc phục thành Gia Định, Nguyễn Phúc Ánh chinh đồn lại vùng đất Nam kỳ, gọi là Gia Định, chia địa phận làm bốn dinh:

Phiên Trấn Dinh (Gia Định)

Trấn Biên Dinh (Biên Hoà)

Trấn Vĩnh Dinh (Vĩnh Long)

Trấn Định Dinh (Định Tường)

Nhờ nhiều tướng tài phò tá và binh Pháp hỗ trợ Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, và xưng đế hiệu là Gia Long năm 1802, định đô ở Phú Xuân (Huế) mới có danh hiệu Nam Bắc.

Những tỉnh thuộc về Thừa Thiên thì được gọi là Kinh Kỳ, những tỉnh ở hướng Bắc thì gọi là Bắc kỳ, còn những tỉnh ở phía Nam gọi là Nam kỳ hay là Gia Định trấn, thuộc hạt có:

4 trấn

4 phủ

15 huyện

Và phụ thêm một trấn Hà Tiên: 2 đạo, 2 huyện.

Vĩnh Tường trấn (Định Tường) là một trong năm trấn gồm:

1 phủ: Kiến An

3 huyện: Kiến Đăng, Kiến Hưng, Kiến Hoà

Gia Định trấn đặt chức tổng trấn và phó tổng trấn để cai trị mọi việc, gồm coi cả năm trấn.

Ở các trấn thì đặt quan lưu trấn hay là quan trấn thủ, quan cai bạ và quan ký lục để cai trị trong trấn.

Trấn lại chia làm phủ, huyện như ta đã thấy trên, đặt dưới quyền tri phủ và tri huyện.

DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), vua bãi bỏ chức tổng trấn thành Gia Định và đổi trấn làm tỉnh, chia Nam kỳ làm sáu tỉnh, cộng 18 phủ, 43 huyện tức là:

Gia Định (Phan Yên)

Biên Hoà (Đồng Nai)

Định Tường (Mỹ Tho)

Vĩnh Long (Long Hồ)

An Giang (Châu Đốc)

Hà Tiên

Trong mỗi tỉnh, vua Minh Mạng đặt những chức Tổng đốc Tuần phủ, bố chánh sứ, án sát sứ và lãnh binh để đảm nhiệm việc chính trị, hành chính và quân sự.

DƯỚI TRIỀU TỰ ĐỨC

Đến năm 1851, dưới triều Tự Đức, Nguyễn Tri Phương được bổ nhậm làm chánh sứ với chức Kinh lược sáu tỉnh Nam kỳ, Phan Thanh Giản, làm phó Kinh lược. Cả hai nguyên sinh tại Nam kỳ, đều tài năng, trội hơn nhiều người, đồng thời tỉnh Định Tường thuở đó đặt dưới quyền quản lý của tuần phủ Trà Đình Túc, trực thuộc tổng đốc ở Vĩnh Long.

Lúc binh đội Pháp vào đánh lấy Sài Gòn (1859) thì sứ Nam Kỳ phân ra ba quận, mỗi quận do quan tổng đốc cai trị.

1.Quận Định Biên gồm: tỉnh Gia Định, tỉnh Biên Hoà.

2.Quận Long Tường : tỉnh Vĩnh Long, Định Tường.

3.Quận An Hà: tỉnh An Giang, Hà Tiên.

Riêng tỉnh Định Tường gồm 2 phủ, 4 huyện:

Phủ Kiên An, hai huyện: Kiến Hưng, Kiến Hoà.

Phủ Kiến Tường, hai huyện: Kiến Phong, Kiến Đăng.

QUÂN PHÁP XÂM CHIẾM NAM KỲ

ĐỊNH TƯỜNG THẤT THỦ (ngày 12. 4. 1861)

Năm 1859, vịn vào sự cấm đạo Gia tô xảy ra từ đời Minh Mạng, ngày càng trở nên khắc nghiệt đi đến chỗ giết giáo sĩ, người Pháp đem binh thuyền sang đánh nước ta. Chiến cuộc giữa Việt Nam và Pháp bắt đầu từ đó.

Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng vào tháng 7 năm Mậu Ngọ (1858) quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly đánh lấy thành Gia Định (Sài Gòn) nhằm tháng giêng năm Kỷ Mùi (18.2.1859).

Hai năm sau. Từ Sài Gòn quân Pháp tiến đánh thành Mỹ Tho (Định Tường) vào cuối tháng hai năm Tân Dậu (1861).

Trận đánh này được xem là một trận chiến quan trọng nhất để mở đường cho quân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam kỳ sau đó.

Thuở ấy, tỉnh Định Tường do tuần phủ Nguyễn Đình Tân cai trị, trực thuộc tổng đốc Trương Văn Uyển ở Vĩnh Long.

Quân Pháp chia làm hai đội tiến binh theo hai ngã:

-Một do đường sông do trung tá hải quân Bourdais chỉ huy, với lực lượng gồm hai pháo hạm La Mitraille và l'Alarme, 5 tiểu pháo hạm số 18, 20 và 31, 200 thủy thủ, 20 quân Y Pha Nho và một súng tạc đạn.

-Một do đường biển do phó đô đốc Page chỉ huy, cánh quân này có ba chiến hạm Fusées, Lily, và Sham Rode.

Có hai ngọn rạch nằm theo sông Vung Gu (Vàm Cỏ Tây: Vaico Occidental) thông với sông Tiền Giang.

1-Rạch Arroyo de la Poste người Việt gọi là Bảo Định hà, sâu, đổ mau, trừ ra chỗ giáp nước.

2- Rạch Arroyo Commercial (rạch Thương Mãi) từ sông Vàm Cỏ mà qua Tiền Giang thì mấy khúc của rạch ấy lại gọi là Rạch Chanh, kinh Bà Bèo, rạch Cua và rạch Hai Bà.

Rạch này bị cỏ cây với bùn sinh lấp cạn chỉ có ghe nhỏ đi được mà thôi và chỗ đó đổ ra là phía trên Mỹ Tho.

Đường nước này xem dường như là con rạch Arroyo Chinois nối dài, đi thấu qua trong xứ.

Cánh quân của trung tá Bourdais phải mất gần một tháng để dò theo sông Vàm Cỏ Tây (Vaico Occidental) tiến tới được vào Bảo Định hà, nhưng trước khi theo ngã này để tiến đánh Mỹ Tho thì quân Pháp đã mất nhiều ngày giờ tiến quân vào rạch Thương Mãi (Arroyo Commercial).

Ngày 1.3.1861 quân Pháp bắt đầu lần theo Bảo Định hà đánh chiếm đồn thứ nhất của ta.

Ngày 2 và 3 quân Pháp phải lo nhổ mấy cây cừ do quân ta cắm dưới lòng rạch làm chướng ngại vật cản đường tàn quân Pháp. Thêm một đồn của quân ta thất thủ.

Ngày 4.4, viện binh Pháp từ Sài Gòn được gửi đến, gồm một chiến hạm Echo với 200 bộ binh, 2 trung đội thủy quân lục chiến, 100 lính thủy 50 công nhân, 2 đại bác, 2 súng tạc đạn, 20.000 viên đạn và một ban cứu thương.

Sau khi vượt qua 6 chướng ngại vật, ngày 5.4 quân Pháp vừa đến chướng ngại vật thứ 7 bị quân ta mai phục hai bên bờ rạch bắn xả xuống, quân Pháp thấy bất lợi liền án binh chờ thêm tiếp viện.

Ngày 6.4 một đoàn viện binh thứ nhì được gửi tiếp đến gần một trung đội thủy thủ, một pháo thuyền có một khẩu súng tạc đạn nòng 15 ly, những pháo hiệu, hai khẩu súng cối 16 ly bắn được 200 phát và nhiều pháo hạm để phá chướng ngại vật.

Viện binh đến chướng ngại vật thứ 8, điều này được trung đội thủy thủ thứ 10 tăng cường, tức là 50 quân Tây Ban Nha và nhiều súng tạc đạn .

Quân Pháp đổ bộ và tiến dọc theo tả ngạn Bảo Định hà, dưới quyền chỉ huy của trung tá công binh Allizé de Matignicourt, pháo hạm chạy sau.

Quân ta chận đánh, nhưng bị quân Pháp phản công mạnh nên tan rã, quân Pháp chiếm thêm một đồn quân.

Ngày 10.4 quân Pháp tiến gần đến Mỹ Tho và khi đánh chiếm đồn quân thứ 5 của ta, một pháo hạm bị trúng đạn, trung tá Bourdais bị tử thương.

Ngày 11.4, quân Pháp chiếm lấy đồn thứ 6, tức là đồn chốt của ta bỏ trống, gần làng Trung Lương, cách Mỹ Tho 3 cây số.

Tối 11.4 thêm viện binh đến, gồm có ngựa, 2 khẩu đại bác 12 ly và một đoàn xe chở quân nhu.

Ngày 12.4 sau khi cầu kỳ, đường sá được sửa chữa, quân Pháp tiến đánh thẳng vào Mỹ Tho. Lúc cánh quân này còn cách Mỹ Tho 1.500 thước, thì cùng lúc đó cánh quân do phó đô đốc Page theo đường biển đã tới, vào ngày 10.4 tại vàm sông Tiền Giang, vượt qua một

chương ngại vật thứ nhất trong đêm nay, mặt dầu bị quân ta ở tiền đồn bắn ráo riết.

Ngày 11.4, đoàn quân thứ hai này vượt qua một cản thứ nhì do hai đồn binh yểm trợ. Ngày thứ 2, sau khi nã đạn mãnh liệt đồn binh ta, họ bỏ neo đối diện với thành Mỹ Tho vào hồi 1 giờ 30 trưa.

Thành trì quân ta đã bỏ trống 3 giờ trước, thủy thủ dưới quyền của trung tá hải quân Desnauve chiếm thành Mỹ Tho và treo cờ Pháp lên.

Ngày 13.4 cánh quân thứ nhất theo rạch Bảo Định, khi tiến sát thành Mỹ Tho đã thấy thừa thớt cờ tam sắc và đoàn quân diễn chinh Pháp chánh thức vào thành Mỹ Tho ngày 12.4 1861.

Thành này có súng đại bác lớn, kho lúa gạo và tiền kẽm bị đốt, quân Pháp gặp được vài chiếc thuyền lớn tốt đóng bằng cây giá trị, để dùng vào quân sự.

Cuộc chiếm đóng Mỹ Tho gây một hậu quả trực tiếp và tất nhiên là sự chiếm cứ toàn thể vùng đất Định Tường, lúc đó do toàn phủ Nguyễn Đình Tân cai trị.

Quân Pháp dời tỉnh lỵ sang địa điểm khác, địa điểm cũ trở thành chợ Cũ.

Quân Pháp đặt nhiều đồn binh khắp nơi, nhất là Cái Bè, Chợ Gạo. Đó là những trung tâm hành chính gọi là toà tham biện, luôn luôn có một tiểu đội yểm trợ.

ANH HÙNG HẠO KIẾT ĐỊNH TƯỜNG DỤNG CỜ KHÁNG PHÁP NHIỀU NƠI

Mặc dầu lúc bấy giờ quân ta đã bại trận ở Sài Gòn (đồn Chí Hoà thất thủ) thành Mỹ Tho bị chiếm, song cuộc chống Pháp của dân ta vẫn tiếp diễn, do những ông Phủ Cật, Thiên Hộ Dương, Trương Công Định cầm đầu và được triều đình Huế âm thầm khích lệ. Vì cuộc thương thuyết giữa Nguyễn Bá Nghi, khâm sai đại thần, với thiếu tướng Pháp Bonard không có kết quả.

Pháp quân bắt đầu triệt thoái những đồn binh nhỏ như Gia Thành, Cà Hôn, kế đó là Gò Công, Chợ Gạo.

Tháng 11 năm Tân Dậu (1861) quân Pháp tiến đánh Biên Hoà rồi chiếm đồn Bà Rịa.

Tháng 3 năm Nhâm Tuất, quân Pháp sang đánh Vĩnh Long, lúc đó là tổng đốc Trương Văn Uyên nắm giữ Vĩnh Long thất thủ. Triều đình Huế ở vào thế chiến bại nên ngày 5.6.1862 phái đoàn Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký kết với Bonard một hoà ước, gọi là hoà ước năm Nhâm Tuất, nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, và đảo Côn Lôn.

Mất 3 tỉnh miền Đông, lòng dân càng căm phẫn những cuộc kháng Pháp càng gia tăng. Riêng về tỉnh Định Tường có những cuộc kháng chiến quan trọng của hai nhà nghĩa sĩ:

Thủ khoa Huân tức Nguyễn Hữu Huân (1863-1874)

Thiên Hộ Dương, tức Nguyễn Duy Dương¹ (1865-1866) mà chúng tôi sẽ nói sau với nhiều chi tiết.

Ngoài ra còn có nhiều cuộc đấu tranh nhỏ, chúng tôi chép sau đây:

1. Phủ Cật

Phủ Cật (không biết rõ chắc là tên gì) hoạt động mạnh trong vùng Cai Lậy, lập tổng hành dinh tại vùng Thuộc Nhiêu, và Nhị Quý, và từ đó phái quân đánh phá các đồn binh Pháp, nhất là đồn Cai Lậy bị tấn công thường hơn hết.

Viên tham biện Pháp hồi bấy giờ là đại tá hải quân phải thân hành đôn đốc quân Pháp hành quân chống lại quân của Phủ Cật.

Đến ngày 6.1.1862 Phủ Cật chuẩn bị đánh đồn Cái Bè, nhưng lại bị quân Pháp dưới quyền chỉ huy của đại úy hải quân Rieunier bao vây giữa Cái Bè và Cai Lậy và chẳng may ông Phủ Cật bị bắt rồi bị xử giáo ngày hôm sau (7.1.1862).

¹ Có nơi chép Võ Duy Dương.

Cái chết của Phủ Cậu càng thúc đẩy sức kháng Pháp của người Việt Nam và các cuộc tấn công ngày càng gia tăng.

Ngày 10.1, nhiều toán nghĩa quân từ Gò Công đến công phá các đồn binh Pháp, chặn đường tiếp tế lương thực quân nhu, thiêu huỷ trung tâm rạch Cà Hôn.

Ngày 22.1, công hãm đồn rạch Gầm, đánh phá cùng một lượt 4 đồn Cái Bè, Cai Lậy, Thuộc Nhiêu, Rạch Gầm trong ngày 28.1.1862.

Trong việc tảo thanh nghĩa quân kháng chiến, lập được nhiều công trạng nhất đối với Pháp là Trần Bá Lộc, nguyên là đội nhất, được thăng tri huyện 1865 và về sau thăng Đốc Phủ sứ và hàm phong tổng đốc tỉnh Thuận Khánh.

Trần Bá Lộc được uỷ thác quyền hành chánh trong vùng Cái Bè và Cai Lậy (gồm các quận Sùng Hiếu, Giáo Đức và Khiêm Ích).

Huyện đường đặt tại Cái Bè, sau đổi qua Cần Lố (Sa Đéc).

2- Phan Liêm, Phan Tôn:

Tháng 11-1867, hai người con của Phan Thanh Giản là Phan Tôn và Phan Liêm nổi lên chống Pháp tại Bến Tre. Cuộc khởi nghĩa lan tràn qua Mỹ Tho nhờ uy tín của cụ Phan, quân dân hưởng ứng đông đảo, xây đồn đắp lũy khắp nơi.

Phan Tôn và Phan Liêm thất bại, xuống thuyền ra Bình Thuận.

3. Thân Văn Nhiếp:

Ngày 1-5-1868, một nhóm nghĩa quân dưới quyền Thân Văn Nhiếp đột kích thành Mỹ Tho, tấn công kho lương thực, hạ sát người giữ kho.

Đêm 24-12-1868, một nhóm nghĩa quân khác cùng các phó tướng là ông Rông, ông Được, ông Long tấn công đồn Cai Lậy thiêu huỷ nhiều căn nhà, nhưng chỉ 25 tên lính tập giữ đồn chống trả mãnh liệt, phải rút lui.

Về sau, cả bốn người bị Trần Bá Lộc bắt được và đem xử giảo tại chợ Cai Lậy.

Tháng 5-1860, một nhóm nghĩa quân có súng ống tấn công làng Đồng Xuân huyện Bảo An (Bến Tre) giết viên cai tổng và người em làm xã trưởng rồi rút về Định Tường.

4. Trương Huệ:

Năm 1870, Trương Huệ con của lãnh binh Trương Định khởi nghĩa ở Cai Lậy rồi tử trận ở đây.

5. Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân:

Trong các vị anh hùng khởi nghĩa chống Pháp xin kể ông Nguyễn Hữu Huân.

Ông sinh năm 1841, tại tỉnh Định Tường, năm chưa đầy 20 tuổi, ông thi đỗ thủ khoa đời vua Tự Đức.

Gặp buổi nước nhà dốc sức chống Pháp, ông gác bỏ công danh để hưởng ứng phong trào khởi nghĩa năm 1861, đứng ra tổ chức nghĩa quân chia đi hoạt động khắp trong tỉnh Định Tường đến tận các miền Hà Tiên, Kiên Giang, Châu Đốc. Ông quyên được nhiều tiền và giao thiệp với các tàu buôn Hải Nam để mua khí giới ở Trung Hoa.

Sau hết lương thực, ông xuống Hậu Giang chờ khí giới chở sang. Thế cùng, lực tận ông phải giải tán bớt nghĩa quân và về ẩn náu ở Chợ Gạo, Định Tường để mưu một cuộc khởi nghĩa khác,

Năm 1863, bị quân Pháp bao vây, ông vượt vòng vây đến Châu Đốc, nhưng bị bắt giữ lại rồi giao cho Pháp.

Viên tư lệnh Pháp dụ dỗ ông đầu hàng nhưng ông nhất quyết không chịu.

Rốt cuộc ông bị đày đi Côn Đảo rồi đưa sang đảo Réunion ở Đông Nam Phi châu.

Khi sắp đi đày, ông có làm một bài thơ để tỏ nỗi cảm khái của mình:

Muôn việc cho hay số bởi Trời,

Chiếc thân hồ hải biết đâu nơi!

Mấy hồi tên đạn ra tay thử

Ngàn dặm non sông dạo gót chơi;

Chén rượu Tần đình nào luận tiệc,

Văn thơ cổ quốc chẳng ra lời.

Cương thường bởi biết mang nên nặng,

Kẻ đứng làm trai chác nợ đời.

Năm 1874, sau khi Nam Triều đã ký hoà ước, nhường đứt sáu tỉnh miền Nam cho Pháp Thủ Khoa Huân được chúng cho về, nhưng để quản thúc tại nhà tổng đốc Đỗ Hữu Phương, tại Chợ Lớn, là chỗ quen biết của ông, lại là một người giúp việc đắc lực cho Pháp.

Ông Phương tổ chức một bữa tiệc long trọng để mừng gặp lại bạn xưa, có mời các quan người Việt đã theo chính phủ do Pháp dựng lên đến dự.

Sau bữa tiệc nhiều người xin ông Thủ Khoa cho một bài thơ để kỷ niệm. Ông đã tức cảnh và làm bài bát cú như sau:

Nghĩ thẹn râu mày với nước non

Nhìn nay từng, cúc bạn xưa còn ¹

Miếu đường cách trở bề tôi chúa,

Gia thất riêng buồn nỗi vợ con.

Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,

Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon ²

Giang Đông nổi tiếng nhiều tay giỏi,

Cuốn đất kìa ai, dám hỏi đon !

¹ Có chỗ chép: "hũy thươn còn "

² Có chỗ chép: "đắm mùi ngon"

Nghe đọc xong, các vị quan có mặt trong tiệc tỏ vẻ cảm động, nhưng âm thầm hổ thẹn, nhất là hai câu luận:

Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,

Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon.

Nói lên cái vô sỉ của những kẻ bán nước cầu vinh và hai câu kết hỏi ai là người chí sĩ hãy tranh đấu giành độc lập cho nước nhà.

Ở nhà tổng đốc Phương ít lâu, ông được trả lại tự do, sau đó vài tháng ông lại ngấm ngấm tổ chức và võ trang nghĩa quân nổi lên chống Pháp.

Đến tháng 4-1875, ông bị quân Pháp bao vây và bị bắt do bọn gián điệp chỉ đường.

Lần này bộ tư lệnh Pháp cũng dụ ông đầu hàng, song ông nhất quyết lãnh cái chết cho tròn bốn phần người dân nước Việt

Ông bị điệu về hành hình tại chợ Phú Kiết tỉnh Định Tường¹

Theo một tài liệu khác thì “Trần Bá Lộc bắt được ông, có dụ dỗ ông đầu hàng. Ông đáp lại bằng những lời chửi mắng, nên bị chở về Mỹ Tho. Lúc đi đường người ta để ông trên mui ghe cho thiên hạ xem. Ông vẫn bình thản ngâm thơ như thường”²

¹ Tài liệu của Gs Nguyễn Văn Kiết

² Tài liệu của Bùi Đức Tịnh – *Tài liệu giải phóng VN*

Tài liệu này hơi khó tin được, nhưng chúng tôi cũng chép ra đây để độc giả suy ngẫm, vì lẽ:

-Thủ khoa Huân là người nho nhã, chăm biếm bợn quan lại Việt Nam phụng sự người Pháp một cách kín đáo và cay đắng mà thôi, chắc không đến nỗi thô lỗ như vậy.

- Và từ trước quan Pháp đã tỏ vẻ kính nể ông, không lý dám cột ông trên mũi thuyền cho mọi người xem, làm một việc rất tàn nhẫn, cho đồng bào ta càng thêm công phần.

Trước khi lên đoạn đầu đài, ông xin cho vợ con tế sống và xin một tấm vải để viết một bài thơ tuyệt mạng như sau:

*Hạn mã gian quan vị quốc cừu,
Chỉ nhân binh bại chỉ³ thân hưu;
Anh hùng mạc bả doanh dư luận,
Vũ trụ thường khang tiết nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh Hồ lỗ phách,
Bất hàng cam đoạn Tướng quân đầu.
Đương niên Tho Thuỷ ba lưu huyết⁴
Long đảo thu phong khởi mộ sầu*

³ Có chỗ chép: trí

⁴ Có chỗ chép lưu ba huyết

Cụ Phan Bội Châu dịch:

Ruổi dong vó ngựa trả thù chung,

Bình bại cho nên mạng phải cùng.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng!

Nổi xung măt vĩa quân Hồ lỗ

Quyết thác không hàng rặng núi sông,

Tho thuỷ ngày rầy pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Trong một bài nói về văn chương của Thủ Khoa Huân¹, tác giả có chép rằng trước khi bị hành hình, Thủ Khoa Huân có ứng khẩu ngâm bài thơ tuyệt mạng như vậy:

Hai bên thiên hạ thấy hay không?

Một gánh'cương thường há phải gông!

Oằn oại hai vai quân tử trúc

Long lay một cổ trượng phu tông;

Sống về đất Bắc danh còn rặng

Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.

Thắng bại dinh du trời khiến chịu,

"Phản thần", đeo quả đũa cười ông!

¹ *Tế cầu văn* của cụ Thủ khoa Huân (Nguyễn Văn Hẫu – Bách khoa số 92- 1-11-1960)

Tại Sài Gòn, tên vị anh hùng ái quốc này được đặt tên cho con đường nằm trong quận II, đường Thủ Khoa Huân, từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Nguyễn Du.

Thiên Hộ Dương với chiến khu Đồng Tháp

Trước khi thuật chuyện Thiên Hộ Dương tức Nguyễn Duy Dương cứu hiềm Đồng Tháp Mười kháng Pháp, làm cho quân Pháp rối trí điên đầu, điêu đứng khổ sở nhiều năm.

Thuở xưa, Đồng Tháp Mười là cái vịnh to, lần lần đất phù sa sông Cửu Long bồi đắp lâu ngày mới thành đất liền.

Tuy nhiên, trung tâm Đồng Tháp Mười vẫn còn là một lòng chảo, nước đọng quanh năm.

Tại đó, có vùng hoàn toàn là một bãi cát mênh mông cho nên người ta gọi là Láng Biển.

Nơi đây, người ta còn gặp được nhiều di tích thuyền bè bị đắm như: cột buồm, lời tời, mỏ neo ...

Trước đây Đồng Tháp Mười còn hoang vu, cho nên có những nơi như Bàu Sen, Láng Bông Súng, Lung Năng, Đồng Lác, Đồng Đưng, Rừng Tràm, cỏ cây mọc la liệt, không hàng ngũ chi, liên tiếp nhau chạy mút tầm con mắt, xa tận chân trời.

Đó là nơi ẩn trú của vô số thú rừng thời xưa, có chỗ voi đi thành đĩa lầy, nên gọi là Láng Tượng.

Rắn ở Đồng Tháp có con to hơn bắp chân, đã vậy người nào mạo hiểm vào Đồng Tháp bị muỗi chích đập không kịp phải lấy tay mà vuốt và khi thọc chân xuống nước thì bị vắt cắn đĩa đeo.

Muỗi và đĩa Cà Mau vốn đã nổi tiếng nhưng nếu so sánh với Đồng Tháp Mười còn phải thua xa. Có câu:

Muỗi kêu như sáo thổi,

Đĩa lội tợ bánh canh.

Vùng Đồng Tháp cũng không kém là bao.

Về sông rạch: thì con sông Cần Lố, tiếng Miên có nghĩa là “ nước lộn ” quanh co khúc khuỷu, hai bên mé sông mọc um tùm đế, lau sậy lên đến gần một cái tháp nằm giữa đồng.

Tháp này là một tháp xây cất toàn bằng những tảng đá xanh to lớn, kiến trúc theo kiểu Đế Thiên Đế Thích trên Cao Miên.

Tháp tọa lạc trên một động cát tại ấp Tháp Mười, làng Mỹ Tho quận Cao Lãnh (Kiến Phong).

Một điều lạ lùng gần như kỳ dị là chung quanh vùng này chẳng có một ngọn núi nào, mà người xưa kiến trúc được cái tháp bằng đá xanh thật cũng lắm công phu, nếu ta nghĩ rằng xưa kia sự chuyên chở vô cùng khó khăn và vùng Đồng Tháp là một nơi khí hậu hết sức độc địa, thêm đủ loài thú dữ ăn thịt người.

Sau này, lúc ông phủ Trần Văn Mẫn làm chủ quận Cao Lãnh, ông có phúc trình lên cấp trên nói về ngọn

tháp ấy, nên năm 1931, ông Parmentier, nhà khảo cổ Viễn Đông đến tận tháp này để viếng.

Parmentier đọc những chữ trên mấy tấm bia đá sứt mẻ vì thời gian và giải nghĩa rằng cây tháp thứ 10 trong số 10 cái tháp của vua nước Thuỷ Chân Lạp ngày xưa.

Vì thế mà dân chúng đã gọi cái đồng minh mông có cái tháp thứ mười ấy là Đồng Tháp Mười.

Một mớ cổ vật như tượng Phật, đồ thờ bằng đá, bằng đồng được đoàn khảo cổ đem về Sài Gòn trưng bày ở viện Bảo Tàng.

Đồng Tháp Mười được khai thác trở thành một vựa lúa và cá của nước ta¹.

Theo kết quả khảo cứu của một nhà khảo cổ khác là P. Pelliot thì đất Nam bộ xưa thuộc nước Phù Nam, lập quốc trên miền Tây Nam bán đảo Đông Dương từ thế kỷ thứ I cho đến thế kỷ thứ VI, kế bị vua Chân Lạp xâm chiếm.

Và toà tháp gọi là Tháp Mười là công trình kiến trúc của vua Phù Nam Gunavarman là con vua Jayavarman để kỷ niệm sự lấp hào vũng, lập một thánh đường để tôn thờ dấu chân của Vishnou Thiên thần.

Thiên hộ Dương là người thế nào?

Theo tài liệu của Nguyễn Văn Hầu² thì Thiên hộ Nguyễn Duy Dương (hay Võ Duy Dương) là người sở

¹ theo tài liệu *Đường về Đồng Tháp* của N.H

tại, một nhà hào phú mộ quân lập đồn điền được 1.000 quân nên được cụ Nguyễn Tri Phương phong làm Thiên hộ.

(Vào năm 1860, cụ Nguyễn Tri Phương phụng mạng triều đình Huế vào miền Nam tổ chức cuộc chống Pháp, mộ quân lập đồn điền, để thực hiện cuộc trường kỳ kháng chiến).

Thiên hộ Dương là một người tài kiêm văn võ, sức mạnh hơn người, một tay nhổ nổi một cây tra (để đập giập làm lạt buộc những bè cản ngăn tàu Pháp trên sông rạch.

Ông còn cử nổi năm trái linh³, hai nách kẹp hai trái và miệng cắm một trái, nên được nhiều người kính phục mà gọi là Ngũ linh Thiên hộ.

Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Tự Đức và các ông Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển, Thiên hộ Dương kéo cờ Cần Vương tổ chức những đội quân phục kích, cướp đồn, giết súng và ra tay trừng trị bọn Việt gian bán quốc cầu vinh.

Tổng hành dinh của Thiên hộ Dương đặt tại trung tâm cánh đồng xung quanh cái tháp.

Từ ngoài vô đến tổng hành dinh chỉ có ba con đường mòn: một đường từ gò Bắc Chiên (Mộc Hoá) đi

² Thiên hộ Võ Duy Dương của Nguyễn Văn Hầu (Văn hoá nguyệt san số 50 tháng 5 năm 1960)

³ Trái linh nặng một yến, tức là 10 cân, lối 6 kg

xuống, một đường từ rạch Cần Lố (Cao Lãnh) đi lên và một đường từ Cái Nứa (Cái Bè) đi tới.

Trên ba con đường ấy, Thiên hộ có lập ba cái đồn rất là kiên cố: đồn tả trên đường đi Bắc Chiên, đồn hữu hướng về Cao Lãnh và đồn tiền quay ra Cái Nứa.

Tiếp tế:

Lúc ấy ba tỉnh miền Tây vẫn còn thuộc Nam triều chưa có sự chiếm đóng của thực dân Pháp cho nên các quận Cao Lãnh, Cai Lậy, Mộc Hoá, Hồng Ngự, Sa Đéc lãnh trách nhiệm tiếp tế lương thực cho kháng chiến quân.

Về việc vận tải khí giới đạn dược thì dân chúng các vùng Hà Tiên, Rạch Giá đảm nhiệm việc chuyên chở đến Đồng Tháp Mười.

Nói tóm lại, người dân Việt Nam nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp từ tinh thần đến vật chất,

Trong hàng ngũ kháng chiến

Sau khi các ông Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Huân đã lần lượt thất bại trong cuộc kháng chiến, nhiều người tham gia nghĩa quân vào Đồng Tháp Mười chiến đấu dưới lá cờ Cần Vương do Thiên hộ Dương lãnh đạo.

Dưới sự chỉ huy của ông có trên 1.000 nghĩa quân, trong đó có nhiều lính Tagals cũng như lính lê dương (légion étrangère) của Pháp bây giờ đào ngũ sang giúp

ta để chống lại quân Pháp, bởi những lính Tagals phần nhiều là tù binh của Pháp ở Maroc, Algérie, Tunisie...

Những người lính Bắc Phi ấy, tuy ngôn ngữ bất đồng với ta, nhận thấy rằng không thể cầm súng chống lại nghĩa quân Việt Nam.

Không những thế, trong hàng ngũ kháng chiến còn có một người Pháp chánh tông tên là Linguet đã giúp ta chống lại quân xâm lược.

Chiến công oanh liệt

Tháng 7 năm 1865, thủy sư đô đốc De la Grandière về Pháp giao quyền chỉ huy cho thủy sư đô đốc Roze. Ngày 22 tháng 7 năm 1865 Nguyễn Duy Dương từ những trận du kích biến ra mặt trận quy mô lớn.

Từ Đồng Tháp Mười, đoàn nghĩa quân rầm rộ kéo binh đánh Pháp ở Mỹ Trà, Sa Đéc.

Đô đốc Roze được tin cấp báo đem quân Pháp đến nghinh chiến, quân ta và quân Pháp kịch chiến suốt mấy ngày đêm liền. Quân Pháp hết sức chống cự nhưng không nổi, bị nghĩa quân hạ đồn, đốt chợ Mỹ Trà và thiêu huỷ của Pháp một chiếc tàu dùng để liên lạc.

Trận này quân Pháp chết hại rất nhiều và sau khi thu hồi được súng đạn, nghĩa quân liền rút lui.

Thiên hộ Dương mở một trận thứ hai tấn công Cái Bè, Mỹ Quý, chọc thủng phòng tuyến của Pháp, đánh

tan nhiều cánh quân Pháp đóng giữ vùng này, quân ta bắt sống được trên 50 quân Pháp và gần 100 Việt gian.

Bởi Thuỷ sư đô đốc Roze thua ta liên tiếp mấy trận lớn, nên chính phủ Pháp triệt hồi Roze về Pháp.

Về phần Nam triều, hay tin Thiên hộ Dương gây tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp, vua Tự Đức giáng chỉ phong chức Lãnh binh cho ông.

Quân Pháp phản công

Như trên đã nói, tổng hành dinh của Thiên Hộ bấy giờ ở giữa Đồng Tháp, chung quanh có tiền đồn, tả và hữu mỗi đồn có lũy đất bao bọc ở ngoài, cao hai thước và dày thước rưỡi, trong và ngoài lũy đều có một hàng cừ bằng cây sao, lũy có cửa lỗ để bắn ra ngoài. Mỗi đồn có lối vài ba trăm lính, 10 khẩu súng và 4, 5 thớt súng bắn đá, vài khẩu đại bác.

Ở xa hành dinh, còn có nhiều hàng đồn nhỏ giữ các nẻo hiểm, cũng có binh sĩ và các súng lớn phòng thủ.

Năm 1866, De La Grandière được phái sang Nam kỳ.

Vừa đến Sài Gòn, De La Grandière khởi sự nghiên cứu kế hoạch tấn công Đồng Tháp.

Sau nhiều ngày chuẩn bị, tháng 4 năm ấy, quân Pháp động viên lực lượng quân đội chia ra làm ba mặt tấn công Đồng Tháp.

Tư lệnh của quân Pháp gồm có mấy tướng:

- Boubée
- Paris de la Bollardière
- Gally Passebosc
- Quân Tấn (Huỳnh Công Tấn)
- Huyện Lộc (Trần Bá Lộc)

Như thế ta đủ hiểu rằng quân Pháp quyết đánh tan nghĩa quân Việt Nam với chiến thuật cá lớn nuốt cá bé. Lần lượt, quân ta bị thất bại, nhưng hết lớp này tới lớp khác nổi lên chống cự, không lùi bước trước quân xâm lăng cướp nước.

Tinh thần càng lên cao, gương hy sinh, lòng dũng cảm của người Việt Nam làm cho quân Pháp thán phục.

Kế tiếp đốc binh Lê Công Kiều, hùng cứ cả một vùng Mỹ Quý, nhưng binh lực ta kém, nên không bao lâu đốc binh Kiều cũng thất bại và kháng chiến của nghĩa quân lần lần tan rã.

Thiên hộ mất, nhân dân lập đền thờ ông tại Đồng Tháp và tên ông còn mãi lưu truyền.

Trong một cuộc sang chơi Đồng Tháp, nhà thơ Nguyễn Công Minh có làm câu đối diếu Nguyễn Duy Dương như vậy:¹

¹ "Nguyễn Công Minh, một nhà thơ...." Của Nguyễn Văn Hẫu (Bách khoa số 79 ngày 15-4-1960)

-*Âm hận anh hùng, tự Bắc tự Man, Thập Tháp² hương yên trường diếu diếu.*

-*Kiên can tuấn kiệt, nhi kim nhi cổ, Ngũ Linh phong độ thượng y y*

Dịch nghĩa:

-*Ngậm ức anh hùng, tiếng nổi Bắc Nam, Thập Tháp lửa hương còn phối phối.*

-*Chắc gan tấn kiệt, danh truyền kim cổ, Ngũ Linh dáng cách vẫn như như.*

ĐỊNH TƯỜNG HÀNH CHÁNH DƯỚI CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

Lập nền cai trị trên ba tỉnh miền Đông, năm 1864, đô đốc De La Grandière chia mấy tỉnh này làm 7 khu vực quân sự mà Mỹ Tho là một, gồm hai huyện Kiến Hưng và Kiến Hoà.

Tỉnh Mỹ Tho rộng lớn, bề cai trị khó khăn, do nghị định ngày 3.6.1865, phó đô đốc Rosée, quyền thống đốc, chia Mỹ Tho làm 4 khu hành chánh, mỗi khu do những quan tham biện (Inspecteur) sĩ quan Pháp cai trị.

1- Mỹ Tho, châu thành: Mỹ Tho huyện Kiến Hưng.

2- Kiến Hoà châu thành: Chợ Gạo huyện Kiến Hoà.

3- Kiến Phong, châu thành: Cần Lố huyện Kiến Phong.

² Chỉ Tháp Mười

4- Kiến Đăng, châu thành: Cai Lập huyện Kiến Đăng.

Trước đó, tổng Hưng Long, tổng Hưng Nhượng ở ven sông Vàm Cỏ và rạch Bảo Định cho đến tận khởi điểm rạch Bà Lý được tách ra khỏi huyện Kiến Hưng sát nhập với trung tâm Tân An thành lập năm 1864 cùng một lượt với Gò Công.

Một nghị định ban hành năm 1867 xác nhận sự thay đổi khu vực này bằng cách ấn định rằng tỉnh Định Tường gồm 4 khu vực hành cánh đánh số như sau:

Chợ Gạo (Kiến Hoà), số 13 Mỹ Tho (Kiến Hoà) số 14.

Cai Lập (Kiến Đăng), số 15 Cần Lố (Kiến Phong) số 16.

Đồng thời, tỉnh Định Tường bị thu hẹp lại sau khi thành lập những tỉnh mới:

Mỏ Cày (nay Bến Tre)

Cần Thơ (Phong Dinh)

Trà Vinh (Vĩnh Bình)

Kể từ năm 1899, nghị định ngày 20.12 bãi bỏ chữ “tham biện” và gọi là tỉnh (Province), chữ Inspecteur (quan tham biện) đổi lại là Administrateur, Chef de Province (quan cai trị chủ tỉnh).

Kể từ năm 1862, ba tỉnh miền Đông bị nhượng cho Pháp tên gọi Định Tường không còn nữa mà thay thế bằng Mỹ Tho.

Theo lịch sử thì Mỹ Tho xuất hiện từ năm 1744 chúa Võ Vương lập đạo Trường Đồn gồm đất Mỹ Tho và Cao Lãnh.

Theo truyền thuyết Mỹ Tho do tiếng Miên (Mi saur) có nghĩa là cô gái đẹp. Do quyển Le Cambodge của Đ. Aymonier, thì chữ "*Mỹ Tho* chỉ là tiếng Mé so (nàng tiên, cô kỹ nữ) dọc trại (Mỹ Tho, en effer, n'est autreque la corre de Mésos)".

ĐỊNH TƯỜNG TRƯỚC 1945:

Trước năm 1945, tỉnh Mỹ Tho gồm có 5 quận: An Phú, Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo.

Sau này, cù lao An Phú (quận An Hoá) sát nhập về tỉnh Bến Tre (Kiến Hoà)

Hai tỉnh Mỹ Tho và Gò Công sát nhập làm một, lập thành tỉnh Định Tường gồm 8 quận, 16 tổng, 124 xã.

-Bến Tranh

*Chợ Gạo	}	Do 10 xã lấy trong quận Cái Bè và 5 xã của quận Cai Lậy.
*Giáo Đức		

*Gò Công	}	Tức là tỉnh Gò Công cũ
*Hoà Đồng		

***Khiêm Ích (Cai Lậy cũ)**

***Long Định (Châu Thành cũ)**

***Sùng Hiếu (Cái Bè cũ)**

Sau đó, hai quận Hoà Đồng và Gò Công lại tách rời khỏi Định Tường để lập lại tỉnh Gò Công.

ĐỊA LÝ

VỊ TRÍ

Xuyên qua các sử liệu của triều đình Huế và quyển *Monographie de la province de Định Tường* quan sát bản đồ lục tỉnh Nam kỳ thời Tự Đức, chúng ta thấy tỉnh Định Tường xưa chiếm trọn vẹn một khoảng giữa Nam bộ, bắc giáp với Campuchia, nam giáp Vĩnh Long và biển đông, bên hữu có Gia Định, Biên Hoà, bên tả tức là vùng Hậu Giang, hai tỉnh An Giang và Hà Tiên.

Địa phận Định Tường gồm hai phủ, 4 huyện rộng mênh mông, bao trùm: Đồng Tháp Mười bao gồm đất các tỉnh: Tân An (Long An ngày nay) Châu Đốc, Sa Đéc và Bến Tre.

Tỉnh Kiến Tường và Kiến Phong đều nằm trong tỉnh Định Tường cũ vậy.

Trong thiên khảo cứu này, chúng tôi đề cập một phần lớn đến Đồng Tháp Mười khi xưa là trung tâm lập cơ sở kháng chiến của Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều

suốt mấy năm trời. Cuộc kháng chiến rất oanh liệt làm cho Pháp quân điều đứng.

Từ ngày quân Pháp xâm chiếm Nam kỳ làm thuộc địa rồi cắt 6 tỉnh của Nam triều ra mạnh mẽ làm hai mươi tỉnh nhỏ, mấy tỉnh nầy lại nhiều lần thay đổi tên và ranh giới, sát nhập rồi phân chia mà lập thành trên 20 tỉnh. Định Tường xưa, giáp ranh với các tỉnh sau đây:

- **Tây Bắc:** Kiến Tường, tức là Mộc Hoá cũ
- **Đông Bắc:** Long An là Tân An sát nhập với Chợ Lớn.
- **Đông:** Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên dưới Nam triều .
- **Tây:** Kiến Phong tức là quận Cao Lãnh cũ.
- **Nam:** Vĩnh Long
- **Đông Nam:** Tỉnh Kiến Hoà

Mặc dù Định Tường không còn rộng lớn bao la song còn giữ nhiều đất tính lịch sử, cũng như về địa lý.

Là một tỉnh được khai phá từ lâu, Định Tường là một trong các tỉnh phong phú nhất, Định Tường là một trong những mạch máu nối liền Sài Gòn và các tỉnh miền Đông, miền Tây, về trục giao thông rất thuận, chở hàng hoá muốn đi Nam Vang, Lào thì phải đi vòng xuống biển Gò Công đổ lên cửa sông Cửu Long, Định Tường rồi xuyên qua các tỉnh miền Tây Vĩnh Long, Sa

Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu rồi thẳng Nam Vang. Tỉnh Định Tường tốt về địa lý.

.. Nhờ có sông Tiền Giang mà thông suốt ra biển, Định Tường so sánh với Cần Thơ người ta tặng cho là Tây Đô, Định Tường cũng hãnh diện về cảnh trí xinh đẹp, danh tiếng là căn cứ kháng chiến của nghĩa quân anh dũng quả cảm, đã góp mặt làm rạng rỡ tô điểm cho phần đất mến yêu bao đời ghi nhớ.

Địa chất: Định Tường nằm trong lưu vực sông Cửu Long (Mékong) hoàn toàn cấu tạo bởi đất phù sa do con sông này chuyển vận qua các thời đại.

Không có bằng chứng nào xác định rõ rệt thời kỳ bồi đắp dải đất này. Tuy nhiên, với sự tiến triển hiện đại của khoa địa chất học, có thể nói rằng đất ấy không xưa lắm. Trước kia, một vùng biển to bao phủ cả Định Tường và các tỉnh.

Đất phù sa do sông Cửu Long mang đến đã lấp bằng một cái vịnh cũ, biến thành một vùng châu thổ phì nhiêu, từ miền Biển Hồ (Tonlésap) thuộc Campuchia.

Có lẽ một bình nguyên rộng lớn từ đáy biển Đông nhô dần lên đã cấu tạo những miền ấy và ta có thể ước đoán rằng dải đất Định Tường mới tượng hình mới vài ngàn năm nay.

Về đất cát những nhà nông học quan sát Định Tường thấy rằng tỉnh này có ba lớp đất :

a-Dài theo bờ sông Cửu Long là lớp đất sét do phù sa tạo thành.

Đất phù sa len lỏi theo các phụ lưu và chi lưu để biến những vùng ngập lụt hoặc bùn lầy thành những vùng đất liền, có thể trồng trọt được. Cũng nhờ phù sa mà đất liền lan rộng thêm mãi, theo ven biển cũng như dọc các cửa sông Cửu Long.

b-Trong vùng Đồng Tháp (người Pháp gọi là Plaine des ones –đồng lác, đồng cói) đất vùng này gồm một lớp đất gần như đất sét:

Lớp trên mặt là đất sét hoà với bã lác, bã lác hoà với các khoáng chất trầm dưới nước, lâu ngày gây những phản ứng hoá học liên tiếp, những ngày quá nóng bức, nước đọng bốc thành hơi để lại trên mặt đất chất phèn.

Cứ thế, năm này sang năm khác, lớp phèn càng dày càng thấm sâu dưới lòng đất.

Dưới lớp đất sét lẫn lộn bã lác ấy, có một lớp đất sét trắng hơn và chắc hơn.

c-Ngoài đất sét và đất phèn, Định Tường còn có đất cát, tạo những cuộc đất cao ráo, thường gọi là “Giồng”.

Dài theo quốc lộ Tân An, Mỹ Tho ra khỏi thị trấn Tân Hương vài cây số du khách gặp hai bên đường những giồng cát cao, rộng, đồng bào ta trồng thuốc, khoai mì, bắp, rau cải v.v...

Định Tường có nhiều giống như giống Cái Én, giống Trau Trầu, giống Lữ, giống Thuộc Nhiêu, giống Tân Hiệp Nổi danh nhất về phương diện lịch sử là giống Tháp, kháng chiến của Thiên Hộ Dương và Ba Giồng là nơi đạo quân Đông Sơn Đỗ Thanh Nhân tụ nghĩa năm 1776.

Đất đai: Về phần đất đai, Định Tường có thể chia ra làm hai vùng:

a-Vùng đất cũ: Nằm trọn từ sông Cửu Long đến con đường liên tỉnh Sài Gòn – Phong Dinh (Cần Thơ) và từ ranh tỉnh Long An đến ranh tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh).

Vùng này thảo mộc sum sê tươi mát, nhất là hai bên bờ sông Cửu Long có nhiều kinh rạch, đất phù sa tương đối cao ráo, tạo thành một đường viền dài theo sông cái.

Ngoài những ruộng lúa mênh mông mà ít có năm thất mùa, nông dân lập vườn trồng nhiều thứ cây ăn trái quanh nhà.

Lại nhờ có lăm kinh rạch chằng chịt nối liền sông Cửu Long với rạch Bảo Định, nên miền này có một hệ thống thủy vận dễ dàng, dân cư đông đúc, phố phường tấp nập.

Du khách từ Gò Công đi Mỹ Tho đến Cái Bè tất phải lưu ý đến vẻ vui tươi mát mẻ nơi đây, những thửa ruộng đều đặn với những bờ mầu trắng tấp nổi bật giữa rặng cây xanh.

Trông quanh làng mạc khách sẽ để ý thấy dọc bờ sông Cửu Long đất hơi cao và trồng toàn dừa. Tiến mãi về phía tây, khách sẽ băng ngang Bảo Định hà và những cánh đồng lúa dài đến tận bờ sông, nhờ sông Cửu Long và nhiều rạch con tươi mát.

Sang sông Ba Rài, đi đến Cái Bè và đậu đến ranh giới tỉnh Kiến Phong, du khách không ngớt trầm trồ những khu vườn cây trái sum sê tươi tốt, dọc bờ rạch Cái Cối, đây mới là đất vườn liệt vào bậc nhất của tỉnh Định Tường.

b-Vùng đất mới: Tức là vùng Đồng Tháp Mười, chúng tôi đã đề cập qua đồng này trong chương “Định Tường kháng chiến” và sẽ còn dành cho Đồng Tháp một chương đặc biệt sau này.

CÙ LAO

Giữa sông Cửu Long thuộc địa hạt Định Tường, có lắm cù lao quan trọng, nhất là cù lao An Hoá gồm cả một quận, hai tổng nằm trọn giữa hai sông Tiền Giang với sông Ba Lai, nhưng từ năm 1956 cù lao này đã sát nhập với tỉnh Kiến Hoà.

Kế đó là cù lao Rồng, xã Tân Long ngang châu thành Mỹ Tho.

-Cù lao Thới Sơn, xã Thới Sơn, quận Long Định đổi lại Sầm Giang.

-Cù lao Năm Thôn, xã Ngũ Hiệp, quận Khiêm Ích (Cai Lậy). Chung quanh cù lao này có các đồn : Long Đức, Bà Huyện, Tân Châu, Cồn Tròn.

-Cồn Qui thuộc xã Thanh Hưng, quận Giáo Đức.



*Một cảnh thơ mộng giữa dòng sông Cửu Long
Ngư phủ thả mỗi câu cá ngang cù lao Rồng*

SÔNG NGÒI

Hệ thống sông ngòi của tỉnh Định Tường tập trung vào sông Cửu Long.

Trước hết ta nghiên cứu dòng sông Cửu Long trong địa phận tỉnh Định Tường và ảnh hưởng con sông ấy đối với thủy triều.

Kể đó, ta hãy xét về những rạch chảy chằng chịt nội địa Định Tường và vùng cù lao.

SÔNG CỬU LONG

Người Pháp gọi là Mékong, là một con sông lớn và dài trong các con sông lớn thế giới, sông Cửu Long dài 4200 km phát nguyên từ Tây Tạng, tên một cao nguyên vùng Vân Nam chảy qua Ai Lao, Cao Miên và Việt Nam, làm biên giới thiên nhiên cho Ai Lao và Thái Lan.

Tới Nam Vang (kinh đô Cao Miên) dòng Cửu Long chia làm ba nhánh :

Một chảy ngược vào Biển Hồ (Tonlésap) trên đất Cao Miên.

Hai nhánh kia: Tiền Giang (Fleuve-Antérieur) và Hậu Giang (Fleuve-Postérieur hay Bassac) cả hai cùng chảy song song ra biển.

Chính vào lúc sông Tiền Giang chia làm năm cửa để đổ ra biển Đông thì khúc sông ấy chảy ngang địa hạt Định Tường.

Nhánh chánh của sông Cửu Long vẫn ở phần đất Định Tường rồi thì:

- Cửa thứ nhất là sông Cổ Chiên tách ra để tưới mát cho Vĩnh Long:

- Ngay tầm cù lao Ngũ Hiệp, phát khởi cửa thu nhì, là sông Hàm Luông chảy ngang tỉnh Kiến Hoà (Bến Tre).

- Cách đấy một khoảng, đối diện với miền Đông cù lao Ngũ Hiệp, cù lao An Phú chia sông Tiền Giang làm hai nhánh ra tận biển Đông, bên hữu là sông Ba Lai bên tả là Cửa Đại, tức là cửa chính của sông Cửu Long.

- Bên tả Cửa Đại là Cửa Tiểu tức là cửa thứ năm của sông Cửu Long, chảy ngang quận Hoà Đồng và tỉnh Gò Công.

SÔNG TIỀN GIANG

Khi nhập vào địa phận Định Tường thì quanh co hai lượt, trước và sau Cái Bè, rồi sau khi uốn tròn mình trước tỉnh lỵ Mỹ Tho lại chảy thẳng ra Cửa Đại.

Khi chảy ngang Mỹ Tho chỗ phà Rạch Miễu, sông rộng ba cây số và chiếc phà phải chạy vòng theo chữ S, trước đầu cù lao Rong phía Mỹ Tho và hai cù lao nhỏ là cù lao Lân và cù lao Phụng ngang cầu bắc Rạch Miễu.

Lúc đổ ra biển, tại vàm Kỳ Hôn, sông Tiền Giang rộng non cây số.

Sông Cửu Long chảy mạnh, lưu lượng dồi dào, lòng sông lăm nơi rất sâu, nhiều tàu lớn có thể ngược dòng Cửu Long đến Mỹ Tho.

Nước sông luôn luôn đục ngầu vì phù sa và cây lá mục nát dũa mòn mau bờ sông ở vài nơi những nơi nằm ngay ngọn nước bị mòn mau chóng và nhiều bưng đất lở sâu vào nội địa bị nước cuốn đi đem bồi nơi khác, như mồm cực Tây cù lao Rổng ngang tỉnh Mỹ Tho bị lở mãi còn bên kia Đông cù lao lại được bồi lần, thành thử người ta có cảm tưởng rằng cù lao ấy cứ chuyển mình xê dịch càng ngày càng gần bờ châu thành Mỹ Tho.

Chính dòng Cửu Long đã tạo nên dải đất Định Tường và vẫn tiếp tục biến hình vùng ấy mãi, nay thì lấp vài nhánh phụ lưu, mai lại nhô lên những cồn mới, hoặc bồi rộng những cù lao khác và lấn đất mãi ra biển nhờ những lớp phù sa phong phú.

Vì sông Cửu Long bắt nguồn từ các đỉnh non cao nên chịu nhiều ảnh hưởng mùa tuyết tan ở các vùng ấy và lại nhận tất cả nước ở thung lũng cao do nhiều phụ lưu mang đến.

Thế nên, sông có những mùa nước lũ vô cùng lớn, nhất là khi chảy dọc theo những miền núi non chập chùng như Lào thì lại có mưa to, nước chảy ầm ầm như không có một trở lực nào ngăn cản nổi. Nhờ ở gần biển, Định Tường không sợ nạn ngập lụt, nhưng miền Đồng Tháp là một vùng lòng chảo luôn luôn bị đe dọa và chính năm 1929 và năm 1961, nước lũ đã làm thiệt hại rất nhiều các vùng ngoài ranh Đồng Tháp.

Ngoài mùa nước lũ, sông Cửu Long còn một thời kỳ nước kém, lúc mùa nắng, và một thời kỳ nước nổi vào mùa mưa.

Ngoài sông Cửu Long, hệ thống sông ngòi của Định Tường rất nhiều, nhất là trong vùng “đất cũ” nhờ có các con rạch, thuyền bè lưu thông dễ dàng, dân chúng nhiều khi đào kinh nhỏ nối liền mấy con rạch để cho nước chảy thông.

Định Tường có 8 con rạch chánh chảy từ Tây sang Đông:

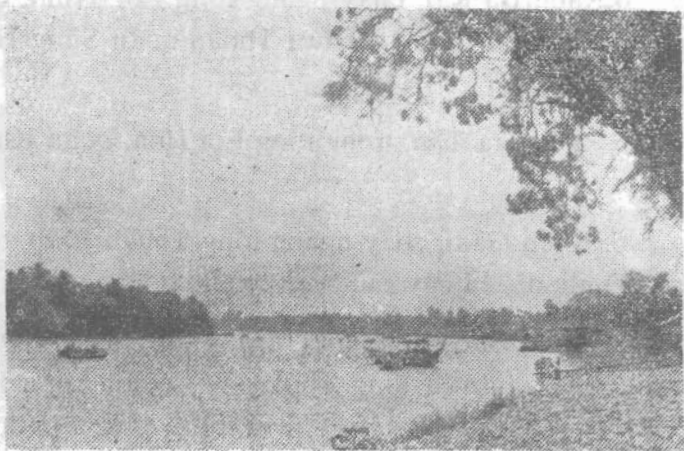
1. Rạch Cái Thia, chảy ngang hai tổng Phong Phú và Phong Hoà, quận Giáo Đức. Lưu vực này chia ra làm ba nhánh:

- Rạch Cái Cối, dài 12 cây số, bắt nguồn từ Sa Đéc.

- Rạch Cái Thia, dài 12 cây số, bắt nguồn từ Đồng Tháp.

- Rạch Mỹ Thiện cũng dài khoảng 12 cây số.

2. Rạch Trà Lốt, chảy ngang qua tổng Phong Hoà, quận Sùng Hiếu (Cái Bè) dài 18 cây số.



Cù lao Thới Sơn, một trong những cù lao phong phú nhất của tỉnh Định Tường nằm trên dòng Cửu Long, ngang qua quận Cái Bè

3. Rạch Cái Bè, chia làm hai nhánh:

-Nhánh Tây, chảy ngang qua tổng Phong Hoà, quận Sùng Hiếu.

-Nhánh Đông, chảy ngang qua tổng Lợi Thuận cùng một quận.

Hai nhánh này gặp nhau tại chợ Cái Bè, làng Đông Hoà Hiệp, tạo thành một vàm rộng lớn trước khi đổ vào sông Cửu Long.

4. Rạch Ba Rài, chảy ngang tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích (Cai Lậy) và Lợi Thuận quận Sùng Hiếu, dài 22 cây số.

5. Rạch Trà Tân, trong tổng Lợi Hoà, quận Khiêm Ích.

6. Rạch Gầm, chảy ngang tổng Thuận Bình, quận Long Định, dài 11 cây số.

7. Rạch Bảo Định, chảy ngang tổng Thanh Quơn, quận Bến Tranh và tổng Thuận Trị, quận Long Định (Châu Thành). Rạch này rất quan trọng vì là con đường lưu thông giữa hai sông Vàm Cỏ (Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây) với sông Cửu Long.

Thời Pháp thuộc, rạch này gọi là “ Arroyo de la Poste ” (rạch bưu chính) vì do đó mà thư tín, bưu điện, từ Tân An chở qua Mỹ Tho, khứ hồi.

8. Rạch Kỳ Hôn, chảy ngang tổng Hoà Hảo, quận Chợ Gạo.

Chúng ta thấy trong 8 con rạch tỉnh Định Tường, đã hết 5 rạch làm đường lưu thông vận chuyển đất phù sa bồi đắp cho vườn ruộng Cái Bè và Cai Lậy cũ, nay là Sùng Hiếu, Giáo Đức và Khiêm Ích nhờ đó tăng thêm sự màu mỡ cho các loại hoa màu và cây ăn trái được oằn sai. Mỗi năm hai vùng này thu vô một số lợi khá to về số sản xuất cây trái rau cải chở lên Sài Gòn tiêu thụ đem lại sự thịnh vượng no ấm cho đồng bào.

Chúng tôi đã trình bày phần tổng quát Địa lý của Định Tường nói chung, các quận nói riêng nhận thấy đất phù sa trồng cây gì xuống cũng mau tốt và có trái vì nước mặn lên không tới, từ Ba Rài đổ lên Sùng Hiếu, Giáo Đức đều là nước ngọt quanh năm, một nguồn lợi thiên nhiên đáng kể dưới lòng sông Cái Bè có rất nhiều ốc gạo mỗi năm bán hàng mấy triệu bạc, ốc này có cho dầu giá thuỷ lợi hàng năm đem lại một số lợi tức cho tỉnh đáng kể.

Phần thứ hai:

*** Nhân vật lịch sử**

ĐỖ THANH NHÂN

Chúa tướng binh Đông Sơn, đóng quân tại

Ba Giồng – Định Tường

Đỗ Thanh Nhân quê ở huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên (miền Trung) sau dời vào Nam, ngụ ở huyện Kiên Hưng, thuộc tỉnh Định Tường.

Ông cùng với Võ Tánh, Châu Văn Tiếp nổi danh “Gia Định tam hùng”, có thuyết cho rằng “Gia Định tam hùng” là Đỗ Thanh Nhân, Võ Tánh và Nguyễn Huỳnh Đức chứ không phải Châu Văn Tiếp.

Tinh thông võ nghệ, nhân thời loạn ông chiêu tập và đào luyện dân tráng quanh vùng để phòng khi có biến cố gì thì đủ sức đương đầu. Bởi thế, khi chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần cùng với cháu là Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh đuổi chạy vào Nam ông đã sẵn có lực lượng xương phò chúa Nguyễn. Vốn người có uy tín, một tiếng gọi đàn của ông, đủ có hàng ngàn người đáp ứng trong một thời gian ngắn. Đầu hôm sớm mai, ông thành lập ngay đạo binh nghĩa dũng hơn 3.000 người, đóng ở căn cứ địa Ba Giồng, một vùng hiểm trở trong tỉnh Định Tường.

Tây Sơn hùng mạnh, Đông Sơn cũng chẳng kém gì. Mỗi khi Đông Tây chạm nhau, binh ông 10 trận thắng đến 7. Oai danh ông lừng lẫy đến nỗi quân Tây

Sơn vẫn thường bảo nhau phải đề phòng khi thấy cờ hiệu quân Đông Sơn xuất hiện.

Đinh Dậu 1777, chúa Định Vương chạy xuống huyện Long Xuyên (Cà Mau) bị Tây Sơn đón bắt được, giải về Sài Gòn hành quyết.

Mậu Tuất 1778, trong trận đại chiến với Tây Sơn ở sông Bến Nghé, ông và Lê Văn Quân giết Tư Khấu Oai, dũng khí đàng đàng, ba quân đều kinh khiếp.

Bấy giờ Chân Lạp có nội loạn, gây biến động đến bờ cõi ta, ông và Hồ Văn Lân vâng mạng chúa Nguyễn đi đánh dẹp. Sau khi giết Hoàng thân Nặc Ông Vinh là người đã gieo mầm rối rắm, ông cho phù lập con của Nặc Ông Tôn là Nặc Ấn lên ngôi, không đầy một tháng, đâu đó bình định xong. Ông lưu Hồ Văn Lân ở Chân Lạp với tư cách bảo hộ, giám quốc; còn ông thì về Gia Định.

Công lao của ông thật to, nên năm Canh Tý 1780, ông được phong quận công và cũng từ đấy ông đâm ra ngạo mạn, tự phụ vì công cao, chức trọng của mình mà hách dịch vô cùng. Đã thế, tính ông vốn cương trực khảng khái, dám nói dám làm không kiên nể chi ai. Do đó, ông bị nhiều người ganh ghét. Mặc! Ông không một chút quan tâm, vẫn thẳng thắn trong công việc mình làm.

Ngày kia ông ra lệnh cho các quan địa phương cung cấp quân lương, tu tạo chiến thuyền. Nhiều nơi trễ hạn kỳ, ông trừng phạt gắt gao ngay.

Có quan huyện Đặng Hữu Tâm, vốn người thanh liêm, mẫn cán, rất được lòng dân. Thấy lệnh của ông quá nghiêm khắc, Đặng Hữu Tâm thân đến dinh ông mà trần tình lẽ thiệt hơn, xin ông triển hạn và nới tay cho dân chúng bớt xôn xao, lo lắng, ông chẳng những không nghe, lại còn giết Đặng Hữu Tâm đi.

Dân chúng thương tiếc quan huyện, tỏ vẻ bất bình. Ông càng đàn áp mạnh.

Chưởng cơ Huỳnh Thiên Lộc gièm với Nguyễn Vương

-Đỗ quận công càng ngày càng ỷ thế lộng quyền, không khéo sẽ làm mất lòng dân mà bất lợi cho đại cuộc. Hơn nữa, bấy lâu nay tôi xem ra Đỗ quận công còn nuôi chí soán đoạt, vì cây có bình ròng tướng mạnh. Nếu nay chúa thượng không trừ đi, e sanh hậu hoạn.

Nguyễn Vương trầm ngâm giây lâu khẽ hỏi:

-Ta phải làm sao?

Huỳnh Thiên Lộc đáp nhỏ:

-Phải làm như thế này... thế này...

Nguyễn Vương khen hay. Cách mấy hôm sau, Đỗ Thanh Nhân bỗng tiếp được chỉ triệu bàn việc cơ mật. Ông chẳng chút nghi ngại, lên ngựa ra ngay. Nào hay bị gạt vào Nghị sự đường, quân mai phục đổ xô ra bắt ông trói lại. Rồi đó ông bị ghép vào tội phản nghịch, hành quyết trong ngày 23 tháng 3 năm Tân Sửu 1781.

Ngay sau khi được tin chẳng lành, hai tướng thuộc hạ trung kiên của ông là Võ Nhân và Đỗ Bảng lấy làm căm gan tím ruột bảo nhau:

-Chủ tướng của ta tội tình gì mà bị bắt xử trảm? Đây là tên xàm nịnh Huỳnh Thiên Lộc cố ý ganh tị hãm hại chúa tướng của ta. Để xem Vương thượng có thái độ nào, chừng ấy ta sẽ đối phó. Đến khi thấy Nguyễn Vương một mực xuống chiếu hành quyết Đỗ Thanh Nhân, hai đồng sĩ Võ Nhân, Đỗ Bảng dậm chân bảo nhau:

-Thế này đã rõ là Vương thượng lòng dạ quá hẹp hòi, chưa chi đã học thói đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nôm!

Chúng ta không thể từng phục được nữa.

Một mặt, hai tướng xin xác Đỗ Thanh Nhân về chôn cất, một mặt dự trù kế hoạch phản kháng. An táng xong, cả hai rút binh Đông Sơn về Ba Giồng, xưng hùng một cõi, chống trả Tây Sơn lẫn chúa Nguyễn. Chẳng bao lâu, binh Đông Sơn bắt được Huỳnh Thiên Lộc, đem giết để trả thù cho chủ tướng.

Nguyễn Vương hay tin này lấy làm hối hận cho việc làm đã lỡ, bèn phái người đi khuyến dụ:

-Ngày trước chỉ vì chúa thượng tin gièm, nên mới giết oan Đỗ quận công. Kể xàm nịnh ấy chính là Huỳnh Thiên Lộc nay đã đền tội. Vậy xin tướng sĩ Đông Sơn hãy quên chuyện cũ, chung nhau lo việc lớn. Chúa

thượng quyết chẳng quên ơn, sẽ truy điệu phong tặng hương hồn Đỗ quận công trọng hậu.

Nhưng hai tướng Võ Nhân và Đỗ Bảng không tin nữa, cương quyết chẳng về với Nguyễn Vương, thà đành một chết và toàn thể binh Đông Sơn giải tán cho trọn niềm với chủ cũ.

Quả thật hai tướng ấy chống đối với chúa Nguyễn đến cùng, gây bao cảnh chết chóc, về sau thất cơ binh Đông Sơn tan rã, không một ai ra đầu chúa Nguyễn.

Cách nay hơn nửa thế kỷ, có nhà thơ Nguyễn Liên Phong đề vịnh, có ý trách họ Đỗ qua một bài thơ dưới đây:

Cờ nghĩa Đông Sơn nổi tợ phao.

Tám kinh Nam Hải sóng đang xao

Thời may gặp chúa trang trần thánh

Vận rủi xui tôi thói Mãng Tào

Mấy thứ công lao trôi bích thủy,

Ba hùng danh tướng nhẹ hồng mao.

Suối vàng như gặp Châu hùng võ

Hồn luống ăn năn biết tại sao.

Họ Đỗ bị giết, oan hay ư? Còn nghi vấn, xuyên qua việc hai tướng Võ Nhân, Đỗ Bảng nổi chí họ Đỗ mà chỉ huy binh Đông Sơn, một mực không phục chúa Nguyễn nữa, đủ tố giác ít ra chúa Nguyễn đã có phạm

lỗi lầm một phần nào trong việc giết Đỗ Thanh Nhân, một danh tướng lấy lòng.

Chúng tôi tìm được ngôi mộ của Đỗ Thanh Nhân toạ lạc tại Phú Lâm trong vùng đất của Hoà Đồng Tôn giáo, phía sau quốc lộ số 4 vô chừng hai trăm thước.

Ngôi mộ này nằm trên một gò đất cao ráo, chung quanh có xây tường bằng hồ ô dước, rêu phong cỏ mọc, trước có dựng một mộ bia bằng đá cẩm thạch khắc mấy dòng chữ nho như sau:

*Uy nghiêm tướng quân, Thần sách quân tả quân
thống chế, gia cấp thị trung cần, Đỗ phủ quân thần mộ.
Hiếu tử Hồng nhân lập thạch!*

Đây chúng tôi chỉ tóm tắt qua vài nét đại cương về cuộc đời của ông, muốn rõ chi tiết xin đón đọc quyển *Gia Định xưa* sẽ được thở mãn qua phần tiểu sử.

TÀ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

Xuất thân theo phò chúa Nguyễn tại Long Hưng (Định Tường), vị tổng trấn đầu tiên ở miền Nam

Một trong những nhân vật lừng danh ở Nam kỳ, thời xưa là ngài tả quân Lê Văn Duyệt, gốc người Chương Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi (miền Trung). Thời kỳ Nguyễn Trịnh tranh phong, ông nội ngài là Lê Văn Hiếu vào đất Nam kỳ ngụ tại làng Hoà Khánh thuộc tỉnh Định Tường vàm Trà Lọt, với con là Lê Văn Toại (kêu là Phước)

Sau ông Toại sanh đặng bốn trai, Lê Văn Duyệt là con trưởng. Tướng người lùn thấp, ăn nói nhanh lẹ tỏ ra thông minh đĩnh ngộ, ngài ưa thích chơi gà nòi, hằng bữa ngài thường đến các chỗ có gà để cho nước, vì ngài chơi với một lý tưởng cao thượng, gà là một giống gan lì thà chịu chết tại trường chớ không chịu lùi bước trước sự tấn công của địch thủ, nhờ chơi gan mà ngài nuôi được cái chí can trường, với tinh thần bất khuất.



Tả quân Lê Văn Duyệt

Ngài mới lên 8 tuổi thì ông nội ngài đã vương bệnh thời khí mà bỏ mình. Sau khi an táng tại vòm Trà Lọt, ông Lê Văn Toại, thân sinh ngài qua cư trú tại Rạch Gầm, làng Long Hưng, tại rạch Ông Hồ cũng tỉnh Định Tường. Lúc nhỏ ngài có học chữ nho song ngài không thích lai vãng sân trình lại chuyên về võ nghệ.

Bởi gia đình của ngài vào sinh cơ lập nghiệp ở Nam kỳ từ đời ông nội, nên đồng bào xem ngài là người sanh trưởng ở Định Tường.

Ngài lại hoạn nhưng sức khoẻ, võ nghệ hơn người, thường than rằng: Làm trai sống trong thời loạn không giúp ích gì cho quê hương xứ sở là một điều rất tủi nhục, phải nuôi ý chí chờ cơ hội thực thi nguyện vọng.

Năm Canh Tý (1780) Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam ghé qua Định Tường, gặp ông tại làng Long Hưng thuê nạp, lúc bấy giờ ông theo chân chúa Nguyễn, một lòng phò tá, vào sanh ra tử, ông được sung thái giám nội đình, năm 1783, khi chúa Nguyễn chạy sang Xiêm, Lê Văn Duyệt lãnh bảo hộ cung quyến tại Phú Quốc, lúc ấy ngài được thăng làm cai cơ, quản suất hai đội quân thuộc nội.

Mùa Thu năm Đinh Tỵ (1787) Nguyễn Vương chiếm được thành Gia Định, Lê Văn Duyệt mộ thêm binh và lệ tùng tả quân.

Từ ấy ngài lập được nhiều chiến công oanh liệt, nhất là năm Tân Dậu (1801) ngày 16 tháng giêng phá chiến thuyền Tây Sơn tại cửa biển Thị Nại rồi cùng chúa Nguyễn ra đánh lấy Phú Xuân (Huế) một cách dễ dàng.

Năm Nhâm Tuất (1802) Gia Long nguyên niên, ngài được thăng khâm sai chưởng tả quân dinh Bình Sơn tướng quân, tước quận công cùng Lê Chất, đem bộ binh

đi tiền phong tiến đánh tới Bắc Thành bắt được Nguyễn Quang Toàn là con Nguyễn Huệ.

Thâu phục và sắp đặt an bài nước Nam rồi, vua Gia Long còn chưa chịu bãi binh, muốn để được đắp thành bồi lũy hầu kiên cố để đô cho vững chắc. Lê Văn Duyệt là viên võ tướng duy nhất can đảm nhiều lần nhắc nhở nhà vua xin thả lính về quê, bởi vua Gia Long có hứa ngày nào khắc phục cơ đồ thì lính Nam kỳ được trở lại quê hương.

Năm 1812, vua Gia Long phái ngài làm tổng trấn Gia Định thành, Trương Tấn Bửu ở huyện Kiến Hoà làm phó tổng trấn, Ngô Nhân Tịnh làm hiệp tổng trấn.

Năm 1813, vua Cao Miên là Nặc Ông Chân bị em là Nặc Ông Nguyên viện binh Xiêm La đánh đuổi chạy xuống Sài Gòn. Vua phái ngài điều đình việc Xiêm Nguyên. Ngài dẫn binh đưa Nặc Ông về Lô Bích thành (Lovek) Xiêm lui binh không dám địch và từ đấy Nặc Ông Chân chịu quyền bảo hộ của nước Việt Nam.

Trong mấy năm qua, Lê Văn Duyệt bình định đất Nam kỳ trừ hung khử bạo, bắt tên hung đồ là "Phụng Ba Đuôi", dẹp bọn giặc mọi Đá Vách ở dọc theo dải Trường Sơn, từ Quảng Ngãi giáp Quảng Nam, đánh tan bọn giặc Miên do một nhóm thầy chùa Thổ tên Kê cầm đầu tại Định Tường.

Xuyên qua cuộc đời công lao khổ nhọc của Lê Văn Duyệt giúp vua Gia Long thống nhất sơn hà, gồm thâu thiên hạ, Lê tả quân còn được dùng trong việc chọn

cung. Ngài còn một nhóm quan khác, xin tôn hoàng tử Đán là con trai lớn của đông cung Cảnh đã từ trần, trái ý vua muốn lập hoàng tử Đảm là con dòng thứ sinh trong Gia Định.

Về việc này nên khi tức vị, hoàng tử Đảm lấy niên hiệu Minh Mạng, hằng đem lòng cừu hận ngài tả quân. Trong khi Lê Văn Duyệt trấn nhậm Nam kỳ không hề tư vị kẻ có tội, bắt câu sang hèn, ngài ra lệnh xử trảm Huỳnh Công Lý là một người tánh tình tà vạy, ý mình là quốc trưởng nên làm nhiều điều ngang dọc.

Từ khi Huỳnh Công Lý bị giết, Lê Văn Duyệt luôn luôn bị dòm ngó.

Trong việc trị quốc an dân, ngài thương xót gia đình của những người vì nước bỏ mình, lập ra hội cứu cấp kêu là hội “Anh hài” cùng hội “Giáo dưỡng” để cứu giúp những trẻ mồ côi cùng những người quả phụ của quân lính. Lúc bấy giờ nước Xiêm La hay quấy nhiễu xứ Cao Miên là một nước được Việt Nam bảo hộ nên Lê tả quân có một chương trình chinh phục Xiêm La.

Ngài tính chia binh đánh cả hai mặt, một mặt đường bộ thì do ngã Cao Miên kéo qua, còn mặt thủy thì ngài ra lệnh đào kinh Vĩnh Tế nối liền Châu Đốc - Hà Tiên để làm trục giao thông, thật ra chiến lược, chiến thuật của ngài rất tinh tế, kinh Vĩnh Tế vừa đào xong thì vua Gia Long băng hà, vua Minh Mạng và Lê tả quân bất đồng ý kiến nên cục diện Nam kỳ từ đó mới có cuộc thay đổi.

Năm Nhâm Thìn 1832, đêm 30 tháng 7 Lê tả quân thất lộc, hưởng thọ 69 tuổi, rồi cũng không bao lâu sau đó Lê tả quân mạng phụ cũng tạ thế.

Khi ngài chết rồi vua Minh Mạng phái người vào thành Phiên An, viên bố chánh Bạch Xuân Nguyên với mật lệnh mở cuộc điều tra về cách cai trị của tổng trấn Lê Văn Duyệt kiểm cỡ buộc cho có tang tích ngỗ hầu bắt tội và làm nhục ngài cho bỏ ghét.

Vì cuộc điều tra thiên lệch của Bạch Xuân Nguyên mà nhóm võ quan tâm phúc của tả quân là Lê Văn Khôi, Hoàng và Trấn nổi lên làm phản giết Bạch Xuân Nguyên, chiếm cứ cả Nam kỳ mãi đến năm 1835 Khôi bị bệnh chết, binh triều mới dẹp an.

Vua Minh Mạng dạy kết án phạt Lê tả quân những tội không chính đáng, do lòng căm hờn nhỏ nhen kết tạo, truyền quan tỉnh Gia Định đục tên trước mộ Lê công rồi dạy dựng một tấm bia đá để chữ to: “Quyền yểm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ” nghĩa là nói tên hoạn to quyền Lê Văn Duyệt chịu pháp nước. Thật ra việc làm của Minh Mạng đối xử một bậc công thần như thế đáng cho lịch sử phê phán sau này.

Năm Mậu Thân 1848 vua Tự Đức vị giải hàm oan cho tả quân, ngài ra lệnh thủ tiêu tấm bia trước mộ và cho xây đắp ngôi mộ của ngài lại như chúng ta đã thấy tại làng Bình Hoà xã trước toà hành chánh Gia Định.

Theo một vài truyền thuyết của các vị bô lão Long Hưng – Định Tường kể lại, ngôi mộ ở Gia Định là nơi

ngài trấn nhậm xây để tượng trưng, còn ngôi mộ tại Long Hưng chính là nơi ngài gửi nắm xương tàn trên mảnh đất quê hương khi ngài xuất thân phò chúa Nguyễn.

Theo truyền thuyết trên đây không biết cái nào đúng.

Đây là những nét đại cương qua cuộc đời thân thế của một đấng công thần, nêu cao thanh giá cho tỉnh Định Tường.

Tại Gia Định có đền thờ và lăng ngài, có ban quản trị lo việc trùng tu tế tự hàng năm, mỗi lệ cúng có hát bộ ba thứ, khách thập phương cũng như đồng bào quanh vùng đô thành với lòng sùng kính.

LÃNH BINH HUỲNH KHẮC HƠN

và câu chuyện cái dấu son

lá bùa hộ mạng cho các ghe thương hồ

Một nhân vật có công với đất nước, mưu hạnh phúc cho giống nòi nói chung, Mỹ Tho nói riêng, vị ấy chính là lãnh binh Huỳnh Khắc Hơn đã vang danh một thời dưới chế độ Tân trào, khi Pháp xâm chiếm đất Nam kỳ đầu tiên, gồm ba tỉnh miền Đông: Gia Định, Biên Hoà và Định Tường vào năm 1862. Lúc bấy giờ những đứa con trung thành của đất nước đứng ra hoạt động chống Pháp khắp nơi, trong số ấy có vị anh hùng xứ Mỹ Tho là lãnh binh Huỳnh Khắc Hơn, có tài xuất quỷ nhập

thần, gây điều đứng cho đối phương không ít, nhưng tiếc rằng, các nhà chép sử thời ấy không ghi chép rõ công lao, tên tuổi của ông đành mai một. Đã là nhà văn với óc sâu tầm, chuyên vạch bóng người xưa, chúng tôi được các vị bô lão cao niên ở Định Tường và đồng bào cù lao An Hoá giới thiệu cho biết, miêu duệ của vị anh hùng ấy hiện nay còn ở Mỹ Tho là ông Huỳnh Khắc Quảng, công chức hồi hưu và Huỳnh Khắc Dụng, biện lý toà Sài Gòn. Chúng tôi thân hành tìm đến thăm ông biện lý và xin hỏi qua câu chuyện về ông Huỳnh Khắc Hớn cho rõ rệt, theo lời nhiều người xưng tụng. Chúng tôi hân hạnh được tiếp kiến với ông Huỳnh Khắc Dụng tại biệt thự Cẩm Tú, biết ông là người trong giới văn học, viết nhiều sách và sáng tác thi thơ, các giới trong nước đều nghe biết tiếng.

Ông niềm nở tiếp đãi chúng tôi với tình thân mật. Vào đề hỏi qua câu chuyện vị lãnh binh Huỳnh Khắc Hớn, ông thấy việc chúng tôi làm rất hữu ích cho nền văn hoá dân tộc, ông không ngần ngại kể qua một ít quá trình về cuộc đời của vị anh hùng cho chúng tôi nghe, và đồng thời ông trao cho một tài liệu nói về xuất xứ của vị lãnh binh Huỳnh Khắc Hớn, và một ít thi thơ do ông sáng tác. Nhận thấy một tài liệu quý giá mà lâu nay ít ai nhắc đến nên nhiều người không biết, vì thế mà chúng tôi xin phép ông Huỳnh Khắc Dụng để ghép vào quyển Định Tường, nói lên tinh thần bất khuất của dân tộc ta, sánh như Thủ khoa Huân, lãnh binh Cần, Lê Tấn Kế,

Thiên Hộ Dương, mỗi vị đều có một biệt tài khác nhau, đáng được nêu lên soi gương hậu thế.

Xin bạn đọc theo dõi về câu chuyện lãnh binh Huỳnh Khắc Hôn dưới đây:

Sanh trưởng tại làng Phước Thạnh, ấp Phước Định, tỉnh Mỹ Tho tức Định Tường, là nơi chôn nhau cắt rốn của một nhân vật kháng Pháp: ông Huỳnh Khắc Hôn. Ông sinh năm Giáp Thân (1824) nhằm Minh Mạng ngũ niên, thất lộc tại Sài Gòn đêm mừng 9 tháng 8 năm Đinh Mùi (16-9-1907) hưởng thọ được 83 tuổi.

Tình trạng người Pháp xâm lược, cướp nước ta, làm cho dân chúng phần nộ đến cực điểm. Năm 1862, chiếm được thành Mỹ Tho, thủy sư đề đốc Charner được thay thế bởi đề đốc Bonard. Ông này phải tiếp tục mở cuộc tảo thanh để tiêu diệt những phần tử kháng chiến trong các tỉnh miền Đông và miền Tây. Vùng Mỹ Tho dọc theo các rạch ngòi, nghĩa quân theo ông Huỳnh Khắc Hôn phải chịu biết bao gian lao khổ hạnh, lương thực thiếu thốn, phải nhờ cậy vào đồng bào dọc bờ sông, nhưng họ cũng từng làm cho quân xâm lược thất điên bát đảo. Lãnh binh Hôn oai quyền lớn võ nghệ cao cường, ghe thương hồ nhờ danh ông mà khỏi bị lính tráng bóc lột. Mỗi khi chặn ghe khám xét, hễ trông thấy dấu son của lãnh binh Hôn là tán đởm kinh tâm, vì nguy binh hà hiếp dân chúng thế nào cũng bị nghĩa binh dưới trướng lãnh binh Hôn bắt giết và moi gan ruột. Khắp vùng Định Tường ai cũng khiếp oai ông Hôn vì đường siêu của vị tướng này đến chỗ tuyệt luân.

Những phen xuất chiến bất thần, mạnh như vũ bão của nhóm lãnh binh Hơ đã khiến cho quân tân trào vỡ mật. Ông bác sĩ quân y J. C. Baurac viết: "Bọn cướp" từ vùng Mỹ Tho và Biên Hoà thường len lỏi trên thuyền con thoạt ẩn, thoạt hiện, dài theo những sông rạch, ban đêm tấn công bất thần.

Đối với một chiến thuật như thế của địch, cuộc phòng thủ của ta vô hiệu...

Chưa hề có một cuộc diễn chinh Nam kỳ nào nhọc nhằn hơn và hao binh hơn. Mưa bão kinh khủng, bộ binh và thủy binh ta phải lội sinh lội nước dọc theo bờ kinh. Chúng chạm phải rất nhiều trọng pháo, rào chận và chướng ngại vật đủ loại của địch. Quân ta phải đánh ngày đêm chống lại những quân và vật trong một lãnh thổ lạ lẫm và huyền bí: một số lớn phải chết mòn vì quá mệt mỏi hoặc vì chứng dịch tả Á Đông...".

Sau một thời gian kháng chiến trong rừng bụi, trăm bề thiếu thốn, phần bị bệnh hoạn hành hạ, phần bị quân binh tân trào lùng bắt, ông Huỳnh Khắc Hơ thua trận, bị bắt sống. Quan tỉnh dụ ông ra làm quan cho Pháp, ông nhất định khước từ, được tha về quê quán, là làng Phước Định, ẩn dật. Ít lâu sau lại bị bắt vì tội chứa chấp nghĩa quân và bị lưu đày. Nhờ con trai là Huỳnh Khắc Kiệm bán gia sản lo cho khỏi vòng lao lý.

Ông có nhiều vợ, ngoài Bắc có, trong Nam có. Bà chánh thất sinh được 6 con là Cần, Kiệm, Đây, Tầm,

* Chỉ quân của lãnh binh Hơ

Kiểm, Doãn. Bà thứ sinh được một người tên là Chín. Một bà hầu tên thị Vị, có con trai đi lính cho Pháp bị nghĩa quân giết. Những bà khác không con.

Ông Kiệm sinh hai con là Huỳnh Khắc Thuận và Huỳnh Thị Thiệu, dòng chánh, con bà Nguyễn Thị Ngàn, người quê Phước Tuy. Bà chấp nối tên Lê Thị Hằng, sinh Huỳnh Thị Sung và Huỳnh Khắc Kỷ.

Huỳnh Khắc Thuận theo tân học, làm quan tới chức tri phủ. Trong giới văn học miền Nam trước Âu chiến 1914-1918, nhiều người hâm mộ tài ông. Hợp tác với ông Trần Phong Sắc, ông Huỳnh Khắc Thuận đã dịch ra nhiều bộ truyện Tàu như: *Phong thần, Vĩnh khánh thắng bình, Lục mầu đơn, Anh hùng náo Tam môn gia, Hậu anh hùng*. Ông Thuận còn là một thi sĩ. Cũng là một đứa con thân yêu của Định Tường.

Ông Thuận sinh bốn đứa con trai là Quảng, Dụng, Chung, Trường. Ông tạ thế tại làng Phước Định.

Lãnh binh Hơn khi lâm trận hay xử dụng cây siêu đao. Hiện thời tại đình thần làng Phước Định hãy còn thờ sắc phong và cây siêu đao ấy.

HỒ VĂN LÂN

Kể về việc nắm quyền bảo vệ Chân Lạp, hẳn không ai không nghe tiếng “Bảo hộ Thoại” và “Bảo hộ Lân”. Chính ông là người bảo vệ sự bình an của Chân Lạp, còn Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại thì mãi

về sau mới xuất hiện trong đời sống xã hội Chân Lạp một đạo. Đức độ và tài năng của ông Hồ Văn Lân từng được dân chúng Chân Lạp mến phục.

Ông người huyện Kiến Hưng, thuộc tỉnh Định Tường. Sát cánh với hổ tướng Dương Công Trừng và chúa tướng binh Đông Sơn là Đỗ Thanh Nhân chiến đấu chống Tây Sơn, Chân Lạp, ông nghiêm nhiên là chiến hữu đắc lực của hai nhân vật lừng danh ấy.

Cũng như bao võ tướng đứng về phe ủng hộ chúa Nguyễn Ánh, ông đã dày công hạn mã, tận tâm tận lực với chúa Nguyễn đến phút cuối cùng. Và điểm đặc biệt ở ông tuy là võ tướng mà tính nết ông rất mực khiêm cung, nhu hoà. Bởi thế, trong trường hợp đi đôi với Đỗ Thanh Nhân hay Lê Văn Quân, tính nết nóng nảy, kiêu căng của họ Đỗ và họ Lê nhờ có thái độ ôn hoà của ông chế khắc, đem lại nhiều thắng lợi trong việc chinh phục lòng dân.

Từ khi theo khuôn phò chúa Nguyễn Ánh nơi Mỹ Tho, có thể nói rằng cuộc đời của ông đã từng gian khổ hơn hết các tướng trên khắp nẻo đường. Xuất thân là cai cơ, ông xông pha trận mạc rất nhiều.

Đinh Dậu 1777, hội binh nơi Long Hồ, ông cùng với Dương Công Trừng đánh nhau với quân Tây Sơn ở khắp mặt trận. Vừa yên lại được lệnh cùng với Đỗ Thanh Nhân đi dẹp cuộc nội loạn ở Chân Lạp.

Bấy giờ lực lượng quân lính của ta do hai tướng Đỗ Thanh Nhân và ông chỉ huy, chỉ trong một thời gian

ngấn bình định xong Chân Lạp. Đỗ Thanh Nhân giết chết Nặc Ông Vinh lập con Nặc Ông Tôn là Nặc Ân lên ngôi vua Chân Lạp, đoạn kéo binh trở về Gia Định phục mạng. Còn ông thì ở lại đây nắm quyền giám quốc lo việc bảo hộ.

Chẳng bao lâu nhà Tây Sơn vào đánh lấy Gia Định, chúa Nguyễn chạy sang Xiêm. Ông lập tức trở về, chiêu tập binh ròng dần trận tại Long Hồ, ra sức ngăn chống. Chúa Nguyễn phong ông làm chưởng cơ, điều khiển tướng sĩ. Nhưng thời thế chưa nên, sức người có hạn, sau mấy lượt tấn công vô hiệu quả, ông đành lui quân, tạm cho phân tán để bảo toàn chủ lực chờ cơ hội.

Đinh Tỵ 1787 liệu đã đủ sức đẩy lui Tây Sơn, chúa Nguyễn chuẩn bị lìa nước Xiêm kéo quân về. Ông được lệnh đi trước về Kiên Giang, tập hợp tướng sĩ nhóm tại Mỹ Tho. Rút kinh nghiệm trận đánh ở Long Hồ ngày nọ, phen này ông tổ chức tình báo hoàn bị, truyền thông tin tức nhanh chóng để phòng khi kêu gọi tiếp ứng nhậm lệ. Mặt khác, lấy cơ cấu phòng thủ ông cũng bố trí chắc chắn. Có thể nói cuộc hội binh nơi Mỹ Tho đây, một phần lớn do cơ mưu trí lược của ông sắp xếp, khiến toàn thể tướng lãnh đặt dưới quyền ông chỉ huy, ai nấy đều phục tào và sẵn sàng tuân lệnh chiến đấu.

Dường như ông có quyết tâm cứu vãn danh dự mình trong trận thua thiệt ở Long Hồ, nên ông dàn trận tại Mỹ Tho trăm phần chu đáo. Ông lại hiệu triệu tướng sĩ với những lời lẽ khích động sôi nổi, thúc đẩy người người phải đứng lên đánh một trận to tát để đời.

Quả nhiên, với kế hoạch đã nghiên cứu kỹ, với quyết tâm chiến thắng, phục thù, đại binh ông toàn thắng trong những trận quyết liệt, vượt mọi chướng ngại để khắc phục từng vị trí một. Từ Mỹ Tho dần dần đại binh ông phối hợp với các đạo binh khác, tiến như vũ bão, thẳng lên Gia Định. Thành công đúng như kế hoạch của ông đã trình bày cùng chúa Nguyễn khi còn lưu vong.

Luận công phong thưởng, chúa Nguyễn khen ngợi và ban lễ vật cho ông trọng.

Tiết thay, giữa cảnh vinh quang, ông đã cảm thấy thân thể uể oải nhuốm bệnh. Hẳn là vì đã lao tâm lao lực quá độ trong một trận mà ông đã để đời. Và ông đã hoàn thành được theo như lời đã tuyên bố. Thế nên nhuốm bệnh mà ông vui sướng chẳng có điều gì phải ân hận. Những ngày ông nằm bệnh là chuỗi ngày ông được bạn bè lui tới viếng thăm ca tụng.

Điều chẳng ai ngờ, ông bệnh chẳng bao lâu thì mất. Chúa Nguyễn và các chiến hữu của ông những tưởng ông chỉ cần nghỉ ngơi trong ít lâu thì bình phục sức khỏe như thường, dè đâu ông lại mất đi như thế.

Thân làm tướng, chết giữa sa trường là sự thường, hay mang thương nặng mà lây lất tháng ngày đến bỏ mình cũng là điều thường thấy, và hai lẽ vị quốc vong thân ấy, đều khiến được người người cảm khái. Đến như tâm kiệt lực để thành toàn cho kỳ được chí nguyện, rồi phút cuối cùng nắm phần thắng lợi thì ngã bệnh mà mất,

càng chứng tỏ tâm trí kiên trì tấc thành không gì lay chuyển nổi, đáng thương mến vô cùng.

Chúa Nguyễn phải nghĩ về công ân của ông hơn ai hết. Sau khi nhất thống sơn hà, lên ngôi vua tức Gia Long, nhà vua truy phong ông là Thiên Bảo Quận Công. Âu cũng chút đền bồi, an ủi tấm lòng tận trung của người đáng kính.

NGUYỄN VĂN HIẾU

Một võ tướng thanh liêm, cương nghị.

Nói đến các danh nhân khuôn phò chúa Nguyễn thống nhất sơn hà, chúng tôi phải nói đến ông Nguyễn Văn Hiếu người Định Tường có công rất lớn với vua Gia Long, ông là người có tài có đức, tính tình cương trực và liêm khiết.

Ông Nguyễn Văn Hiếu người thuộc tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) ông thân sinh huý là Đán, được tặng chức Chưởng vệ cấm y, ông Hiếu lúc còn hàn vi, cất cò thuê để sinh sống. Năm Ất Ty 1785 ông theo Võ Tánh khởi binh ở gò Khổng Tước (Gò Công). Mùa thu năm Đinh Mùi 1787, đức thế tổ Cao Hoàng ở Vọng Các về, gởi trao ông Hiếu chức tổng nhung cai cơ. Đại binh tiến đóng ở Hồi Oa (nước Xoáy), ông Hiếu đã yết kiến, được trao chức Khâm sai Cai Cơ, và một cái yêu bài (thẻ bài đeo ở lưng) để theo quân giao tranh cùng quân Tây Sơn. Năm Tân Hợi 1791, ông được bổ chức cai đội Hữu chỉ nhập nội đạo; sau đó được thăng cai cơ, năm Bính Thìn

1796, thăng hữu chi phó trưởng chi, liền sau đó được thăng chánh trưởng chi. Năm Tân Dậu 1801, ông theo ông Võ Tánh giữ thành Bình Định, đánh với quân Tây Sơn ở cửa Đông thành trúng đạn ở chân, nên bị bắt, sai ông đem binh của chi mình làm kỳ binh (binh lẻ ở ngoài, thừa lúc Tây Sơn vô ý mà đánh) hậu tập. Ông Hiếu bèn dẫn quân chạy về. Tháng 9 ông đánh úp quân Tây Sơn ở Trà Sơn thắng được thưởng 700 quan tiền năm Nhâm Tuất 1802, ông được thăng phó tướng Hữu quân, đem binh đồn thú Bình Định. Năm Quý Hợi 1803, xuống chiếu sai ông theo Tả quân Lê Văn Duyệt đem binh đánh Ác Nam ở Quảng Ngãi (tức mọi Đá Vách). Năm Mậu Thìn 1808, ông quyền lãnh chức lưu thủ Bình Định, rồi được phái theo ông Lê Văn Duyệt trông việc binh. Sau đó ông được triệu về kinh, năm Canh Ngọ 1810, ông được phái đem binh ở Bắc Thành, mùa Đông năm ấy ông kiêm lãnh chức Đề Thỉnh rồi kế gặp tang mẹ ông nghỉ việc. Sau đó, ông được làm trấn thủ Sơn Nam hạ (tức tỉnh Nam Định).

Ông Hiếu tính người thanh liêm, cương nghị, không cầu thả trong việc lấy của người khác, thường nghiêm cấm bọn môn hạ, không cho giao thiệp với người ngoài. Trong những dịp lễ tiết, có ai biếu tặng vật gì ông đều khước từ, vì vậy mà khi làm quan, lương bổng chỉ đủ dùng, cuối năm là hết, thế mà ông cũng không mong cầu cho dư đủ. Bà phu nhân thường đem điều ấy thưa với ông, ông cười nói: “Bà không nhớ lúc cất cỗ thuê sao? Lúc ấy khi đi đâu thì vợ chồng phải đổi

áo mà mặc, chỉ lo cái ăn đủ mỗi ngày, nay sánh với xưa, đã hơn gấp mấy lần, thế mà còn muốn lấy của bất nghĩa để làm giàu sao?”. Từ đó bà phu nhân không dám đem tài lợi mà thừa với ông nữa.

Ông Hiếu tuy xuất thân võ biên, nhưng hành động, cử chỉ có phong độ một nhà nho. Các vị cử nhân tân khoa đến yết, ông tiếp đãi rất ân cần, rồi hiểu thị rằng: “Mười năm đèn sách mới có ngày nay, tôi xin mừng cho các thầy. Ngày sau, được bổ dụng làm quan, cũng nên gìn giữ như lúc tân khổ hồi đi học, chớ có xa xỉ thái quá để mang vết xấu cho thân danh, và phụ ý tốt chọn lựa nhân tài của triều đình”.

Ông Hiếu khi làm quan đã thi thố nhiều huệ chính, nên được dân thương mến, lại nghiêm trị thuộc lại, thuộc lại đều kính sợ. Trong hạt nhiều trộm ông Hiếu đến, bọn trộm bảo nhau rằng: “Ông trấn thủ là người nhân hậu, ấy là Phật xuất thế, bọn chúng ta phải tránh đi”.

Năm Minh Mạng thứ 2, giá thánh tổ nhân hoàng đế bắc tuần, nghe ông Hiếu trị dân có chứng tích, triệu đến hành tại ở Thăng Long, thăng thưởng một cấp, ban cho một thiên lý kính mạ vàng, một con dao có chạm khắc và mạ vàng, một khẩu súng chữ kim rồi bổ ông làm án trấn Thanh Hoá.

Ở Thanh Hoá, một hôm có chức thổ ty đem lễ hậu ra mắt, ông Hiếu lấy lời ôn tồn từ khước bảo đem ra. Có một gã đầu xanh ở nhà bếp lén ra theo, dọa nạt người

thổ ty, lấy một nửa lễ vật. Ông Hiếu biết được, giận lắm, lập tức sai kéo ra chém, các quan đều can gián nhưng ông không nghe. Chém rồi, ông xin chịu tội với triều đình, vua cho là ông Hiếu thiện tiện giết, gián ba cấp, vẫn lưu lại chức cũ.

Năm Minh Mạng thứ 7, ông Hiếu cùng quan trấn Nghệ An hội binh bắt được tên giặc Ninh Tạo, vua xuống chiếu hậu thưởng và triệu về kinh, ông vào bái kiến, vua hỏi: “Trấn khanh có yên không?”. Ông tâu: “Yên”. Lại hỏi: “Khi trước khanh trấn Nam Định, thấy dân vật, phong tục trấn với Thanh Hoá thế nào?”. Ông tâu: “Dân Thanh Hoá thuần phác hơn”. Liền đó ông được phong thần sách tả dinh, phó đô thống chế, lãnh chức trấn thủ Nghệ An.

Năm Minh Mạng thứ 8, thổ phỉ đã dẹp xong, vua sai ông Hiếu xưng chức kinh lược đại thần, cho bạc hai trăm lượng, cùng hình bộ thượng thư là Hoàng Kim Xán làm phó xứ, binh bộ thị lang là Thân Văn Duy làm tham biện kinh lược sự dụ đến Nam Định, tuần hành các làng, ấp, xét quan lại, chấn cấp cho dân bần cùng, xét các việc kiện tụng, gian dối còn ẩn giấu, phái bộ đến đâu cũng thu xếp yên ổn; khi về, vua sai bộ lại xét thưởng, ông Hiếu được thăng thần sách tả dinh đô thống chế, vẫn lãnh chức trấn thủ Nghệ An như cũ.

Minh Mạng thứ 9, quan binh kinh lược biên giới Nghệ An, ông Hiếu lo việc chuyển vận và điều bát binh lính, không khi nào thiếu thốn. Minh Mạng năm thứ 10,

ông Hiếu vì tuổi già sức yếu thường đau ốm, xin giải chức, vua thuận và cho được lãnh toàn bổng.

Đến khi lành bệnh, ông vào chiêm cậ, vua hỏi han và an ủi rất lâu, rồi cho lấy chức đô thống lãnh trấn thủ Nghệ An. Có lần hội đồng các quan đồng liêu để xét án các tên tù ăn trộm có đưa đã thú tội rồi mà vẫn bị tra tấn, ông Hiếu thông thả nói: “chúng nó vì cùng cực mà phải làm việc gian phi, đêm khuya soi tường khoét vách, khó nhọc lắm mới lấy được tiền của người ta, nay nó đã nhận tội thì cứ theo luật mà trị, hà tất phải vẽ vờ thêm làm gì? Thử hỏi: Ở các nha môn coi việc hình, có những kẻ trên nhà cao, ngồi nệm, dựa gối, giữa ban ngày, vẩy ngòi bút mà làm tiền người ta không chút khó nhọc, các người ấy sánh với bọn ăn trộm kia, tội ai nặng hơn?”. Nghe ông nói ai cũng giật mình

Năm Minh Mạng thứ 12, đổi trấn làm tỉnh. Ông Hiếu bổ chức tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội và Ninh Bình). Khi phó lý đi ngang qua phủ Lý Nhân, thấy viên quản phủ là Nguyễn Văn Sáng suy yếu, mềm mại, ông liền tâu xin bãi chức. Vua dụ rằng: “Khanh mới tựu chức, đã biệ biệt được nhân phẩm, thật đáng khen!”.

Năm Minh Mạng thứ 13, ông được thăng thự tả quân Đô thống phủ chưởng phủ sự. Năm Minh Mạng thứ 14, được phong Lương năng bá. Rồi mất, thọ 70 tuổi.

Vua nghe tin rất thương xót, thực thụ hàm tả quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, vẫn tước bá và cấp 1000 quan tiền, lập một đàn tế một lễ. Năm Tự Đức thứ 5,

ông được thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm Tự Đức thứ 11, ông được thờ ở Hiền lương từ.

Ông Hiếu bình sinh tánh người thuần phác, làm quan thì thanh liêm cần mẫn, đãi người hoà nhã, dễ dãi, trải qua các chức trong triều, ngoài trấn, đều được tiếng tăm và có chính tích thời bấy giờ, nói đến hạng “thuần lương”¹ thì ai cũng nói là ông.

Ông Hiếu có 6 người con là ông Nhâm, Tồn, Túc, Tình, Ân, Nhân; ông Nhân có tật ở chân, vọt, ông Tồn làm vệ úy tả vệ Bình Định, tập tước Lương năng tử, sau bị can, bị cách, rồi được khởi phục chức Suất đội. Ông Túc lấy công chúa Chương Gia, làm phò mã đô úy. Ông Tình làm thành thủ úy. Ông Ân làm phó quản cơ. Ông Nhân làm lãnh binh Khánh Hoà.

Xuyên qua cuộc đời ông Nguyễn Văn Hiếu, người xuất thân ở miền Nam, đã lập được nhiều chiến công hiển hách, trên đường hoạn lộ lắm bước thăng trầm, nhưng lúc nào ông cũng vẫn giữ một lòng chung thuỷ với nước, không lùi bước trước sự gian nguy và thử thách, ngày nay tại Khổng Tước Nguyên (tức Gò Công) người ta vẫn còn nhắc đến ông và quận công Võ Tánh oai danh lừng lẫy nơi ao Đồn Bình và đầm Vạn Thắng, nói đến danh nhân Gò Công mà không nhắc đến ông Nguyễn Văn Hiếu là một điều thiếu sót lắm vậy.

¹ Trích theo tài liệu của ông Phan Khoang, giảng viên trường đại học dịch đúng theo nguyên văn ở sách *Đại Nam chính biên liệt truyện*, số tập 16

Theo sự tra cứu của chúng tôi về dòng họ của ông Lương Năng Bá tục gọi là tổng đốc Nguyễn Văn Hiếu hiện nay con cháu còn ở tại Thừa Thiên (Huế) cũng khá đông, được biết hồi ấy các vị công thần trong Nam theo giúp vua Gia Long khi ra Huế có lập một hiệp hội lấy tên là Nam Châu hội, ông Hiếu là một sáng lập viên khởi xướng. Trong hội này gồm các đại thần họ Nguyễn (Nguyễn Văn Hiếu), họ Phan (dòng Phan Thanh Giản), họ Phạm (dòng Phạm Ngũ Vân)...v...v...về sau hội Nam Châu đổi thành làng Nam Trung, (người Nam ra làm quan miền Trung kỳ), hiện nay làng Nam Trung có một ngôi đình toạ lạc tại cửa đất lớn ở góc đầu cầu Kim Long hướng về cánh hữu lầu Ngọ môn đại nội Huế.

Hằng năm Xuân Thu nhị kỳ tế lễ kỳ an rất trọng thể, ông Lý trưởng chủ tịch xã đến tận từng gia đình con cháu đại thần quỳn góp tiền lễ cúng để tưởng niệm vị khai quốc công thần với triều nhà Nguyễn. Thật ra đất Định Tường từ xưa tới nay đã có lắm bậc nhân tài ra phò vua giúp nước, tô đậm những trang sử oai hùng danh lưu muôn thuở.

Chương Cơ ĐẶNG VĂN LƯỢNG

Trận vong nơi Ba Lai còn để tiếng

Các tướng lãnh miền Nam theo phò chúa Nguyễn Ánh, số người được phong chương cơ kể ra cũng khá nhiều. Biết bao “ông chương” lừng danh như Mai Tấn Huệ, Nguyễn Hữu Cảnh. Nhưng hầu hết các vị chương

cơ trong thời kỳ Gia Long tấu quốc đều tốt số mạng chung trong tuổi già, hoặc vương bệnh. Duy ông chương Đặng Văn Lượng sớm đền nợ nước, ngoài trận tuyến bị hùng cảm khái.

Ông người huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường. Tinh thông võ nghệ, ông hằng ra tài dẹp lũ kiến chòm ong ở quanh vùng, đem lại sự an ninh cho dân chúng. Kịp khi chúa Nguyễn vào Nam, đến Định Tường nghe danh ông, cho người dời đến, lấy lễ đối đãi trọng hậu. Cảm ý ân cần của chúa Nguyễn, ông tình nguyện theo phò. Từ ấy đến bước đường luân lạc của nhà chúa, ông sẵn sàng chia sẻ mọi gian lao nguy hiểm. Trong hàng trăm trận giao phong cùng Tây Sơn, ông lập chiến công cũng nhiều, dần dần thăng đến chức chương cơ.

Ông dũng mưu đầy đủ, lắmlúc cầm quân cự địch, quân số của địch đông gấp năm, gấp mười, ông vẫn thừa mưu lược lấy ít chọi nhiều, chiếm phần thắng lợi. Vì thế chúa Nguyễn Ánh thường hỏi kế nơi ông, nhất nhất ông trình bày kế hoạch tác chiến đều được nghe theo. Ông nhĩểm nhiên là nhân vật quan trọng trong bộ tham mưu của chúa Nguyễn. Do đó, khi tình thế bắt buộc phải tạm lui, chúa Nguyễn thẳng sang Xiêm bên cạnh có ông hộ vệ. Tại Vọng Các, ông cùng tướng Châu Văn Tiếp rất thông thạo tiếng Xiêm, giúp đỡ chúa Nguyễn đặc lực về ngoại giao. Mỗi khi cuộc hội nghị thảo luận tình hình nội bộ và đặt kế hoạch về tấn công Tây Sơn, nhiều vị tướng lãnh đưa ý kiến nên cầu viện thêm quân Xiêm trợ lực, ông bác bỏ ngay.

Chúng ta sang đây sống với cuộc đời lưu vong, cầu được có chỗ tạm dung thân và luyện binh, rèn khí giới, tạo chiến thuyền đã là may lắm rồi, sao ý lại đến sức người mà làm chi? Một khi đưa quân nước ngoài vào bờ cõi ta, nếu thua thì họ sẽ giở quẻ ta, nếu thắng thì họ sanh kiêu nằm ý ăn vạ, đảng nào cũng khổ cho ta cả. Lại nữa sẽ vì đó mà mất lòng dân chúng thật là điều không nên.

Nguyễn Vương khen phải và hỏi:

-Nếu không cậy đến ngoại viện, ta phải làm thế nào thắng địch?

Ông răn rỗi đáp:

-Trước phải chinh phục lòng dân, có dân chúng làm hậu thuẫn, ta sẽ có cơ thắng lợi. Đồng thời, lợi dụng lúc này mà luyện binh cho tinh, chuẩn bị quân nhu cho đầy đủ, lo gì không thắng địch.

-Chinh phục lòng dân cách nào?

-Cho người đi khắp nơi tuyên dương chính nghĩa, vỗ về dân chúng đã khốn khổ về nạn binh đao, hứa hẹn mưu cuộc tương lai tốt đẹp cho toàn dân, phong thưởng trọng hậu cho những ai có công lao. Dân cảm phục tự nhiên sẽ theo về ta, hết lòng ủng hộ ta.

Ông lại nhấn mạnh:

-Điều cần nhất phải tránh cái nạn công răn cắn gà nhà, việc ta to lớn, cậy đến người ngoài e chẳng khỏi lòng dân xôn xao kinh động có hại cho đại cuộc.

Tuy chúa Nguyễn khen hay, song trong lòng vẫn lo mình không đủ sức đương đầu với nhà Tây Sơn, vả lại trong đám tông thần, vẫn có đa số đứng về phe tán thành nên cầu viện binh Xiêm tiếp tay, vì thế chúa Nguyễn lại thuận theo phần đông mà cầu Xiêm giúp sức. Ông biết chuyện ấy lòng thấm buồn nhưng chẳng dám phản đối và tuyệt không đưa ý kiến gì nữa. Hàng ngày, ông cùng các tướng lấy việc thao luyện quân sĩ làm trọng trách vừa có ý phô trương lực lượng quân đội và tài năng của các tướng lãnh ta, vừa lấy đó làm nguồn an ủi, tạm khuây nỗi sầu cố quốc và nỗi hận chúa Nguyễn quá chú trọng đến sự cầu cạnh quân lính nước người.

Giáp Thìn 1784, chúa Nguyễn từ Xiêm kéo quân về nước ông lãnh lệnh cầm một đạo binh đánh Tây Sơn tại Định Tường. Đã sẵn mang mối hận lòng vì chúa Nguyễn chẳng nghe theo mình, đưa thêm quân Xiêm vào cỗi bờ nỗi ưu tư phiền muộn làm héo hắt tâm can ông, làm suy giảm nhuệ khí anh hùng. Trong trận đột chiến với Tây Sơn nơi sông Ba Lai, ông thất cơ tử trận. Quân sĩ dưới quyền của ông đều căm hận về cái chết của ông, liều mình tử chiến trong trận này nhưng lại bị thất bại.

Sau khi vua Gia Long thống nhất sơn hà, ông được cho thờ vào miếu Hiến Trung và miếu Trung Hưng công thần.

Xuyên qua cuộc đời binh nghiệp của ông Đặng Văn Lượng ta thấy ông đã góp công tô điểm tỉnh Định

Tường. Nói đến Định Tường không thể quên một danh tướng đã làm chấn động oai danh trong thời Nguyễn.

Anh Hùng TRƯƠNG VĂN HOÀNG

Xuất thân tại huyện Kiến Đăng, Cai Lậy

tỉnh Định Tường.

Ông xuất thân trong một gia đình nông dân, có chút võ nghệ, tính tình hào hiệp, ăn nói hoạt bát, tỏ ra có nhiều chí khí.

Ông sinh trưởng tại huyện Kiến Hưng, vùng Cai Lậy bây giờ. Ông rất hâm mộ con đường võ nghiệp, ông hằng lui tới, kết giao với những vị hào kiệt, ông mộ danh Nguyễn Huỳnh Đức nên đến nhập ngũ từng quân. Nguyễn Huỳnh Đức thấy ông là người có nhiều khí tiết, liền thu nhận và hết lòng dạy võ nghệ thêm cho. Sẵn lòng phục thiện, ông coi Nguyễn Huỳnh Đức vừa là bạn vừa là thầy, chuyên cần theo học tập, tài nghệ thêm tinh tiến.

Đến khi chúa Nguyễn Ánh chạy vào Nam, nhân nghe Nguyễn Huỳnh Đức đã về chung sức với chúa tướng Đông Sơn là Đỗ Thanh Nhân kéo cờ nổi dậy ủng hộ chúa Nguyễn, ông theo gương ấy cũng ra ứng mộ.

Những khi xông pha trận mạc, ông dũng cảm chẳng tiếc gì thân, vì thế chúa Nguyễn sau khi nghe các tướng chỉ huy báo cáo lại, đem lòng thương mến ông, cho theo hầu cận. Đáp lại ơn tri ngộ, ông hằng tỏ dạ trung kiên, sẵn sàng hy sinh bảo vệ chúa Nguyễn trong

những cơn nguy khốn. Nhờ sự gan dạ của ông phần nào, nên chúa Nguyễn lăm phen thoát chết, càng tin cậy ông hơn. Khi thất thế phải chạy sang Xiêm nương náu, chúa Nguyễn Ánh vẫn đem ông theo trong đám tông thần có danh vọng to, xem ông như người thân và quý mến tài nghệ ông chẳng kém gì Dương Công Trừng, Châu Văn Tiếp, Hồ Văn Lân. Do cảm tình sâu đậm ấy, ông tự nguyện chết sống cùng chúa Nguyễn, những ngày sống lưu vong nơi Vọng Các, ông hết lòng lo lắng cho chúa Nguyễn, nào chiêu mộ quân sĩ và thao luyện cho tinh thực, nào lo đóng chiến thuyền tổ chức sai người về nước dò thám tình hình địch.

Chính ông và Ngô Công Quý, Lê Tân là ba người hộ trợ chúa Nguyễn đắc lực nhất khi ở nước ngoài.

Đinh Tỵ 1787, ông hăm hở phò chúa Nguyễn trở về nước, hiệp cùng các tướng đẩy lui các đạo quân Tây Sơn khắp nơi ở miền Nam, khắc phục thành Gia Định. Chúa Nguyễn phong ông làm dũng vệ. Ông đảm nhận chức vụ hộ giá chúa Nguyễn mỗi khi chúa Nguyễn thân chinh đi đánh nơi nào. Lắm lúc thấy cái chết trong đường tơ kẽ tóc, thế mà ông vẫn bình tĩnh trong rừng gươm giáo bao vây tứ phía, chiến thắng oai hùng.

Kỷ Mùi 1789, tông chinh quân Quy Nhơn gặp phải lực lượng hùng cường của Tây Sơn, ông vẫn lặn xả vào vòng chiến, chẳng nao núng gì. Nhưng sức người có hạn, dầu dũng cảm có thừa mà thất cơ cũng khó bảo toàn được tính mạng. Thua luôn mấy trận đầu nhưng ông không thoái chí ngã lòng quyết một phen tử chiến với

quân Tây Sơn. Vì hăng say chiến đấu, thù chịu chết chứ không hèn nhát triệt thoái, ông bỏ mình nơi trận mạc ngày 7 tháng 4 năm 1799.

Chúa Nguyễn hay tin thương tiếc vô cùng ôm mặt khóc.

Ông là một vị công thần vào sanh ra tử không quản gì gian lao khổ cực, trọn lòng thờ chúa, lập được nhiều chiến công hiển hách.

Về sau ông được truy tặng chức chưởng cơ, thờ nơi miếu Trung Hưng công thần và miếu Hiến Trung.

Người dân Định Tường cũng còn nhắc nhở cảm niệm về ông.

Chương Cơ LÊ VĂN THUY

Dũng lược dẹp tan quân Xiêm, bắt sống tướng Xiêm

Riêng trong tỉnh Định Tường, chúng ta đã thấy hai vị chưởng cơ Trương Văn Hoảng và Đặng Văn Lượng có sắc thái đặc biệt, không kém gì các vị chưởng cơ lừng danh của miền Nam như Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Văn Thoại. Nhưng hãy còn vị chưởng cơ Lê Văn Thụy mà chúng tôi lược kể tiểu sử dưới đây, võ dũng và mưu lược cũng đáng liệt vào hàng ưu tú.

Ông người huyện Kiến Hưng thuộc tỉnh Định Tường. Xuất thân nông dân, nhưng có học ít nhiều về

nghiệp văn, lại rất chọn nghiệp võ nên còn quyền thao lược đủ nêu cao tên tuổi.

Cũng như phần đông võ tướng miền Nam, ông theo phò chúa Nguyễn Anh. Xuất thân làm tượng quân cai đội, suốt thời gian từng chinh, ông đục pháo xông lên, lăm phen đương đầu cùng Tây Sơn dữ dội, dũng cảm chẳng ai bằng.

Tuy nhiên, tên tuổi ông sờ dĩ không nổi bật như bao hào kiệt dũng sĩ đương thời: Đỗ Thanh Nhân, Võ Tánh, Châu Văn Tiếp, Nguyễn Huỳnh Đức v.v... vì đang buổi loạn, những tên tuổi lớn như đã kể trên, gần như là những ngôi sao sáng chói quá, dễ làm át ngôi sao bốn mạng của ông đi. Biết người, biết mình, hiểu rõ thời thế chưa thuận tiện để mọi chân giá trị đều được minh định hẳn hoi nên ông cam phận thủ thường không kiêu căng tự đắc mà cũng không ganh ghét gì ai. Dầu không được chúa Nguyễn biết đến, ông vẫn chẳng buồn phiền gì, một mực tận tụy phục vụ, vì tự nghĩ mình đã chọn lấy một con đường mà đi bước.

Thế nhưng, qua giai đoạn chống Tây Sơn, thống nhất sơn hà, lên ngôi vua, luận công phong thưởng, vua Gia Long chỉ phong ông đến chức Tượng vệ vệ uý.

Mãi đến đời Minh Mạng thứ 15 (Giáp Ngọ 1834), người ta mới có dịp nhận xét rõ tài nghệ ông. Nhân quân Xiêm xâm lấn bờ cõi, vua Minh Mạng phái ông đi đánh dẹp.

Chống nhau với Tây Sơn ngày trước, đấu sao cũng là người cùng dòng giống, chẳng qua vì tranh chấp quyền lợi, ý thức được điều ấy nên bất đắc dĩ gây ra trường quyết chiến, đồng loại tương tàn tương sát. Nay đi chống nhau với quân Xiêm, tình thế khác hơn. Chống ngoại xâm để giữ non sông, gìn nòi giống, ấy mới là nhiệm vụ cao cả của con dân yêu nước, yêu đồng bào. Có lẽ nghĩ vậy, hoặc lòng yêu nước nồng nàn thúc đẩy mãnh liệt, ông đã chiến đấu xuất thần, vô cùng oanh liệt, đánh những trận để đời.

Một khi chủ tướng đã nhiệt thành ái quốc, sẵn sàng hy sinh tánh mạng để bảo vệ non sông, thì lệnh truyền là cả một hồi còi vang dậy xua toàn quân dưới quyền chỉ huy của mình đều dũng cảm phấn phát, noi gương của chủ tướng và nghe theo tiếng gọi của sông núi mà tiến lên. Chủ tướng có tinh thần hy sinh, toàn quân sẵn sàng cảm tử, ấy là nguyên động lực làm cho quân lính trở nên một lực lượng xung kích vô địch. Bởi thế trước kia Tây Sơn từng nếm mùi thất bại của quân chúa Nguyễn, thế mà khi chúa Nguyễn viện binh Xiêm về, Nguyễn Huệ lại đại phá quân Xiêm một trận ở Rạch Gầm. Ấy là một lòng đã biểu lộ ý chí phản đối, sợ nạn ngoại xâm về sau sẽ khốc liệt hơn nội loạn buổi bấy giờ. Và chính vì thế, Lê Văn Thuy giờ đây cũng thành công đánh đuổi quân Xiêm.

Khéo khích động tinh thần yêu nước của đồng bào địa phương, dân chúng sẵn sàng làm hậu thuẫn cho ông. Dưới sự chỉ huy tài giỏi, toàn dân điều động tuân lệnh

ông triệt để. Chỉ trong vài trận quân ông ai nấy đều trở dũng lực tranh tiến.

Đắc thắng ban sư, ông được triều đình và dân chúng nhiệt liệt đề cao oai danh ông. Dân chúng hoan nghênh ông. Triều đình thăng thưởng ông chức Chương Cơ và phong chức Thông Cương Nam.

Trong trường hợp vinh thắng của ông, chức Chương Cơ đầy vẻ vang xứng đáng và nghiêm nhiên là một vị Nam Tước, đời ông tự đấy mới được an ủi phần nào về cảnh ngộ ngày trước.

LÊ VĂN QUÂN

Trong hàng tướng lĩnh miền Nam từng sát cánh cùng chúa Nguyễn Anh chiến đấu với Tây Sơn trong giai đoạn bốn ba Lê Văn Quân cũng là một danh tướng đã nhiệt liệt ủng hộ chúa Nguyễn, công lao vẫn chẳng kém chi những viên tướng Lê Văn Duyệt, Võ Di Nguy, Trương Tấn Bửu, Nguyễn Huỳnh Đức ... Nếu kể danh tướng sanh quán thuộc tỉnh Định Tường, bên cạnh Đỗ Thanh Nhân, Hồ Văn Lân, Nguyễn Huỳnh Đức, công lao và chiến tích oai hùng của ông chẳng thua một ai.

Ông người huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường. Vốn là bạn thân với Nguyễn Huỳnh Đức, họ Nguyễn vang danh "hổ tướng" thì tài võ nghệ của ông cũng nổi danh được một thời.

Khi Nguyễn Huỳnh Đức gia nhập binh Đông Sơn tiếp tay với Đỗ Thanh Nhân thì ông phò Nguyễn Ánh. Nếu Đỗ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp và Võ Tánh nổi tiếng “ Gia Định tam hùng”, cố nhiên Nguyễn Huỳnh Đức và ông vốn là cộng sự đắc lực của hai nhân vật ấy đáng được chia sớt phần danh dự, hưởng chi sau này Đỗ Thanh Nhân mất đi, Nguyễn Huỳnh Đức nổi bật bao nhiêu thì Lê Văn Quân cũng tỏ ra xuất sắc bấy nhiêu qua sự kết hôn với em gái Châu Văn Tiếp là Châu Thị Đậu. Phải biết rằng Châu Thị Đậu tài võ nghệ chẳng kém anh nàng là mấy. Đã có lắm tay hào kiệt đương thời gắm ghé, nàng đều không lưu ý một ai, thế mà Lê Văn Quân được nàng để vào mắt xanh, đủ chứng tỏ tài năng của ông đã chinh phục được anh em họ Châu nói riêng, áp đảo được các hào kiệt đương thời nói chung.

Dũng cảm, thiện chiến, ông đến đâu đánh dẹp cũng đều lập chiến công, khiến quân Tây Sơn khiếp nể oai phong. Nhưng vốn tính nóng nảy cang cường, ông dễ sinh ngạo mạn, nên trong quân thường có điều xích mích với anh em. Nhất là đối với Võ Tánh cũng là người nóng nảy chẳng kém gì ông và tài năng cũng tương đương, khiến cả hai gây lắm chuyện bất hoà, hục hặc với nhau mãi. Hơn nữa Võ Tánh cưới công chúa Ngọc Du, nghiễm nhiên là em rể chúa Nguyễn Ánh, điều ấy càng khiến ông với Võ Tánh khó nổi thân cận nhau. Chẳng những các tướng biết việc ấy, mà Nguyễn Vương cũng nghe đến, hằng có lời khuyên bảo cả hai nên vì đại cuộc xoá bỏ hiềm riêng. Rồi xem ra cả hai vẫn

chẳng thông cảm với nhau, Nguyễn Vương khéo léo xếp đặt không để ông và Võ Tánh đứng chung trong một trận tuyến hào. Và đặc biệt, Nguyễn Vương vẫn mến ông hơn, không vì Võ Tánh là em rể mà binh Võ Tánh bỏ ông bao giờ.

Định Tỵ 1787, ông cùng các tướng khắc phục thành Gia Định, trong cơn khói lửa ông đã thúc ngựa xung phong chiếm lấy công đầu. Nguyễn Vương khen ngợi, phong ông làm Bình Tây Đô Đốc Chưởng tiền quân, tước Quận Công.

Đến năm Canh Tuất 1790, ông hăm hở lãnh binh đi đánh ở Phan Rang, Võ Tánh can khéo:

-Tướng quân đi phen này đem theo bao nhiêu quân sĩ?

Vốn đã không hợp với Võ Tánh, nghe hỏi như thế, ông cau mày:

— Tôi nhấm Tây Sơn như cua đã gãy càng, không cần phải dùng đến binh đông tướng nhiều làm chi!

Sở dĩ Võ Tánh gạn hỏi, vì họ Võ đã nghe biết ông ngạo mạn đem quân theo rất ít. Nghe ông đáp họ Võ thêm ái ngại lo ra.

-Không nên khinh địch đâu. Từ miền Trung trở ra Bắc, Tây Sơn có nhiều cứ địa hiểm yếu, binh ròng lương đủ, chẳng phải như mấy lúc Tây Sơn kéo vào Nam. Nếu tướng quân không hết sức cẩn thận, e khi ăn năn chẳng kịp.

Ông cười nhạt, không nói năng chi nữa. Rồi đó kéo quân ra Phan Rang.

Quả đúng như lời Võ Tánh tiên liệu, ông bị Tây Sơn vây khốn, binh sĩ hao mất hơn phân nửa. Lâm nguy ông mới giựt mình thì đã không còn phòng bị kịp. Tình thế mười phần nguy ngập, chỉ còn trông mong binh cứu viện của Võ Tánh. Nhưng bây giờ Võ Tánh án binh bất động, bảo các thuộc hạ:

-Ta liệu Lê tướng quân đi đánh Phan Rang phen này, lành ít dữ nhiều. Vì quá khinh địch, Lê tướng quân sẽ nguy đến tính mạng chớ chẳng không.

Chẳng mấy ngày, được tin Lê Văn Quân bị bao vây ngoài ấy, cho người về cầu cứu, Võ Tánh vẫn án binh bất động, lại bảo các thuộc hạ:

_Lê tướng quân tài cao trí rộng, đã chẳng kể chi lời khuyên của ta, thì có cần chi tới ta đâu?

Nơi Phan Rang, binh Tây Sơn càng lúc càng đông. Lê Văn Quân chờ binh cứu viện mà chẳng thấy động tĩnh gì, đánh liều một trận cuối cùng, thua to chạy dài.

Sau trận này ông bị đưa ra nghị tội và bị cách hết chức tước. Vừa hổ thẹn vừa đau đớn, ông phẫn uất tự sát.

Nghe tin ông mất Võ Tánh cũng luống ăn năn, bàng hoàng tự trách mình đã vì hiềm khích mọn mà để hư việc lớn, thiệt thân bạn. Từ ấy họ Võ răn lòng, không ngạo mạn, ích kỷ nữa.

Công nghiệp bình sinh và cái chết của Bình Tây
Đô Đốc Chương tiền quân Quận Công Lê Văn Quân,
đối với sự ăn năn hối lỗi sửa mình của Võ Tánh, âu
cũng là bài học quý giá.

Lãnh Binh NGUYỄN VĂN CẨN

Và 2 Vị Tướng Lãnh Lê Văn Ông – Nguyễn Văn Khả lừng
lẫy oai danh vùng Cái Bè

Để bồi dưỡng tinh thần yêu nước trong dân chúng,
khoảng năm 1956, ông quận trưởng Cái Bè là Phạm
Công Kính, có ra thông tư cho các chi Thông tin ở các
tổng, xã, thôn, phổ biến về thành tích tranh đấu của ba vị
anh hùng liệt sĩ cận đại chống giặc xâm lăng tại Đồng
Tháp Mười, quận Cái Bè ấy là ba vị:

-Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều

-Thiên hộ Võ Duy Dương

-Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn.

Công nghiệp kháng Pháp của đốc binh Kiều và
Thiên hộ Dương, không ai là không biết. Nhưng xem ra
tiểu sử Lãnh binh Cẩn thì hãy còn mai một, nên chúng
tôi xin ghi lại đây để tưởng niệm thêm một người con
quý mến.

Từ năm 1862, giặc xâm lăng Pháp phát động từ
Định Tường tiến đánh lần xuống miền Tây, vấp phải sự
kháng cự mãnh liệt của nghĩa quân lập căn cứ tại Đồng

Tháp Mười. Ngoài hai vị Đốc Binh Kiều và Thiên Hộ Dương lừng lẫy tiếng tăm, còn có ba vị lãnh binh dũng cảm đáng ca ngợi là Nguyễn Văn Cẩn, Lê Văn Ông, Nguyễn Văn Khả.

Ba ông sau đây giữ đường vô Đồng Tháp Mười:

1. Thiên Hộ Dương đóng binh tại Hoà Khánh, Thông Lưu và Mỹ Đức Tây.

2. Lãnh binh Khả đóng đồn tại Cao Lãnh và Hồng Ngự.

3. Lãnh binh Ông đóng đồn tại ngã ba Rạch Ruộng.

Hai ông lãnh binh Cẩn và Đốc binh Kiều thì giữ Đồng Tháp Mười.

Quân Pháp đánh phá ròng rã ba năm mà không chọc thủng được phòng tuyến Đồng Tháp Mười, chúng mới cầu hoà, xin cắt tỉnh Vĩnh Long và vùng Sa Đéc để đổi lấy căn cứ Đồng Tháp Mười.

Hai ông lãnh binh Nguyễn Văn Khả và Lê Văn Ông chấp thuận đề nghị ấy, bằng lòng rút binh về Sa Đéc và Vĩnh Long, đến sau quân đội của hai ông đều bị Pháp ly tán.

Đốc binh Kiều, Thiên Hộ Dương và lãnh binh Cẩn sáng suốt hơn, bác ngay đề nghị của giặc, cùng nhau cương quyết giữ chặt căn cứ hiểm yếu để kháng chiến chống Pháp đến cùng.

Đã xui khiến được hai vị lãnh binh Khả và Ông lý khai lực lượng kháng chiến ở Đồng Tháp Mười, quân đội Pháp bèn vây đánh căn cứ ấy trọn 40 ngày đêm.

Sự chống trả bên ta yếu dần, vì thiếu lực lượng, cạn lương thực tiếp tế. Ngày 9-3-1865 quân đội Pháp tràn vô Đồng Tháp Mười.

Thiên Hộ Dương xuất quân tiên phong giữ thành Đồng Tháp, lãnh binh Cẩn giữ hậu tập, đốc binh Kiều giữ trung tâm.

Quân Pháp ồ ạt xua quân tấn công ráo riết. Trong tình thế nguy ngập, chẳng bao lâu đốc binh Kiều và Thiên Hộ Dương đều anh dũng đền nợ nước. Chỉ còn lại một mình lãnh binh Cẩn vẫn khẳng khái hiên ngang bất khuất. Ông rút binh về Hồng Ngự cố thủ.

Nhưng vừa tới vàm Hồng Ngự, số binh sĩ còn lại của ông Nguyễn Văn Cẩn lại bị quân Pháp và Trần Bá Lộc bao đánh trọn ngày. Ông gắng sức mở đường máu chạy thoát được về miệt Gia Định, náu mình chờ dịp quật khởi.

Gom góp binh tàn, chiêu mộ thêm binh mới, ít lâu sau ông lại xuất hiện đánh phá quân Pháp ở nhiều nơi. Đặc biệt là nghĩa quân của ông có phen hạ được thành Châu Đốc, nhưng phải bỏ chạy về núi Sập - Long Xuyên vì quân Pháp trở lại đánh vỡ.

Tinh thần dũng cảm có thừa, khổ nổi sức người có hạn. Lực lượng của ông dần bị tiêu hao, không bổ sung được, ông đành khóc hận bãi binh, lui về xã Mỹ Lợi

(Cái Bè), lập cánh chùa nơi đây, và cất thêm chùa tại Đồng Tháp Mười thờ Đốc binh Kiều và Thiên hộ Dương.

Đến ngày 25-12-1902 lãnh binh Cần qua đời, hưởng thọ đúng 100 tuổi và được mai táng tại Mỹ Lợi. Mộ ông còn tại xã này và được nhân dân tu bổ, sùng bái. Tương truyền anh linh của ông hiển hách, kẻ nào làm dơ ngôi mộ thì về đau ngay, van vái mới hết.

ÂU DƯƠNG LÂN

Đền nợ nước lại bờ sông Mỹ Tho

Bên cạnh những người con đất nước dũng cảm chống xâm lăng, bảo vệ đất Định Tường nói riêng, Tổ quốc nói chung, những tên tuổi lớn như Thủ khoa Huân, Thiên hộ Dương, Đốc binh Cần...v...v...thiết tưởng chúng ta không thể không nhắc đến Âu Dương Lân. Ông đã đáp lời sông núi, tổ chức đoàn quân nghĩa dũng kháng Pháp đến cùng.

Từ tháng 6 -1862, quân đội Pháp chiếm đóng Mỹ Tho, thiết lập các cơ quan quân sự và hành chánh, toan đặt quân ta dưới ách nô lệ. Trước tình cảnh dân nước lầm than, Âu Dương Lân cũng như bao nhiêu người có tâm quyết khác, há dễ cam lòng chịu nhục, tai ngơ mất lớp trong khi nước non tan tành bởi quân cướp nước sao? Vốn là một sĩ phu tâm tiếng ở đất Định Tường, ông càng cảm thấy tủi nhục hơn ai cả, nếu cúi đầu làm kiếp tôi đòi. Ông đứng lên chiêu mộ tráng đinh, cùng với các

bạn đồng tâm đồng chí tương cờ khởi nghĩa kháng địch. Dù biết mình thế yếu, ông vẫn cương quyết hy sinh. Cảm tấm lòng trung liệt của ông, dân chúng dần dần theo về với ông khá đông, toàn thể đều nhiệt liệt tham gia kháng chiến, nêu cao tinh thần bất khuất. Ông sát cánh với Thủ khoa Huân, xua binh đốc chiến với quân Pháp nhiều trận, khiến chúng phải kiêng nể.

Bộ tham mưu quân đội Pháp vẫn thường mượn tay các Việt gian như Trần Bá Lộc đàn áp có, khuyến dụ có, nhưng không lay chuyển được tấm lòng vì nước hy sinh của ông và các đồng chí. Ông càng tỏ chí quyết liệt chống đối, tổng đốc Lộc càng nóng lòng tăng công với giặc, ra tay khủng bố dân chúng và giăng bẫy để bắt sống hoặc hạ sát ông cho kỳ được. Tình thế cực kỳ nguy ngập cho ông, nhưng ông vẫn thản nhiên, mượn lời của cụ Đồ Chiểu mà tự nhủ rằng: *"Thà chết mà được câu địch khái, còn hơn sống mà mang chữ đầu Tây"* và thống thiết phủ dụ quân dân :

"Chúng ta cứ làm hết sức mình, việc không thành âu cũng lòng trời, ta không có gì mà phải tủi thẹn với vong linh các vị tiền nhân".

Tuy nhiên, quân cướp nước vẫn có trăm ngàn thủ đoạn để chiếm đoạt, độc hại nhất vẫn là kế sách mua chuộc đám tay sai, đem bã vinh hoa hứa hẹn làm mỗi cácm dỗ lung lạc dân tình, song song với sự đàn áp để đặt ách thống trị. Do đó, lực lượng kháng chiến của ta ngày càng tiêu hao, cụ Thủ khoa Huân bị bắt bị dày dõib ba lượt. Thiên Hộ Dương tử trận, Trương Định bị hại về

tay tên lãnh binh Huỳnh Công Tấn. Và rồi Âu Dương
Lân cũng chịu chung số phận bị đất, rơi vào tay tổng đốc
Lộc và thực dân Pháp

Đã sa cơ bị bắt sống, ông vẫn khẳng khái không
chịu cúi đầu khuất phục.

Hết tổng đốc Lộc dọa nạt, rồi đến Tôn Thọ
khuyên dỗ, trước bao lời đường mật xui giục ông hãy trở
mặt về theo họ, ông quắc mắt bảo:

-Ta chỉ có một con đường đã chọn: hoặc đánh đuổi
được bọn người, hoặc chết đi đền nợ núi sông, hầu khích
lệ đàn hậu sanh noi theo cứu nước, giữ nước nêu cao
tinh thần dân tộc.

Bị mắng như tát nước vào mặt, đám tay sai của
Pháp cả giận, khép án tử hình ông.

Một sáng tinh sương khoảng tháng 4 năm 1868,
Âu Dương Lân bị hành quyết tại mé sông Mỹ Tho. Dân
chúng Định Tường được chứng kiến, người người đều
xúc cảm khóc thầm.

Người xưa đã khuất. Tên tuổi Âu Dương Lân đã đi
vào lịch sử. Bao giờ những Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy
Dương vẫn được các thế hệ sau mến mộ

PHAN HIẾN ĐẠO

Danh nho sĩ khí

Nâng chén thuốc độc tuần tiết

Cụ Phan Hiễn Đạo là con cụ Phan Hiễn Tân sanh quán tại làng Vĩnh Kim Đông (Vĩnh Kim, quận Long Định, tỉnh Định Tường).

Dưới triều Tự Đức thứ 9 (1856) cụ Phan Hiễn Tân làm quan án sát tại tỉnh Gia Định. Lúc bấy giờ triều đình Huế khoa kỳ sắp mở hội cụ án Phan Hiễn Tân có viết một phong thư đưa cho con là Phan Hiễn Đạo quá giang ghe bầu ra Huế, đưa thư này cho cụ Phan Thanh Giản, xin gửi con ở chờ dự kỳ thi.

Lúc bấy giờ cụ Phan Thanh Giản đương kiêm Hiệp biện đại học sĩ và kiêm lãnh Bộ Thượng thư tại triều. Thấy Phan Hiễn Đạo diện mạo khôi ngô, lời ứng, đối mẫn tiệp, cụ Phan Thanh Giản rất khen.

Kỳ thi này có ba môn, cụ Phan Thanh Giản làm chánh chủ khảo thi được hai môn rồi, Phan Hiễn Đạo làm bài vở rất hay, bỗng đâu có hung tin ở miền Nam ra tới, cho hay thân mẫu ông đã từ trần. Cụ Phan Thanh Giản lưu thư lại, để chờ Phan Hiễn Đạo thi môn thứ ba sợ e đưa hung tin ra thì Phan Hiễn Đạo vì chữ hiếu mà phải lỡ bước công danh.

Chừng thi môn thứ ba thì Phan Hiễn Đạo đậu được Tấn sĩ đệ nhị. Lệnh vua truyền ngày sau ban đồ triều phục, đãi yến tân khoa và cho về bái tổ vinh quy.

Kế tới cụ Phan Thanh Giản đưa hung tin ấy ra, Phan Hiễn Đạo thương xót mẹ vô cùng, bèn làm cúc biểu và ghim theo lá thư tang dâng lên đức vua xin từ khước việc yến tiệc để về cư tang cho mẹ. Qua ngày sau

đức vua lâm triều xem cức biểu và thư tang của Phan Hiễn Đạo, nhận thấy thư ra trước ngày thi mà sao Phan Hiễn Đạo không vì chữ hiếu mà ở lại lo lập bước công danh. Đức vua rất giận và phê rằng:

Hà hữu Phan Hiễn Đạo vi tử như thế, vi thần nhược hà nghĩa là: tại sao có Phan Hiễn Đạo, làm con như thế, làm tôi thế nào.

Mặc dầu vậy, đức vua vẫn gửi thánh chỉ cho quan Bố chánh Định Tường dạy làm chủ lễ cho Phan Hiễn Đạo thọ phong.

Cụ Phan Hiễn Đạo đứng trước bàn hương án nguyện hương vọng vái hoàng thiên, lấy đồ triều phục mặc vô, đứng ngưỡng mặt về hướng Bắc lạy vua ba lạy rồi đỡ thánh chỉ ra xem. Thấy đức vua chê mình, cụ Phan Hiễn Đạo ôm đầu nhào lăn xuống đất mà than khóc. Các quan có mặt trong cuộc lễ đỡ cụ dậy, biết qua sự thể thì mới hay cụ mắc hàm oan. Các quan đem hết lời khuyên nhủ và nói rằng: việc hàm oan này sẽ có ngày được cởi mở.

Mặc dù cụ Phan Hiễn Đạo rất đau khổ cũng vưng thánh chỉ làm học chính Định Tường.

Qua năm Tự Đức thứ 15 (1862), quân Pháp chiếm xứ Gia Định có gửi công hàm cho vua để nói về việc nghị hoà. Lúc ấy vua sai cụ Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp làm nghị hoà, chánh phó xứ toàn quyền đại thần. Khi hai ông vào Gia Định cộng đồng hội nghị, thì thuỷ sư đô đốc Bonard lấy thế lực mà ép phải nhượng

giao ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hoà với bồi thường các khoản binh phí, là một triệu đồng.

Lúc bấy giờ các bạn Văn Thân như Đồ Chiểu, Cử Trị, Thủ khoa Huân vẫn chống Pháp mãnh liệt, còn Tôn Thọ Tường thì ra đầu Pháp. Nhưng Phan Hiển Đạo thì riêng nghĩ phận mình, trở về quê quán tại Vĩnh Kim Đông mà nương náu.

Nhiều khi nhà cầm quyền Pháp đến tận nhà cụ mà tặng lễ và khuyến khích cụ trở lại nhậm chức. Nhưng cụ một mực từ chối và âm thầm mượn chén độc dược mà chấm dứt cuộc đời.

Lúc bấy giờ, trong Nam, người ta có câu hát như vậy:

Lớp sau Thanh Giản tiếng đồn,

Là Phan Hiển Đạo với Tôn Thọ Tường

Ông thời nho nhã văn chương,

Ông thời thi phú làm đường quan công.

Ông về thác Vĩnh Kim Đông,

Ông ra theo giặc khó lòng tương tri.

Một còn một mất trọn nghi,

Ngàn thu bia tạc Nam kỳ danh nho.

Mồ mả của cụ và gia quyến vẫn còn tại ấp Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Kim, quận Long Định, tỉnh Định Tường.

Cháu chắt bên ngoại của cụ là nhà học giả Trần Văn Khê, còn đang ở hải ngoại, Trần Văn Trạch nghệ sĩ và các người cô.

Chúng tôi có đến viếng mộ cụ dâng hương, xem qua mấy dòng mộ chí, lòng luống băng khuâng cảm khái.

Mộ cụ nằm tại ấp Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Kim, quận Long Định, tỉnh Định Tường, bằng đá ong. Tấm mộ bia bằng một tảng đá trắng cao 1,20m, ngang 6dm, dày 1dm khắc mấy dòng chữ Hán:

“Công huy Hiển Đạo, tánh Phan Thị, dĩ tiến sĩ lý quan chí Định Tường học chính

Tự Đức niên, Pháp lan khâu quốc thông vang, công bất khuất, tử táng ư Vĩnh Kim Đông chi hương.

Ô hô! Sĩ cùng kiến tiết nghĩa, thế loạn thức trung thần Đường cử nhân Phan Bộ Tam”

Ngậm ngùi đứng trước mộ một con người một đời giữ chữ thanh bạch ái quốc trung quân, nêu gương hậu thế, mặc dù cụ đã thác nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi.

NGUYỄN VĂN LẠC

(Học Lạc)

Nhà thơ có khí tiết, mượn giọng trào phúng

đã kích thích khách xôi thịt

Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, người tỉnh Mỹ Tho, làng Mỹ Chánh.

Thuở nhỏ ông học rất giỏi, ai ai cũng biết tiếng. Về nho học, ông xấp xỉ với Đỗ Chiểu và Cử Trị. Đến tuổi trưởng thành bởi không có chức tước chi nên hàng xóm bà con kêu ông là Học Sanh Lạc (vì Lạc có chơn học sanh) sau lần lần mất chữ Sanh còn lại hai chữ Học Lạc.

Ông hình dung nhỏ thó, nước da trắng, không râu, tiếng nói rang rang như chuông, và sở trường nghề bói quẻ diệc.

Lúc người Pháp chiếm lấy ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, ông bị nạn binh hoả, dời lên ở tại chợ Thuộc Nhiều (cũng tỉnh Mỹ Tho). Ở đó ông cất ba căn nhà lá sơ sài để dạy chữ Nho. Ông lại chuyên nghề hốt thuốc, cứu dân độ thế nhiều phen.

Ông mất năm 1915.

Ông có làm bài thi về chợ Thuộc Nhiều:

Đất linh bồi đắp euộc Ba Giồng

Cảnh Thuộc Nhiều nhiều khách ngộp trong.

Đường thẳng ngựa biêu chơn ngán bước

Rạch cùn cá lội mền quên sông,

Trường văn giới kẻ thêu rồng cộp

Miếu võ thờ tay chí bá tòng

Cứng cát thú quê vui tục cũ

Thêm dâu ruộng lúa dễ cho không.

Nguyễn Văn Lạc tánh khí khái, trọng nghĩa khinh tài, không chịu phục tùng hương chức. Nhiều khi ông làm thơ biếm nhẽ làng xã một cách nặng nề cay đắng, cho nên làng rất oán ghét ông, hễ có dịp là làm khó cho ông.

Thơ **Ông làng** (của hát bội)

Chi chi trong khám sắp ngang hàng?

Nghĩ lại thì ra mấy bợm làng

Trong bụng trống trơn mang cổ giữa,

Trần đầu trọc lóc bịt khăn ngang

Vào buồng gọi tổ châu đầu lạy

Ra rập rờng con nịt nách ngang

Dám hỏi: hàm ân người lớp trước

Hay là một lũ những quân hoang?

Con trâu

Mài sừng cho lăm cũng là trâu.

Gắm lại mà coi thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cầm lém đém một chòm râu
Mắc mưu dối dít tơi bởi chạy
Làm lễ bôi chuông vốn giác sâu
Nghé ngo già đời quen ghé ngo
Năm dây đờn khảy biết nghe đâu

Chó chết trôi

Sống thì bất thỏ, thỏ kêu rêu,
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vần vện sắc còn phơi lãn dẫn
Thúi tha danh hời nổi lêu bêu.
Tới lui bịn rịn bầy tôm tép,
Đưa đón lao xao lũ quạ diều
Một trận gió dổi cùng sóng dập
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu!

Con tôm

Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu,
Học đòi đại kiếm lại mang râu
Khoe khoang mắt đỏ trang dòng bích
Chẳng biết mình va cút lộn đầu,

Tự sự

Hoá An Nam, lữ khách trú,

Trên trời, lằng nhằng chung một lũ,

Ngoài mặt ngõ ngang lạ Bắc Nam

Trong tay các cơ xui đoàn tụ

Bọn làng chẳng vị sĩ năm kinh

Ông Bốn không thương người bảy phủ

Phạt ta xong rồi trở lộn về

Hoá thì hốt thuốc, lữ bong vụ.

Về chuyện Học Lạc bị đóng trướng này, có người thuật rằng: một hôm gặp sông bong vụ, Lạc đứng coi chứ không có đánh, rủi bị bắt chung với người khách trú làm cái, hai người bị khoá tay làm một. Xong việc rồi, Học Lạc mới làm bài tự sự trên đây, nhất là câu chót tỏ bằng một ý tứ rất kín đáo rằng làng bắt tằm bầy, vì một đàn cũng vẫn bong vụ, một đàn hốt thuốc, hai đàn không dính dấp nhau mà lại bắt làm một.

Có một lần tới lễ Kỳ Yên (cầu an) Học Lạc đem cúng đình một mâm xôi, trên vành mâm để hai chữ to "Thăng Lạc". Làng thấy mâm xôi làm không theo phép lại để chữ như vậy, cho rằng Học Lạc giấu cọt thánh thần và khinh khi hương chức. Làng sai bắt và phạt. Lạc bèn làm bài thơ sau đây:

Vành mâm xôi đề "Thằng Lạc"

Nghĩ mình tí tiểu không dài các

Văn chương chẳng phải bọn mèo quào

Danh phận không ra cái cóc rác

Bởi thế bơ thờ then núi sông

Dám đâu vức vặc ngạo cô bác

Việc này dầu có thấu cùng chăng?

Trong có ông thần ngoài cặp hạc.

Một hôm, lỡ đường vào quán ăn cơm, người chủ quán nhìn biết Học Lạc, nhờ Lạc viết cho câu liễn dán cửa quán. Lạc viết:

Mai di quán trung vô Phiếu Mẫu

Chỉ hiểm lộ thượng thiếu vương tôn.

Nghĩa là: chớ nói trong quán không bà Phiếu Mẫu, chỉ hiểm trên đường ít có vương tôn.

Tức cảnh ban chiều

Ngó ra ngoài ngõ gió hiu hiu

Xem thấy cảnh trời, trời đã chiều

Hăm hở trẻ con múa lại hát

Đứa thì làm tướng, đứa làm yêu.

Tả cảnh ghe chạy buồm, Học Lạc có câu:

Lục thọ tẩu song ngạn

Nghĩa là: cây xanh chạy hai bên bờ sông, còn mặt trời đỏ soi một chiếc thuyền lẻ loi.

Thật là một cảnh đẹp mà hai câu thi như vẽ ra, thật linh động.

Vợ Học Lạc là bà Bảy Khánh cũng hay thơ nôm, lúc ông chết bà có làm bài thơ:

Thuyền lơ vời

Đùng đùng sóng gió khéo nươg hơi

Chiếc bách linh đình mới lơ vời

Lổ xố hoa thêu khoan lại thúc

Lao xao gấm vẽ nhạt rồi rơi

Mảnh buồm lững đững trôi trên nước

Bách nguyệt chơi vơi đứng giữa trời

Chèo hạnh so le ngồi mái nhịp

Thuyền tình thông thả dễ buông khơi

Cà Nhân NGUYỄN VĂN THANH

Với lòng ái quốc chống xâm lăng

Bên cạnh những nhà Nho khí tiết như các cụ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Trương Gia Mô ... hãy còn một vị cử nhân tính khí cực kỳ phóng khoáng, nhiệt thành ái quốc,

khí tiết cao ngạo, ấy là cụ cử Nguyễn Văn Thạnh, tục gọi là cụ cử Thạnh lúc đương thời và hậu thế đã khâm phục các cụ kể trên bao nhiêu thiết tưởng cũng đáng xót xa cho cụ cử Thạnh bấy nhiêu khi tiểu sử của cụ chưa được nhiều người biết đến. Cụ Nguyễn Văn Thạnh vốn người miền Trung (quê quán nơi nào rất tiếc chúng tôi chưa kê cứu được rõ). Cụ đỗ cử nhân đời Tự Đức xuất chính làm tri huyện trung phong tỉnh Bình Thuận. Lãnh nhiệm vụ nhân dân trong một huyện cụ có nhiều tính tốt. Đặc sắc nhất là cụ rất cương trực. Gặp những vụ án oan khuất của dân đến một khi tra án minh bạch, thấy có dính líu đến các vị đương quyền dù họ quan cao chức trọng đến đâu cụ cũng thẳng thắn tố giác. Do đó dân đến đội ơn cụ vô cùng và cố nhiên dám tham quan ô lại lấy làm phiền ghét cụ.

Triều đình cũng biết đức tính liêm khiết, đôn hậu của cụ nên trước sau cụ vẫn được an toàn dầu đám quan liêu ghen ghét kiếm cách làm hại nhưng cụ chẳng hề gì.

Giữa lúc triều đình sắp thăng trật cho cụ thì non nước gặp nạn binh đao, khói lửa: quân Pháp đã nổ súng tấn công quân triều đình trên khắp đất nước. Đáp lời sông núi, cụ cùng vài bạn đồng chí từ miền Trung khăn gói vào Nam định mai danh ẩn tích, quan sát tình hình một ít lâu rồi sẽ chờ cơ hội quật khởi.

Trên chiếc ghe bầu lênh đênh theo các sông rạch miền Nam, cụ và năm ba đồng chí dưới lớp thương buôn giang hồ trôi nổi từ Bình Thuận cập bến Sài Gòn lên vùng Bến Nghé chưa được một tuần bỗng có một mật

thăm xét ghe. Chúng tìm thấy dưới lớp hàng hoá có giấu cất một khẩu súng đã được nguy trang nên cụ và các đồng chí bị bắt.

Tin cụ bị bắt lan truyền. Tên tuổi cụ từ lâu đã khiến đốc phủ xứ Tôn Thọ Tường đem lòng hâm mộ. Tôn Thọ Tường liền can thiệp. Yêu cầu quân Pháp nới tay với một bậc danh sĩ đáng mến. Tôn Thọ Tường tình nguyện đứng bảo lãnh. Nhờ thế cụ được thả tự do.

Họ Tôn rước cụ về nhà mình ân cần khuyên cụ ra làm quan với tân trào. Cụ cười:

-Tôi đã bỏ quan vì nghĩa nay há lại làm quan phục vụ kẻ địch sao? Tôi rất cảm ơn ông đã can thiệp cứu gỡ cho tôi nhưng nếu cố bày trò ơn nghĩa để lung lạc chí tôi, thà rằng giam cầm hay chém giết tôi còn hơn, không bao giờ tôi chịu muối mặt làm điều vô sĩ được.

Tôn Thọ tường tái mặt, gượng gạo ôn tồn:

-Ai có chí nấy, cụ đã bảo cho biết như thế, thú thật tôi càng thêm cảm mến, đâu dám ép thêm điều chi nữa.

Nói xong, họ Tôn cầm cụ ở lại dinh chơi vài ngày. Thết đãi trọng hậu, rồi để cụ được tự do, muốn đi đâu tùy ý.

Quả nhiên, nghĩa cử có ẩn ý khôn ngoan ấy của Tôn Thọ Tường đã khiến cụ băng khuâng khó nghĩ. Cụ rời Sài Gòn thẳng xuống Định Tường, cư ngụ tại làng Trà Tân tổng Lợi Mỹ, thuộc quận Cai Lậy.

Tuy nhiên, mỗi hành động của cụ dẫu sau vẫn bị nghi ngờ. Tổng đốc Trần Bá Lộc khi ấy ở huyện Kiến Phong (Cái Bè) càng sanh nghi hơn hết. Nhưng không tiện bắt ông làm tội, vì chưa có bằng cứ. Dẫu vậy bản tính đa nghi và hay muốn lập công với Pháp, Trần Bá Lộc không để yên cho một kẻ tình nghi nguy hiểm được, quyết hơn họ Tôn, họ Trần liền cho người đến mời cụ đến dinh toạ ý muốn rước cụ về ngồi dạy con mình là Trần Bá Thọ. Cụ chần nghe tên tuổi Trần Bá Lộc thế nào rồi. Biết họ Trần có lắm thủ đoạn và có thừa tàn nhẫn để làm chuyện độc ác được một khi bị bắt mất, chớ không được khôn ngoan hoà nhã như Tôn Thọ Tường nên cụ đành nhận lời không tiện phản đối ra mặt.

Về ngồi dạy con họ Trần lúc nào cụ cũng tỏ phong độ khảng khái, không khuất mình nịnh bợ.

Một hôm Trần Bá Thọ đang ngồi học với cụ nhìn hình dạng cụ móm móm, ba chòm râu phấp phơ, miệng phì phà thuốc, Thọ buột miệng nói:

-Xin thầy cho phép tôi ra một câu đối để thầy đối thử xem.

Nghे học trò mình ăn nói như thế, vụt cười lạt:

-Được cứ đọc đi!

Thọ đọc:

Râu ba chòm lém đém, miệng hút thuốc phì phà

Học trò trêu cợt thầy đến thế nhĩ. Cụ đối lại theo dáng ông Thọ sói đầu tay hay cầm gậy:

Tóc ít sợi le the, tay cầm cây ngút ngất.

Thọ cười xoa, lại đọc một câu khác cố ý khoe khoang:

Phụ tử tử hiếu sanh con thế ấy mới là vàng

Cụ được dịp bằng vàng để lợi dụng chữ nghĩa mà chửi phường sâu mọt:

Tham phú phụ bản dụ mẹ thằng nào ở bạc.

Đối chạn chất lời lẽ chua cay rất mực. Họ Trần đành ghen hòng.

Cụ mất vào năm 1915 sau cơn bệnh trầm trọng vì u uất. Mộ cụ ở tại làng Tú Trăn (làng Long Trung thuộc Cai Lậy).

MAI VĂN NGỌC

Khi quân Pháp đã chiếm trọn 6 tỉnh Nam kỳ, tuy các lực lượng kháng chiến dần dần suy yếu, nhưng sĩ phu Đồng Nai một phần lớn đều biết gìn tiết tháo, sống đời ẩn dật để mong đợi một thời cơ quật khởi. Riêng tỉnh Định Tường, khi Định Tường thất thủ rồi, những nhân vật ở ẩn đáng ca ngợi, gồm có cụ Đồ Chiểu, Nhiều Phang (Mai Đăng Phương), Nhiều Tâm (Đỗ Minh Giám hay Đỗ Minh Tâm)...Về sau lại nổi bật một vị ẩn sĩ Mai Văn Ngọc, phẩm cách trong sáng, rất đáng đề cao.

Trong tuần báo Hoà Đồng số 68 ngày 14-5-1966, nhà học giả Hồ Hữu Tường viết về chí sĩ Nguyễn An

Ninh, có nhắc đến đoạn Nguyễn An Ninh xuống Mỹ Tho tìm bạn đồng tâm, đồng chí. Nơi Mỹ Tho, ông Ninh đã vui mừng gặp gỡ vị ẩn sĩ, mà giấu danh không được nên tiếng nổi khắp xứ. Dưới ngòi bút của học giả Hồ Hữu Tường, cuộc đời ẩn sĩ Mai Văn Ngọc được thuật lại một cách trung thực như sau:

Cha mẹ của Ngọc là ai, thật ra không có ai được rõ. Khi Ngọc còn là xích tử, thì có một người đàn bà ẵm Ngọc đến một nhà có cửa, họ Mai mà cho. Không biết người đàn bà ấy có phải là mẹ của đứa bé không, nhưng lại dặn rằng, họ Mai nên nuôi nấng tử tế ngày sau đứa bé sẽ không nhiều thì ít làm rõ danh cho họ Mai.

Họ Mai chưa có con, bèn nhận trẻ ấy làm đứa con đầu lòng và sau này, thiên hạ gọi là Hai Ngọc. Lớn lên, Ngọc thông minh đĩnh ngộ, học chỉ chữ Hán, mà Hán học của Ngọc lừng lẫy từ Bắc chí Nam. Các bậc thâm Nho trong xứ đều đồng ý mà cho rằng Ngọc xứng đáng đứng đầu...nếu người Nam kỳ được phép dự thi. Danh tiếng ấy đến tai bà Sương phụ Nguyệt Anh, một nữ sĩ cùng nổi tiếng khắp nơi vì là con gái cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu một phần nhỏ thôi, mà vì văn thơ và sĩ khí của bà làm cho ai cũng phải công nhận là có tài và có đức hơn hết trong giới nữ lưu. Sương Nguyệt Anh gọi Ngọc đến mà gả cho đứa con một, để cho được rể kỳ tài, ương giống quý để có cháu ngoại hay.

Từ khi có vợ, Mai Văn Ngọc tự mình học chữ Pháp, học từ ngữ, văn phạm, học kết câu. Trong mấy năm, rành tiếng Pháp, nói tuy đờ giọng và không mau, nhưng khi

viết văn thì rất hay, một cử nhân văn chương Pháp chưa dễ qua mặt nổi. Bởi học giỏi như vậy nên khắp xứ đều gọi tặng là thầy, mặc dầu không mở lớp, nhận học trò.

Phật, Lão, Trang, Khổng, Mạnh, bách gia chư tử của phương Đông, các triết gia cổ kim của phương Tây, Mai Văn Ngọc thấy đều rành. Khi Phạm Quỳnh lãnh lệnh của toàn quyền Albert Sarraut để tổ chức tạp chí Nam Phong, thì Phạm Quỳnh dự tính để ở ngôi giám đốc tạp chí một người mà học thuật Đông Tây thấy làm cho cả nước kính nể. Cho nên Phạm Quỳnh từ Hà Nội vào Nam có ý muốn mời Mai Văn Ngọc nhận ngôi giám đốc tạp chí Nam Phong ấy. Trong quyển "Một tháng ở Nam kỳ", người ẩn sĩ mà Phạm Quỳnh tả với bao nhiêu sự kính nể nhưng không viết tên ra, người ấy chính là Mai Văn Ngọc.

Xuyên qua những lời của Hồ Hữu Tường nói về Mai Văn Ngọc trên đây, chúng ta đủ thấy tài học và phẩm hạnh của ông như thế nào. Tài cao, học rộng nhưng trọn đời ông không màng tưởng đến công danh chi cả, sống đạm bạc, bình dị, giữ chí tu tâm.

Ông được Nguyễn An Ninh quý mến. Có lần Nguyễn An Ninh hỏi ông về cảm nghĩ đối với các nhà tư tưởng cổ kim, Đông Tây, ông viết trao cho Nguyễn An Ninh 4 câu:

Thế sự bốn vô chân, ác, mỹ

Nhân sanh đồ tự vọng tham ô

Nhược giao đạo đức tùy nhân tạo

Xem xong 4 câu trên, Nguyễn An Ninh càng thêm kính phục ông. Học giả Hồ Hữu Tường phê bình: “Chỉ trong 28 chữ mà duy tâm, duy vật thấy bị vượt qua, ba vấn đề chân thiện, mỹ mất giá trị tuyệt đối và nền tảng chắc chắn của nhân bản được đặt”.

Như chúng ta đã biết, ông được bà Sương Nguyệt Anh (con gái cụ Đồ Chiểu) chọn làm rể quý. Nhưng đường nhân duyên của ông ngắn ngủi, vợ ông mất sớm, để lại một gái là Mai Huỳnh Hoa tức sau này là bà Phan Văn Hùm vậy.

Chúng ta có thể nhận xét sự nghiệp cách mạng của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm, một phần lớn do ảnh hưởng tinh thần cao khiết của Mai Văn Ngọc. Mỹ Tho có được một vị ẩn sĩ lừng danh như Mai Văn Ngọc thêm vẻ vang cho đất Định Tường ngày trước biết bao.

TẠM KẾT THÚC

Về phần tóm lược nhân vật lịch sử của Định Tường xưa, từ thời Nguyễn Ánh (Gia Long) cho đến khi người Pháp đặt chân xâm chiếm nước ta, gây cảnh máu đổ khắp trên lãnh thổ Việt Nam nói chung, Định Tường nói riêng, chúng tôi nhận thấy trong quá khứ hầy còn nhiều nhân vật quan trọng đã dày công tô điểm lịch sử tỉnh Định Tường. Những nhân vật này chưa được ghi chép đầy đủ. Chúng tôi tin rằng, với sự nghiên cứu của

những sử gia và sự tham gia của các nhà sưu tầm lần lượt sẽ đưa ra ánh sáng nhiều tấm gương tranh đấu chưa được nêu lên. Ước mong khi quyển sách này có dịp tái bản sẽ bổ túc thêm những nhân vật còn thiếu sót cho đầy đủ hơn. Suốt thời gian người Pháp cai trị, Định Tường là nơi un đúc nhiều nhà yêu nước làm rạng rỡ quê hương.

Phần thứ ba:

*** Di tích lịch sử**

*** Đền thờ, lăng mộ
danh nhân**

ĐẠI THẠCH BIA

Thiết lập do sắc chỉ của vua Gia Long

truy niệm các công thần

Gần chợ Thân Trọng (hay chợ Phú Kiết) thuộc quận Bến Tranh, có một tấm bia lớn (Đại thạch bia), khiến người người qua lại không khỏi chú ý. Bia dựng lên do sắc chỉ của vua Gia Long, để truy niệm những bậc công thần, gồm có Nham Tinh hầu, Bửu Thiện hầu, Lý Văn hầu, An Toàn hầu, Dực quận công.

Bửu Thiện Phong là tước phong cho ông Nguyễn Văn Phong, người có công đào sông Bảo Định (xin xem giai thoại Bảo Định hà). An Toàn hầu là tước phong Trịnh Hoài Đức. Hầu hết các vị liệt kê trong bia đều là những nhân vật có công ơn nhiều ít đối với nhân dân Định Tường.

ĐÀN XÃ TẮC

Khoảng năm Minh Mạng thứ 14 (Quý Ty 1833), sắc chỉ nhà vua thiết lập đàn Xã Tắc tại tỉnh thành Định Tường.

Đàn Xã Tắc nằm ở phía tây tỉnh thành, địa phận thôn Bình Tạo, huyện Kiến Hưng, mặt tiền ngó về hướng Bắc. Ấy là nơi thờ thần Xã Tắc trong bản tỉnh thành nội chu vi 16 trượng 9 thước, cao 2 thước rưỡi. Thành ngoại chu vi 40 trượng 4 thước, cao 1 thước 30.

ĐÀN TIẾN NÔNG

Cũng trong khoảng năm Quý Tỵ (1833), trong khi xây đàn Xã Tắc ở phía tây tỉnh thành, thì đàn Tiến Nông cũng được thiết lập về phía đông.

Ấy là nơi thờ Thần Nông, chủ về sự nguyện cầu nông nghiệp thịnh phát, dân giàu nước mạnh, nhà nhà an lạc. Đàn này nằm trong địa phận thôn Điều Hoà, huyện Kiến Hưng mặt ngó về hướng nam. Chu vi là 14 trượng 4 thước, cao 2 thước 70. Có 3 mẫu tịch điền và có kho thâu trữ lúa ở góc đông bắc.

MIẾU THÀNH HOÀNG

Ở về phía tây tỉnh thành, địa phận thôn Bình Tạo, huyện Kiến Hưng, khi xưa có miếu thờ vị thần Thành Hoàng bốn xứ. Miếu này cùng với đàn Xã Tắc cũng ở gần đấy, đều là nơi tôn nghiêm, dân chúng hướng ngưỡng chiêm bái rất thành kính, trọng vọng.

Tiền đường gồm có 3 gian, trang hoàng rực rỡ, khói hương thờ phụng nghi ngút quanh năm. Xây dựng

từ năm Thiệu Trị thứ 2 (Nhâm Dần 1842). Đến năm Tự Đức thứ 2 (Kỷ Dậu 1849) sửa sang lại.

Tại xã Long Sơn thuộc huyện Long Định vẫn còn ngôi miếu Thành Hoàng. Tương truyền đây là nơi thờ một viên Xá trưởng (có sách chép là Xã trưởng thì sai, chính là xá chứ không phải là xã, vì có chức xá sai, tục gọi là ông xá, có lẽ ông xá này là ông Mai Bá Hương, người đã được các vua Gia Long, Minh Mạng và Tự Đức phong thần tử nghĩa).

Viên Xá trưởng được giao trọng trách vận tải lương thực cho quân ta đang giao chiến với quân Xiêm trong trận Rạch Gầm (xã Kim Sơn). Vào năm 1750, thuyền chài chở quân lương của ông bị quân Miên bao vây. Ông cho lệnh đục thuyền rồi chết theo, không để quân Miên bắt và tịch thu lương thực. Triều đình truy phong làm Thành Hoàng.

MIẾU THỜ THẦN BẢO TỐ

(Hà dương thủy phủ chi thần)

Nơi vàm Mân (sông Cửu Long), thuộc làng Hoà Khánh, quận Sùng Hiếu (Cái Bè) có miếu thờ thần bảo tố, xây bằng gạch.

Khúc sông này rất nguy hiểm cho tàu bè, nước xoáy do các triều lưu mấy nhánh sông Cửu Long đổ đến, vô cùng tai hại lúc trời nổi cơn dông. Bởi thế ngày xưa dân chúng đã xây dựng ngôi miếu để thờ vị thần

linh ngự trị đông bão. Mỗi chủ ghe qua lại nơi đây đều phải đốt pháo chào vị thần tại miếu, hoặc thành tâm khấn nguyện thì mới yên cho.

Tương truyền có một viên tri phủ là Hồ Trung Dinh, một hôm kinh lý qua vàm Mân, thuyền bị sóng to gió lớn. Ông ra lệnh ghé thuyền và lên bờ ngắm cảnh, quan sát hình thể khúc sông và đất đai chốn này.

Đứng trước ngôi miếu nhỏ bằng cây lợp lá, dáng hoang tàn, trên cửa có tấm biển đề "Phong ba miếu". Ông khấn vái "nếu quả thật thần phong ba linh thiêng, xin cho sóng lặng gió êm. Ông sẽ trùng tu miếu võ". Lời nguyện của ông được linh ứng ngay. Ông bèn ra lệnh cho các quan địa phương xây lại ngôi miếu, đổi tên lại là "hà dương thủy phủ chi thần"(thần đông bão)thay vì "phong ba miếu"(miếu sóng gió).

Lần lần ngôi miếu được giới ghe thương hồ mở rộng và xây cất thêm đẹp đẽ, mỗi năm hể đến những ngày 22, 23 tháng 3 và mừng 9, mừng 10, khi đáo lệ kỳ yên thì giới thương hồ lũ lượt kéo đến cúng bái linh thần.

VỊ CỔ PHẬT BẰNG ĐÁ

Tỉnh Định Tường còn lưu lại một di tích quý giá mà ít người biết đến, đó là vị cổ Phật bằng đá hiện nay ở xã Phước Yên, sau đổi là Phước Lộc và được đổi là Hưng Mỹ Thạnh thuộc quận Long Định.

Khi xưa do một nông dân tìm được tượng Phật vào đời Lê Hiến Tông, khoảng năm Nhâm Tuất (1772) tại kinh Bà Bèo địa phận Đồng Tháp Mười.

Vị cổ Phật được thờ tại Linh Phước tự kêu là chùa Phật Đá.

Các Phật tử và đồng bào quanh vùng có tinh thần tôn cổ, gìn giữ coi đó là một bảo vật quý báu nhất của tỉnh nhà.

Lúc Pháp đến đô hộ xứ ta quan chánh tham biện Định Tường định đem cốt Phật này lên Bảo tàng viện Sài Gòn, nhân dân trong làng đứng ra làm đơn gửi lên Thống đốc Nam kỳ phản kháng và xin giữ lại làm di tích cho tỉnh nhà, cho đó là của bất khả xâm phạm sự tự do tín ngưỡng của đồng bào Phật tử ở đây.

Với lời lẽ cương quyết, nhà cầm quyền Trung ương đành nhượng bộ và để y tượng Phật chỗ cũ .

AO THA LA TÂN QUÝ TÂY (quận Bến Tranh)

Tại Tân Hiệp có một di tích lịch sử thời đảng cự, là chỗ trường đua ngựa của các quan đầu tỉnh thuở xưa, trường đua này nằm trên một giồng đất cao trên hai mẫu, tọa lạc tại Tân Lý Tây. Sau người Pháp đến chiếm nước ta chúng mở ra đường xe lửa Sài Gòn – Mỹ Tho, cho dân đến lấy đất trên cái giồng cao này để đắp đường rầy xe lửa lộ Đông Dương, lấy sâu thành một cái ao to nước đọng quanh năm.

Người địa phương thường kêu là ao Tha La, có lẽ tiếng Tha La là tiếng của người Miên khi xưa ở tại cuộc đất này nên mới có danh từ Tha La.

MIẾU THỜ TRINH NỮ NGUYỄN THỊ LIỆU

Tại làng Mỹ Đông (Long Tiên, quận Khiêm Ích Cai Lậy), bên bờ rạch Trà Tân, có ngôi miếu thờ trinh nữ Nguyễn Thị Liệu.

Dưới thời vua Thiệu Trị năm thứ 5 (Ất Ty 1845), khi nước ta cùng dân Miên có sự gây hấn, một thiếu nữ 16 tuổi gốc gác tại làng Mỹ Đông cùng cha đi buôn ở Kompong Chàm, bị giặc bắt mang đi. Cô giữ trinh tiết, đập đầu vào đá mà chết.

Hồn linh ứng mộng cho quan trấn Châu Đốc đệ sớ về triều, tâu rõ sự tình. Triều đình truy tặng một tấm biển, khen ngợi người trinh nữ thôn Mỹ Đông, tổng Lợi Mỹ tỉnh Định Tường. Dân chúng cũng ngưỡng mộ tiết liệt ấy, lập miếu thờ.

CÁC NGÔI CỐ MỘ

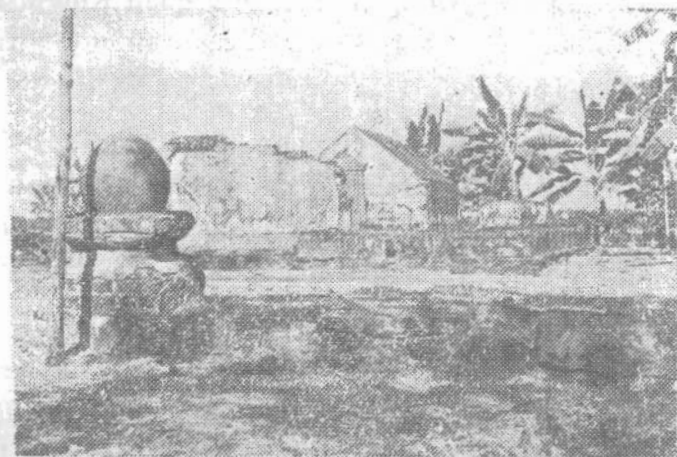
Mộ chưởng cơ Kỳ thiện hầu

Sau chùa làng Mỹ Đức Tây (thuộc quận Giáo Đức) có ngôi mộ quan chưởng cơ Nguyễn Văn Kỳ, xây bằng gạch.

Ông Nguyễn Văn Kỳ là một vị danh tướng của vua Gia Long, dày công hạn mã, được phong đến chức chưởng cơ, tước Kỳ thiện hầu.

Oai quyền ông lừng lẫy một thời, khi ông mất dân chúng rất thương tiếc, xưng tụng ông là quan Thống chế, mộ ông gọi là mộ Thống chế Kỳ

Mộ hai vị thượng quan ông Kinh, ông Đạt



Những ngôi cổ mộ thân nhân

lúc Tả quân Lê Văn Duyệt

Làng Hoà Tịnh xưa (Mỹ Tịnh An), thuộc quận Bến Tranh vốn là quê hương của hai vị danh nho Phạm Tấn Kinh và Phạm Hoàng Đạt. Hai ông đã ra khuôn phò vua Gia Long, công lao rất dày. Về sau ông Phạm Tấn Kinh làm quan đến quan trấn, Phạm Hoàng Đạt thì làm án sát đều ngôi nhậm chức ở Định Tường. Đến khi mất an táng tại quê nhà.

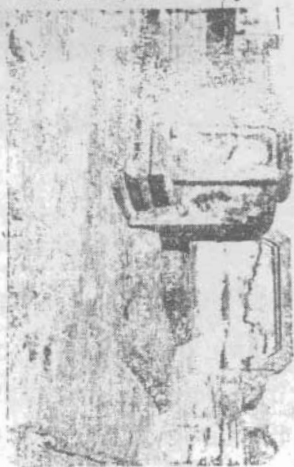
Mộ hai ông xây bằng gạch, nằm song song tại làng Mỹ Tịnh, ngang kinh rạch Nhứt Tân. Do lòng cảm mến hai ông, và để tưởng niệm ghi dấu tích, dân gian đặt tên vịnh ấy là vịnh ông Trấn (quan Trấn) hay vịnh ông Kinh, ông Đạt.

Mộ tứ kiệt, cũng gọi bốn ông ở Cai Lậy

Tại Cai Lậy, có ngôi mộ tứ kiệt cũng gọi là mộ bốn ông, bằng vôi. Ấy là bốn trang hào kiệt tộc danh là ông Thân, Rồng, Đước và Long. Ông Thân là thủ lĩnh nhóm nghĩa quân kháng Pháp và ba vị kia là đồng chí thâm giao, cùng nhau sát cánh chung lo việc nước, đặt căn cứ tại Cai Lậy. Dưới quyền chỉ huy của ông Thân (thường gọi là nguyên soái Thân), nghĩa quân thường đánh phá đồn lũy quân Pháp nhiều trận lừng lẫy tiếng tăm, khiến quân Pháp khiếp đảm. Đáng kể là trận đánh Mỹ Tho trong ngày 1-5 tên Việt gian bếp Hữu bị bốn ông bắt được và đốt cháy. Sau cả bốn ông bị tổng đốc Trần Bá Lộc bắt được và đem xử giảo tại chợ Cai Lậy.

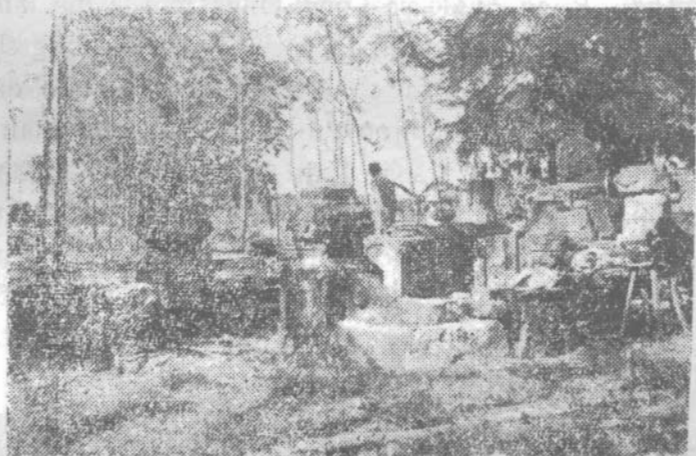
Tương truyền rằng ngày mới bị hại, bốn ông phải ra đầu hàng để rồi bị bắt giữ như trường hợp Nguyễn Trung Trực, vì quân Pháp bắt hết thân nhân trong gia đình bốn ông. Khi bị kết án tử hình, linh hồn bốn ông còn hiển linh xuất hiện khuấy phá trong vùng, gây

MỘ TÀ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT



những cuộc hoả hoạn kinh hoàng. Từ khi ngôi mộ được lập và thường niên được cúng tế, nạn hoả hoạn mới được chấm dứt.

Tại Cai Lậy, đồng bào dân chúng có dựng lên một cái đền thờ bốn ông, có vườn Từ coi giữ khói hương. Dân làng có việc chi đến đây khấn nguyện và hết lòng tin tưởng đến oai linh của các ngài, sanh vi tướng, tử vi thần danh lưu hậu thế.



Mộ bà thân sinh đức Tả quân

Mộ Tả quân Lê Văn Duyệt

Toạ lạc tại xã Long Hưng, thuộc quận Long Định, chung quanh có lũy tre xanh bao bọc, ngôi mộ này kiến trúc theo lối lăng tẩm của nhà vua, bên ngoài có hai con lân đứng chầu, trước có bia đá chạm trổ ghi công nghiệp

của Ngài phò vua Gia Long lập nhiều chiến công to. Sau được phong giữ chức Tổng trấn Gia Định thành.

Theo các bô lão địa phương thổ lộ cho chúng tôi biết, ngôi mộ tại Long Hưng mới thiết là nơi Ngài gởi nắm xương tàn trên mảnh đất quê hương. Còn ngôi mộ tại Gia Định là nơi trấn nhậm của ông thuở xưa quan Triều cảm mến công nghiệp xây để tượng trưng lửa hương phụng sự. Oai linh của Ngài làm cho nhiều kẻ ngang ngược tới đâu cũng cúi đầu khâm phục.

Ngài là một công thần được vua Gia Long trọng vọng. Minh Mạng ghét Ngài, vì giết cha vợ là ông Huỳnh Công Lý nên khi Ngài chết, Minh Mạng bắt tội xiềng mả, lại đục khoét tên của Ngài trên ngôi mộ, lúc bấy giờ Lê Văn Khôi dương tử đứng lên chống lại triều đình.

Năm Mậu Thân 1848 vua Tự Đức tức vị, giải hàm oan cho Ngài, ra lệnh cho xây đắp khắc chữ lại trên mấy tấm mộ bia trước kia bị đục khoét.

Câu chuyện chùa sắc tứ long tuyền với

Chúa Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu

Định Tường xưa có rất nhiều ngôi chùa cổ có tiếng. Đặc biệt là ngôi chùa Long Tuyền (có sách chép là Long Nguyên Tự) ở địa phận xã Thạnh Phú (Xoài Hột), huyện Kiến Hưng, mang màu sắc khá thú vị. Ba chữ “Long Nguyên Tự” chính do vua Gia Long đã ban

sắc ngự tứ tên ấy, để tưởng niệm nơi đã cứu tử Ngài khi trước trên đường bôn tẩu tránh Tây Sơn, nên dân chúng còn truyền tụng, tục gọi là “Chùa Sắc Tứ Xoài Hột”, thuộc quận Long Định, cách Mỹ Tho 7 cây số.

Ngự tứ tên chùa là Long Nguyên Tự vào năm Gia Long thứ 10 (Tân Ty 1811). Đến năm đầu hiệu Thiệu Trị (Tân Sửu) (1841), vua Thiệu Trị mới ngự tứ đổi tên lại là chùa “Linh Thữu”. Bởi các triều vua đều tỏ dạ ân cần tưởng niệm chùa này như thế, nên chùa nghiêm nhiên là “ngôi chùa vua”. Sự tích lý thú như sau:

Tục truyền rằng 200 năm về trước, địa phận xã Thạnh Phú (Xoài Hột) còn hoang vu, dân cư thưa thớt. Ngày kia, có một đám trẻ chăn trâu dẫn trâu ra đồng cho ăn, chúng tụ họp lại nơi một con giồng có cây cao bóng mát mà tránh nắng. Bày cuộc vui đùa, chúng đào lấy đất sét nắn tượng, có đứa nắn ngay hình Phật, đem để trên gò đất. Đoạn bẻ nhánh cây làm chòi để che các tượng Phật kia, trông như một kiếng chùa.

Trẻ khôn ngoan đặc ý với trò chơi có vẻ sùng kính với thiêng liêng, bền bảo nhau:

-Chúng mình từ đây đã có chùa thờ Phật, có bánh trái gì thì cứ đem cúng, rồi chia nhau ăn cho vui.

Tất cả bọn trẻ đều đồng ý với nhau và thực hành nguyện ước ấy, lâu ngày chầy tháng, chủ đất hay được quở trách đám trẻ và toan triệt hạ cảnh chùa kia; nhưng lạ thay! Hễ mó tay dẹp phá đi, sau đó chừng có đấng vô hình nghiêm phạt không cho. Gia quyến chủ đất khẩn

vái và hứa cất chùa lại nơi đám đất ấy, tự nhiên trong nhà vô sự bình an. Do như linh tính, xa gần dần đến chiêm ngưỡng, rồi dân làng hiệp nhau cất lên một ngôi chùa nhỏ bằng lá, thờ cốt Phật bằng đất với tất cả lòng thành dâng hương lễ bái.

Một hôm có vị tu sĩ tên Nguyễn Phước Chánh, pháp danh Nguyệt Hiền đến trụ trì tại chùa, sửa sang lại rộng rãi, đặt tên chùa là Long Tuyền Tự (có nghĩa là "Suối Rồng"). Bá tánh khắp vùng đến qui y thọ giáo ngày càng nhiều. Chư Sơn đại đức trong tỉnh bèn tặng Ngài Nguyệt Hiền là Hoà thượng trụ trì.

Khoảng năm Ất Ty (1775), chúa Nguyễn Ánh tránh mặt Tây Sơn chạy vào Nam, xuống tới Định Tường. Nấu mình trong bộ y phục dân dã, Ngài cùng với năm sáu vị quan theo hầu đến xin tá túc nơi chùa Long Tuyền.

Mặc dầu không rõ Ngài là ai, nhưng Hoà thượng trụ trì cũng sẵn lòng thương cảm bao dung, vì cửa chùa vốn chẳng hẹp ai, gặp khi chúa Nguyễn đau yếu, Hoà thượng cũng tự tay chẩn mạch hốt thuốc điều trị cho rất tận tình.

Một đêm, có chim linh bay vùn vụt quanh chùa, kêu la inh ỏi mãi dường báo điềm gì. Thấy lạ, Hoà thượng đánh tay xem điều hung kiết thế nào. Đoán biết sẽ có sự chẳng lành cho khách lạ phương xa, Hoà thượng ngậm ngùi bảo chúa Nguyễn:

-Quý khách nên xa lánh chốn này, ở lâu ắt có chuyện chẳng lành xảy ra.

Tại Long Hưng, chúa Nguyễn gặp tướng tài phò tá là Lê Văn Duyệt, rồi dần dần thu phục thêm hào kiệt anh hùng miền Nam, vây vùng chống trả với Tây Sơn, suốt mấy mươi năm mới thống nhất được non sông, lên ngôi Hoàng đế tức vua Gia Long.



Chùa Sắc Tứ tại Xoài Hột, gọi chùa Suối Rồng.

Lúc Gia Long bôn tẩu chạy vào đây lánh nạn.

Nhờ công ơn Hoà thượng chùa Long Tuyên, năm Gia Long thứ 10 (Tân Ty 1811) nhà vua ngự tứ tên chùa là Long Nguyên (bãi đất rồng), thay vì tên cũ chùa là Long Tuyên (Suối Rồng), đồng thời cấp một số ruộng đất mấy mươi mẫu làm hương hoả cho chùa, và cho quân lính gìn giữ ngôi chùa kể như chùa vua.

Rồi đến đời vua Thiệu Trị, lại đổi tên chùa là “Linh Thửu (cũng gọi là Linh Tự) như đã kể ở đoạn trên.

Chúng tôi đã đích thân đến viếng chùa, được vị trụ trì hiện nay là hoà thượng Thành Đạo cho biết thêm:

Sau khi hoà thượng đầu tiên là Nguyệt Hiền viên tịch, kế tiếp mấy người vị trụ trì nữa coi giữ ngôi chùa cổ này. Đến năm 1802 thì có hoà thượng Trà Chánh Hậu là con của quan cựu trào trùng tu lại nguy nga. Rồi đến hoà thượng Ngô Chí Thiền, hoà thượng Thích Chơn Huệ, kế hoà thượng Thành Đạo trụ trì nay tuổi đã trên 60, làm giám đốc Phật học Lục hoà, kiêm trụ trì chùa Phật Ấn.



Tiểu Hồng chung cổ từ thời Thiệu Trị nguyên niên 1841, tọa lạc tại Phù Dung cổ tự

Khoảng năm 1937 triều đình Huế hãy còn gửi giấy về chùa tặng thêm mấy chữ Long Tuyên cổ tự.

Chùa Long Tuyền được liệt vào hạng chùa xưa nhất tại đây, có một đại hồng chung niên hiệu Gia Long và những pho tượng bằng đồng đen còn di tích tại chùa.

Ngoài ra, theo lời các di đại lão hoà thượng đã kể lại với chúng tôi, tỉnh Định Tường nay còn có những ngôi chùa rất xưa, trên một trăm năm:

1. Phật Đá cổ tự (Long Định)
2. Bửu Lâm tự (chợ xã Điều Hoà)
3. Hội Tôn cổ tự ở xã Quới Sơn.
4. Phước Thạnh tự (Cái Bè)
5. Đức Lâm tự (chợ cũ Điều Hoà)
6. Linh Phong tự (Tân Hiệp)
7. Phù Dung tự (Cái Bè)
8. Thiên Hoà cổ tự (Đông Hoà Hiệp – Cái Bè)
9. Chùa Rạch Tràm (Cai Lậy)
10. Chùa Vĩnh Tràng.

CHÙA LINH PHONG tục thành gọi chùa Thành

Trong hàng các chùa xưa đã được ghi chép trong sử sách, ngoài chùa Long Tuyền kể trên có chùa Linh Phong cũng là cảnh chùa được coi là tốt đẹp nhất từ thuở trước.

Chùa này ở địa phận thôn Tân Hiệp, huyện Kiến Hưng. Nguyên xưa do người Miên đã đắp một cái nền đất cao rộng, rồi xây gạch làm vòng thành. Người thôn Tân Hiệp là Lê Văn Tâm sau đó mộ cuộc lạc quyền. Bá tánh chung nhau đóng góp, dựng lên một ngôi chùa Phật mang tên Linh Phong tự, tục gọi chùa Thành. Quanh chùa có hoa sen đua nở, xa gần ngưỡng mộ, khói hương không ngớt.

CHÙA BỬU LÂM

Sau chùa Long Tuyên ở Xoài Hột và chùa Linh Phong ở Tân Hiệp, chùa Bửu Lâm ở địa phận thôn Phú Hội, huyện Kiến Hưng (chợ cũ Điều Hoà) cũng đã trải một thời gian trên 150 năm qua.

Vì thuở xa xưa đất đai hoang vu, tật bệnh tai ách thường liên miên xảy ra, dân chúng trong vùng ngưỡng trông ở thần quyền, cất ngôi chùa nhỏ bằng lá để làm nơi tổ tất lòng thành lui tới khẩn nguyện. Do sự linh ứng hiển nhiên, bá tánh thêm nặng lòng tín ngưỡng, coi như tìm được một rừng của báu, vì nơi đây hữu cầu tất ứng, vạn sự vạn linh, bèn đặt tên chùa là Bửu Lâm Tự. Đến năm Gia Long thứ II (Quý Hợi 1803), có người trong thôn là Nguyễn Thị Đạt nhờ được ơn trên gia hộ, cảm niệm công đức cao dày, bèn xuất của tu tạo ngôi chùa cho xứng đáng hơn.

CHÙA VĨNH TRÀNG

Tuy không xưa bằng các chùa mà chúng tôi đã kể trên, chùa Vĩnh Tràng chỉ xây dựng non trăm năm trở lại đây, cũng vẫn đáng được xếp vào hàng cổ tích, vì cảnh trí mỹ quan của chùa này, lòng tín ngưỡng sùng phụng của thập phương bá tánh đông đảo lễ bái quanh năm.



*Cửa Tam quan chùa Vĩnh
Tràng trên một pho tượng của
cố Hoà thượng Minh Đản,
người sáng lập ngôi chùa này.*

Chùa tọa lạc trong địa phận xã Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, sát bên cạnh tỉnh lỵ Mỹ Tho. Khung cảnh u nhân thanh tĩnh, cây cao bóng mát sum sê, chùa Vĩnh Tràng có nét đẹp vừa trang nghiêm, vừa khả ái, khiến du khách đến viếng Mỹ Tho không thể không đi đến viếng chùa này. Mà đã thân đến quan chiêm, tắc lòng ắt ghi đậm ấn tượng sùng đạo, một điều thanh tịnh tâm chơn.

Trước chùa lại có một cửa tam quan vô cùng ánh
xảo, màu sắc óng ánh, kể cũng là một tuyệt tác hiếm
thấy của ngành kiến trúc nước nhà. Bên trong chùa, cột
và bàn thờ Phật đều bằng gỗ quý, chạm trổ mỹ thuật,
vàng son rực rỡ. Còn có một tượng Phật cao độ ba
thước, thếp vàng óng ánh, càng tăng vẻ đẹp lộng lẫy
nguy nga. Có thể nói chùa Vĩnh Tràng vừa là chốn tôn
nghiêm có tiếng trong nền đạo mà cũng vừa là một cảnh
đẹp để làm say đắm lòng du khách.



*Mặt tiền chùa Vĩnh Tràng, một trong những ngôi
chùa lớn nhất và đẹp nhất của tỉnh Định Tường.*

Phần Thứ Tư:

*** Sự tích**

*** Lịch sử**

*** Huyền sử**

*** Giai thoại**

SỰ TÍCH

CON KINH BẢO ĐỊNH HÀ

Từ khi Nguyễn Cư Trinh dùng chính sách tam thực mà mở rộng miền Nam, các người sau kế tiếp nhau phá rừng phá núi, công trình gian lao khôn xiết kể. Mỗi một vùng đất, một con kênh, một con rạch, cây cầu, thủy đều có mang di tích người xưa để lại.

Kịp lúc quân Pháp sang đây chiếm đoạt, các di tích xưa lần lượt bị khoắc vào mình những cái tên ... Tây, mà tên cũ non sông hầu như bị chìm trong quên lãng. Như cầu Thị Nghè mang tên là Arroyo de l'Avalanche, Bảo Định hà mà cũng đổi tên là Arroyo de la Poste, miếu Kiến Trung thì gọi là Ô Ma (Aux Mares) Camp des Mares.

Arroyo de la Poste hay Bảo Định hà xưa, nguồn gốc ra sao? Ấy là một con kinh do Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong và Vân Trường hầu Nguyễn Cửu Vân đã đốc xuất quân dân đào vét thành hình.

Theo Đại Nam Nhất thống chí và theo tài liệu của ông Lê Thọ Xuân trong tạp chí Đại Việt số 9 năm 1952 đã nhận định như sau:

Thuở trước về phía trên, rạch Vững Gù (Tân An) chảy từ Vàm Cỏ Tây tới quán Thị Cai, về phía trước, rạch Mỹ Tho chảy từ Tiền Giang tới chợ Lương Phú (Bến Tranh) còn đoạn giữa thì ruộng giống liên tiếp với nhau.

Đến năm Ất Dậu 1705, đời chúa Nguyễn Hiếu Minh Vương, Nguyễn Cửu Vân phụng mạng vào giúp vua Chân Lạp là Nặc Ông Yêm công phá binh Xiêm. Định quân thường do vùng giống cao ruộng thấp này mà đánh phía sau quân ta.

Nguyễn Cửu Vân bèn dạy đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến Bến Tranh, và dạy đào hai bên rạch Vững Gù và Mỹ Tho cho nối liền nhau, ngoài lũy có hào sâu rộng.

Về sau, theo dòng nước này, người ta vét thành một con kinh. Nhưng vì đường nước đi xa lại phải qua nhiều khúc quanh co, nên những chỗ hẹp thì bùn đọng cỏ mọc, lâu ngày nơi thì cạn lên, nơi thì nhỏ lại, thuyền bè khó thông thương, nhất là chỗ giáp nước là chợ Thân Trọng (thuộc làng Phú Kiết) nước chảy quá yếu nên càng cạn lắm, ghe đến đó phải cặm sào chờ nước lớn thật đầy mới qua được. Đó là chưa nói đến sự khó khăn trong khi gặp nước ươn, nước kém.

Đến năm Kỷ Mão 1819, ngày 28 tháng giêng âm lịch, vua Gia Long giáng chỉ dạy quan trấn thủ tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) là Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem 9.679 dân tráng trong trấn chia làm ba tốp, thay phiên nhau vét lại kinh này. Dân phu thì được cấp cho mỗi người một quan tiền và một vuông gạo trong một tháng.

Bấy giờ, phó tổng trấn thành Gia Định là Huỳnh Công Lý giám đốc việc đào kinh. Hễ gặp chỗ hẹp thì vét rộng ra, gặp chỗ cạn vét sâu xuống, chỗ cong queo thì vét ngay.

Đến ngày mùng 4 tháng 4 nhuận thì hoàn thành đoạn kinh mới từ chợ Thân Trọng đến Hóc Đồng dài 14 dặm rưỡi (độ 9.000 thước), rộng 15 thước ta (độ 6 thước tây) và sâu 9 thước ta (3,50 m). Đào xong, Huỳnh Công Lý cho khắc bia kỷ công dựng bên mé kinh, gần chợ Thân Trọng và chạy sớ về triều. Nhà vua đặt tên cho cả dòng nước từ Vàm Cỏ Tây tới Tiền Giang của trấn Định Tường là Bảo Định hà.

Thế là từ tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão 1819, con sông Bảo Định do vua Gia Long ngự tứ danh hiệu, giúp nhân dân được nhiều tiện lợi.

Điều nên biết thêm, đến năm Minh Mạng thứ 6 (Ất Ty 1835) Bảo Định hà này lại đổi tên là sông Trí Tường (Trí Tường giang), có tạc bia đá dựng nơi bờ sông thôn Phú Kiết.

LỊCH SỬ

ĐỊNH TƯỜNG VỚI TRẬN RẠCH GẦM

Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh

Rạch Gầm chảy nhanh ngang tổng Thuận Bình, quận Long Định, dài 11 cây số mang tên chữ là Sầm Giang.

Sầm Giang cách tỉnh lỵ Mỹ Tho 14 cây số, bắt nguồn từ làng Long Tiên, uốn khúc quanh co qua các làng Mỹ Phong, Bàn Long, Vĩnh Lim, Kim Sơn và cuối cùng đổ ra sông Cửu Long. Ở cửa sông Sầm Giang tục gọi là Rạch Gầm, từng ghi hai trận đánh vô cùng ác liệt!

Lần thứ nhất, vào khoảng năm Canh Ngọ 1750, quân Xiêm kéo đến xâm lăng, đánh nhau với quân ta dữ dội gần Rạch Gầm. Kết quả quân ta thất trận để quân Xiêm vào chiếm Định Tường. Nhưng chẳng bao lâu, quân ta quật khởi, đánh đuổi quân xâm lăng đi được.

Lần thứ hai, cuộc ác chiến xảy ra giữa quân Tây Sơn và viện quân Xiêm do chúa Nguyễn Ánh rước vào,

khiến sóng nước Rạch Gầm loang máu đỏ một vùng. Đây mới là trận đáng kể nhất trong lịch sử nước ta nói chung và trên mảnh đất Định Tường nói riêng.



Trận thủy chiến lịch sử: Nguyễn Huệ đại phá hai vạn quân Xiêm tại sông Rạch Gầm năm Giáp Thìn 1874

Năm ấy, Giáp Thìn năm 1874, khoảng tháng 6 âm lịch, chúa Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về nước, có hai đại tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 20 ngàn quân Xiêm và 300 chiến thuyền theo giúp. Ấy là kết quả những tháng năm tá túc nước ngoài, chúa

Nguyễn đã cầu viện được lực lượng của nước người hỗ trợ.

Binh tướng Xiêm quả hùng dũng thật. Với một lực lượng 20 ngàn quân và 300 chiến thuyền, họ đã hoành hành trên đất nước ta như một quân đội hùng hậu vô địch, đánh đâu thắng đó, coi quân Tây Sơn chẳng ra gì. Nhờ oai thế của họ, từ tháng 7 cho đến tháng 11, chúa Nguyễn lần lượt thu phục lại đất đai Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng (lúc ấy gọi là Ba Thắc), Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc, Ba Rài và Trà Tân (vùng Cai Lậy, Mỹ Tho). Quân Xiêm được thế càng ngạo nghễ, tự đắc, diễu võ dương oai, miệt thị Tây Sơn như đồ bỏ.

Tuy nhiên, dù thất trận ở nhiều nơi trước quân đội ngoại viện đã ủng hộ chúa Nguyễn, nhưng Tây Sơn cũng đã chống trả chẳng hèn yếu gì. Bằng chứng là trong trận đánh ở Mân Thít, Tây Sơn đã giết chết một viên thượng tướng của chúa Nguyễn là Châu Văn Tiếp.

Thấy Châu Văn Tiếp bị giết, chúa Nguyễn có vẻ buồn rầu, lo ngại, hai viên đại tướng Xiêm ngạo mạn thừa:

-Ngài chớ lo. Chúng tôi dư sức giúp ngài tận diệt lũ Tây Sơn cho, sá gì bọn chuột lắt ấy.

Nói xong, Chiêu Tăng và Chiêu Sương xua quân tấn công ráo riết, như để trả thù cho Châu Văn Tiếp và như phô trương tài nghệ của mình, thanh thế lẫy lừng của quân đội Xiêm thiện chiến.

Đương đầu với đám binh Xiêm háo thắng khinh địch, các tướng sĩ Tây Sơn thật ra chẳng nao núng gì. Nhưng cẩn thận hơn và biết người biết mình, đô đốc Tây Sơn một mặt cầm cự một mặt cho người về Quy Nhơn báo cáo tình hình với chúa tướng Nguyễn Huệ.

Hay tin Nguyễn Huệ cả giận, bốn thân dẫn đại quân vào Nam. Hùng dũng, hăm hở, tự tin, đoàn quân Tây Sơn từ Quy Nhơn kéo vào tiếp ứng, khiến toàn thể binh tướng Tây Sơn đều lên tinh thần, phấn khởi chiến đấu oai phong lẫm liệt.

Quân thám tử cấp báo cùng chúa Nguyễn Ánh :

-Thật đáng ngại, chúa tướng Tây Sơn là Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã vào Nam chỉ huy toàn quân kháng cự với binh tướng Xiêm.

Nguyễn Ánh lo ra, cho vời hai tướng Xiêm thương nghị:

-Nguy rồi. Nguyễn Huệ rất giỏi cầm binh. Hai vị tướng quân phải đề phòng cho lắm mới xong.

Chiêu Tăng và Chiêu Sương cười nhạt:

-Bọn tôi coi gã ấy chẳng khác đám vô danh tiểu tốt. Ngài có quá sợ thì hãy cứ lui lại xa mà chờ tin báo tiếp đắc thắng của bọn tôi.

-Cẩn thận vẫn hơn. Xin hai vị tướng quân chờ khá khinh địch.

-Bọn tôi đã có kế hoạch tấn công sẽ đè bẹp chúng nó trong một sớm một chiều chẳng khó gì đâu.

Chúa Nguyễn Ánh vẫn thăm lo ngại lặng lẽ chẳng nói gì nữa với tướng Xiêm, một mặt dặn dò tướng sĩ tâm phúc của mình, một trở lại hòn Thổ Châu để chờ nghe tin tức thế nào.

Bây giờ vào tháng chạp năm Giáp Thìn (1784). Đại quân Tây Sơn do Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đích thân chỉ huy từ Mỹ Tho kéo lên Trà Tân dự chiến. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương vẫn cậy tài, xua quân nghênh chiến dữ dội.

Đã có sắp đặt chiến lược, mưu cơ, Nguyễn Huệ vừa đánh vừa quan sát thêm lực lượng Xiêm. Thấy bọn chúng hữu đông vô mưu, Nguyễn Huệ cười lạt càng vững tin tướng sĩ của mình sẽ đập tan đám quân Xiêm ngạo nghễ.

Giao phong suốt mấy tiếng đồng hồ, Nguyễn Huệ bỗng ngấm ra hiệu tức thì tướng sĩ Tây Sơn trá bại tháo lui. Binh tướng Xiêm hùng hổ đuổi theo. Chiêu Tăng bảo Chiêu Sương:

-Lũ chuột đã khiếp oai thế của ta, cuốn vó chạy dài như thế, nực cười chúa Nguyễn Ánh đi sợ một tên thất phu Tây Sơn nhĩ.

Giữa lúc binh tướng Xiêm từ Trà Tân đắc ý đuổi theo quân Tây Sơn, chúng nào hay Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã âm thầm bủa lưới, bất thành lình trở lại vây bọc phía ngoài. Đồng thời, nơi Rạch Gầm, lực lượng

Tây Sơn cũng đã chờ sẵn đó để thanh toán quân Xiêm nội một trận cho dứt khoát.

Đôi bên đụng độ kinh hồn tại Rạch Gầm. Trống trận vang trời. Quân Tây Sơn mai phục rải rác ở Rạch Gầm và Soài Mút đổ ra chặn mặt trước và mặt sau của binh Xiêm. Đồng thời, đại quân do Nguyễn Huệ chỉ huy cũng đã trở lại bao vây phía ngoài chặt chẽ.

-Tiến! Tiến! Đừng để một tên quân Xiêm nào chạy thoát.

Quân Tây Sơn hò reo tử tử tử. Ba mặt đánh dồn mãnh liệt. Chiến thuyền Xiêm tan tác. Quân Xiêm hoang mang rối loạn, hồn vía chẳng còn, không còn lòng nào ham đánh nữa, kinh hoàng xô nhau tìm đường chạy chết.

Giờ phút này, Chiêu Tăng, Chiêu Sương mới hết dám coi thường Nguyễn Huệ. Nhưng đã muộn rồi. Mạnh giáp chẳng còn, hai đại tướng Xiêm vẫn dám binh tàn, bỏ hết chiến thuyền tranh nhau thoát thân lên bờ.

Một tiếng pháo hiệu nổ vang. Tướng sĩ Tây Sơn cũng đã mai phục sẵn trên bộ từ lâu, đổ xô ra chặn đánh quân Xiêm càng dữ dội hơn. Té ra đúng như chỗ dự liệu của Nguyễn Huệ, nhất nhất quân Xiêm lọt vào lưới bủa.

Rạch Gầm từ đây muôn thuở ghi nét vàng son trên lịch sử. Trận Rạch Gầm vô cùng oanh liệt, chứng tỏ oai hùng và mưu lược của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ trí toán chẳng khác Khổng Minh, tài cầm quân không nhường Hàn Tín.

Một trận Rạch Gầm đủ chôn vùi tên tuổi hai viên tướng Xiêm Chiêu Tăng và Chiêu Sương hữu dũng vô mưu. Ba trăm chiến thuyền Xiêm không còn một chiếc. Hai mươi ngàn quân Xiêm chỉ còn sót vài ngàn băng rừng vượt núi chạy về Vọng Các thẳng một mạch, chẳng dám quay đầu ngó lại.

Nghe tin cấp báo quân Xiêm đại bại, chúa Nguyễn Ánh chạy mặt Nguyễn Huệ, quay lại Cần Thơ rồi ra hòn Thổ Châu, Cổ Cốt, qua Xiêm lánh thân lần nữa.

Trận Rạch Gầm, Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá hai vạn quân Xiêm, dẹp tan 300 chiến thuyền, chứng tỏ tinh thần chiến đấu của nòi Việt có thừa anh dũng để chống cự với cường lân địch quốc bất cứ từ đâu đến. Huống chi sau này, năm Kỷ Dậu 1789, Quang Trung Nguyễn Huệ còn thêm đại phá 20 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị thống lãnh, còn thêm nét kiêu hùng dũng cảm của nòi Việt biết bao.

Quý bạn đọc xem qua bài lược sử trận đánh Rạch Gầm mà chúng tôi đã tường thuật kẻ có tâm chí hoài bão đến quê hương, có đáng buồn, đáng tủi cho đất nước ta thời ấy không? Cũng vì dải gấm vóc non sông này, mà Gia Long cầu viện ngoại bang, cống rắn về cắn gà nhà, gây cảnh núi xương sông máu khắp trên lãnh thổ, dân chúng chịu muôn ngàn khổ sở điêu linh, và lịch sử cũng chứng minh điều đó.

ra huế báo mộng cùng vua Tự Đức

Làng Mỹ Đông xưa (làng Long Tiên, huyện Khiêm Ích, Cai Lậy), bên bờ rạch Trà Tân, có nhà họ Nguyễn phước đức, sinh một gái là thị Liệu dung nhan xinh đẹp, phong tư phẩm cách đoan trang trinh liệt khác thường.

Năm 16 tuổi, cô Nguyễn Thị Liệu (có sách chép là Thị Liễu) càng nức tiếng hiền thực. Xa gần nhiều nơi cậy mai mối cầu hôn, nhưng song thân cô chưa quyết định bề nào. Riêng cô cũng không nghĩ gì đến việc hôn nhân hạnh phúc đời mình, bởi lòng hiếu thảo, thấy cha mẹ còn vất vả làm ăn, cô không đành rời gia đình, hôm sớm tận tâm giúp đỡ bố mẹ.

Bấy giờ nhằm đời vua Thiệu Trị, năm thứ 5 (Ất Tỵ 1845) nước ta đang cùng nước Chân Lạp có điều hiềm khích gây hấn với nhau. Ngặt một nỗi, bố mẹ cô theo nghề buôn, lại phải thường qua lại biên giới. Nhưng biết làm sao. Cô khuyên thân phụ không nên mạo hiểm. Thân phụ cô thở dài:

-Một thời gian nữa cha sẽ tìm cách sinh nhai khác. Ta không gây thù kết oán với ai, một mực lo làm ăn, ai lại hại ta làm chi.

-Thưa cha, lúc này cha nên cẩn thận đề phòng.

Điều lo ngại của cô, quả nhiên chẳng phải là không có cơ sở. Ngày kia, cô được tin thân phụ cô bị

giặc cướp chặn bắt trên đường Kômpong Châm. Nóng ruột cha, cô lặn lội đi dò thăm tin tức. Ngờ đâu sa vào bẫy rập của người Miên tên Thạch Giao, cô bị chúng áp bức toan xâm phạm tiết hạnh. Cô khảng khái chống cự:

-Chúng bây giờ thói dã man, ta chết đi quyết sẽ hiển linh vì dân trừ hại.

Dứt lời cô đập đầu vào đá, quyền sinh tử tiết. Chúng không thoả mãn được dục vọng, căm tức lời thây cô đập vùi nơi rừng rậm.

Thời gian qua...

Một đêm kia, tên Thạch Giao đang cùng đồng bọn chia của trong một vụ mới đánh cướp của thương gia người Việt, rượu đôi chén tâng tâng, Thạch Giao cất cao giọng ngạo nghễ:

-Thằng Thạch Giao này làm mối nào thì ăn chắc mối đó, ai mà chạy thoát được.

Bỗng dưng Thạch Giao đảo lia, đôi mắt long lên sòng sọc, trừng trừng nhìn đồng bọn thét to:

-Quân khốn kiếp, lũ bây một đời làm ác chẳng biết bao nhiêu, nay đã đến ngày đền tội. Ta là Nguyễn Thị Liệu báo oán cho ta và cha mẹ ta đây.

Dứt lời Thạch Giao tự tay bóp cổ mình cho đến trào máu rồi giãy chết. Bọn cướp biết ngay hồn linh trinh nữ đã hiện ra báo oán, ai nấy kinh hồn thất sắc. Nhưng không gã nào chạy đâu được, dường như có bóng

vô hình ghìem chân chúng lại. Rồi một tên trong bọn lại hét to, điểm mặt từng đứa trong bọn chúng:

-Thằng So, thằng Rô, thằng Soul, bây tàn hại một đời con gái của ta, bây hãy tự giết hại lẫn nhau đi, cho xã hội hết phường dâm ác.

Thật lạ lùng. Lời ấy như một mạng lệnh truyền ra, tất cả bọn chúng bỗng rùng rùng tuốt khí giới chém giết lẫn nhau, giết sạch không sót gã nào, duy tên bị hồn trinh nữ nhập vào sai khiến, từ ấy dâm ra ngẩn ngơ điên dại, đến đâu cũng xưng tội ác của mình đã làm, rồi khóc ròng lại van xin cô Nguyễn Thị Liễu tha cho.

Do đó, dân gian truyền nhau câu truyện trinh nữ Nguyễn Thị Liễu hiển linh.

Chẳng bao lâu, hồn cô Liễu cũng tìm ra được kẻ đã giết hại cha cô, trả thù rửa hận một cách kinh khủng. Dân gian càng cảm phục, khiếp sợ oai linh cô, bàn nhau lập miếu thờ.

Đêm kia quan trấn Châu Đốc đang nằm mơ màng trong phòng, bỗng thấy một bóng trắng thấp thoáng dưới ánh đèn lao xao gió tạt khi mờ khi tỏ. Giật mình nhìn kỹ, quan trấn nhận ra đó là một người con gái. Bèn cất tiếng nạt:

-Đang đêm nàng là ai mà vào đây?

Bóng trắng khép nép thưa:

-Tiện nữ là Nguyễn Thị Liễu, chẳng may xấu số bạc mạng. Đau lòng nổi nhà, nổi nước, căm thù quân

tần bạo dã man, nên xin đến ngỏ cùng thượng quan điều cơ mật: Quân Chân Lạp hiện đang đóng binh tại một vùng hiểm yếu. Thượng quan đêm nay hãy lập tức đến bao vây nơi địa điểm ấy sẽ có hồn linh tiên nữ giúp sức cho. Xin thượng quan lưu tâm, chẳng nên coi thường lời tiên nữ.

Bóng trắng biến mất. Bên tai như còn nghe văng vẳng tiếng người trinh nữ giục thúc, quan trấn vốn đã có nghe biết chuyện Nguyễn Thị Liệu, nên không nghi ngại gì, lập tức làm theo lời chỉ dẫn.

Điểm binh xong, vừa kéo đi, lại thấy một con bướm trắng bay vờn theo, đuổi mãi không đi và nghiệm kỹ thấy như bướm có ý hướng dẫn toán quân, quan trấn càng tin linh hồn trinh nữ quả theo ra sức trừ giặc.

Trong cuộc bao vây tấn công chớp nhoáng, quân ta toàn thắng. Rồi sau đó, cứ cách vài đêm thì trinh nữ Nguyễn Thị Liệu lại hiển hiện báo cho quan trấn Châu Đốc biết trước về các dự định hành quân của Chân Lạp. Nhờ đó quân ta dẹp yên loạn.

Khi thái bình trở lại, quan trấn Châu Đốc đệ sớ về triều tâu rõ sự tình.

Triều đình dạy quan trấn thủ lập miếu thờ người nơi làng Mỹ Đông Thượng và tặng cho nhà họ Nguyễn một đôi liễn ghi nét vàng son để nhớ ơn người trinh nữ.

Thanh đức bao sanh dung thi tiết liệt khả khuyến,

Nghĩa: chiếu hiệu nhà vua dưng thiệt người con gái trinh tiết.

Thiên lương cảm phát vô vi cường bạo sở ô.

Nghĩa: Tánh lành của trời đất không dấy với kẻ cường bạo nơi chỗ nhơ.

(Tự Đức Ngũ Niên)

Câu chuyện trên đây trong liệt truyện đã ghi chép qua người con gái của Định Tường ngày xưa, tuy đã chết nhưng nặng tình với nước non, đáng là một nữ trung trinh danh bia muôn thuở.

OAI LINH ÔNG THẦN CẢ DÁM

(làng Kim Sơn)

Chuyện ông cả Dám làng Kim Sơn thành thần và hết sức linh hiển được đồng bào Kim Sơn truyền khẩu một cách kính cẩn. (Dù sao đây cũng chỉ là sự truyền khẩu có tô vẽ cho sự linh thiêng của ông Cả).

Tại làng Kim Sơn từ ngày ông cả Dám thành thần, trong làng không còn vị hương chức nào “diêm” nhận chức hương cả và toàn thể đồng bào trong làng trong mẩu chuyện đối thoại đều nói “không diêm” thay vì không dám.

Để cố gắng hiến cho độc giả một câu chuyện huyền thoại có thật, chúng tôi chịu khó lặn lội đi tìm các vị bô

lão trông lảng, các gia đình giàu có, nhà giàu hoặc có uy tín ở dọc theo bờ sông Rạch Gầm (Sầm Giang) từ cầu sắt chợ Dam đến rạch Bà Hào đều tản cư đi lên Sài Gòn hoặc ra tỉnh Mỹ Tho. Sự đi tìm tài liệu dẫn cứ đòi hỏi một sự cố gắng, nếu thiếu thiện chí nhiều khi phải bỏ dở. Nhưng nhiều khi nhờ thiện chí chúng tôi được sự khích lệ bất ngờ, thể hiện ở hai câu thơ cổ *“Đạp phá thiết hài vô mịch xứ, đắc lai toàn bạc phí công phu”*. Đi tìm dây sắt tìm không thấy, đến khi tìm thấy chẳng bao công. Cuối cùng nhờ thiện chí chúng tôi được hân hạnh tìm gặp ông Nguyễn Văn Sâm tục gọi ông bảy Sâm, hiện gia đình định cư tại chợ Giồng Nhỏ (Mỹ Tho), chính ông nội tổ của ông bảy Sâm: ông Nguyễn Văn Trí là người được thừa hưởng của ông cả Dám 4 mẫu vườn, ông bảy Sâm thừa kế phần hương hỏa.

Ông cả Dám là người thanh liêm, ông đi đâu cũng bịt chiếc khăn nhiều điều và xách giỏ trầu cau, ông không hề làm phiền đồng bào về việc trầu thuốc mặc dầu miếng trầu là đầu câu chuyện.

Nhưng từ khi ông tư Đồ bị ngã chết tại giữa đình làng trong một đêm hát xây chầu, khi ông vừa xây xong một hồi trống, và chuyện một kếp hát bộ về hát trong làng. Mặc dù được nghe chuyện ông cả Dám tên kếp ngạo nghệ vẫn không tin, khi lên sân khấu, tên kếp ngang nhiên dùng chữ Dám, lấy đi lấy lại nhiều lần liền bị ngã trên sân khấu trước mặt hàng ngàn khán giả. Từ đó hương chức hội tề trong làng cũng như toàn thể đồng bào Kim Sơn mới tin tưởng kính vì và lập bài vị tôn thờ

ông Cả như một thần làng, cũng từ lúc ấy những sự huyền thoại về sự linh hiển thể hiện cụ thể những câu chuyện thề thốt. Hồi đó trong làng khi hai người làm ăn có chuyện cãi vã muốn được chứng minh nỗi oan ức của mình, họ đều dắt nhau đến miếu ông Cả để thề. Nếu ai có ý gian sẽ bị hại, theo lời thề. Ông Cả là vị thần chứng minh trừ gian, diệt ác, che chở người dân lương thiện làm ăn, cũng nhờ vậy mà người dân Kim Sơn có được một truyền thống cao đẹp, thật thà chất phác cũng không hề “diêm” thề thốt nếu xét thấy mình có ý gian.

Theo lời ông bảy Sâm xác nhận, thì khoảng thời gian 1930 đến 1940 khoảng thời gian thanh bình và thịnh vượng của thôn quê. Tại làng Kim Sơn những cuộc đá gà lớn lao ăn thua to được tổ chức tại Kim Sơn vào khoảng tháng 2 hay 3 âm lịch, quy tụ những người mộ điệu bốn phương. Con trai ông tổng đốc Lộc là tổng đốc Thọ là người theo đạo thiên chúa không hề tin tưởng có chuyện thần linh, đến Kim Sơn nghe chuyện ông Cả Dám, ông bất cười chế giễu. Để thực hiện lòng ngạo nghễ ấy, trong những ngày mở mùa độ gà ông dùng chiếc khăn nhiễu điều bịt lên đầu để làm nổi bật cá nhân ông trước quần chúng trong đấu trường. Ông Thọ mang theo những con gà nòi đặc biệt nổi tiếng trăm trận trăm thắng. Nhưng kỳ dị thay, liên tiếp 3 ngày ông vẫn thua xiểng liểng, càng bắt lớn càng thua to. Ông thua sạch túi tiền mang theo, cuối cùng phải vay mượn tiền của các vị thân hào nhân sĩ trong làng, bao nhiêu tiền mượn ông vẫn bị thua cháy túi. Ông đến vay tiền ông

Nguyễn Văn Trí, nội tổ ông bảy Săm, cụ Trí đem chuyện ông bịt khăn nhiều điều (khăn màu đỏ) ra phê bình và khuyên ông Thọ nên đến đình ông Cả khẩn vái tạ tội. Ông Thọ nghe theo lời của một bậc nho sĩ khâm kính, đến thắp hương tại đình ông Cả, lột khăn đỏ và cầu nguyện ông Cả chứng minh sự linh thiêng cho ông gỡ lại. Những trận gà cuối mùa tại Kim Sơn, ông Thọ thắng liên tiếp, không những gỡ được số tiền thua mà còn ăn thêm một số tiền khá lớn. Câu chuyện đá gà của ông Thọ đã tăng thêm phần uy linh của ông Cả thành thần, gây thêm một tiếng vang cho chuyện huyền sử ông Cả Dám. Chuyện lạ lùng nhất được đồn đãi là chuyện hai con lân sành gắn trên mộ của bà Cả. Mộ bà Cả và ông Cả được kiến tạo song song với nhau trong khu vườn 4 mẫu mà ông Nguyễn Văn Trí hưởng phần hương hoả. Tục truyền những trẻ chăn trâu vào vườn thấy hai con lân sành to lớn, trẻ nghịch ngợm thì nhau lên cỡi, đứa nào lên cỡi cũng bị lật té xuống. Bọn chăn trâu thuật lại chuyện kỳ dị đó gợi sự tò mò của một số nông dân. Họ tìm đến để cỡi thử lân thì đều bị xô ngã.

Câu chuyện ông Cả Dám thành thần đã được truyền khẩu qua khắp các tỉnh miền Tây. Có một đoàn ghe ở Ba Đông- Trà Vinh* thường vào mua bán đậu ghe ở bờ sông cạnh đình thờ ông Cả. Các ông nghe thấy chuyện linh thiêng bèn nảy ý kiến ăn cấp lư hương ông Cả đem về thờ ở làng mình, cũng từ đạo ấy chuyện ông

* Nhiều bô lão xác nhận lư hương thờ ông Cả hiện còn tại một ngôi đình Ba Đông (Trà Vinh)

Cả Dám dường như bất lĩnh. Nhưng người dân Kim Sơn dẫn không “diêm” dùng danh từ không dám. Đọc xong quyển sách này gặp ai trong câu chuyện hàn huyên đối thoại nghe họ đáp “không diêm” thì độc giả có thể tiên đoán phần chắc họ là người dân làng Kim Sơn, quận Long Định, tỉnh Định Tường.

TÌM HIỂU CUỘC ĐỜI ÔNG CỬ ĐA TẠI THUỘC NHIÊU

Chúng tôi xin hiến quý bạn đọc cũng như quý đạo tâm, hằng nghe danh ông cử Đa qua sấm giảng, sách báo nói sơ qua, chứ chưa hiểu rõ cuộc đời hoạt động của ông xuất xứ ở đâu. Trong quá trình, cũng như bao sĩ phu lên đường làm nhiệm vụ chống xâm lược cứu quốc, ông cử Đa nhiệt thành tham gia kháng chiến ngay từ phút đầu quốc nạn. Xuất thân võ cử nhân, lại cũng có tài văn chương, ông từng xả thân trong các trận đánh với quân xâm lược Pháp, ông gan dạ hăng say chiến đấu diệt thù. Nhưng tình hình đất nước bấy giờ đang lâm vòng đen tối, các cuộc Cần Vương kháng Pháp dần dần lụn bại trước áp lực sắc máu tàn bạo của giặc, ông đành gạt nước mắt lui ẩn nơi rừng sâu núi thẳm.

Ôm lòng đau đớn vì quốc vận gian nan, giam thân cùng sâu trong cảnh thâm u cô tịch, có lẽ do đó tấm lòng ngộ đạo thương đời của ông phát sinh.

Theo tài liệu của ông bác sĩ thứ y Trương Tấn Ngọc ở Vĩnh Kim quận Long Định (Định Tường) Mỹ Tho có mỹ ý trao cho chúng tôi mượn tập “SỬ TÍCH ÔNG CỬ ĐA ĐI TU” gồm có mấy bài trường thiên về “cảnh núi Tà Lơn” và bài “Lan thiên” do chính ông cử Đa sau khi tu tiên đắc đạo lưu lại, chúng tôi nhận thấy: ông cử Đa sinh trong đời vua Tự Đức, khoảng năm Canh Tuất 1850, tính đến năm 1968 nếu ông còn thì đã hưởng dương 118 tuổi. Ông quê ở Thuộc Nhiêu (trong tỉnh Mỹ Tho), một nơi mà cụ Học Lạc đã ca ngợi là chốn đất lành chim đỗ, sĩ phu về đây ẩn dật khá đông:

Đường thẳng ngựa biêu chân ngán bước

*Rạch cùng cá lội mền quên sông**

Từ thời đầu xanh ông đã tận tụy đóng góp tâm huyết với đời thế nào, thì đến khi ông quyết chí tìm đạo, lòng ông cũng thiết thành. Dựa theo bài “Cảnh núi Tà Lơn” ngay mấy câu mở đầu đã nói rõ về bước đường của ông trần tìm đạo:

Tà Lơn bàn thạch dựa kê

Thảo ra một bốn đem về phàm dân

Kể từ ở chốn dương trần

Năm Mùi tháng Sửu ngày Dần ra đi

* Xin xem toàn bài ca ngợi cảnh Thuộc Nhiêu, của Học Lạc ở phần thứ năm Định Tường qua thi ca

Tính ra năm mùi tức là năm Ất Ty 1895, tuổi ông vừa tròn 46. Ông thành thật cởi mở tâm tình qua mấy câu giải tỏ với đời:

Tuổi vừa khôn lớn một khi

Mẹ cha cũng đã dĩ quy huỳnh tuyền

Lòng ta luống những ưu phiền

Một mình trực tiết không màng gió trăng

Trong mình cũng biết võ văn

Trải chơi cuộc thế mấy năm giang hồ

Ngùi ngùi nhớ chốn rừng già

Bâng khuâng tưởng Phật Thích ca màu thoàn

Lòng đạo của ông tăng trưởng, nên ông chí quyết:

Làm sao thoát khỏi cõi trần

Về nơi trú quốc non thần cảnh tiên.

Ông hăm hở lên đường tầm sư học đạo. Đầu tiên ông qua xã Phú Đức, tìm nhờ người thợ tên Châu, nhờ người này châu cấp tiền bạc. Rồi rạng ngày mồng một ông xuống thuyền ra đi cùng với một người bạn tên Thơ. Suốt 6 ngày lênh đênh trên sóng nước, thuyền cập bến Cái Dầu vào ngày mùng 7. Rồi từ đó ông lưu lạc khắp nơi trong tỉnh Châu Đốc, vẫn chưa được toại nguyện. Lần hồi nghe đồn trên núi Tà Lơn có điều mầu nhiệm, ông liền tìm đến. Khi ra đi, ông ăn mặc theo lối tu sĩ..

Thì ra trên đường tìm đạo, ông Cử Đa vẫn phải lẩn tránh thực dân Pháp, nhưng dù đau xót, nguy hiểm thế nào ông vẫn tiến lên. Rồi lần sang Cần Giọt (Kampot), Dung Trạch (Komponch), trôi nổi ít lâu trên đất Cam Bốt, tục gọi ông là sư Bảy.

Cơ duyên run rủi, ông gặp được minh sư trên núi Tà Lơn. Đoạn này, trong bài trường thiên trạng cảnh núi Tà Lơn, chính ông đã tỏ tường quê quán

Ông thí phát quy y vào ngày 14 tháng 3 năm Bính Thân (1896), cải danh đặt hiệu lại là Ngọc Thanh, tu tại động Bồ Hong, ông được tôn sư đưa lên ở nơi Trung Tòa.

Đặc biệt, trong số báo “Phục Hưng” Xuân năm Đinh Hợi 1947, có bài thơ nói về *“Ông Cử Đa hiện hình uống rượu với ông Phan Khôi tại chợ Bến Thành”*, tác giả là Mộng Hoa. Đây chỉ là huyền thoại tác giả tô vẽ thêm nên chúng tôi xin ghi lại đây những điều đại khái trong bài ấy:

Khoảng năm Giáp Tuất 1934, vào đêm trừ tịch, nhà văn Phan Khôi dạo gót quanh chợ Bến Thành.

Chợ đã vắng như chùa “Bà Đanh”, nhưng kìa một cái quán bán cháo lòng, trong hiên chợ, còn sót lại hai người. Một cụ già tóc bạc như sương, đầu bịt khăn rìu đỏ, đã có vẻ tiên phong đạo cốt khác thường mà thêm vẻ hiên ngang quắc thước nữa, đang ngồi uống rượu. Mé trong cái ghế dài để trước mặt, một người khách trú chủ quán, ở trần, đang lom khom đếm tiền.

Thấy lạ, ông tú Phan Khôi bước tới chào. Ông tú Khôi càng ngạc nhiên, chưa kịp nói gì, ông lão đã ôn tồn đàm đạo việc văn chương. Rồi bỗng nghe ông lão chép miệng than dài:

-Sài Gòn khác xa với Gia Định thành ngày trước. Lâu rồi tôi không “xuống” chơi, chẳng dè phong cảnh và nhân dân đã đổi hẳn. Mới, mới tất cả, mới từ ngoài vô vô, từ trong lòng ra. Nghĩ đến câu: “Sơn hà phá toái thủy phiêu như; Thân thế phù trầm phong đả bình” mà lòng sinh vô cùng cảm khái. Nhà văn nghĩ như thế nào?

Ông tú Phan Khôi nhỏ nhẹ thưa:

-Cháu sinh sau đẻ muộn, việc trước chẳng am tường. Mong cụ là bậc tiền bối chỉ dạy cho việc cũ để ngấm lại việc bây giờ.

-Việc cũ? Chuyện trần tôi gác hết! Những bậc tiên xưa còn ai sánh bằng Liễu Nhất chân nhân, thế mà lúc quốc phá gia vong vẫn phải làm tròn nhơn đạo: “Tận trung ư Tề, tận hiếu ư Yên”. Tuy nhiên, thánh triết đã dạy: “Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định” thì dù cho Gia Cát Võ hầu lấy hết gan óc ra mà đền ơn cho Lưu tiên chúa cũng chỉ tam phân đành tấc là cùng. Việc cũ trước tôi đã làm, làm không thành, tôi không hối tiếc, vì “tận nhân lực tri thiên mạng”; sao tôi còn làm, làm để trọn nhơn đạo mới nên thiên đạo. Ông hỏi việc cũ, việc cũ của tôi chẳng có gì sánh với những vị đồng thời với tôi khác, vì thời gian hoạt động của tôi ngắn thôi.

Ông tú Phan Khôi có ý cảm mến, khẽ nói:

~~Cứ cho châu nan nan được biết quý tằm, cào~~
danh?

-Tên tuổi tôi à? Khách trần gọi tôi là Cử Đa, vì tôi tên Đa đậu võ cử. Về sau tôi lấy hiệu là “Hư Không”.

Ông tú Phan Khôi mơ mơ màng màng. Tiếng pháo giao thừa bỗng nổ vang từ phía. Ông cụ già đứng dậy cáo từ. Phan Khôi chợt nhớ ra cái tên Cử Đa là nhà cách mạng tu ở núi Tà Lơn đắc đạo, và cái hiệu Hư Không. Phan Khôi vội vã chạy theo thì bốn bề vắng lặng...

SỰ TÍCH CHÙA PHẬT ĐÁ

(Linh Phước tự)

Một cảnh chùa thành lập từ đời Lê Hiến Tông cách nay gần hai thế kỷ.

Chùa Linh Phước tục gọi là chùa Phật Đá nằm trong xã Phước Yên (sau đổi là Phước Lộc), sau đó được đổi lại Sầm Giang.

Theo sử ký của nhà chùa: Tìm được tượng Phật vào đời Lê Hiến Tông, khoảng năm Nhâm Thìn 1772.

Thuở ấy làng Phước Yên trên kinh Bà Bèo, địa phận Đồng Tháp Mười, là nơi rừng rậm hoang vu. Thỉnh thoảng người ta nghe tiếng hò đồng vọng của mấy gã mục đồng, rồi thì cảnh vật hoàn toàn chìm đắm trong bầu không khí tĩnh mịch.

Một ngày kia, như thường lệ, ông Lương dắt trâu đến ao Bao Sọ cho uống nước. Bất ngờ ông thấy hào quang chiếu sáng ở giữa ao. Ông sửng sốt nghĩ thầm: "Mọi hôm ta có trông thấy hiện tượng lạ lùng như thế này đâu. Sao hôm nay bỗng xảy ra cảnh tượng dị kỳ? Hay dưới ao có vật quý gì chăng?". Còn đang bán tin bán nghi, ông bỗng giật mình, vì trải thêm một cảnh tượng khác lạ khác nữa. Rõ ràng chẳng phải nắng quáng đèn loà, ông trông thấy một tượng Phật vụt nổi lên.

Ông vừa sợ vừa mừng, ú ớ giây lâu mới hết kinh hoàng, gọi to các trẻ mục đồng tụ hợp nhau lại, cùng xem hiện tượng lạ kỳ vừa xuất hiện. Các trẻ chần trâu rập nhau phát biểu ý kiến:

-Chúng ta phải vớt lên, lập chùa thờ phượng. Biết đâu trời Phật đã hộ độ chúng ta, khiến cho được chiêm ngưỡng dung nhan Phật hạ thế.

Ông Lương khen phải, lập tức hiệp các trẻ chần trâu vớt tượng Phật lên, thành kính khôn cùng. Phật hình đứng, toàn bằng đá xanh, có bốn tay. Hai tay đưa lên như cầm cái ngạch quan. Hai tay dưới, phía mặt thì cầm trái châu, phía trái thì chống cây gậy.

Vớt lên xong, ông Lương và đám trẻ chần trâu cùng nhau tạo phước duyên bằng cách tận lực làm công quả xây cất một ngôi chùa nhỏ bằng tranh để thờ Phật. Tiếng đồn chùa Phật Đá lan rộng. Có một vị vương hầu đi lại cầu siêu cho con được như ý nguyện, bèn xuất tiền

thiết lập ngôi chùa bằng ngôi gạch, để cho ông từ Hoà phụng tự.

Ít lâu sau ông từ Hoà mất phần, hương tàn trải qua bao cảnh mưa sa gió táp. Ngôi chùa hư sập, chốn hoang vu hoàn toàn trở lại hoang vu. Bọn trộm cướp đã lấy nơi đây làm nơi trú ẩn. Trâu bò quanh năm thường bị chúng cướp. Do đó, dân gian thuở ấy có ca dao truyền tụng:

Ai đuổi cướp? Ai đi lừa?

Mất trâu mất bò về chùa Phật Đá

Mãi đến sau, về đời chúa Nguyễn Ánh, khoảng năm Kỷ Dậu (1789), chỗ này mới có làng gọi là Phước Yên. Các vị hào mục trong làng mới đứng ra dựng chùa lại. Tính từ khi tìm thấy tượng Phật Đá là năm Nhâm Thìn 1772, cho đến nay gần hai thế kỷ.

Làng Phước Yên sau đổi tên là làng Phước Lộc, tức là xã Hưng Thạnh Mỹ, thuộc quận Long Định. Chùa hư sập, trước sau tu bổ lại được 5 lần. Quanh chùa những gốc cao cổ thụ tuổi thọ cũng gần một thế kỷ.

Trong chùa có đôi câu đối của ông Lưu Liệu người tỉnh Quảng Nam (miền Trung).

Có rất nhiều thơ bát cú của thiện nam tín nữ thập phương đến viếng chùa, vịnh chùa lưu niệm. Trong số ấy, có bài của hoà thượng Phong Sắc đầy đủ ý nghĩa hơn cả:

Phước lộc ngao du quá tiểu khê

Am tiền dạ bạc ước vì nề

*Thiên nhiên tứ thủ chân Bồ Tát;
Pháp tự thiên thu tự Chuẩn đề,
Bảo hộ tích niên sủng tự viện,
Từ Hoà kim nhật thủ đàn nghề.
Anh linh vạn cổ trường sanh thạch,
Hải ngoại trì danh nhậm phẩm đề.*

ĐÌNH ĐIỀU HOÀ CỔ KÍNH

(Thờ bốn vị nữ thần)

Xưa nay đền chùa khắp nơi trên đất nước Việt Nam nói chung, vẫn là nơi thờ phượng các vị công thần, tiền hiền có công khai hoang dựng ấp lập làng, tiêu biểu cho hậu thế nhớ đến công nghiệp của người xưa. Hằng năm, mỗi nơi có lệ kỳ yên cúng tế, dân làng đến chiêm ngưỡng. Hương chức hội tề có mặt thường xuyên trong những bài tế lễ rất long trọng, và vị cao niên nhất trong làng: chánh bái, bồi bái, tế hiền, nguyện hương trước linh thần, thỉnh lá sớ trong một cái hộp sơn son thếp vàng. Một vị chánh bái áo rộng xanh quỳ đọc, ở sau thì 12 vị hương chức tề tựu đứng hầu. Có nhạc ngũ âm, có học trò lễ dâng hoa, dâng rượu, nhất bộ nhất bái.

Trước bàn linh thần trí tế một con heo sống đặt trên tợ, và những mâm hay ché rượu. Có chỗ vật trâu tế thần chớ không tế heo, tùy theo cổ tục của mỗi địa phương.



Cửa ngõ đình Điều Hoà

Có chỗ rước hát bội đến hát cúng ba thứ nơi võ ca đình để cho linh thần xem hát và nhân dân trong làng đến cúng bái, thưởng lãm trong ba bữa. Các làng kế cận cũng đến dự đông đảo. Quang cảnh thật tưng bừng náo nhiệt.

Trên đây là chúng tôi trình bày qua sự cúng tế theo tập tục của đình làng xưa nay trên toàn quốc, nay vẫn còn duy trì với tinh thần tồn cổ của dân tộc ta. Riêng về tỉnh Định Tường còn có một ngôi đình cổ nhất, đó là đình Điều Hoà có trên một thế kỷ, nép mình trên bờ sông Bảo Định ở mé chợ cũ gần chùa chà, đất Định Tường trải qua bao nhiêu thăng trầm tang tóc nhưng ngôi đình vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, sừng sững giữa trời mây. Từ trước tới nay đình đã được tu sửa nhiều lần, nhờ quý vị hương chức và thân hào nhân sĩ tỉnh nhà

đứng ra kiến thiết càng thêm uy nghi lộng lẫy, bên ngoài sân đình rộng rãi, lát gạch trồng nhiều chậu kiểng xưa uốn nắn khéo léo, trông qua như một huê viên nhỏ dành riêng cho của đình công cộng. Trước mặt lộ, đường vô đình có xây một cửa tam quan và hàng rào cửa sắt rất kiên cố, đứng trông vào thấy nền đúc cao hùng vĩ hông đình day mặt ra sân dài trên 60 thước, tiến vào bên trong đình chánh, thấy thờ sắc thần để ngay giữa trên cao, làm một cái khánh khoá cẩn thận. Hương án trang nghiêm, lư đồng trầm hương nghi ngút. Đồ lễ bộ dài theo phía tả, phía hữu, tăng sắc thái uy nghi.

Hai bên góc cột giữa đình, mỗi bên để một cái ché xưa cao gần một thước. Hai cái ché này tuổi của nó chừng đôi ba trăm năm.

Chúng tôi dâng hương bái yết linh thần xong, bèn tìm hỏi các vị bô lão để biết qua lai lịch ngôi đình Điều Hoà. Một vị bồi bái mời chúng tôi xuống võ ca – chỗ để làm trường hát – cùng nhau đàm đạo. Dòm qua mé sau, thấy một dãy nhà, ấy là nơi tiếp tân khi có cúng đình.

Ông bái kể sơ cho chúng tôi biết qua sự hiển linh của đình thần và ân cần bảo chúng tôi:

-Quý ông muốn rõ câu chuyện về xa xưa của ngôi đình xin hãy tìm ông đốc phủ Trần Nguyên Lượng ở trên lộ cầu bắc, sẽ rõ nhiều chi tiết hơn.



Đình Điều Hoà

Muốn có tài liệu đầy đủ, nên từ già ông bá, thân hành lên gặp cụ Trần Nguyên Lượng, trên 80 tuổi. Cụ là người đạo Cao Đài, có tinh thần hiếu cổ, trí nhớ dai. Cụ kể qua lịch sử đình thần cho chúng tôi được biết cận kề.

Đình thần này đã có từ xưa, trên 120 năm. Từ trước đến nay đã sửa chữa, tu bổ nhiều lần, hiện giờ mới được khang trang như thế. Xưa kia chỗ đình hoang vắng, nhà thưa người ít. Ngôi đình do các vị tiền hiền sáng lập và được vua Tự Đức phong sắc để thờ nơi đây.

Nhưng có một điều đặc biệt khác hẳn hơn các đình khác, là sắc phong nơi đình Điều Hoà là 4 vị nữ thần chứ không phải nam thần lạ là thế. Tương truyền: phần đông người đàn bà goá ở mé chợ cũ đều làm ăn thịnh

vượng giàu có hơn hết, đó là đa số, còn phái nam thì không phát cho mấy.

Còn gần đây trong khoảng năm 1946, khi quân đội Pháp đến tái chiếm Mỹ Tho, gồm có nhiều lính Lê Dương, Sénégalais, Maroc ... đến đóng tại đình. Ai cũng tưởng hư hao bọn. Nhưng trái lại, khi chúng ra đi, nơi đình từ trong ra ngoài đều nguyên vẹn không bị sút mẻ một món gì hết. Đồ đạc quý giá để thờ trong đình cũng còn y nguyên, chúng không dám rở động, đó là sự linh ứng của đình Điều Hoà.

Riêng về các đình khác quanh vùng Tân Mỹ Chánh, đình Bến Tranh, Chợ Gạo, chúng vô đóng thì ra tay vơ vét chẳng chừa món gì, đến nỗi chẻ bàn ghế nấu cơm, cây cối phá tán gần hết, khi ra đi như nhà hoang bị khánh tận.

Ban hội hương đình Điều Hoà gồm các vị công chức cao niên hồi hưu, dưỡng lão an chi, dự vào đây để lo việc cúng tế hàng năm.

Mỗi năm đình có hai lệ cúng kỳ yên vào ngày rằm và 16 tháng hai âm lịch đó là đại lệ và tiểu lệ cũng là ngày rằm và 16 tháng 10 âm lịch. Mỗi lệ cúng rất long trọng, trong văn tế đọc lên là: Tứ vị nương nương thượng đẳng thần, để chứng tỏ các vị thần ở đình Điều Hoà là nữ thần chứ không phải nam thần như phần đông lầm tưởng. Mỗi lệ cúng đều có rước hát bộ đến hát ba chầu, trước cúng linh thần sau cho quan khách đồng bào xem.

Theo dòng chảy của thời gian, có nhiều ngôi đình khác bị sụp đổ hoặc còn mà hương tàn khói lạnh không người lui tới, còn riêng về đình Điều Hoà vẫn liên tục lễ nào cũng cúng linh đình, khi viên mãn được bình yên không hề có xảy ra chi cả. Đồng bào dân chúng rất tin tưởng nơi sự oai linh của bốn vị nữ thần hộ trì được an lành vô sự.

Trên đây là những lời tường thuật của cố đốc phủ Trần Nguyên Lượng kể lại cho chúng tôi nghe khi ông còn sanh tiền, xin ghi chép hiến quý bạn đọc hiểu qua sự tích đình thần này.

Lời của nhà biên khảo:

Chính cụ Trần Nguyên Lượng cho chúng tôi biết đình Điều Hoà thờ bốn vị nữ thần, nhưng cụ không biết chính xác là thờ vị nào, tôi đã tìm hỏi qua các cụ bô lão cao niên nhất ở Định Tường cũng không ai hiểu rõ bốn vị thần ấy là ai. Theo truyền thuyết của đồng bào quanh vùng nói, đình này thờ Bà Trưng, Bà Triệu, chỉ nói như thế chứ không có gì làm bằng cứ, thành ra không thể trình bày rõ rệt được, xin bạn đọc thứ lỗi cho.

SỰ TÍCH ĐÁ MỘC

(trên thửa ruộng Bung Ngang)

Cuộc đời ruộng dâu hoá biển vẫn là thường, thì bao nhiêu chuyên biến thiên khác hẳn không có gì đáng ngạc nhiên! Trên khắp thế giới, không nơi nào là chẳng

có những hiện tượng lạ xảy ra. Đời càng văn minh, càng đem ánh sáng khoa học chiếu rọi, nhân loại càng nhận thấy vô số chuyện bí ẩn được khám phá.

Tương truyền đất Định Tường xưa có chuyện “đá mọc” dị kỳ. Chuyện xảy ra khoảng giáp ranh hai xã Phước Thạnh và Tam Hiệp, thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Định Tường, cách tỉnh chừng 15 cây số. Thuở trước, vùng này kêu là Bưng Ngang (gần Xoài Hột) cách Châu Thành 6km.

Chẳng rõ dưới lòng đất nơi vùng ấy có những biến chuyển ngầm thế nào, mà bỗng dưng dân chúng quanh vùng thấy xảy ra hiện tượng đá mọc khác thường. Gọi là đá mọc, vì có những tảng đá chẳng biết từ đâu lại chuyển mình vỡ đất mà nhô lên. Có tất cả 4 nơi như thế, trong tỉnh Định Tường.

Đầu tiên, hiện tượng đá mọc xảy ra nơi khoảng ruộng của ông chín Sang, cách lộ Đông Dương đi Hậu Giang lối một cây số ngàn về hướng đông bắc. Một sáng tinh sương, nông phu quanh vùng bỗng ngạc nhiên thấy một hòn đá xanh từ dưới đất ruộng mọc lên tự bao giờ không ai hiểu, cũng chẳng hề thấy có biến động gì lúc trước đó. Đất lặng lẽ chuyển mình đá thành linh mọc, phi bàn tay huyền diệu của hoá công sắp đặt, người đời há dễ làm chuyện phi thường ấy.

Dân gian còn chưa ngớt bàn về hiện tượng lạ, lại một hôm trời giông to, sét đánh tét hòn đá xanh làm hai. Bấy giờ, trông hình hòn đá giống như một con sấu

hả miệng. Vì sao thế? Không ai giải thích được. Mà cũng không cần giải thích, hiện tượng trong trời đất biết làm sao mà nói cho cùng, xét cho cặn kẽ. Thôi thì sẵn có hòn đá mọc dị kỳ ấy, nông phu quanh vùng bèn đem dao và phảng ra mài thường bữa. Do đó đá được láng mượt.

Cũng về hướng đông bắc, khoảng Bưng Ngang ấy, liên tiếp xảy ra hiện tượng giống y như đất ruộng của ông chín Sang đã kể trên. Phía trước, cách chừng hai cây số, ruộng của ông bộ Vĩnh thuộc xã Long An, cũng có một hòn đá mọc. Từ khoảng ruộng ông bộ Vĩnh xuống chừng một cây số ngàn xã Long An nơi đất của bà Tám Tuyên cũng có mọc lên một chân đá nữa. Lại thêm ruộng của ông Dương Văn Hưởng ở Sài Gòn, về phía đông nam của xã Long An, cũng có mọc lên một chân đá như thế.

Nơi ruộng ông chín Sang, người ta đã khai mương liên tiếp làm vườn, trồng chuối, nhưng hòn đá mọc vẫn còn nằm trong liếp vườn và đá vẫn há miệng mang dấu vết sét đánh độ nào.

Đá mọc đã làm quái gở. Còn thêm chuyện sét đánh tét hai như hình sáu hả miệng, khiến dân quê chất phác không khỏi tưởng nghĩ buồn cười. Người ta truyền rằng: nếu hòn đá mọc ấy không bị trời đánh, thì đến nay cả mấy chân đá ba chỗ kia lớn thêm, ắt làm choán hết đất đai cả mấy xã kế cận, thì người không chỗ ở.

Sở dĩ chúng tôi có bài này, vì liên tưởng du khách đến viếng thăm Định Tường, không nhiều thì ít ắt có nghe câu chuyện đá mọc, thì bán tin bán nghi chẳng rõ ra sao. Trên đây, chúng tôi do theo lời thuật của một vị cao niên ở Định Tường, mà ghi chép lại. Âu đây là một huyền thoại kỳ thú.

CHÙA BÀ KẾT (Long Phan tự)

Một ngôi cổ tự của người Miên trên hai trăm năm,

tọa lạc tại làng Bình Phan, quận Chợ Gạo

Nói đến chùa xưa miếu cũ ở Định Tường, không thể không nhắc nhở chùa Bà Kết (Long Phan tự), một ngôi chùa cổ kính của người Miên, ngót 200 năm nay vẫn còn nhiều di tích.

Từ Chợ Gạo vô tới chùa độ 3 cây số. Có hai lối đi. Một là đường lộ đất, băng đồng xuyên qua những vườn cây rậm rạp. Hai là dùng đường thủy, ngồi ghe xuống đi ngõ kinh Kỳ Hôn.

Vị trí ngôi chùa này nằm trên một gò đất cao, xung quanh có nhiều cây me cổ thụ gốc hai ba người ôm mới giáp. Cảnh vật u tịch, bóng mát tối ngày. Theo lời đồng bào Phật tử địa phương kể lại, ngôi chùa đã có trên hai trăm năm, có thể so sánh với chùa Sắc Tứ ở Soài Hột (Rạch Gầm), chùa Phật Đá ở Bà Bèo, chùa Phù Dung ở Cái Bè. Chùa Bà Kết vẫn đáng liệt vào

hạng xưa nhất ở tỉnh Mỹ Tho, tuy nhiên không tiếng tăm bằng các chùa trên.

Tương truyền: Nơi làng Bình Phan trước kia có cái gì kêu là gò Bà Kết, tên một người đàn bà Miên trú ngụ tại đây, từng làm nhiều việc công đức, phước thiện. Và cũng chính Bà Kết đã dựng lên ngôi chùa trong vùng mang tên bà.

Chùa này trải qua lắm cơn binh biến, nhiều phen bị phá huỷ chỉ còn lại cái nền.

Các bô lão sùng đạo đã chạnh lòng hoài cổ, từng hiệp nhau xây dựng lại để làm nơi thờ phượng uy nghi. Khoảng năm 1945, Đoàn Thanh niên Tiền phong Định Tường đã dùng nơi này làm trụ sở. Khi quân Pháp trở lại, chúng đã kéo quân xuống Chợ Gạo, đánh phá các vùng kế cận và phóng hoả thiêu rụi ngôi chùa. Lúc ấy các Phật tử động lòng đem chôn giấu các tượng Phật cổ theo lối điêu khắc của người Miên.

Qua năm 1949, tình hình nơi quận Chợ Gạo đã tạm yên. Bổng đạo mới làm đơn xin phép chính quyền để lạc quyền số tiền xây dựng ngôi chùa cổ kính này lại

Ngày khởi công trùng tu, khi đào đất xung quanh để đắp cho cao ráo xây nền, sâu xuống độ một mét, bỗng phát giác dưới tầng sâu có vô số gạch xưa dính liền dưới đất như một thành trì gì của cựu trào chôn vùi dưới lòng đất. Số gạch lấy lên được có đến mấy muôn, đem dùng xây nền chùa, xây tường xung quanh mà cũng

không hết. Mỗi cục gạch chừng ba tấc, ngang một tấc rưỡi.

Chúng tôi đến quận Chợ Gạo sưu tầm tài liệu, được biết câu chuyện hi hữu như vậy. Đồng thời theo các bô lão đến chiêm ngưỡng cảnh chùa xưa nói trên. Hầu giúp quý độc giả có tinh thần hiếu cổ được thoả ý phần nào trong sự tìm hiểu.

BẾN THUYỀN NGÀY XƯA

với một đại hồng chung cổ dưới mé sông.

Tìm hiểu qua chuyện xưa tích cũ của tỉnh Định Tường, chúng tôi được nghe các bô lão tại làng Bình Phan, thuộc quận Chợ Gạo thuật lại câu chuyện một đại hồng chung xưa nằm dưới bờ rạch làng Hoà Thạnh giáp với làng Hoà An, có vẻ huyền bí lạ kỳ.

Dọc theo con rạch thiên nhiên thuộc địa phận hai xã Hoà Thạnh và Hoà An, lúc đàng cựa ghe thuyền thường hay đậu nghỉ mát. Có những chiếc đồ ngang thường chực sẵn, đưa du khách qua sông. Do đó, đồng bào dân chúng địa phương gọi là “Bến Thuyền”.

Khi quân đội Pháp chiếm đóng Mỹ Tho, quang cảnh Bến Thuyền ngày càng thay đổi. Cho đến năm Đinh Ty 1907, chính quyền địa phương bắt đầu cho khởi công đào con kinh Kỳ Hôn, mở đường thông thương cho ghe tàu xuôi ngược trên kinh, chuyên chở hàng hoá từ Sài Gòn - Chợ Lớn xuyên qua các tỉnh, đổ ra sông Cửu

Long. Đồng thời con rạch Bến Thuyền cũng hoàn toàn thay đổi khác xưa. Vì khi mở trục giao thông đường thủy kia, người Pháp nghĩ ngay đến việc chở đá hàn ngang một khúc rạch Bến Thuyền để dòng nước lưu thông về con kinh Chợ Gạo cho khỏi cạn. Năm bảy mươi ghe đá trút xuống giữa lòng rạch để hàn bít, và động cừ xi-măng cốt sắt sát hai bên cho đừng lở.

Trong khi xúc tiến công tác làm con rạch Bến Thuyền, dân phu bỗng phát giác một đại hồng chung cổ rất lạ kỳ.

Buổi sáng hôm ấy như thường lệ, một toán dân phu lội xuống rạch gom đá xóc cừ. Đang hì hục làm việc, bỗng nghe dưới lòng rạch, mé gần bờ có tiếng kêu rang rang như động chuông. Thì ra người ta đã động cừ đụng nhằm vật lạ phát ra âm thanh văng vẳng ấy. Mọi người bàn tán xôn xao:

- Chắc là dưới này có một đại hồng chung. Chúng ta phải trục lên xem sao.

Nghĩ thế, chờ nước ròng sát, dân phu bèn ráng sức đào xới nơi chỗ ấy. Giờ lâu, bươi gặp một cái hồng chung màu đen lồi cái quay lên năm tắc. Cùng nhau hăm hở trục lên. Lạ thay! Dầu đã ráng sức đến thế nào, vẫn không lay chuyển nổi đại hồng chung. Dường có mãnh lực gì trì kéo xuống.

Kế nước lớn thì lấp bằng lại. Nước ròng dân phu được lệnh đào xới lần nữa, để tìm cách trục lên cho bằng được. Nào hay vẫn hoài công vô ích. Trông thấy rõ

ràng đó, nhưng vừa ráng sức lay chuyển thì con nước lớn làm cho dân phu phải dừng tay. Rồi thì con nước ròng xem lại vật linh đã bị đất cát khoả lấp y như cũ. Lại phải ra sức đào xới như trước. Và cảnh trở trêu tái diễn. Rốt cuộc sức người đành chịu bất lực. Và thời gian qua, đại hồng chung kia biến dạng. Vẻ huyền bí càng bao trùm câu chuyện hi hữu.

Thời ấy các vị bô lão quanh vùng đều chứng kiến, có vị hiện ngoài 80 tuổi, thuật rành câu chuyện đại hồng chung.

Chúng tôi được gặp ông Lê Phú Lộc, cựu hương chủ, năm nay 82 tuổi; và ông Nguyễn Hoàng Phi tục danh là cậu Tư Hoàng, một nhân vật tên tuổi ở Chợ Gạo, nói qua sự tích Bến Thuyền và đại hồng chung cho chúng tôi ghi chép, và còn nhiều chuyện lạ ở địa phương.

Đại hồng chung cổ có tự hồi nào? Vì sao chôn vùi đáy sông sâu? Xuất xứ vật linh ấy là đâu? Tại sao dính cứng dưới lòng đất và nước lớn lấp mất đi? Đồng bào dân chúng đã đặt ra nhiều câu hỏi chuyện lạ này.

Viết đến đoạn này, chúng tôi nhớ lại trong quyển *Địa linh nhân vật (Kiến Hoà)* chúng tôi có tìm viết về chuyện đại hồng chung ở làng Vĩnh Thành thuộc Cái Mơn cũng có đại hồng chung tương tự như trên.

Nước ta thật có lắm chuyện thần bí lạ kỳ. Trên tinh thần hiếu cổ, chúng tôi không nài khó nhọc sưu tầm

qua những chuyện lạ của đất nước để hiến cho quý độc giả biết qua những gì thiêng liêng cổ kính.

GIỒNG ÔNG LŨNG BÌNH PHỤC NHÚT

Câu chuyện truyền tụng giống ông Lũng (hay là ông Dĩ?) vẫn còn các bô lão quận Chợ Gạo thuật lại, với niềm cảm phục, với nỗi ngậm ngùi khôn xiết.

Trong thời tao loạn, bao giờ cũng đầy dẫy cảnh trơng náo nùng. Nhất là khi đất nước trải qua cơn ngoại xâm, nỗi bi đát diễn ra dưới mọi hình thức, không sao kể xiết. Hoàn cảnh nước ta khi quân Pháp chiếm đóng Định Tường làm bàn đạp để tiến chiếm luôn ba tỉnh miền Tây, đau thương khôn khổ cho dân chúng vô cùng.

Những người con đất nước vùng lên chống trả hào hùng bao nhiêu, thì lại có những hạng phản bội nòi giống đau xót bấy nhiêu. Đồng bào vùng Gò Công, Long An, Định Tường không quên các bậc tiền nhân đã xả thân cứu nước như Trương Công Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực, thì cũng khó có thể quên những cái tên từng làm tay sai cho giặc như Huỳnh Công Tấn, Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương.

Chính vì những kẻ đã theo chân quân xâm lăng mà đàn áp lại những đứa con trung thành với Tổ quốc, khiến ra có chuyện “Giồng ông Lũng (hay ông Dĩ?)”.

Một số quân lính của Pháp dọ dẫm khắp xóm làng để lùng bắt các nhóm võ trang kháng Pháp. Giữa tình

thế nước non đổi chủ, dân ta bị dưới ách thực dân, lòng người sôi hân, mà trái lại lắm kẻ phản lại giống nòi dẫn Pháp đi ruộng bắt đồng bào vô tội gán cho là phản loạn.

Cảnh người Việt dẫn lính bắt người Việt cứ diễn ra thường xuyên. Nghĩa quân cũng như các nhóm đảng không thể ngồi đó mà chịu bó tay, mới phải đối phó bằng cách thanh toán ngay những ai đã dựa vào thế lực của giặc mà hoành hành dân chúng. Do đó mà khi xưa mới có tổ chức bắt những tên đầu sỏ có máu mặt từ làng này qua làng kia đem về hành quyết vùi thây nơi giống ông Dĩ ngày nay.

Ba mươi năm sau, dân chúng mới cuốc đất những con giống này để trồng trọt, thì phát giác ra hàng ngàn bộ xương nằm sắp lớp. Các bộ lão còn cho biết đó là những tử thi vô chủ thời thực dân chiếm đóng Định Tường!

Nguyên con giống ông Lũng hay ông Dĩ rất sầm uất, cây cao bóng mát. Đường Gò Công quốc lộ 24, từ chợ vô tới giống chừng 1.500m. Đuôi giống nằm vào địa phận làng Thanh Nhứt, giữa giống là làng Bình Phục Nhứt, hướng bắc là kinh Chợ Gạo vị trí rất u tịch vắng vẻ. Quanh năm có nhiều loại cu, chim, ó biển về đậu trên những tàng cây rợp bóng.

Giữa giống này lại có một cái giếng nước ngọt, tục gọi là giếng trời sanh, không bao giờ cạn, dân chúng quanh vùng thường lui tới gánh về uống trong tháng nắng.

Các nhà săn bắn địa phương thường đến đó bắn chim cu và ó. Nhưng khi bắn chim sa xuống giếng hay một gốc cây nào đó, chạy đến kiểm thì không thấy bóng dáng chim đâu nữa, dường như có bàn tay vô hình nào giấu mất. Nhiều lần xảy ra như thế.

Những lời tường thuật trên đây do ông Nguyễn Khương Ninh, ngoài 80 tuổi, đương kiêm kế hiền làng Bình Phan kể lại; và ông Lữ Quới, một địa chủ có tiếng ở vùng này nói rõ những câu chuyện giống ông Lũng hay ông Dĩ cho chúng tôi ghi chép.

Trong hiện tình giống ông Dĩ cũng hoang vắng, ít người lui tới gánh nước. Bao giờ con giống lịch sử đau thương này trở nên trù phú!

GIAI THOẠI VỀ ĐỒNG THÁP VÀ ÔNG THIÊN HỘ DƯƠNG

Đây chúng tôi xin hướng dẫn quý bạn đọc vài câu chuyện có tính cách lịch sử lý thú của Đồng Tháp Mười trong thời kỳ Thiên Hộ Dương kháng Pháp cách nay trên một thế kỷ. Đồng Tháp thì xưa thuộc tỉnh Định Tường, chúng tôi không thuật lại những chuyện viễn vông, quái đản thường truyền tụng trong dân gian, những nơi đồng không mông quạnh, rừng rậm hoang vu, nào là:

Đĩa lên bánh canh

Cỏ mọc thành tinh

Rắn đồng biết gáy



*Đây là toà Tháp Mười xây cất
tại trung tâm Đồng Tháp cách
nay mười mấy năm, đã bị sụp
đổ, và tháp xưa cũng tiêu tan*

thuật những điều du khách thấy nghe trong cuộc du lịch
đầy thích thú.

Chúng ta hãy theo
chân du khách, không quản
xa xôi, không ngại muỗi
mòng, đĩa vắt, rắn độc rét
rừng, những đêm trăng tà
gió lạnh, với một lái đồ,
với vài bô lão, với một
thanh niên “sanh từ lòng
đất”, cùng nhau ôn lại
chuyện xưa, những giai
thoại kỳ thú của ngài Thiên
Hộ Nguyễn Duy Dương
cùng những người kháng
chiến với ngài hoặc là cùng
nhau viếng toà cổ miếu.

Chúng tôi xin lược

RẮN THÂN TIẾP CHIẾN NGÀI THIÊN HỘ.

Như trên chúng tôi nói, căn cứ kháng chiến đặt ở
trung tâm cánh đồng, trên Đồng Tháp Mười.

Từ ngoài vô tới căn cứ, chỉ có ba con đường mòn, một đường từ gò Bắc Chiên (Mộc Hoá) đi xuống, một đường từ rạch Cần Lố (Cao Lãnh) đi lên và một đường đi từ Cái Nứa (Cái Bè) đi tới.

Tại vàm Cần Lố, người ta thấy một cái doi nằm chắn ngang hai ngã, nước sông Cửu Long đổ lên sông con, một chạy vô Rạch Miễu (Tháp Mười) nơi đây có đặt một cái đồn kiên cố, người ta gọi là “Doi Đồn”.

Ba năm tử thủ, hai tướng của ngài Nguyễn Duy Dương là Huỳnh Lục, Huỳnh Thất trấn thủ, cầm chân quân Pháp không tiến vô được.

Doi Đồn sầm uất, chung quanh bao bọc nhiều thứ cây rừng chính giữa có nhiều cây me lâu năm lớn hai người ôm không giáp.

Tại đây có bố trí một khẩu súng đồng tặc gọi là “Ông cà lăm”.

Về việc vận tải, từ rạch Trà Cú Thượng đến rạch Trà Cú Hạ, qua kinh Phước, tức lọt vô vàm Xoài Hột, đêm nào cũng có đoàn ghe vận tải đồ vật dụng về ngay căn cứ của Thiên Hộ Dương

Non nước tan tành ngủ mãi sao?

.....

Vội vã dân làng thu dẹp cuộc

Trong lòng đã rộn ánh binh đao

Trên đoàn ghe khác có tiếng ngâm thơ đáp lại:

Đã nghe sắc lửa âm thầm dậy.

Tiếng gọi từ xa thúc giục hoài

Há chịu làm thân trâu ngựa mãi,

Chim lồng sao để hót bi ai?

Trời khuya, trên dòng kinh nước phèn xanh trong vắt. Tiếng róc rách lách nước của chiếc ghe mũi có chạm rỗng rề về Đồng Tháp.

Tại Đồng Tháp, lúc bấy giờ là rừng đế, tràm sậy ngoài mấy cái trạm nghỉ chân của đoàn vận tải không một bóng nhà của dân chúng, tất cả đều tập trung trong Đồng Tháp, chung quanh căn cứ Thiên Hộ.

Thường thường, hàng tuần, có ba chuyến đò vận tải về, do ba ngả, nhưng phần nhiều lương thực, súng ống thuốc đạn từ Doi Đồn tiếp tế nhiều hơn.

Mỗi lần đoàn vận tải đi thì thân quyến nghĩa quân của Thiên Hộ tháp tùng theo để mua sắm.

Từ Doi Đồn vô đến tổng hành dinh, theo đường mòn đến một giếng, gọi là Giếng Cát, hay là nơi Động Cát, là nơi có trạm gác để đoàn vận tải ghé nghỉ ngơi. Bỗng một lúc, dân chúng vùng ngoài vô cất vài cái nhà bên trạm gác để ở. Hai nhà này sống khác thường, có bề sung túc lắm.

Thình lình một đêm kia, hai gia đình ấy, một số quân canh tại trạm với số người vận tải, sau buổi chiều, ngủ qua một đêm tới sáng đều chết cả, không một mạng nào sống sót cả.

Mãi đến khi xác gần sinh, mới có người báo cáo cho Thiên Hộ hay. Ngài liền phái ông Thủ Chiếu là lương y về thuốc rắn đến điều tra.

Khám nghiệm xác tử thi, ông chẳng tìm được nguyên do nào cả, ông phải ước đoán là số người kia bị thuốc chết mà thôi.

Án mạng còn trong vòng bí mật thì ngoài cai Đồn mật báo cho Thiên Hộ hay rằng, đoàn áp tải đã nhiều lần trao tin tức cho người mang đến cho thuộc hạ của Pháp là Trần Công Khanh biết về tình hình của Thiên Hộ chừng trong hành dinh của ngài hay được thì bọn đó đã chết rồi.

Đồng thời cũng có tin cho biết hai gia đình cất nhà gần bên trạm gác ở Động Cát là người của viên đội Courcy tổ chức dò thám tình hình kháng chiến của Thiên Hộ Dương.

Thiên Hộ bản thân đến quan sát tại Động Cát tìm được một hang rắn miệng bằng cái lu., bèn ra lệnh cho ông hộ vệ Tân là thầy thuốc bắt rắn đại tài bắt đoàn rắn ấy.

Ông Tân xem qua hang rắn trình rằng dưới hang có con rắn chúa sáu khoang, trước kia lớn lắm, nay còn chừng mức đũa, dài trên một thước, một canh chỉ lộ ra năm khoang để lấy hơi sương, chớ không ra hết mình bao giờ. Rắn ấy không cắn ai, nhưng ai quyết hại nó thì nó cắn, mà nó cắn thì không có thuốc gì cứu chữa.

Hang rắn được Thiên Hộ để yên.

Sau đó một buổi chiều, Đồn Doi bị tấn công, quân ta chống trả mãnh liệt nhưng phải rút lui, đến Động Cát rồi lui về căn cứ.

Quân Pháp đuổi đến Động Cát thì trời đã tối, bèn hạ trại nghỉ ngơi, sáng sẽ tiến vào. Không ngờ đêm ấy quân sĩ Pháp chết hơn chục mạng.

Gặp phải sự chết chóc lạ thường này mà không hiểu lý do, quân Pháp đành phải rút trở ra, không dám tiến sâu vô nữa.

Rồi thì nhân dân đồn rằng Thiên Hộ nhờ đạo binh “rắn thần” đẩy lui giặc ra khỏi vùng động cát. Quân Pháp nghe thế, càng sợ sệt hoang mang rút lui về Cao Lãnh.

Quân ta trở ra đóng tại Đồn Doi như cũ.

Ít lâu sau, quân Pháp cũng đánh bại quân ta ở Đồn Doi, đuổi đến Động Cát rồi cũng đóng binh lại nghỉ đêm. Đêm ấy, nhiều người đang ngủ bỗng la lên rồi chết, làm cả đoàn binh thức canh đến sáng mới phát giác ra được cái hang rắn. Viên chỉ huy bèn hạ lệnh đổ dầu lửa đốt hang.

Trong lúc khói lửa mịt mù, bỗng tiếng ào ào như giông tố nổi lên; từ phía rừng một con rắn hổ mây bề tròn bằng miệng thúng không biết từ đâu tiến đến như vũ bão, lăn xả vào lửa, há họng đập đuôi, nhả răng làm dữ.

Quân sĩ hoảng hồn, không ai bảo ai, bỏ chạy tán loạn, viên chỉ huy cũng không can đảm gì hơn, vắt giò lên cổ chạy, càn bừa trong rừng để sậy lau.

Trong khi chúng tranh nhau chạy thì quân của Thiên Hộ do ông Huấn Hiệu kéo đến tấn công bất thành lình.

Quân Pháp còn lòng dạ nào chiến đấu, nghĩa binh toàn thắng, tóm thâu được nhiều chiến lợi phẩm, lương thực, quần áo, và giết được viên đội chỉ huy.

Còn bao nhiêu binh Pháp sống sót, càn rừng lướt bụi chạy về đến Đồn Doi bị dân chúng bắt được đem nạp cho ông Huấn Hiệu.

Đánh xong trận đó, quân của ngài Thiên Hộ mạnh mẽ tiến ra chiếm đóng Đồn Doi như trước.

Thế là đạo binh rắn Thần đã giúp ngài Thiên Hộ ba lần đánh lui quân Pháp. Nhưng biết đâu, đó chẳng là mưu sách của vị tướng lãnh đại tài để tăng uy tín cho nghĩa binh chiến đấu vì chánh nghĩa.

LIÊM PHA VỚI LẠN TƯỚNG NHƯ VIỆT NAM

Trưởng hạ của ngài Thiên Hộ thuộc bộ tham mưu có những ông Thủ Chiếu, Phòng Biểu, Nhiêu Bá, Nhiêu Chấn và Thông Phụng là những bậc túc trí thâm nho, đều là bậc khoa cử của triều đình Huế hồi trước.

Mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, các ông lần hồi tìm nhau quy tụ về cộng tác với ngài Thiên Hộ Dương để mưu đồ đại nghĩa. Tuy cũng là khoa cử xuất

thần, nhưng cổ cao cổ thấp, trong đó cổ ông Thông Phụng là kém hơn hết.

Song cái hơn bù cái kém, ông Thông Phụng rất giỏi võ nghệ, lại cộng tác đắc lực nên được ngài Thiên Hộ yêu mến, kính nể. Những việc cơ mật về quân cơ Thiên Hộ thường bàn riêng với Thông Phụng, vì thế cho nên ông Phòng Biểu và ông Nhiều Bá ganh tỵ, thường tỏ thái độ bất mãn cho ông Nhiều Chấn và ông Thủ Chiếu nghe.

Việc này thấu tai Thiên Hộ, ngài quyết định đánh tan nổi bất hoà. Nhân hôm đánh lui quân Pháp nhờ chúa rấn thần trong rừng ra Động Cát trợ chiến, ngài mở tiệc khao quân long trọng. Xong ngài mời ngũ hổ tướng, tức năm vị cận vệ cơ mật đến phòng riêng đàm đạo.

Rượu nửa tuần, ngài hỏi ông Thông Phụng:

-Nghe nói quan cơ mật biết đồn và đồn hay lắm, phải không?

Tình thật ông Thông Phụng thưa:

-Thưa ngài tôi có biết, nhưng chỉ chuyên có một bản thôi.

-Bản gì?

-Thưa bản Trường tương tư.

Ông Nhiều Bá bèn xen vào mĩa mai:

-Bản đồn đó thuộc về loại "Trịnh Vệ chi phong".

Câu nói cổ ý của Nhiều Bà làm ông Thông rầu rĩ, đỏ mặt. Tình trạng đến lúc gay cấn, ngài Thiên Hộ rút hai ly rượu để trao cho ông Phụng và ông Bá mỗi người một ly nói:

-Hôm nay ngày vui mừng thắng giặc Pháp, tôi xin kể một chuyện cổ tích Trung Hoa cho quý quan nghe chơi, để giúp vui trong bữa tiệc.

THIÊN HỘ DƯỞNG KỂ CHUYỆN XƯA

Thời “Đông Châu liệt quốc” thất quốc tranh hùng, nước Tần mạnh nhất.

Nghe tin nước Triệu có viên “Ngọc bạch bích” quý lắm, Tần vương đưa thư xin đổi 15 thành. Triệu vương được thư, liền nhóm đại thần là bọn thượng tướng Liêm Pha bàn nghị, muốn cho Tần thì e bị Tần lừa, ngọc mất mà thành không được, từ khước thì lại sợ Tần giận, gây việc binh đao, các đại thần bàn luận lằng xằng, phân phân bất nhất.

Sau cùng quan đại phu là Lạn Tương Như đứng ra xin mang viên ngọc bích sang Tần, tâu rằng: Nếu Triệu được thành thì tôi để ngọc bích ở Tần, bằng không, tôi xin giữ viên ngọc đem về Triệu.

Qua đến nơi, Tương Như trình ngọc cho Tần xem, lòng tham vua Tần dấy động, muốn chiếm lấy ngọc mà không chịu mất thành.

Biết được dã tâm của Tần vương, Lạn Tương Như sinh một kế, đến trước mặt vua tâu: “Viên ngọc ấy có tí vết, tôi xin chỉ cho đại vương xem”.

Vua sai tả hữu đem ngọc bích giao cho Tương Như. Lấy lại được viên ngọc rồi, Tương Như lùi ra mấy bước, đứng tựa vào cột điện, quát hỏi Tần vương:

“Đại vương thử cho chúa tôi đem ngọc bích qua đây đổi lấy thành, sao đại vương lại định cướp luôn? Nếu đại vương muốn bắt tôi mà cướp ngọc thì cái đầu tôi đây xin cùng ngọc bích đập nát vào cây cột, thà chết chứ không để Tần đoạt ngọc vậy.

Tần vương tiếc ngọc, chịu đổi thành, và chấp thuận điều kiện của Tương Như là trai giới năm ngày để nhận ngọc.

Tương Như biết vua Tần dối trá, đêm ấy sai kẻ tâm phúc mang ngọc về Triệu, sáng ra thì sự đã rồi.

Chờng Tương Như về nước, Triệu vương ban thưởng rất hậu. Lần sau Tương Như bảo về Triệu vương hội kiến với Tần vương được an toàn và trọn gìn quốc thể. Triệu vương càng kính trọng phong Tương Như làm thượng đại phu, trên Liêm Pha một bậc.

Vì thế mà Liêm Pha oán ghét, hăm rằng nếu gặp Tương Như tất phải giết chết. Tương Như nghe vậy, mỗi khi gặp buổi công triều liền thác bệnh không đi, tránh cùng Liêm Pha gặp mặt.

Một hôm hai người cùng có việc ra ngoài, Tương Như trông thấy toán lính tiền đạo của Liêm Pha vội sai tên ngự xe đánh xe đi tránh vào trong ngõ, đợi cho Liêm Pha đi qua rồi mới ra. Bọn xá nhân chê Tương Như là hèn nhất, toan bỏ đi.

Tương Như nhóm tất cả lại, hỏi:

-Các người xem Tần mạnh hay lục quốc mạnh?

Đáp:

-Tần mạnh.

Tương Như lại hỏi:

-Liêm tướng quân mạnh hay Tần mạnh?

-Liêm Pha sao sánh được với Tần?

Tương Như bèn giải thích:

-Ta đã không sợ Tần thì đâu có sợ một Liêm tướng quân! Sở dĩ Tần không dám đánh Triệu là gì e ngại có hai người chúng tôi, nay hai con hổ cùng đánh nhau, thế không cùng sống, Tần tất thừa cơ đánh Triệu. Nên ta coi việc nước làm trọng mà việc nhà làm khinh vậy!

Một ít lâu sau, quân của Lạn Tương Như đi qua quán lại gặp bọn quân của Liêm Pha và cùng nói cho nhau nghe duyên cớ tránh mặt của Lạn Tương Như rồi bảo nhau noi theo gương chủ tướng, thì tình cờ quân Liêm Pha nghe được và về thuật lại câu chuyện ấy cho chủ tướng rõ.

Sau khi biết được chủ tâm cao thượng của Lạn Tương Như: vì nước mà phải tránh mặt mình, không sợ thiên hạ cười chê là hèn nhát; Liêm Pha hối hận không cùng, liền chạy đến trước phủ họ Lạn ôm lấy Tương Như oà khóc tạ lỗi, khiến Tương Như cảm động cũng ôm chầm lấy Liêm Pha mà khóc.

Từ đó hai ông coi nhau như hai anh em ruột thịt, dốc lòng chung lo việc nước. Nước Tần thấy thế không dám đánh Triệu.

SAU KHI NGHE THIÊN HỘ DƯƠNG KẾ

Ông Nhiêu Bá hối hận và thẹn thắm.

Bấy giờ ngài Thiên Hộ đoán được tâm trạng mấy ông, bèn nói:

-Đêm nay trời trong sáng tỏ, thôi các ông hãy ra đề tài làm mấy bài thi thưởng nguyệt.

Đoạn ngài giao cho ông Phòng Biểu ra đề.

Biết hai ông Phụng và Bá có xích mích nhau, ông Phòng Biểu lấy sự tích Quách Tử Nghi đời Hán làm đầu đề.

Nguyên vua Đại Tôn gả con cho con trai Quách Tử Nghi tên là Quách Ái. Ý mình con vua, cô dâu không chịu làm tròn bốn phận tứ đức tam tòng trong gia đình, nên bị chồng mắng và đuổi về:

ngôi vua mà không thềm làm!

Câu chuyện gia đình xảy ra như vậy, chừng Quách Tử Nghi hayặng, đến xin lỗi cùng vua Đại Tôn.

Đề đã ra xong, ngài Thiên Hộ biểu ông Nhiều Bá làm trước, rồi ông Thông Phụng hoạ lại. Được lệnh ông Nhiều Bá cất bút đề:

Ngai vàng cất mào dám tâu qua:

Lỗi ở con làm tội đến cha?

Trẻ dại chẳng kiêng bề lớn bé,

Già cam chịu lỗi phận sui gia.

Cháy da chưa đủ đền ơn nước.

Dại miệng khôn kiêng lỗi việc nhà.

Cái nghĩa quân thần là đạo trọng.

Muôn ơn rộng lượng giết cùng tha.

Ông Nhiều Bá làm xong đọc lên, mọi người đều vỗ tay khen là tuyệt bút.

Bấy giờ đến phiên ông Thông Phụng, ông liền cầm bút hoạ lại như vậy:

Thần vương nghĩ lại chuyện hôm qua,

Lỗi ở con làm, há trách cha!

Dại miệng khoe khoang tài chú rể,

Nghiêng tai giả diếc phận ông gia.

Người khôn ngoan đừng đến giếng nước,

Đứa dại xui cho rồi đạo nhà:

Khó nhọc dễ quên công mấy thuở,

Quân thần đạo trọng, trăm ban tha!

Cử tọa cũng khen bài thơ ông Phụng thật hay, tỏ rõ sự tha thứ về sự tranh chấp của hai ông từ trước tới giờ hiểu lẫn nhau!

NGÀI THIÊN HỘ VÕ NGHỆ TINH THÔNG

Thời kỳ Thiên Hộ Dương cứ hiểm Đồng Tháp Mười gắng sức kháng chiến, ngày ngày đều luyện võ ôn văn.

Sau khi bữa tiệc văn thi vừa dọn dẹp, Thiên Hộ mời mấy ông cùng ra sau diễn võ trường để xem ngài thao diễn võ nghệ.

Tục truyền rằng ngài Thiên Hộ có một đường roi “song đôi” rất tài tình, đã có lần ngài dượt qua, có các bậc tướng hạ thâm cận xem, ai cũng thán phục.

Ra đến diễn võ trường, một cái sân rộng lớn, tràm và trâm bầu trồng che kín chung quanh, ngài Thiên Hộ cởi áo ra, mấy ông kia cũng cởi theo; đoạn ngài lấy cây roi bằng khúc mây lớn hơn cườm tay, múa lên. Lúc đầu còn thấy bóng người, sau chỉ còn nghe thấy tiếng vù vù, khúc mây cong như khúc cao su, bao bọc lấy thân ngài trong nửa tiếng đồng hồ.

sân, hai chân ngài chỉ xê dịch một chỗ không sai chút nào, càng mau, tiếng gió phát từ đường roi nghe vi vút ghê mình.

Thật là một thế “yểm bách” mười phần lợi hại.

Ngài thường nói: “Thế đó, khi nào bị vây giữa vòng thì *thượng bảo kỳ thân, hạ bảo kỳ mã* (trên giữ mình, dưới che cho ngựa)”.

Cuối cùng khi ngài ngừng roi, thì một tiếng vút từ ngọn roi đập xuống đất, lẹ như chớp, ngài đã lao mình nhảy lên đứng trên cái gò gần đó, cao chừng ba thước.

Các ông kia nãy giờ đứng không nháy mắt, thỉnh thoảng lắc đầu chắc lưỡi. Khi thấy ngài nhảy lên cái gò cao, một tay chống nạnh, một tay chống cây mây đứng oai vệ như thiên thần, họ vỗ tay lấy làm khâm phục.

Khi ngài nhảy xuống, ông Phòng Biểu đề nghị cùng ngài:

-Đường roi “song đôi” của ngài có thể cho chúng tôi thí nghiệm hôm nay chăng?

Ngài đáp:

-Nếu muốn biết sự lợi hại của đường “song đôi” mấy ông hãy dắt một con trâu ra đây.

Ai nấy chưa hiểu thế nào, nhưng một ông vâng lời chạy vào phía sau, dắt ra một con trâu cổ, sừng nhọn hoắt, mập tốt vô cùng.

Ngài liền nói:

-Bây giờ ra ngoài bờ kinh gần đây, tôi cỡi con trâu này ở dưới kinh leo lên bờ, mấy ông cứ đứng trên, tôi sẽ đòi roi đi lên cho các ông xem.

Giao hẹn xong, ông Thủ Chiếu, Nhiều Chấn và Thông Phụng lựa lấy khí giới rồi cùng nhau ra bờ kinh.

Ánh trăng rọi lờ mờ, ngài Thiên Hộ ngồi trên mình trâu nghêu nghêu, tay cầm roi, oai phong凛冽.

Ra đến bờ kinh, ngài thúc trâu nhảy xuống nước, đoạn nắm dầm trâu thúc trâu quay đầu nhắm bờ kinh tiến lên.

Trên bờ, ba ông Chiếu, Chấn và Phụng hờm sẵn khí giới khi trâu vừa gần đến mé kinh, ba ông nhất tề tấn công, tiếng binh khí va chạm nhau rơm rốp.

Thiên Hộ lui trấu lại, kẹp hai dầm trâu quán vào đầu hai ngón chân cái, đoạn thúc trâu tiến lên bờ.

Đêm đang yên lặng, bỗng sự kinh động bất đầu, tiếng nước tung toé ào ào, pha lẫn tiếng khí giới va chạm nhau lộp bộp, làm cho toàn dinh binh sĩ ai nấy cũng giật mình thức dậy.

Họ quơ khí giới cầm tay rồi đổ xô chạy xuống mé kinh, thấy ông Bá Biểu đứng xem còn ba ông Chấn, Phụng, Chiếu đánh với ngài Thiên Hộ một trận ác liệt oai hùng.

Đang lúc phân vân chưa hiểu tại sao, thì thấy ông Chiếu đánh xuống một roi liên tiếp ba đòn, làm cho Thiên Hộ thúc trâu lui lại và khen:

-Đòn đó khá đấy!

Ngài vừa khen vừa cười, đoạn thúc trâu tiến lên nữa. Có lẽ lúc đầu, ngài để cho ba ông đang lúc hăng sức dùng hết thần lực một hồi. Khi đoán chừng mấy ông có hơi mệt, ngài liền dùng tuyệt kỹ thế roi “song đôi” điều khiển cây roi nghe vùn vụt, hai chân thúc mạnh vào hông trâu cho tiến lên mãnh liệt.

Thấy ngài quyết đội roi tiến lên, ông Chấn và ông Phụng kêu ông Chiếu, phân công ông này nhắm đánh vào giò trâu cho ngã, nhưng đường roi của Thiên Hộ càng lúc càng biến ảo, linh động lạ thường, ngài vừa ngăn hai ngọn roi của ông Phụng và ông Chấn thì đâm đốt roi dùng thế “hồi thủ” dọa đánh qua ông Chiếu, làm ông Chiếu thu roi trở lại, không dám đánh vào giò trâu, rồi chớp nhóang, ngài Thiên Hộ thừa lúc ông Chiếu rút roi về còn lỡ bộ, ông tiếp theo một đòn làm cho cây roi ông Chiếu văng đi xa hơn 10 thước, đoạn ngài chuyển roi để hai ngọn đòn của ông Chấn và ông Phụng đánh tới và đồng thời thúc mạnh cho trâu vọt lên bờ.

Thấy ngài Thiên Hộ thúc trâu lên bờ được rồi, hai ông Chấn và Phụng thu roi trở lại, nhảy lui lắc đầu nói: “Ngài thật là bậc kỳ tài trong thiên hạ!”.

Những người đứng xung quanh đều vỗ tay vang rân, tiếng khen nức nở, dưới ánh trăng mờ, người ta thấy ngài ở trần ngực nổi nở tròn, hai tay gân guốc, cặp cây roi trên lưng trâu nhảy xuống, thật là một viên kiện tướng.

HAI CHÍ HƯỚNG

Lúc ngài Thiên Hộ truyền hịch khắp nơi, kêu gọi sĩ phu ra giúp nước, thì có ông Đà, ông Dật, lúc nhỏ học một trường, hai nhà ở gần nhau, lớn lên cùng học một thầy và cùng đậu tú tài như nhau.

Thế mà ông Đà phục vụ quân Pháp còn ông Dật thì theo nghĩa quân chiến đấu ở Tháp Mười.

Cuộc đời đưa đẩy, ông Dật được ngài Thiên Hộ phái ra vùng Cao Lãnh chiêu dụ sĩ tử và thám dò tình hình của Pháp do đội Cousy điều khiển.

Ra vùng địch chiếm, ông Dật dùng tài học của mình giao thiệp cùng những nhà ái quốc và nhờ người giới thiệu cho ông những sĩ tử ẩn dật trong vùng. Việc hoạt động của ông chưa đạt kết quả thì ông bị bắt.

Hay tin ông Dật bị bắt, ông Đà đến nói với viên đội Cousy cho ông khuyến dụ ông Dật quy hàng. Với đường lối mua chuộc hơn là khủng bố, viên đội Cousy cho ông Đà trọn quyền hành động để có thể khuyến dụ ông Dật.

Chỗ giam ông Dật là một nơi đặc biệt, tại nhà ông Thông Tri, có người phục dịch cơm nước, rượu trà. Ông Đà đến nơi giả vờ hối tiếc rằng ông không hay để ông Dật bị những ngày lao lung buồn khổ.

Ông Dật mỉm cười đáp:

-Đã là chí sĩ thì sự lao lung gian khổ, đó là thường, là phần thưởng danh dự, đâu phải đáng buồn.

Vì chưa hay ông Đà theo Pháp nên ông Dật hỏi ông Đà ở đây làm gì, ông Đà ngâm bài thi vịnh cuộc đời mình.

*Lỡ làng chưa trọn phận làm trai,
Tạm sống cho qua đoạn tháng ngày.
Trái mắt cũng thôi dành ngậm miệng
Đau lòng chịu vậy đã nghiêng tai
Về Tào chi sá thân hèn mọn,
Ở Hán còn bao kẻ trí tài.
Này nước này nhà hai gánh nặng.
Xốn xang lòng tứ có ai hay.*

Nghe ông Đà ngâm bài thơ, ông Dật đã hiểu bèn ngâm:

*Tai nơ sao được phận làm trai
Mấy thuở gây nên được những ngày.
Thục nữ còn ra giành trách nhiệm,*

*Tu mi sao để chịu nghiêng tai!
Biết Tào nên chẳng ra phò trợ,
Gặp Hán sao không quyết trở tài?
Sóng gió rồi đây trời bể lặng,
Gìn lòng đâu phải gọi rằng hay!*

Bài thơ của ông Dật đã làm cho ông Đà hơi hổ thẹn, nhưng người ông Đà lúc bấy giờ đã theo Tây thì một bài thơ đâu đủ làm cho ông thức tỉnh.

Thế rồi, ngày lần tháng lửa, nhiều phen ông Đà khuyên ông Dật nên theo Pháp. Nhưng bị ông Dật mắng cho nhiều trận nên thân. Ông Đà căm tức, gửi cho ông Dật bài thơ *Vịnh con tôm*:

*Ý mình lớn mắt với dài râu,
Gan ruột nhà va nỡ có đâu!
Chim chút khoe khoang tài mũi nhọn
Sụt sùi núp lén chốn dòng sâu.
Đánh hơi thấy xác mùi ra miệng
Nghe tiếng chài te cút lộn đầu
Cần giọng múa men cơn gặp nước
Cực gì ăn chạ mắc sa câu!
Sầm Giang là chốn rất cao kỳ.
Danh tiếng vang lừng xóm phú thi
Chợ giữa nhiều trang văn Ngọc Diệp*

Vĩnh Kim lắm kẻ học Liên Trì
Tài ba đời cổ chưa nơi sánh
Lỗi lạc lối kim ít chỗ bì
Kính tặng một bài lưu dấu để
Ai người đến đó mới tường tri.

Bài trả lời điệu ca trù của thi sĩ Hàng Thuận Đặng
trong Tao Đàn Sầm Giang

ĐỊA LINH NHÂN KIẾT

Khắp ba kỳ trong nước thiếu chi nơi
Cảm tình ai châu ngọc bấy nhiêu lời
Nín cũng ngại hở thời cũng ngại
Người Chợ Giũa đi khắp bốn phương hồ hải
Giỏi vạn nghề há phải một nghề thi
Này ngón tơ đồng trong 6 tiếng chưa có tương
tri
Chơi phong nhã có gì cờ với vẽ
So kim cổ biết bao nhiêu kẻ
Dấu thoa quần cũng san sẻ gánh non sông
Chuyện năm xưa ai có nhớ hay không
Ô dân khí! Dân quyền rền một lúc
Nước trong vắt sông Sầm uốn khúc
Dấu sang hèn chẳng tục mấy may nào

*Đã bao phen trở lăm bụi văn hào
Đến quê dốt cũng giàu lòng khảng khái
Bốn phương rộng xe tàu qua lại,
Cảnh thanh kỳ chớ ngại xa gần
Hồi ai tài tử giai nhân*

Nhắc đến giai thoại Sầm Giang, chúng tôi hồi tưởng đến nhà văn Khổng Nghi, bạn đã giúp cho quyển Định Tường nhiều tài liệu.

ĐỒN CHỢ GIỮA

Giai thoại đồn Chợ Giữa thường được dân địa phương thuật cho nhau nghe trong những lúc trà dư tửu hậu. Tác giả thường nghe một số anh em văn nghệ sĩ làm quà câu chuyện văn nghệ này tại nhiều nơi trong trường hợp khác nhau. Nhưng khi đến Sầm Giang, tác giả lại được nghe bạn Khổng Nghi kể chuyện đồn Chợ Giữa với một nghệ thuật vừa văn hoa bay bướm vừa khôi hài hấp dẫn và bạn Khổng Nghi yêu cầu tác giả nếu có đem chuyện này vào quyển Định Tường tức là trả lại câu chuyện đồn Chợ Giữa từ nơi xuất xứ của nó.

Vĩnh Kim (Sầm Giang) còn có tên nôm na là Chợ Giữa vì trung tâm quận lỵ nằm giữa các xã Kim Sơn, Song Thuận, Long Hưng, Đông Hoà, Bình Trưng, Bàn Long. Năm 1945, khi tái chiếm Mỹ Tho, quân viễn chinh Pháp chiếm luôn Vĩnh Kim và đặt một đại đội trú phòng có trọng pháo và thiết vận xa yểm hộ dưới quyền chỉ huy của tên quan ba Savary. Vĩnh Kim bây giờ được

Pháp gọi là Secteur de Vinh Kim, xem như là thị trấn quan trọng về chiến lược.

Tên quan ba Savary có một tướng bộ hạ hết sức hung ác là tên ách Thọ. Đồng bào gọi hắn là ách Thọ vì hắn ta luôn ở trần phô trương thân hình đầy thọ mà hắn ta thường tự khoe là kết quả của những chiến công oanh liệt của hắn ở Phi Châu. Bọn chúng thường bắt bớ, khủng bố dân làm tiền, dùng mưu mô, thủ đoạn để kiếm tiền như ra lệnh đúng 6 giờ chiều, đồn Chợ Giữa, bắn ba tiếng súng báo hiệu giờ thiết quân luật thì ghe thương hồ từ Kim Sơn đi vào Bàn Long và ngược lại ghe thuyền từ Bàn Long ra Kim Sơn phải ngừng lại và đậu cách đồn Chợ Giữa 500 thước.

Đồn Chợ Giữa tổng hành dinh của quan ba Savary nằm ở tả ngạn sông Rạch Gầm (Sầm Giang) và rạch ông Hồ của dân chúng mà chúng nhả tâm dùng làm đồn để kiểm soát tất cả ghe xuồng xuôi ngược trên sông.

Sông Sầm Giang thời tiền chiến nổi tiếng là con sông xinh đẹp, cảnh sắc thanh kỳ quyến rũ bao nhiêu văn nhân mặc khách bốn phương đến thả thuyền tìm thi hứng. Một cuộc chơi thuyền của anh em văn nghệ sĩ Sầm Giang được nổi bật và đi vào lịch sử Sầm Giang là cuộc chơi thuyền của các bạn Trần Văn Khê, Khổng Nghi, Mỹ Ca tổ chức đón tiếp hai thi nhân đất Bắc là Xuân Diệu và Huy Cận.

Câu chuyện văn nghệ đồn Chợ Giữa xảy ra trên bến sông Sầm trong một khoang thuyền của một người lái nuôi vịt tàu một chiều thiết quân luật vào năm 1946.

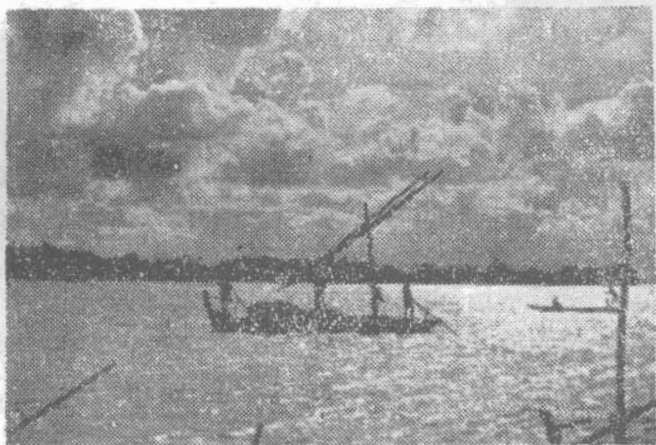
Để cho độc giả hiểu rõ câu chuyện, tác giả xin giới thiệu sơ lược nhân vật điển hình là ông xã R. ở Bàn Long.

Tại xã Bàn Long cách Vĩnh Kim bốn cây số, đồng bào đa số sống bằng nghề nuôi vịt tàu. Ông xã R. cũng sống bằng nghề nuôi vịt tàu với truyền thống cha truyền con nối. Bầy vịt của ông xã trung bình độ 5.000 con. Lúc vịt còn nhỏ ông xã nuôi trên những đồng tại địa phương nhưng khi vịt gần thời kỳ đẻ trứng, ông xã cho vịt đi ăn xa đôi khi tận những cánh đồng phì nhiêu của những cánh đồng miền Hậu Giang trù phú, với phương pháp chuyên môn ba chiếc xuồng nhỏ do ba người lái kèm đàn vịt cho trôi theo dòng Cửu Long, cứ nước lớn đi, nước ròng đậu lại, nơi nào ruộng lúa vừa gặt xong, ông xã cho vịt lên ăn, nuôi theo lối này vịt mau lớn và đẻ sai trứng. Vì khi đồng vừa gặt xong lúa rơi rất rất nhiều, vịt tha hồ ăn lúa rơi và bao nhiêu ốc, cua, cá trên đồng cũng vào bụng vịt.

Một hôm đàn vịt của ông xã đổ bộ tại một cồn trên sông Vàm Cống.

Tại Vàm Cống Long Xuyên vào những tháng năm thanh bình, các ghe thương hồ tứ xứ thường được thưởng thức những cảnh thú vị của cuộc đời trên sông nhất là những đêm trăng.

Các cô gái bán vằm với một giọng rao giọng hồ
lảnh lót đã làm say mê các tay thương hồ chuyên sống
cuộc đời nổi trôi trên sông nước.



Cầu Long Giang

*Giữa dòng sông trời nước bao la
thuyền khách thương hồ xuôi ngược*

Vào một đêm trăng, sau khi dùng đăng bao cho đàn vịt ngủ xong trên cồn, ông xã R. nằm trên chiếc ghe lườn chờ trứng, tự cho mình có quyền nằm thảnh thơi để lắng nghe những điệu hò đồng vọng của những cô thiếu nữ bán vằm. Tiếng rao trong trẻo, ngân nga theo nhịp sóng của trường giang có một sức quyến rũ vô cùng kỳ thú:

-Ai ăn bánh ú o không?

-Bánh ú o!

-Ai gọi đấy?

-Ở ghe lương này.

Nhìn được phương hướng, cô bán vằm cho xuống cặp nhẹ.

-Bánh gì mà gọi là bánh ú o, nghe lạ quá vậy cô?

-Thì mời ông anh dùng thử một cái rồi sẽ biết.

-Thử thì thử, đâu cô cho một cái xem.

Tiền trao cháo múc; ông xã R. vừa nhận chiếc bánh ú mở ra ăn, ông vội kêu trời như bọng.

-Bánh ú gì mà thiêu nhốt.

Cô bán vằm vừa xô xuống xa ghe, ông vội vã dùng chèo móc xuống cô lại.

-Nè cô Ba! Bánh gì mà thiêu nhốt mà cô gọi là bánh ú o.

-Thì bánh hơi thiêu, em mới o lại bán, vì vậy mới gọi là bánh ú o chớ.

Ông xã R. không còn biết trả lời sao. Mặc dù bị gạt nhưng đối diện với cô bán vằm duyên dáng có một nụ cười khoe hàm răng trắng điểm một vài chiếc răng vàng, ông xã R. chẳng những không giận mà còn thấy thích thú cho mình được cô bán hàng vằm qua mặt.

Lời qua tiếng lại, ông xã R. và cô gái bán hàng vằm lại dễ thông cảm với nhau.

Lạ gì: *Trai tứ chiếng gái giang hồ*

Những đêm trăng kế tiếp, cô gái bán vằm đã bỏ nghề bán bánh ú o để theo ông xã R. học nghề nuôi vịt tàu là một người nhiều kinh nghiệm. Cô gái vằm cống không chịu sống tạm bợ mà bắt buộc ông xã R. phải làm sáng tỏ vấn đề hôn nhân nghĩa là phải được sự chấp thuận của bà lớn.

Khi trở về Bàn Long ông xã R. cố dùng ba tác lược của Tô Tần để thuyết phục bà xã lớn.

Nào là: Đời tôi nghiệp dĩ phải sống kiếp sông hồ nhiều lúc nơi đất khách quê người cảm thấy cô đơn buồn chán quá. Mình thì có bốn phận phải ở quê nhà lo việc vườn tược, làm sao theo chân tôi mãi được. Duyên số đã khiến tôi gặp gỡ di Ba nó quyết hy sinh cuộc đời sống lo lắng đỡ dần cho tôi. Mong rằng mình hãy rộng lượng xử sự cho trong ấm ngoài êm.

Bà xã lớn từng hiểu chồng mình, hễ muốn là được nên bà đành chấp nhận không cãi gì cả. Nhưng sau một thời gian buông trôi, nghe bọn người nhà thuật lại cuộc đời êm ấm của chồng bà và di Ba nó trên mặt sông, bà xã lớn nổi máu Hoạn Thư.

Chuyến lui ghe ngày 14, bà xã lớn nhất định đòi đi theo lấy cớ đi cho biết đó biết đây một chuyến và tiện dịp qua thăm quê di Ba ở Vằm Cống.

Ông xã R. không có cách nào từ chối được ý muốn chánh đáng của bà xã lớn, đành phải miễn cưỡng chấp

nhận tuy đoán trước chuyến đi này sẽ gặp nhiều trở ngại.

Đây! Trong một trường hợp đặc biệt như vậy, ghe ông xã Bàn Long phải đậu lại trên bến nước sông Sầm Giang cách đồn Chợ Giữa 500 thước đêm trăng tháng giêng 1946.

Trong khoang chiếc ghe lưỡng tổng hành dinh nổi trôi của ông xã, bà xã hai nằm giữa khoang, ông xã R. nằm ở đầu khoang và dì Ba nó nằm ở cuối khoang. Như trên đã nói, đêm trăng ở Sầm Giang đượm nét thanh kỳ gợi cho lòng người một cảnh nên thơ. Đối cảnh sinh tình, bà Ba động lòng quê nhớ lại cuộc đời tự do phóng túng trên sông Vàm Cống. Bà Ba liền dùng điệu hò miền Hậu Giang để nói lên tâm tư của mình:

Đêm khuya nước lặng sóng yên.

Chèo ai có muốn chống thuyền thì sang.

Ông xã R. nằm chèo queo ở đầu thuyền nghe bà Ba hò, ông biết bà muốn nhắn nhe với mình. Ông vẫn muốn qua nhưng ngặt đồn Chợ Giữa nằm chình ình không còn lối thoát. Ông xã bèn hò đáp lại:

Hò ơ! Muốn mua muốn bán cho vui

Ngặt đồn Chợ Giữa thì xuôi dòng nào?

Bà xã lớn nghe hai người đối đáp biết họ vô kế khả thi, bị kế ly gián của mình, bà bèn mỉm cười hò khuyến khích ông xã:

Hò ơ! Muốn qua buôn bán cho vui

Qua đồn nộp thuế thì xuôi chớ gì.

Phải! Quan ba Savary là tay tổ ăn hối lộ. Mặc dù bán ba phát súng báo hiệu giới nghiêm, nhưng nếu ghe nào có chuyện gấp muốn qua, biết chạy chọt ông ba bò thì ghe vẫn qua lọt như thường.

Qua đồn nộp thuế thì xuôi chớ gì

Bà xã Ba nghe điệu hò của bà Hai tức giận lộn ruột vì nếu qua đồn Chợ Giữa nộp thuế thì còn gì vốn liếng để bán buôn. Nghĩ vậy là bà Ba hò kết thúc mục đích bảo ngấm ông xã đừng đại qua đồn:

Hò ơ! Chả mua chả bán làm chi

Nộp thuế hết vốn còn gì bán buôn.

Thuật câu chuyện đồn Chợ Giữa đến đây bạn Khổng Nghi ngừng một chút để cho thính giả nhận thức ý nghĩa khôi hài tế nhị của câu chuyện văn nghệ, rồi bạn kết thúc:

-Đồn Chợ Giữa xuất xứ từ Vĩnh Kim Sầm Giang.

Nếu bạn có nghe ai thuật lại chuyện này về cho César cái gì của Sésar. Trả lại đồn Chợ Giữa từ nơi xuất xứ của nó.

Phần thứ năm:

*** Văn hoá nghệ thuật**

*** Thi thơ tân cựu**

THỔ NGHĨ SẢN VẬT ĐỊNH TƯỜNG VÀ CÁC BỘ MÔN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tỉnh Định Tường xưa vốn là phần đất gấn thủ phủ Gia Định thành, nên kể về văn vật cũng trội hơn các nơi, có lắm nhân tài tiếng tăm. Nền kinh tế của Định Tường xưa cũng rất phồn thịnh trù phú, ảnh hưởng khá nhiều đến văn hoá xã hội nên đời sống của dân chúng được tốt đẹp phần nào.

Trong quyển *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca* tập II tr. 62, về phần tỉnh Định Tường, dưới ngòi bút tài hoa của ông Nguyễn Liên Phong, thổ nghị sản vật của tỉnh Định Tường, được đề cao:

Thổ nghị vườn ruộng tương liên

Bông hoa quả phẩm thường xuyên thiếu gì.

Cá tôm sò ốc đâu bì

Của nơi sông biển lắm khi dư dùng.

Tốt tươi bắp đậu các giống

Khoai lang Trấn Định người trồng vạn thiên.

Cải rau bông thuốc khắp miền

Đồ làm cho rẫy xóm giềng nhật sai

Bí thời tiếng bí Vũng Luông

Mía thời Gò Cát ai ai đẹp tình

Hoà Quới với tổng Hoà Thịnh

Dừa khô thổ sản có danh Nam kỳ

Cây dừa chẳng bỏ món chi

Niên niên thanh lợi nhiều khi dân nhờ

Trời sanh vật giữa cõi bờ

Ở đâu đã sẵn tư cơ cho người

Cái váng kẻ biết mấy mươi

An Hồ, Tân Thạch chuối khô đập đồn.

Tu bề Thừa Đức nội thôn

Đất trồng dưa hấu ngọt ngon quá chừng

Vật hèn cây lát cây đưng

Cũng là giúp đỡ nhân dân lợi dùng

Thẳng theo bờ ruộng các đồng

Chung bầu làm củi sẵn trồng nơi nơi

Cây bần tạp dụng để chơi

Cù lao mé nước mỗi nơi kẹo lền.

Chữ kêu thủy liễu tốt tên

Ghe hay hứng mát dựa bên gần bờ.

Về văn học, ngày xưa nổi bật những tên tuổi Phan
Hiển Đạo, Phạm Viết Chánh, Mai Đăng Phương. Ông
Nguyễn Văn Bá từng làm chủ bút tờ *Thần Chung* của
Diệp Văn Kỳ tại Sài Gòn và ông Cao Hải Đế, người

làng Cai Sơn quận Cai Đức từng coi sóc tờ *Nông cơ minh*
đàm cũng nức tiếng một thời.

Khoảng năm 1930, ông Nguyễn Văn Bá cùng với cụ Bồng Dinh Nguyễn Văn Sỏi và thi sĩ Hồng Thuận Đăng có sáng lập một tao đàn Sầm Giang. Tầm tiếng tao đàn đã vang một thời khắp gần xa. Nhiều tao nhân mặc khách nghe tiếng đồn, tìm đến viếng tao đàn, hứng thú, xướng hoạ thi ca.

VỀ BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH NGHỆ

Tỉnh Định Tường và Vĩnh Long là hai nơi đã xướng xuất về nghệ thuật cầm ca. Thầy Năm Tú là một ông bầu có tiếng từng lập gánh hát cải lương trước nhất ở Mỹ Tho. Rạp *Viễn Trường* chính là nơi tọa lạc ngôi rạp của thầy Năm Tú, nên cổ nhạc xứ Mỹ Tho do đó được nẩy nở sáng chói từ đây. Một nhân vật tên tuổi có tiếng hào hoa phong nhã ở Định Tường, xài tiền, đóm dáng lại thêm hào hiệp ít ai bằng. Thời đó được nhiều người đời tặng cho danh hiệu là Bạch công tử tên là Phước Georges để đối với hắc công tử Hậu Giang là cậu Ba Trần Trình Huy (ở Bạc Liêu).

Phước Georges con nhà giàu, ruộng đất cò bay thẳng cánh, nhưng có tinh thần văn nghệ, đứng ra lập gánh hát để bản hiệu Huỳnh Kỳ đại ban lưu diễn khắp nơi trong nước. Nền cổ nhạc Mỹ Tho lúc bấy giờ phát huy rất phong phú và rực rỡ, nổi bật nhất trong nghệ thuật cầm ca.

Nam danh ca thì có Tư Giỏi, Hai Thông, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Huỳnh Thủ Trung (tự Tư Chơi), Từ Anh, Tam Cang, Tám Mẹo, đạo diễn Trần Hữu Trang...v...v...

Nữ danh ca có Năm Phỉ, Phùng Há, Mười Tiền, Chín Bia, Bảy Nam (thân mẫu của Kim Cương).

Những nghệ sĩ nổi danh trên đây đều là người xứ Mỹ Tho cả. Ở Vĩnh Kim có hai nhà họ Trần, họ Nguyễn có những biệt tài đáng kể. Quý ông Nguyễn Tri Lạc, Nguyễn Tri Khương và Nguyễn Tri Hựu...v...v...

Chính ông Nguyễn Tri Lạc từng sáng chế ra nhạc khí mới và nhiều bài bản mới được hoan nghênh. Còn họ Trần thì có Trần Văn Triều, tục gọi nhạc sĩ Bảy Triều (thân phụ hai nhạc sĩ Trần Văn Khê và Trần Văn Trạch), người có tài học uyên bác, lại thêm có tài về cổ nhạc. Bảy Triều nổi tiếng với cây đàn cò; lúc bấy giờ lục tỉnh Nam kỳ không có nhạc sĩ nào đối thủ.

Nhất là người chị của Bảy Triều là cô Ba Trần Ngọc Diện, một người đàn bà đàn rất hay, sành tất cả giọng ca, điệu hát, nhạc khí của âm nhạc Việt Nam, lại có uy tín đạo đức rất lớn. Bà Trần Ngọc Diện tục gọi là Ba Diện, nổi tiếng với cây đàn tranh và đàn tỳ bà, và là người phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam thành lập một đoàn hát lấy tên là *Đồng Nữ Ban*, vì diễn viên toàn là phụ nữ thuộc con nhà gia giáo trong làng. Mục đích của bà lập gánh là để tuyên truyền cho tư tưởng dân tộc và cách mạng. Y phục của diễn viên đều do bà sáng chế và may

lấy. Đoàn nổi tiếng với tuồng *Võ Đông Sơn*, *Giọt lệ chung tình*. Đoàn hát Đồng Nữ lưu diễn ba năm để lấy tiền làm việc chánh nghĩa rồi tự giải tán.

Nhạc sĩ Trần Văn Khê, Trần Văn Trạch và nữ sĩ kiêm nhạc sĩ Mộng Trung, sau này rất có danh trong giới ca nhạc quốc tế, chính đã do bà Trần Ngọc Điện, vừa là cô ruột vừa là thầy đào tạo cho.

Tóm lại, xin mượn bài ca trù của thi sĩ Hồng Thuận Đăng, một thi sĩ có tiếng của Định Tường thuở trước, miêu tả đủ đường nét hào hoa phong nhã của người dân Chợ Giữa (Vĩnh Kim) nói riêng, tỉnh Định Tường nói chung. Bài ca trù này có trích đăng trong tạp chí *Nam Phong* ở ngoài Bắc:

ĐỊA LINH NHÂN KIẾT

*Khắp ba kỳ trong nước Việt thiếu chi nơi
Cảm tình ai châu ngọc bấy nhiêu lời
Nín cũng ngại hở thời cũng ngại
Người Chợ Giữa đi khắp bốn phương hồ hải
Giỏi vạn nghề há phải một nghề thì
Này ngón tơ đồng trong 6 tiếng chưa có tương tri
Chơi phong nhã nói gì cờ với vẽ
So kim cổ biết bao nhiêu kẻ
Dẫu thoa quần cũng san sẻ gánh non sông
Chuyện năm xưa ai có nhớ hay không*

*Ô dân khí! Dân quyền rền một lúc
Nước trong vắt sông Sầm uốn khúc
Dầu sang hèn chả tục mây may nào
Đã bao phen trở lăm bực vãn hào
Đến quê dốt cũng giàu lòng khảng khái
Bốn phương rộng xe tàu qua lại
Cảnh thanh kỳ chớ ngại xa gần
Hỡi ai tài tử giai nhân*

Bài này nói lên nho phong sĩ khí của người Chợ Giữa Vĩnh Kim, nơi đây thời Pháp thuộc đã từng nổi lên làm cách mạng chống Pháp trước hơn hết.

MỘT GIA ĐÌNH VĂN NGHỆ SĨ

Định Tường có một điểm đặc biệt là có gia đình của nhà họ Lê sinh ra 12 người con, trước thời tiền chiến có một ít người đeo đuổi nghiệp cầm ca nổi danh nức tiếng làm vẻ vang cho xứ sở nói chung, Định Tường nói riêng.

Chúng tôi được ông Lê Văn Toại một nhà mô phạm con của nhà họ Lê, tặng cho một bài thi gồm tất cả tên của những người con gồm trong bài thơ này, trong đó có danh ca Năm Phỉ và Bảy Nam thân mẫu của cô Kim Cương, để nói lên người tỉnh Định Tường, từ xưa đến nay lúc nào cũng đóng góp, phụng sự quê hương qua các ngành đều nổi bật tên tuổi đáng được nhắc nhở, và những người con không phải là nghệ sĩ nay đã được

thành danh một đời, thật là một gia đình hữu phước, ít
có gia đình nào được như thế

NGHIỆP NHÀ

CÔNG trình xây dựng lăm gian nan
THÀNH đạt nền Lê tiếng vẻ vang
DANH rạng nhờ lòng gìn hiếu nghĩa
TOẠI nguyên cội nét giữ trung cương
PHỈ tình kẻ khuất vui hương lửa
CHỈ cả người còn xót hợp tan
NAM hải mưa dào ơn Phật độ
NHI viên ánh nắng ấm trời chang
BIA hiền không thẹn gương kim cổ
TRUYỀN vững nghiệp nhà ý lạc quan
TẠC dạ cháu con trau hạnh kiểem
ĐỂ soi ngàn thuở nét son vàng.

Duy Lân tặng.

ĐỊNH TƯỜNG QUA THƠ YẾN

Tác giả xin mở đầu hai câu nói lên tình quê hương yêu mến:

Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh

Quyện lòng du khách gợi tình nước non

Nói chung về cảnh vật Định Tường, trong quyển Nam Kì phong tục nhân vật điển ca, tập 2, trang 62 về phần Định Tường, ông Nguyễn Liên Phong tóm tắt khen ngợi:

Phong cảnh vui xem hạt Định Tường

Tàu xe đông đảo mỗi đầu đường

Con Rồng đất nổi che tiền viện

Cổ lịch đồn xây trấn viễn phương

Phú nữ hào nam nơi tổng lý

Cử nhân tấn sĩ chốn khoa trường.

Thuần lương tập tục dân no đủ

Hoá hoá sanh sanh lợi ruộng vườn.

Nói riêng từng nơi, đặc biệt có hai nơi là Thuộc Nhiêu và Vĩnh Kim là được tao nhân mặc khách để mắt đến nhiều hơn cả. Đất Thuộc Nhiêu từng nổi tiếng bởi lắm bậc anh tài làm rạng rỡ quê hương.

Nhà thơ có tiếng đạo phùng ở miền Nam khi xưa
là Học Lạc, lúc rời làng Mĩ Chánh dời nhà về Thuộc
Nhiều, được dân chúng mến mộ, gây nên học phong s
khí rất tốt đẹp ở Thuộc Nhiều. Đất lành chim đỗ, m
cảnh mến người. Học Lạc vịnh một bài thơ về Thuộ
Nhiều, tình tứ rất đẹp:

*Đất lành bồi đắp cuộc Ba Giồng
Cảnh Thuộc Nhiều nhiều khách ngợp trông
Đường thẳng ngựa biêu chân ngán bước
Rạch cùng cá lội mến quên sông.
Tướng văn giỏi kẻ thù rồng cộp
Miếu võ thờ tay trí bá tòng
Cứng cáp thú quê vui tục cũ
Thềm dâu ruộng lúa dễ cho không*

Nguyễn Liên Phong cũng có lúc ngụ cư ở đ
Thuộc Nhiều; giao du rất thân mật với Học Lạc. Khi có
người ngoài chợ vằm Rạch Gầm rước ra đó dạy học
Nguyễn Liên Phong từ tạ ra đi, Học Lạc tiễn hành mộ
bài thơ, tâm tình gắn bó xiết bao với cảnh Thuộc Nhiều:

*Le the một cụm Thuộc Nhiều giống
Chân bước ra đi mất lại trông
Chỉ nhện lãnh nhăng cò vương cánh
Bãi lau lãn bần cá quên sông
Tắm lòng qua lại cầu Bà Bếp*

Khúc ruột quanh co rạch Lão Tông

Hai chữ tương tư đây nặng gánh

Nước non thăm thăm biết hay không?

Bài thơ này và bài trên của Học Lạc đều chung mấy vần, càng chứng tỏ tấm lòng yêu mến Thuộc Nhiều biết ngần nào. Vả chăng, Thuộc Nhiều quả thật đáng được nhắc nhở, vì nơi đây còn là quê quán của ông Cử Đa, người đã đóng góp tâm huyết vào cuộc kháng Pháp và về sau đi tu trên núi Tà Lơn thành đạo.

Rồi đến Vĩnh Kim càng nổi bật hơn. Vĩnh Kim đã mang tên thơ mộng Sầm Giang, lại còn có tên nôm na là Chợ Giữa, vì Vĩnh Kim nằm giữa các xã Kim Sơn, Song Thuận, Long Hưng, Đông Hoà, Bình Trưng, Bàn Long.

Nữ sĩ Đỗ Liên Tư, người Vĩnh Long, cháu ruột cụ Bồng dinh Nguyễn Văn Sỏi, đề vịnh về Vĩnh Kim rất thâm trầm, nơi đây có *tao đàn Sầm Giang*. Các thi hữu bốn phương thường đến đây trao đổi thi văn đáp hoạ.

Sầm Giang là chốn rất cao kỳ,

Danh tiếng vang lừng xóm phú thi

Chợ Giữa nhiều trang văn Ngọc Diệp

Vĩnh Kim lắm kẻ học Liên Trì

Tài ba đời cổ chưa nơi sánh

Lỗi lạc lối kim ít chỗ bì

Kính tặng một bài lưu dấu để

Ai người đến đó mới tường tri.

Trải qua bao giai đoạn vật đổi sao dời, riêng một cuộc cải tên trường Trung học Mỹ Tho là Le Myre de Villers đổi lại là trường Nguyễn Đình Chiểu, đủ gợi cho thi sĩ Anh-pha Nguyễn Tri Hựu niềm hân hoan vọng tưởng quê hương triều mến:

Cửa thánh thâm nghiêm chốn Định Tường

Cải tên khỏi lễ khỏi đèn hương

Le Myre đức bạc đành che mặt

Đồ Chiểu lòng vàng đáng biểu dương

Đô hộ lỗi thời quỳ xếp giáp

Tự do đặc thế đứng treo gương

Bút nghiên giải phóng nề văn hoá

Gấm Việt hoa Tiên điểm học đường.

Dù khi rời xa xứ Mỹ thân yêu, người dân xứ Mỹ Tho vẫn băng khuâng tưởng nhớ. Nếu nhà thơ nổi tiếng đất Hà Tiên là cố Đông Hồ tiên sinh, yêu mến cảnh hồ Đông đất Hà, nên mang lấy tên Hồ làm bút hiệu nâng niu, thì một người thơ trẻ của xứ Mỹ Tho hiện nay đang ở Cần Thơ, có hiệu là Hà Uyên, lại còn cứ mang thêm một hiệu Thạch Hồ, để tưởng nhớ hồ Tân Thạch nơi Mỹ Tho. Những đêm Cần Thơ nao nao vọng về hương Mỹ Tho nhà thơ trẻ tuổi Thạch Hồ chỉ xiết bàng hoàng:

Hai đứa mình xa mấy nẻo xa.

Nụ cười chưa dám gửi vào mơ.

Mỹ Tho mây tóc chùng u ẩn
Mưa nhớ Cần Thơ cũng thiết tha.
Gió Lạc Hồng đêm ru tiếng em
Ninh Kiều bến dầm dấu chân hoen
Cồn Rồng lửa dóm ai hiu hắt
Anh Xóm Chài khêu nhớ giọt đèn.
Những dây "bar" còn trơ dáng xưa?
Nơi đây son phấn cũng phai nhòa
Người đem bán rẻ tình đô thị
Sao bỗng dưng mình mua ngẩn ngơ?
Đại lộ nào bay hương gót chân?
Hoà bình huyết phượng bỗng rưng rưng
Áo ai xanh thắm màu sông cũ
Con phố Hùng Vương thoáng ngai ngán!

Thạch Hồ

Đã miên man cảm về đất Định Tường xưa, nhà thơ
Mỹ Tho mang hiệu Thạch Hồ càng thấy lòng tha thiết
nhớ lạ lòng từng chốn yêu mến của quê hương:

TÂN HIỆP

Từ độ nón tình xa tóc rối
Bờ tre Tân Hiệp xót gì không?
Rừng kè rũ bóng quê hương đó

TRUNG LƯƠNG

*Nước dạt, bèo trôi: ba nẻo thương.
Nụ cười thêm nếp mặn Trung Lương
Nửa trưa lãng tiếng gà eo óc
Không gót dài trang cũng phố phường*

LẠC HỒNG

*Đêm Lạc Hồng thuyền trôi ngả nghiêng.
Hoa đèn, sóng nhạc gói công viên
Sao em áo trắng buồn thương nữ
Đôi má lên hồng theo dáng men!*

CÔN RỒNG

*Một dải bản xanh xanh dáng Xuân
Phù sa quện máu Thủ khoa Huân
Thương hồ mấy nẻo đời xuôi ngược
Nghe gió Kỳ Hôn nhớ một lần...*

VĨNH TRÀNG

Mây tím rêu còn phủ dấu xưa?

Những ngày chuông nổi những đêm mưa

Cành đa ngọn tháp vườn râm đỏ

Trăng Vĩnh Tràng em mấy độ mờ?

Những cảnh đẹp quê hương càng đẹp lòng lấy qua ngọn bút thi nhân điểm xuyết. Những địa danh Tân Hiệp, Trung Lương, Cần Rồng, Kỳ Hôn với công viên Lạc Hồng, ngâm ngợi lên ai chẳng hướng về xứ Mỹ Tho mà mơ một ngày để gót lãng du thăm viếng đấy, cho thoả tình người đất nước thiết tha với đường nét quê hương qua khắp nẻo đường đất nước nói chung, và riêng Định Tường chứa chan thi vị.

Thi sĩ Nguyễn Thanh Trạc, bút hiệu Bửu Đa, một thi sĩ quê quán Tây Ninh xuống viếng Định Tường để chân đạo khắp thành phố, rồi thi sĩ ra ngắm cảnh ở vườn hoa Lạc Hồng bờ sông Cửu Long, cảm hứng dệt lên những vần thơ lưu niệm sau đây:

ĐỊNH TƯỜNG HOÀI CẢM

Cửu Long khói sóng như mơ

Sanh tình xúc cảnh dệt thơ cảm hoài

*

Con dò mộng mệnh mang dòng sông Cửu

Tiếng hò reo xé rách cả không gian

Bờ Mỹ Tho êm êm nghe giọng hát

Chiều Định Tường mây nước dật tranh xinh

*

*Ngoạ Long Đảo¹ nằm mơ về dĩ vãng
Chứa đau thương gần suốt một chu kỳ
Hình dung lại lòng đời đầy lỗ rách
Ai dang tay bắt mạch giúp cho đời?*

*

*Sông Cửu Long máu sóng hùng nước gợn
Không gian còn inh ỏi tiếng khoa quân
Rợ Hồ lỗ² xem càng thêm võ mật
Ngọn gió sầu Tho thủy thổi lê thê*

*

*Thế hệ vàng son vang quốc sử
Nhuệ khí hùng bia miện mãi muôn thu
Hồi hai bên thiên hạ xin xem đấy
Đấy gánh cương thường đâu phải gông*

*

Bóng Phụng đảo³ xa ngân chuông huyền diệu

¹ Cù lao Rổng

² Giặc Hồ lỗ ám chỉ người Pháp

Câu thơ xưa như sau:

Vô bái khả kinh, Hồ lỗ phách.

Bất hàm cam đoan tướng quân đầu

Rã mười phương mộng ảo khách trần gian

*Lờ mờ xa cửa Phạm thấy huy hoàng
Như nhắc nhở khách trần qua bến giác*

*

*Bến yêu mơ, gửi nỗi sầu man mác
Niệm thương đau gửi cho cánh mây ngàn
Chiếc thuyền đời xuôi mãi với tràng giang
Đi nhanh chóng chở khảm đầy hy vọng*

*

*Đường về xứ bướm còn bao nhiêu dặm?
Mà khách đời chen chút mãi bên xu?
Thế nhân ơi! Kia là trăng thiên thu
Đôi bờ mộng bóng cây đời mát mẻ*

*

*Xưa Mỹ Tho buồn nay trôi viễn xứ
Nắng đẹp phiêu du hoa kết xinh tươi
Ôm trọn mùa thu trong tay bao người
Một trong sáu tỉnh Định Tường còn vang*

Bửu Đa Nguyễn Thanh Trạc

Định Tường lưu niệm 30-11-1965

³ Phụng đảo là cù lao Phụng

NHỮNG CÂY VIẾT XỨ DỪA THƠ MỘNG

Xứ Mỹ Tho từ xưa tới nay đã có lắm bậc tài hoa, góp công tô điểm nền văn học nước nhà.

Khi còn là một thợ sinh, Ngũ Yên thường đăng thơ trên các báo và sáng tác tập thơ *Ba chuyện lòng, Tình yêu và cuộc đời, Tình xứ Mỹ*, xuất bản vào năm 1962, tập thơ ấy được thi sĩ Kiên Giang đề tựa và các báo Sài Gòn không ngớt lời giới thiệu và khích lệ.

Là đứa con xứ Mỹ Tho nên Ngũ Yên đã gợi được ít nhiều đặc tính chân thật trong mùi vị hình ảnh hoa trái của quê hương.

Đây bánh tét thơm mùi đồng ruộng

Đây dừa xiêm nước mát Cửu Long

Đây kẹo chuối đượm tình xứ Mỹ

Mận hồng đào ngọt ý quê hương

Lời thơ chân thật, ý thơ mộc mạc đã nói lên niềm rung cảm của Ngũ Yên trong một chuyến về thăm quê ngoại:

Đường về quê ngoại còn xa

Chuyến xe chết máy khi qua nửa đường.

Ngoài đặc như vậy, thơ của Ngũ Yên cũng đã phản ánh được ít nhiều chân tình đối với học đường: hoa điệp, cánh xe áo học trò...

Mùa hè ngày trước ngây thơ quá

Một buổi trưa đi đến học đường

Nón lá em cài hoa điệp đỏ

Tập tôi ép những cánh hoa buồn

Nhưng Ngũ Yên không phải là một “cậu ấm”, một “công tử” nên vẫn đi xe buýt, ăn cơm quán với một tâm tư thâm kín:

Chuyến xe buýt sáng người đông

Mà tôi thấy lạnh như không có người

Trưa nay thiếu một tiếng cười

Quán cơm Anh Vũ chao ôi là buồn

Ngũ Yên đã tìm thấy góc cạnh của cuộc đời, của tình yêu, nên một khung trời, một tia nắng nhạt, một tà áo hay cũng có thể tạo được thi hứng.

Có những khung trời đẹp quá

Thoáng qua là vấn vương rồi

Có những người chưa quen biết

Nhìn nhau... rồi nhớ không thôi.

Thơ của Ngũ Yên không văn hoa bóng bảy, lời thơ êm dịu nói lên tiếng nói chân thành của tuổi trẻ đang vươn mình góp mặt với thi nhân thế hệ ...

Nhắc đến thi sĩ Ngũ Yên khiến chúng tôi hồi tưởng cố nhà văn Sầm Nghi Tử ở Sầm Giang, một người bạn từng tranh đấu trên đường gió bụi, có nhiều cảm tình với anh chị em văn nghệ sĩ Sài Gòn.

Lúc sanh tiền Sầm Nghi Tử đã thành công trong những vở tuồng *Muồng Tênh cô gái Chùa Tháp*, *Tám bao lon*, các tác phẩm này được đăng trong báo Bách Khoa vào năm 1959-1960, vở *Muồng Tênh* của anh được đoàn Dạ Lý Hương đem ra trình diễn nhiều nơi rất ăn khách, được khán giả hoan nghênh, tán thưởng.

NHÂN TÀI XÚ MỸ

Quý độc giả đã từng nghe bác sĩ thú y Trương Tấn Ngọc người Việt Nam đầu tiên được nổi danh về ngành thú y, ông đã từng sang các nước châu Âu nghiên cứu và thi đỗ bằng tiến sĩ thú y tại đại học quốc gia Daforet Seine (Paris), khi ra đi cũng như lúc trở về, được nhiều văn nhân thi sĩ trí thức tỉnh nhà chúc tụng những bài thơ nói lên công nghiệp của ông làm rạng rỡ nước non nhà.

Thơ mừng Bác sĩ TRƯƠNG TẤN NGỌC
TRƯỜNG vì lướt gió vượt trùng dương
TẤN tới vinh quang vững bước đường
NGỌC ẩn bao ngày, chôn bảy sắc
Tài phô một thuở, rạng ngàn phương
Đáng công tảo bạo tung hồ hải
Khen chí ngang tàng đượm tuyết sương
Biết giống chiêng vàng nơi đất khách
Mấy ai hưởng được số phi thường

Huỳnh Khắc Dụng (Mỹ Tho)

Học nguyên vận

Thơ mừng Bác sĩ TRƯƠNG TẤN NGỌC
Muốn rộng kiến văn phải xuất dương
Cho nên dứt áo đứng lên đường
Vi trùng tế khuẩn dầu muôn liệu
Tên cỏ cung dâu chí bốn phương
Tài dụng cây công nhiều nhẩn nại
Vẻ vang cảm bạn mấy ngòi sương
Minh môg khoa học ai rằng tận
Song cũng làm gương ấy lẽ thường.

Giáo sư Nguyễn Văn Giai

Bút hiệu Hạnh Đàn (Định Tường)

Hai bài thơ này được vinh hạnh hát trong đêm mừng 4 Tết Quý Mão (28-1-1963) nhân dịp hội tài tử hoà cổ nhạc tại biệt thự Cẩm Tú của cụ tuần lý Huỳnh Khắc Dụng, và được thêm phần long trọng nhờ có tiếng ngâm của ông Vĩnh Hảo, giáo sư âm nhạc hoà hiệp đàn với những tiếng tranh Vĩnh Bảo, sáo Tư Định, cầm Trần Kiệt, kiềem Mười Kiệm, cò Mười Hỷ.

THƠ TẶNG BẠN THI ĐỒ TIẾN SĨ

*Kính mừng tiến sĩ thú y khoa
Xứng đáng nhà Trương Tấn Ngọc a
Ở Pháp lấy lòng công khảo cứu
Về Nam rạng rỡ bằng vinh hoa
Cành tài cội đức tươi xinh cả
Nguồn trí nển non vững đặc mà
Phỉ chí tang bồng trai đất Việt
Nêu gương hùng hậu nước non nhà.*

Mừng là:

*Đất Việt vẻ vang con cháu Lạc
Non Nam rạng rỡ giống nòi Hồng*

Khen gọi là:

Thú y khảo cứu dày công

Nhiều năm gian khổ nấu nung siêng cần

Quyết tròn nhiệm vụ quốc dân

Đạt thành mục đích tinh thần nêu cao

Thật là đáng mặt anh hào

Ngàn năm bia tạc đồng bào Việt Nam

Sầm Giang Nguyễn Tri Khương

Chợ Giũa, 5-12-1959

Những bài thơ trên đây nói lên người xứ Mỹ Tho đem chuông đi đánh xứ người làm rạng rỡ quê hương qua các bộ môn văn hoá, nghệ thuật, khảo cứu...v...v...

Thời đại nào Định Tường cũng sản sinh lắm nhân tài để phục vụ xứ sở qua mọi ngành chuyên môn, xứng đáng người sinh trưởng của xứ nổi tiếng là Địa Linh Nhân Kiệt

LỜI NHÀ BIÊN KHẢO

Đây là những bài thơ chọn lọc của một nhân vật xứ Mỹ lắm người nghe danh biết tiếng, ông đã từng sáng tác và dịch thuật nhiều sách vở có giá trị, được báo chí hằng nhắc đến, đó là ông Huỳnh Khắc Dụng.

Đứa dốt dốt, đứa ương ương,
 Thời loạn nưng cao bước hoạn trường.
 Ất giáp nhom nhem bàn chính trị
 A B quọp quẹp luận văn chương.
 Lâu đài tráng lệ mòn công quỹ.
 Xa pháo nghinh ngang bực phố phường.
 Bớ lũ con hoang mau tỉnh giấc,
 Nhìn đàn hiếu tử khá noi gương.

Tuần Lý

29-3-1949

TỰ TRÀO

Có mấy bài thơ để giắt lưng,
 Gặp nhau sành sỏi phải coi chừng.
 Bóp đầu tứ rỗng đầu đành chịu
 Gặm bút vẫn lời chẳng muốn nhưng...
 Mặc tiếng thì nhân đeo lưng lẳng
 Báo hàng chánh khách nhẩy tưng tưng
 Khen chê thương ghét thôi ta mặc
 Lục đục mà xem lửa cháy bùng.

TL 1950

CẢM GIÁC

Năm nay bốn sáu cái xuân rồi
Mà cũng chưa nhàn! Mẹ kiếp tôi!
Vợ yếu con khờ đeo nặng nhặng
Chỉ hèn sức mọn khiến lôi thôi.
Sách đèn mai mả đốt còn đốt
Danh phận ú ơ ngồi vẫn ngồi
Chạnh kẻ ngậm hờn trong khói lửa
Đói lòng, lạt miệng nuốt không trôi.

Tuần Lý 1953

CON KHỈ

Dáng điệu trông qua cũng giống người
Tuy lông bao phủ khắp mình thôi.
Tay thông quá gối chân hay nhảy
Môi nhích khoe răng, miệng cứ cười
Đấu phép giả hình con khỉ đá
Thua cờ mắc kế quả đào tươi.
Múa men giữa chợ vui đàn trẻ
Lố bịch sao mà chẳng hổ người?

TL1955

XUÂN THÂN KHAI BÚT

Gắng gượng chào Xuân có mấy câu
Không ham khanh tướng, sợ công hầu.
Năm Dê hóm hỉnh lừa ba côi,
Tết Khỉ tung bừng bịp chín châu
Pháo đốt cháy tay nào đứa thích?
Hàng rao mỗi miệng có ai cầu!
Thằng dân muốn hỏi sơn hà đó
Sao chỉ một nhà được tóm râu?

TL 1956

HỮU

Vừa cuối năm Mùi đến Tết Thân,
Quanh tôi vạn vật đượm hương Xuân.
Mai vàng hí hửng đơm trên nhánh,
Liều yếu tươi bời rụng dưới sân.
Nghe nặng bên tai tròng pháo nổ,
Thấy buồn trong dạ tiếng chuông ngân.
Xuân ơi, ta bảo Xuân nhãn mặt,
Làm lạnh câu thơ khó kiếm vần

TL 1956

XUÂN DẠ SẦU NGÂN

*Đêm Xuân thấm dịu mé tường hoa,
Như gợi tâm hồn nhớ thuở xa.
Tiếng dế bên thềm nghe rấm rít,
Giọng sầu trong dạ cứ ngân nga.
Trăng thanh bịn rịn trên đầu liễu,
Mây bạc lơ thơ tận mái nhà.
Xuân ấy, Xuân này sao khác thế?
Gió cười ta ngại giọt sương sa.*

TL

Xuân Tân Sửu 1961

XUÂN TÂN SỬU

*Tân Sửu Xuân về, liễu thiết tha,
Hương trời như đượm nhị muôn hoa
Nắng tươi sưởi ấm lòng cô quả
Gió dịu ru êm mộng thái hoà.
Tham dự dẫu gieo mầm ác nghiệp,
Từ bi ắt gỡ mối can qua.
Thưởng Xuân cho thoả trong năm vận,
Vui với đi đùng tiếng súng xa.*

TL. Mừng 1 Tết
(15-2-1961)

XUÂN NHÂM DẦN

(hí đề)

Năm mới cầu cho bạn sống lâu,
Sống lâu bữa bữa chẳng âu sầu.
Công danh đắc thế lên cao vọi,
Phú quý đầy trang đầy ngọc châu.
Ngâm ngợi vang rền thơ chặt túi
Say sưa ngả ngón rượu lưng bầu.
Ước ao sớm tối vui phong nguyệt,
Sông Vị rong thuyền thả một câu.

Thường Tiên Lão Thúc

Thân tặng Tuần Lý

7-2-1962

MUON VẠN HOA

Xuân Cọp đây chờ đã khá lâu,
Mong hoa cỏ lạ trực hương sầu.
Bao năm sương tuyết trơ gành đá,
Một cảnh điêu linh nhỏ giọt châu!

*Danh lợi mặc ai lo nhóc túi,
Thiên tài còn doạ há nghiêng bầu?
Đông quân nhón gót bên đồi lạnh,
Bến Nghé thì thăm được mấy câu?*

Tuần Lý

1962

THU CÀM

*Máy tạo vẫn xoay quả địa cầu,
Một trời mưa gió tiết sơ thu.
Sân ngô gió rụng vàng tô mặt,
Ngàn lách hoa phơi bạc nhuộm đầu.
Giòn gió bầy le đà lại đó,
Xông sương chiếc nhận sẽ về đâu?
Cũng trong bức vẽ màu thu ấy,
Chỗ thấy vui vui, chỗ thấy sầu*

Kính Chỉ

10-1962

THU NỤC

(mượn vận trên hoạ)

Mưa ngâu đọng vũng ngập trên cầu,
Bực bội lòng người giận tiết thu!
Tám hướng mây dề, chim lạc giọng,
Bốn phương gió bất, tờ diên đầu.
Ngô bông lá thui, cành trơ đó,
Liều ngậm sương mờ, nước chảy đâu?
Quạt mãi không qua cơn nóng bức,
Lạ thay cái nục cũng gieo sầu!

Tuần Lý

10-1962

CẦU THIÊN LÔI

Ông ở trên cao, có thấy chẳng
U mê bám chặt đám người hăng?
Đứa tung hoả tiễn tuồng vênh váo,
Đứa hẹn thiên đàng điệu lối lãng.
Quý quyết vài chàng no tức bụng
Lơ mơ một lũ dối nhãn răng!
Lừa thầy phản bạn chuyên gây rối,
Đáp xuống đi ông! Sốt mấy thằng?

Tuần Lý

13-12-1962

KÉP DỜ

Sao đem thẳng ngốc mặt mày ngu
Bắt đóng vai vua? Tức thấy ù!
Đi đúng ngô nghê: gà mắc rận
Nói năng bập bẹ: chó đương tru!
Ngai vàng được thế, oai nhờ lọng,
Đức bực e khi gió tép dù!
Giận bấy tuồng hay giao kếp dở,
Ra về nhức óc, mỗi xương khu...

Tuần Lý

19-12-1962

XUÂN QUÝ MÃO

Tết đến sao lòng thấy dửng dưng?
Trời trong gió dịu, nắng đầy sân.
Mơ màng, liễu nhún rung hồ điệp,
Nhí nhảnh oanh cười ngạo thế nhân.
Chiều xuống tỉ tê câu dế rí,
Khuya về nước nở giọng chuông ngân.
Trai tâm ước trọn đời thanh bạch
Khẽ gật chào thơ tứ ướp Xuân...

Tuần Lý

22-1-1963

Quý Mão chào tôi về chán chường,
 Trán nhẵn, mắt mệt, tóc pha sương
 Gió Xuân không thấm niềm u hận
 Tiết lạnh càng lê nổi vấn vương.
 Trời đất ghen ngào than chiến cuộc,
 Nước non gượng ngạo then biên cương
 Mai, lan đông mãi chưa buồn nở,
 Hay cũng thăm ca khúc đoạn trường?

Tuần Lý

9-1-1962

Họa bài XUÂN của Lê Thuý

Quý Mão chân chờ mãi mới qua,
 Hương Xuân nhuần đượm nước non nhà.
 Mấy năm chinh chiến gieo trường hận,
 Bao thuở giang sơn dứt bất hoà?
 Vạn vật xôn xao chào xán lạn
 Đông quân rộn rục đón anh hoa.
 Rừng sương bóng tỏ vươn mình tới ...
 Tiếng gió thì thăm nhẵn nhủ ta ...

Tuần Lý

30-1-1963

QUÝ MÃO khai bút

Năm Mèo tháng Cọp bút hoa khai,
Mô tả non sông nét cảm hoài.
Văn hiến thêu thùa tranh thế hệ,
Từ tôn nhấn nhủ bậc nhơn tài.
Khúc phim tranh thủ còn mờ昧,
Vở kịch bi hài khéo mĩa mai
Nước tổ đêm Xuân mây khói toả
Hạc reo tiếng gió khắp bên ngoài.

Long Giang

27-1-1963

Họa

Quý Mão Long huynh hạ bút khai,
Sương Xuân như đọng nét u hoài.
Cọp no tức bụng, người ghê mặt,
Mèo đói nghe răng, chuột khiếp tài
Bướm liệng chập chờn tơ lá liễu,
Gió vờn lững thững cánh bông mai
Nắng tươi sưởi ấm lòng thi sĩ
Nhạc vỗ hồn thơ thoát cõi ngoài.

Tuần Lý

29-1-1963

Phần thứ sáu

* Văn hoá giáo dục

* Kỹ thuật

* Y tế

* Xã hội

* Tín ngưỡng, đạo giáo

* Vài thổ sản đặc biệt

ĐƯỜNG VÀO XỨ MỸ

Du khách từ miệt trên Sài Gòn xuống, theo quốc lộ số 4 qua cầu Tân An một đôi thì đã vào địa phận Định Tường. Rồi thì lần lượt trải qua Bến Tranh, Tân Hiệp, dẫn đến Trung Lương. Tại ngã ba Trung Lương, hãy tạm dừng lại đôi chút ngắm cảnh quang. Một đường đi thẳng thì du khách sẽ tới Long Định, Cai Lậy (Khiêm Ích), Cái Bè (Sùng Hiếu), An Hữu rồi thì dừng lại nơi bắc Mỹ Thuận. Ấy là những đoạn đường nằm trong địa phận Định Tường. Bên kia Mỹ Thuận, đã là phần đất thuộc Vĩnh Long. Nhưng chỉ quyết viếng Định Tường ắt hẳn du khách háo hức vào thẳng Mỹ Tho thăm viếng trước là hơn.

Mỹ Tho không kém bất cứ tỉnh nào khác. Du khách sẽ được thoả thích ngắm bao di tích, nhất là sẽ có dịp so sánh công viên Lạc Hồng với tất cả công viên tỉnh khác.

Đại lộ Hùng Vương giờ đây đã tăng vẻ mỹ quan hơn xưa gấp bội. Khu chợ cũ bao gồm khu tả ngạn rạch Bảo Định, từ Kinh Cùng đến sông Cửu Long, chỉnh trang khởi sắc. Phần châu thành mở rộng, gồm các khu

Tân Mỹ Chánh, phía tây và phía bắc khu Vòng Nhỏ, khu xã Đạo Thạnh, giăng giăng những cơ sở kiến trúc đầy hấp dẫn.

Định Tường kiến thiết đã đẹp, mà các ngành sinh hoạt trong tỉnh cũng bừng sức sống mạnh, nói lên sự vươn mình tiến triển cho xứng danh là một trong 6 tỉnh lớn ngày xưa.

VĂN HOÁ GIÁO DỤC

Tỉnh Định Tường là tỉnh đầu tiên duy nhất có trường trung học. Nhưng phải chờ mãi đến những năm sau, ngành giáo dục bậc trung học mới được phát triển đến cấp quận, song hành với đà phát triển mau chóng của bậc tiểu học.



Trường trung học Nguyễn Đình Chiểu

Tuy nhiên số lớp và trường, nhất là ở bậc tiểu học, dù có được mở thêm hàng năm vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của số trẻ em vào học ngày càng gia tăng.

Nhiều tư nhân được khuyến khích và nâng đỡ trong việc mở thêm trường bán công, tư thục, cả hai bậc tiểu học và trung học, để góp phần nâng cao dân trí.

A. Bậc Trung học

Bậc trung học có tất cả 9 trường công lập, đáng kể có trường Nguyễn Đình Chiểu, 9 trường bán công và 11 trường tư thục.

Trong số trường trung học công lập, đáng kể có trường Nguyễn Đình Chiểu là lâu đời nhất và là trường trung học đầu tiên duy nhất trong 6 tỉnh ngày xưa. Nguyên trước kia trường được thiết lập do nghị định ngày 17-11-1789 (bổ túc bằng nghị định 14-6-1881) lấy tên là trung học Le Myre de Vilers. Hoạt động trong vòng 10 năm, trường đóng cửa vì lý do kinh phí, chiếu nghị định ngày 11-12-1889. Rồi ít lâu sau, nhân trường trung học d'Adran ở Sài Gòn bị bãi bỏ, trường trung học Mỹ Tho này mới mở cửa lại ngày 8-3-1894. Mãi đến ngày 26-9-1953, chiếu nghị định số 179ND/GD ngày 22-9-1952, của bộ giáo dục quốc gia (cũ), trường mới cải tên Le Myre de Vilers lại là Nguyễn Đình Chiểu.

Khu trường Nguyễn Đình Chiểu chiếm một diện tích 25.000 m² giữa châu thành Mỹ Tho, nghiêm nhiên là một khu học đường rộng rãi nhất đối với các trường trung học cấp tỉnh.

Thứ đến phải kể đến trường Nữ trung học Mỹ Tho. Trường này thành lập vào năm 1957, do nghị định số 1.250ND/GD ngày 26-8-1957. Lúc đầu chính ông hiệu trưởng trung học Nguyễn Đình Chiểu kiêm nhiệm điều khiển. Cho đến niên học 1960-1961, trường mới có nữ hiệu trưởng cai quản riêng biệt.

Trường này được đổi thành trường trung học đệ nhất cấp do nghị định số 1.736ND/PC ngày 29-11-1961 của Bộ Quốc gia Giáo dục cũ kể từ niên khoá 1961-1962.

B/Bậc Tiểu học

Bậc tiểu học có 122 trường công lập và 21 trường tư thực, như sau:

CÔNG LẬP

Trường sở	Số trường	Số lớp	Số giáo viên	Sĩ số
Sơ cấp	44	167	139	8.447
Phổ thông	68	915	849	49.861
Cộng đồng	6	110	106	6.000
Học nghề	2	2	6	126
Nữ công	2	4	7	103
Cộng	122	1.198	1.107	64.537

Trường sở	Số trường	Số lớp	Số giáo viên	Sĩ số
Sơ cấp	7	19	20	762
Tiểu học	13	59	60	2.286
Chuyên nghiệp		2	2	16
Cộng	20	80	82	3.064

KINH TẾ

Tỉnh Định Tường là một tỉnh chuyên về nông nghiệp, xí nghiệp, công kỹ nghệ chưa mở mang nhiều, nên số công nhân tương đối còn ít. Một số nông dân sau những ngày mùa, biến thành công nhân để tìm thêm lợi tức.

1. Kỹ nghệ:

Nhà máy điện	9
Nhà máy nước đá	10
Nhà máy ép dầu	1
Xưởng dệt	7
Xưởng nước mắm	51
Lò gạch	7

Nhà in	4
Lò tương, tậu vị yếu	7
Trại cưa máy	21
Nhà máy xay lúa	143
Xưởng làm vật dụng bằng sơ dừa	1

2. Tiểu công nghệ:

Trại cưa tay	36
Trại làm đồ go	38
Lò nấu xà phòng	8
Lò nấu xi rô	2
Lò bánh mì	11

3. Nông nghiệp:

Nằm tại vàm sông Cửu Long, được sông này và các phụ lưu bồi đắp mãi với đất phù sa rất phì nhiêu, lại thêm có một hệ thống kinh đào dẫn thủy, tỉnh Định Tường được xem là một trong những tỉnh nông nghiệp đứng hàng đầu với mức sản xuất khá cao.

Diện tích cày cấy:	163.000 mẫu
Mức sản xuất:	326.000 tấn lúa

Tại Định Tường, nông dân trồng rất nhiều giống lúa, mỗi mùa màng có riêng một số giống.

-Lúa sớm gồm có các giống: Puang-ngeon, Sa-mo rần, Sa-mo trắng, lúa Xiêm, Nàng Cóc, Cà đum sớm, lúa Tiêu, lúa Nhum, Cà đum kết sớm.

-Lúa lữ gồm có các giống: Nàng Quớt, Ba Xuyên, Chim Nghệ, Cà Lây, lúa nổi, nàng Lai, nàng Chồn, Móng Chim, nàng Mậu, nàng Vu, nàng Lữ, Đốc vàng.

-Lúa mùa gồm các giống: nàng Rà, nàng Phật, nàng Gồng, nàng co mùa, Sóc nâu, Trắng nhỏ, Tàu hương, lúa chùm, lúa nhỏ, Chùm mai, Chùm mùa, Bông sen, Cà đum.

-Lúa muộn gồm có các giống: lúa Sa vút, Gié vàng, Nàng thơm, Tàu chén.

Các loại hoa màu khác, đứng đầu là trái cây. Những vùng có nhiều vườn trái cây là Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy, Lũng Định.

Rau cải sản xuất nhiều tại các quận Bến Tranh, Long Định.

Trái cây sản xuất hàng năm là 40.000 tấn

Rau cải: 1.200 tấn

Khoai: 2.600 tấn

Dưa hấu: 240 tấn

Dừa: 18.000.000 trái

Mía: 13.300 tấn.

Thuốc lá: 30 tấn.

Y TẾ

Ngành y tế Định Tường được thành lập ngay sau khi Pháp chiếm đóng Mỹ Tho vào cuối năm 1861 và do quân Pháp phụ trách.

Khu bệnh viện Thủ Khoa Huân xây cất trong khoảng từ năm 1872 đến năm 1878.

Cơ sở y tế Định Tường gồm có:

-Hai bệnh viện có hộ sinh và chấn y viện

-Bệnh viện Thủ Khoa Huân Mỹ Tho.

-Một khu giải phẫu.

-79 nhà hộ sinh xã.

-1 trại bài hủi.

-1 phòng bài lao.

Tỉnh còn lập thêm các bệnh xá có hộ sinh và chấn y viện trong các quận để giúp cho đồng bào khi bệnh hoạn, sinh đẻ khỏi thất công ra tỉnh.

Ngành y tế Định Tường trên đà phát triển mạnh, thuốc men không thiếu, được sự giúp đỡ của các cơ quan từ thiện nhiều nước bạn, hằng năm ngành y tế ở đây gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp là chữa lành cho nhiều bệnh nhân, xoa dịu sự khổ đau cho mọi giới.

XÃ HỘI

Các cơ quan chẩn tế xã hội gồm có:

- 1 Ủy ban xã hội cấp tỉnh.
- 7 Ủy ban xã hội cấp quận.
- 93 Ủy ban xã hội cấp xã.
- 1 Cô nhi viện tại tỉnh Mỹ Tho
- 1 Ấu trĩ viện tại Mỹ Tho.
- 1 Viện dưỡng lão tại Mỹ Tho.
- 1 phòng phát thuốc xã hội.
- 1 phòng xã hội tại bệnh viện Mỹ Tho.
- 1 phòng xã hội tại trung tâm cải huấn tại Mỹ Tho.
- 1 ký túc xá nam sinh.
- 1 phòng phát thuốc nam của hội Tịnh độ cư sĩ.

Tóm lại Định Tường rất chú trọng về mặt xã hội, tích cực nâng đỡ cho đồng bào nghèo trong tỉnh. Rồi đây, trong tương lai, sẽ còn phát triển thêm nữa, từ xưa tới nay, vấn đề xã hội lúc nào cũng có những bậc ân nhân, những nhà từ thiện hảo tâm, đóng góp xoa dịu phần nào đau khổ của đồng bào do chiến tranh gây ra.

TÍN NGƯỞNG - ĐẠO GIÁO

Người Việt Nam dù bất cứ sinh quán ở tỉnh nào, vẫn là người có lòng tin tưởng Trời Phật Thánh Thần. Do đó, khắp các tỉnh từ chợ chí quê, không tỉnh nào,

không nơi nào là chẳng có đình chùa, nhà thờ, thánh thất, tịnh xá tiêu biểu cho các giáo phái, làm giềng mối cho sự tín ngưỡng, hữu thần. Về mặt tín ngưỡng, đạo giáo tỉnh Định Tường từ xưa tới nay chẳng khác gì mọi tỉnh trên cõi Việt.

Nói tổng quát cũng như đồng bào các nơi khác, người dân Định Tường mặc dù sau 80 năm Pháp thuộc, kế tiếp chịu ảnh hưởng các chủ nghĩa ngoại lai, vẫn sùng bái đạo Nho, quý trọng các thuần phong mỹ tục cổ truyền, rất tin tưởng vào tôn giáo mà mình đã tín ngưỡng.

Định Tường có nhiều tôn giáo, đứng đầu là Phật giáo, kế đến là Ki-tô giáo, Cao đài, Tin lành, Phật giáo Hoà Hảo, Du tăng khất sĩ và đạo Hồi giáo của một số Án kiều.

Phật giáo rất thịnh hành ở Định Tường, số tín đồ sùng mộ Phật càng gia tăng, nhiều ngôi chùa xinh đẹp được tu bổ hoặc dựng thêm. Đặc biệt, tỉnh Định Tường có lắm ngôi chùa cổ hơn đâu cả mà chúng tôi đã trình bày lịch sử từng chùa chiền xưa, ở phần di tích.

Về phía Thiên Chúa giáo, tỉnh Định Tường chia ra làm hai giáo khu, gồm 14 tiểu giáo khu. Và còn một giáo khu thứ ba là giáo khu Bà Bèo dành cho đồng bào miền Bắc, thành lập năm 1955.

Đạo Cao đài là một tôn giáo khai sáng từ Tây Ninh năm 1927, bành trướng mau chóng tại tỉnh Định

Tường vào năm 1934 được xem là thời kỳ cực thịnh của nguồn Đại đạo Tam kỳ Phổ độ.

Phật giáo Hoà Hảo có tín đồ rải rác trong hai quận Cai Lậy (Khiêm Ích) và Cái Bè (Sùng Hiếu).

Đạo Tin lành có ít tín đồ hơn, nhưng mấy năm gần đây đã phát triển.

Du tăng khất sĩ cũng đang trên đà được chú ý, đang nỗ lực truyền bá giáo lý.

Nhưng tóm lại, Khổng giáo tức đạo Nho mới thật là mối tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam, vì trong tất cả gia đình hầu hết đều lấy việc thờ cúng tổ tiên làm trọng.

Dựa theo *Địa phương chí* do chính quyền tỉnh Định Tường ấn hành, theo sự kiểm tra mới nhất thì số cơ sở đạo giáo và số tín đồ của mỗi giáo phái liệt kê như sau:

1. Phật giáo có 303 chùa, 100.000 tín đồ.
2. Thiên Chúa có 36 nhà thờ, 42.000 tín đồ.
3. Cao đài có 76 thánh thất, 66.000 tín đồ.
4. Tin lành có 6 nhà thờ, 6.000 tín đồ.
5. Phật giáo Hoà Hảo có 6 nhà thờ, 9.000 tín đồ.
6. Hồi giáo có một chùa, 31 tín đồ.

Tổng quát là thế. Nhưng chúng tôi dốc lòng phục vụ bạn đọc, cố công thu thập tài liệu và sưu tầm hình

ảnh, xin cống hiến thêm, trình bày rõ hơn về từng đạo giáo dưới đây.

Điểm cần nhấn mạnh, đất Định Tường xưa đã từng có một nhân vật xuất sắc về mặt đạo giáo, chính là ông Cử Đa, quê ở Thuộc Nhiều, tu tiên đắc đạo, có hiệu là Ngọc Thanh và Hư Không. Chúng tôi đã trình bày riêng về cuộc đời ông Cử Đa ở phần huyền thoại.

ĐỊNH TƯỜNG QUA VÀI THỎ SẢN ĐẶC BIỆT

- Mận hồng đào (Trung Lương)
- Vú sữa Lò Rèn (Long Định)
- Cam mật (Cái Bè)
- Ổ xá lý (An Hữu).
- Xoài cát (Mỹ Thuận).

Những năm gần đây, bạn đọc có dịp đi về các tỉnh Hậu Giang, chắc đã phải để ý tới một nông sản đặc biệt của tỉnh Định Tường, hay nói rõ hơn, của một địa điểm trong tỉnh ấy: chúng tôi muốn nói đến mận Trung Lương. Từ Sài Gòn về lục tỉnh, khi xe chạy hết khúc đường thẳng từ Phú Lâm vượt qua đồng ruộng phong phú của Chợ Lớn, Long An, nhằm tỉnh Mỹ Tho trực chỉ, nhưng còn bốn cây số nữa tới đích, xe bạn phải queo qua tay mặt để hướng về lục tỉnh, tại ngã ba đường đã trở nên một trạm lưu thông khá náo nhiệt, vui vẻ là ngã ba Trung Lương. Dầu muốn dầu không, bạn cũng phải để ý đến những giỏ, những thúng, những bao đầy ắp một

loại trái cây có vẻ rất ngon lành, hấp dẫn, sắp sửa nở bên lề, có khi nối tiếp nhau trên năm bảy chục, cả trăm thước, chờ khách khắp nơi tới chỗ đi phân phối tại đô thành với các tỉnh miền Trung, lên cao nguyên Đà Lạt hay Ban Mê Thuột là đằng khác.

Đó là một thứ trái cây tầm thường, khá phổ biến từ lâu đời ở Việt Nam: trái mận ở Bắc cũng có song kê là trái roi. Một thứ trái cây bông ruột, bên ngoài có cùi, hoặc dày hoặc mỏng, chứa nhiều nước vị ngọt thanh, nên trong tháng nắng được nhiều người thích ăn để giải khát. Tuy nhiên đó chỉ là loại trái cây để ăn chơi, công chúng cho là không có giá trị bổ, béo gì nên bán không đáng giá, dầu nhằm lúc đầu hay lúc cuối mùa. Và đó có lẽ là nguyên nhân khiến nông gia không đặc biệt chú ý tới loại cây này; mỗi vườn chỉ trồng một, hai cây, nhiều lắm là ba, bốn –tùy theo đất rộng hẹp –cho đủ giống cây ăn trái vậy thôi.

Nổi tiếng nhất mận Trung Lương

Mận Trung Lương chiếm một địa vị khác hẳn vì nhiều đặc điểm rất được nhiều người ưa thích; lớp cơm bên ngoài trái mận đã dày, chắc lại có nhiều nước và có vị ngọt, nhiều người không ngần ngại cho rằng nếu chưa sánh kịp xá lý hoặc bôm thì nó cũng không thua kém nhiều. Công bình mà nói, giá trị của những trái mận Trung Lương quả thật đã tăng giá nhiều, tuy chưa sánh được bôm hay xá lý, song thứ tốt hiện thời có thể dùng làm món ăn tráng miệng, chứ không phải chỉ ăn chơi, giải khát nữa.

Sở dĩ có sự tăng tiến đáng kể như vậy là do một sự tình cờ. Cách đây lối ba mươi năm vùng này cũng đã có nhiều nhà trồng mận nhưng lần hồi, thiên hạ đồng ý rằng ngon nhất chỉ có những trái mận trồng trước nhà ông Bộ Nhọn. Ông tên thật là Đỗ Văn Nhọn, làm chánh lục bộ trong làng, nhà ở gần bến đò Cừu Điện nay đổi tên là bến Ba Ký, tại ấp Đạo Tâm, xã Đạo Thạnh, tỉnh Mỹ Tho.

Khác với mận phổ thông trong vùng, nhất là giống mận trồng nhiều bên cồn, da xanh mét và cơm mỏng nên người ta quen kêu là mận da người, mận của ông Bộ Nhọn có nhiều đặc điểm từ hình thức đến giá trị: da màu hường, hoặc lợt, hoặc đậm, có trái có sọc, cơm dày, giòn, ngọt và nhiều nước. Có trái muốn đặc ruột là khác song thành thật mà nói, phần giữa của những trái vẫn còn xốp nên chưa thể so sánh được với trái bôm hay trái xá lý của các xứ phương Tây. Tuy nhiên, sánh với mận phổ biến ở các nơi khác, nhất là với giống mận da người bên cồn, thì giá trị của nó hơn nhiều, “ăn đứt” khá xa. Vì màu da tươi đẹp của nó, đồng bào trong vùng đặt cho nó cái tên khá văn hoa là mận *hồng đào*. Tùy theo nó có sọc hay không, người ta còn kêu phân biệt là *hồng đào trơn* hay *hồng đào sọc*.

Một chi tiết đặc biệt nữa nên ghi là giống mận quý này hiện chỉ có tại bên làng Đạo Thạnh, Lương Hoà Lạc, Long An và Trung An của tỉnh Định Tường. Tất cả quy tụ tại vùng Trung Lương, chung quanh bến đò Cừu Điện, cận ấp Đạo Tâm là nơi cây mận hồng đào đầu

tiền của ông Bộ Nhộn cho giống và có tên là Bả Bả, cả trăm cả ngàn cây mận đồng tông. Theo một thuyết khác thì người có cây mận hồng đào đầu tiên là ông Bùi Văn Thi- cũng kêu là Bả Thi -nhà ở ấp Đạo Tâm xã Đạo Thạnh. Cây mận ấy trồng ở mé xẻo ăn ra sông Bảo Định, khoảng năm 1935. Đến năm 1937, tình cờ một nông gia lối xóm phát giác vị đặc biệt của trái mận đó: ngọt, nhiều nước và giòn không thua trái xá lý, nên xin năm nhánh chiết về trồng. Nông gia ấy là ông Lê Văn Lượng, cũng kêu là Hai Khánh, khéo chăm nom, săn sóc nên mấy cây ấy mọc xanh tốt cho trái mận ngon ngọt không thua gì cây mẹ, và giống mận hồng đào nổi tiếng rồi phổ biến rộng khắp các xã Đạo Thạnh, Lương Hoà Lạc, Long An. Và ngày nay người ta gặp mận hồng đào rải rác ở các tỉnh lân cận như Kiến Hoà, Vĩnh Long, Sa Đéc...v...v...

Từ năm thứ nhì đã có trái

Mận hồng đào gây giống bằng nhánh chiết, và kỹ thuật này áp dụng cho tới ngày nay.

Cây mận mọc mạnh, lớn nhanh nên chỉ trong vòng một năm rưỡi, hai năm, sau khi trồng là có thể chiết nhánh đem về trồng. Nhánh chiết trồng trên liếp.

Nếu chiết và trồng nhánh cây tơ (2 năm), nội năm đầu cây có thể trổ bông và bói trái. Tuy nhiên, nhà vườn không lấy, người ta chịu khó ngắt bỏ bông và trái non, để giữ chất bổ dưỡng cho cây. Từ năm thứ nhì, cây bắt đầu cho trái lớn, ngọt, có thể để chín và hái bán. Tuy

nhiên đến năm thứ năm cây mới tăng trưởng đúng mức và cho trái dồi dào.

Để bạn đọc ý thức được phần nào nguồn lợi do mạn hồng đào có thể đem lại, đây là những con số do một chủ vườn vùng Đạo Thạnh cho biết.

Một đại điền chủ có ba mẫu vườn trồng toàn mạn, được trên 1.000 cây. Mỗi cây lớn đúng mức có thể cho 10 thúng trái (5 gia). Giá bán sỉ xê xích từ 120 đến 150 một gia (vào dịp Tết có thể lên đến 200 đồng). Vậy lấy những con số trung bình 120 đồng: một gia, mỗi cây cho 5 gia trái và mỗi mẫu 350 cây thì mỗi mẫu trồng mạn hồng đào có thể cho huê lợi trên 200.000 đồng (120x5x350). Một nông dân chỉ để cho một cao đất trồng mạn, mỗi năm cũng có trên 20.000 đồng, đủ sửa sang nhà cửa chi phí may mặc, Tết nhứt. Sau năm năm, ngoài việc quét mương đắp bùn mỗi năm hai lần, cần phải vô thêm phân chuồng để cây đủ chất bổ dưỡng. Có nhà vườn cho rằng vô phân gà tốt hơn và mấy năm gần đây, vài nông dân còn bón thêm phân hoá học. Theo lời các bậc nông gia lão thành kinh nghiệm thì một cây săn sóc đúng mức cho huê lợi suốt ba mươi năm.

(Trích Thời Nay số 139 ngày 1-7-1965)

Vú sữa Lò Rèn quận Long Định

Trong những ngôi vườn sầm uất cây trái của tỉnh Định Tường, mạn hồng đào sọc tăng phần trù phú cho vùng Trung Lương, ổi xá lý giữ nét độc đáo cho xã An Hữu, cam hồng mật gây uy thế cho quận Cái Bè, thì vú

sữa Lò Rèn cũng làm nổi bật cho xã Vĩnh Kim (Sầm Giang) quận Long Định.

Tác giả được tháp tùng theo đoàn ký giả văn nghệ sĩ thủ đô đến viếng quận Long Định một sáng chúa nhật 13-3-1966, theo lời mời của các cấp quân dân chánh, do nhà văn Khổng Nghi hướng dẫn. Ban tổ chức đã chọn đúng mùa vú sữa chín rộ để giới thiệu với anh em văn nhân ký giả quang cảnh thanh kỳ trù phú (mặc dù trong thời kỳ khói lửa) của những ngôi vườn vú sữa trung tâm quận Long Định.

Bước chân vào ấp tân sinh Vĩnh Bình, chúng tôi đã được rửa mắt bằng thứ màu sắc đặc biệt của loại vú sữa trắng với cành trĩu trái xanh lá cây. Lá vú sữa có hai màu, bề mặt màu xanh đậm, bề trái màu sô cô la, óng ánh lóng lánh dưới tia nắng.

Dừng chân nghỉ mát tại vườn bạn Khổng Nghi, mọi người thưởng thức một nghệ thuật hái vú sữa của các em nhỏ từ 12 đến 15 tuổi. Với một cây sào chừng 4 hay 5 thước, đầu chẻ ra như cái kẹp, các em giơ cao, thoăn thoắt và lẹ làng, bẻ từ trái một và liệng xuống cho em khác đứng dưới đất dùng khăn một thước buộc vào cổ để hứng trái cho khỏi rớt ra và khỏi giập.

Chúng tôi được nếm liền dưới gốc cây mùi vị thơm mát của vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim.

Anh Kiên Giang Hà Huy Hà trưởng phái đoàn thay mặt anh chị em ký giả, nhận hai cần xé vú sữa do hai

anh Tư Hoài và Hai Sự thay mặt đồng bào Vĩnh Kim thân tặng anh em văn nghệ sĩ Sài Gòn

Khi trở về Sài Gòn, bạn Kiên Giang đã viết trong tờ *Thời Sự Miền Nam* trang *Tổ quốc mến yêu*:

Vú sữa Sầm Giang căn dáng mộng.

Nấm rơm Long Định ủ ngàn sương

Trong bài thơ *Đẹp Hậu Giang*, Kiên Giang đã ca ngợi vú sữa Cần Thơ. Nhưng khi đến Vĩnh Kim, Kiên Giang đã hạ vú sữa Cần Thơ để tôn vương vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim.

Vú sữa Lò Rèn đã làm cho vú sữa Vĩnh Kim có mặt trong thị trường cây trái một cách rõ ràng.

Vú sữa Lò Rèn da mỏng láng như da mặt xuân nữ, sữa trắng thơm như sữa con so. Ăn vú sữa Lò Rèn bạn chỉ bỏ lớp da mỏng rồi bạn thưởng thức một hương vị độc đáo vừa dịu vừa thơm ngon.

Sở dĩ trái vú sữa Vĩnh Kim mang tên vú sữa Lò Rèn là vì lần đầu tiên ông Sáu Châu, một ông thợ rèn đi xa mang về một nhánh chiết trồng thử. Sau hai năm cây vú sữa Lò Rèn đầu tiên có trái. Đồng bào trong ấp đem so sánh với các loại vú sữa đã trồng như vú sữa tím, vú sữa bánh xe, vú sữa ổi. Đồng bào nhận xét vú sữa Lò Rèn chẳng những sai trái lại lớn tròn. Khi trái còn sống thì da màu xanh lá cây, khi chín thì nổi ửng màu vàng hột gà để phân biệt trái chín với trái sống.

Để bạn đọc tìm hiểu tầm quan trọng của vú sữa Lò Rèn vùng Vĩnh Kim, tác giả chịu khó tìm phỏng vấn các ông chủ vườn trong ấp được họ cho biết.

Hiện nay, có một số nhà, tất cả loại cây ăn trái như mận, xoài, mít và cả cam, quýt đều bị chặt bỏ, chỉ trồng đặc biệt trong vườn một thứ vú sữa Lò Rèn mặc dù vú sữa chiếm đất khoảng 8 m² một cây.

Hàng năm một số lái buôn trung gian được hưởng phần lời cả trăm ngàn tức là lời 60% với số vốn họ đã bỏ ra.

Liên tiếp gần năm năm nay trên thị trường, các dứa trái cây cầu Ông Lãnh đã biết mặt vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim vì có thị trường tiêu thụ mạnh, nên họ dám giúp vốn cho các ông lái buôn đi bỏ tiền cọc đặt mua trước.

Nhiều ông lái dám bỏ vốn mua huê lợi từ hai năm đến ba năm. Ví dụ: Mùa 1966 chủ vườn đã bán cho họ 50.000 đồng. Năm 1967 mặc dù vú sữa chưa có hoa, họ chịu mua trước với giá 70.000 đồng và mùa 1968 với giá 90.000 đồng. Cứ mỗi năm một lên và chắc chắn họ không bao giờ lỗ, vì chiến tranh gây nghèo khó, các ông chủ vườn biết để trái lớn bán lợi hơn, nhưng vì túng tiền họ đành mượn tiền trước và bán rẻ một phần.

Nhà văn Khổng Nghi tác giả tập *Muồng Tênh* có một ngôi vườn hai mẫu tây trồng được 120 cây vú sữa. Ngôi vườn của bạn được xem là ngôi vườn đẹp nhất trong ấp Vĩnh Bình.

Chính bạn Khổng Nghi có ý nghĩ bàn với tác giả: sau này đất nước thanh bình trở lại, hàng năm bạn sẽ kêu gọi anh em ký giả cổ động tổ chức rầm rộ “Hội mùa vú sữa” để cho các bạn nơi khác thêm khát hương vị đồng quê có dịp trải hội về quê hương Sầm Giang thưởng thức mùi vị đặc biệt của vú sữa Lò Rèn Long Định.

Ổi xá lý

Người nông dân Mỹ Tho thời đó đã không như những ngày xưa cũ. Vấn đề trồng trọt và sản xuất thật là quan trọng đối với họ. Phần đông người nông dân ở đây đều có ruộng vườn.

Vấn đề trồng cây lấy trái cũng đã biến thành sự sống của họ hàng ngày. Ngoài những thứ cây trái đã có lưu truyền từ đời này qua đời khác, họ còn tìm được những thứ cây trồng mau hưởng huê lợi hơn. Trong những thứ cây mau có trái nhất đó là ổi xá lý vậy.

Ngày nay, du khách xuôi về miền Tây hay ngược lại, khi bước qua bên này, hay bên kia bến bắc Mỹ Thuận thấy đều lấy làm ngạc nhiên khi nhìn những căn xé ổi đầy ngập để dài bên đường với những tiếng mời mọc, phát ra từ trong đôi môi của những cô gái ngây thơ, mộc mạc, hiền lành, ngọt ngào hơi hương đồng xanh ấy:

-Mua giùm em chục ổi đi thầy! Ổi xá lý ngon, giòn lắm thầy ơi!....Cô ơi!...

Khi đó, nếu du khách đưa tầm mắt quan sát thì sẽ thấy làm lạ vì ổi ở đây tràn ngập thị trường. Không

những chỉ hai bên bến bắc mà thôi, bây giờ ở đâu cũng có, nhất là những tỉnh gần nơi sản xuất ổi như Mỹ Tho, Long An, Sài Gòn, Biên Hoà...

Nơi sản xuất nhiều nhất là xã Hưng Thuận, An Hựu, Cai Lậy. Cho đến bây giờ, vì sự sản xuất mau chóng, nên người nông dân hè nhau mua thứ này về trồng.

Ổi xá lý rất dễ trồng, nhưng ở những nơi có nước ngọt quanh năm thì sự trồng ổi dễ dàng hơn. Cây ổi xá lý chỉ cần đặt xuống xen kẽ nhau trong những cây dừa, buổi có nhiều bóng mát, bỏ ít phân và luôn luôn tưới nước, chỉ trong một năm là có trái.

Mỗi cây ổi xá lý có thể sản xuất từ 50 đến 100 trái ổi mỗi năm. Như vậy, người nông dân chỉ trồng được 100 cây thì mỗi năm thu khá nhiều huê lợi, sống một đời sống khá sung túc.

Đặc điểm của ổi xá lý:

Từ lúc người nông dân phát giác ra ổi xá lý với cách trồng rất dễ dàng và mau chóng thu lợi, họ mới biết rằng thứ ổi này rất ngon, không như thứ ổi thường mà sự trồng rất khó khăn và lâu lâu lợi.

Ổi xá lý thật ngon, bởi ổi có một thứ hột như “nhum” bánh lại giòn và hương vị thơm tho. Nếu so sánh thứ ổi xá lý với bôm thì thứ ổi này ngon hơn nhiều. Bởi vậy người nông dân mới đặt tên cho thứ ổi này là ổi xá lý, vì trái xá lý cũng ngon thơm. Bôm, xá lý là món được nhập cảng ở nước ngoài vào nên người ta thường cho nó

là món ăn quý. Còn ổi xá lý là do người trong nước sản xuất, dù ngon hơn, thơm tho hơn, có nhiều đặc điểm tốt hơn, nhưng ít khi được chú ý đến.

Nếu ổi xá lý phát triển nhanh thì trong tương lai sẽ xuất cảng ra ngoài, thì thứ ổi này sẽ hơn bôm và xá lý vậy.

Vì những đặc điểm của nó và lại rất dễ trồng cho nên người nông dân mới đặt ra những câu ca dao được truyền khẩu từ người này sang người khác, nhất là lúc đưa con:

*Hò lơ...ai về chợ Mỹ quê em
Mua ổi xá lý để mừng bà con
Ổi này hương vị rất ngon,
Anh ơi! Ăn thử mỗi mồn đợi ai...!
Chúng mình chỉ mới gặp nhau,
Tặng anh trái ổi, ngọt ngào tình thương.
Rồi khi mồn mỗi bụi đường,
Nhớ ổi xá lý, tình thương mặn mà.
Hò lơ...Hò là hò lơ...ơ...ơ...ơ...!
Khi nào anh thấy nhớ ai...
Xin về chợ Mỹ đường dài dễ đi.
Mỹ Hưng anh xuống tức thì,
Có em chờ đợi mong người tình quê.*

Vườn xoài, vườn ổi sum sê,

Mặc tình anh "hái" anh đòi ... em cho!

Những câu ca dao về ổi xá lý lồng trong mỗi tình quê trong trắng, trắng như ruột ổi, thơm tho như mùi lúa chín, mùi mạ non. Nhờ ổi xá lý mà người nông dân xã Mỹ Hưng ngày nay có một đời sống rất cao và sung túc. Người con gái quê thường dùng những câu trên để mời khách mỗi khi nàng cần thấy bán chục ổi cho khách qua đường.

Thật là một thứ ổi dễ trồng, lại ngon hơn bôm, xá lý mà người nông dân ngày nay đang tăng gia sản xuất hưởng huê lợi khá cao về thứ ổi này.

Xoài cát – cam mật

Ngoài những thứ trồng từ bao năm nay, Mỹ Tho còn có nhiều cây trái rất quý, vì là một vùng đất nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, cho nên việc trồng cây lấy trái rất dễ dàng.

Bạn có ăn thử mạn hồng đào, vú sữa, ổi xá lý, bạn phân tích từng hương vị một của mỗi thứ, các bạn mới thấy được những giá trị tuyệt đối thuần túy của thổ sản Việt Nam.

Nhưng nếu chưa nếm đủ các thứ trái cây của miền sông Hậu, hãy cần tìm thử, hay ít ra một lần thưởng thức mới thấy được sự quý báu của mọi thứ trái cây này.

Bởi vì mỗi thứ trái cây, đều trở bông đơm trái từng mùa, theo thời tiết Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Mận, vú sữa thì có trái vào mùa mưa mà chỉ trong vòng một tháng thì có thể bẻ được. Ổi xá lý thường bẻ được phải qua thời gian 45 ngày. Tuy đơm bông, kết trái vào mùa mưa, nhưng nó có thể kéo dài qua tới mùa nắng.

Xoài cát thường hái được vào tháng 7 và 8. Nhưng với thứ cam mật, sự kết trái cho đến khi hái được phải từ 70 đến 90 ngày. Người nông dân thường hái cam mật vào mùa Xuân, nói đúng hơn là vào những ngày sắp Tết để cho khách hàng mua về chưng trên bàn thờ tổ tiên.

Đặc điểm của xoài cát:

Nói đến xoài thì có nhiều thứ, mỗi thứ có hương vị khác nhau. Như xoài tượng thường thì người ta dùng sống, cần thịt xoài cứng để ăn với nước mắm đường; xoài voi, xoài hột, những thứ này thường hay chua, cho nên người ta không thích mấy!

Còn xoài cát có hương vị đậm đà của nó. Khi trái xoài đã chín, người ta thường dùng làm món ăn tráng miệng sau những bữa cơm.

Xoài cát tròn, thịt thơm tho, lại dễ, ngọt, bùi có thể so với hồng tươi của Tàu. Nhưng xoài cát mềm mại và hương vị đậm đà hơn hồng tươi. Dành cho những người trọng tuổi tráng miệng thì tốt nhất.

Loại xoài này trồng nhiều nhất là ở vùng bắc Mỹ Thuận, An Hữu, Cái Bè. Những vùng khác cũng có trồng nhưng mức sản xuất không nhiều như mấy vùng trên.

Cam mật xưa nay rất có tiếng tăm ở miền Nam vì cam mật rất khó trồng và sự trồng trọt rất công phu vì là loại cây nắng không ưa, mưa không chịu, thường khi muốn trồng thử cam này, người ta chiết nhánh hay ươm hột.

Vì chiết nhánh thì trồng mau có trái, còn ươm hột thì lâu nhưng được bền.

Muốn trồng cây cam mật, người nông dân rất công phu và phải mất một thời gian thật dài. Cần lựa một nhánh thật tốt và mập, rồi phải bó đất vào thân của nhánh cây, tưới nước hằng ngày, cho đến khi nào nhánh mọc rễ thật nhiều và đợi đến khi mưa thuận gió hoà người ta mới cắt nhánh và bỏ vào chậu đan bằng tre, bỏ thêm phân và đất, xong rồi, mới đem vào chỗ mát mẻ, tưới nước vun phân cho đến khi thấy cây vững, mạnh, người nông dân mới đem ra trồng.

Muốn trồng cam mật, người nông dân phải vét mương, chia từng liếp và thường thì trồng ở những nơi có tàng cây mát mẻ, nhất là ở những hàng dừa.

Vì cách trồng cam mật rất khó khăn, nên nó rất quý, thử cam này lúc trồng và thời gian có trái rất lâu, tối thiểu cam kết trái lần đầu phải mất hai năm và phải từ ba đến bốn năm mới có trái nhiều. Nhà vườn phải bỏ kiến vàng trên ngọn cây để cho cam có nước, trồng cam là cả một vấn đề săn sóc công phu.

Tuy nhiên chỉ có cam mật vùng Cái Bè là danh tiếng hơn hết. Vùng này phần đông người nông dân thích trồng thứ cam này, lại nữa là một vùng đất tốt, hợp giống cây, cho nên ngày nay, mức sản xuất loại cam mật vùng Cái Bè lên thật cao.

Cam mật có đặc điểm: nhiều nước, ít hạt, thật ngọt, hương vị mận mà, làm cho người thưởng thức thứ cam này lấy làm vừa ý.

Tuy là loại cam vỏ xanh nhưng không thua thứ cam nhập cảng đỏ vỏ. Nó có thể còn trội hơn bởi vì, cam nhập cảng phải để lâu ngày, nắng gió làm mất hết hương vị của nó. Trái lại cam mật vỏ còn tươi xanh và khi hái thì đem ra bán liền, không làm mất hương vị, và còn đầy đủ những sinh tố cần thiết, có thể giúp cho người bệnh dùng nó thay cho cháo hay sữa.

Lại nữa chất tươi, mát của cam làm cho người bệnh mau phục hồi sức lực.

Chiến tranh dai dẳng, miền quê bị tàn phá bởi bom đạn. Người nông dân mãi lo âu, trong đó có một phần lo vì rồi đây không biết ngày nào mình sẽ bị mất đi một phần nông sản. Tin chắc rằng miền Hậu Giang sẽ là nơi sản xuất cây trái nhiều nhất, sẽ trở thành vùng đất phì nhiêu nhất, có đủ yếu tố cần thiết cho sự sản xuất, các món ăn cho dân tộc và cây trái cũng có thể thay thế cho những trái cây nhập cảng vậy.

SỐ QUẬN, TỔNG, XÃ, ẤP VÀ DÂN SỐ

Sau ngày quận Gò Công tách rời năm 1963 đến tháng 4-1965 để tái lập tỉnh, Định Tường chỉ còn lại 7 quận, 14 tổng, 93 xã.

Diện tích và dân số chia ra như sau:

Quận	Số tổng	Số xã	Số ấp	Diện tích toàn quận	Dân số
Bến Tranh	2	15	92	21663m 07s 90t	64437
Cái Bè	2	11	83	26329m 84s 53t	84010
Cai Lậy	2	20	83	32105m 15s 36t	108728
Châu Thành	2	11	95	10028m 02s 56t	105217
Chợ Gạo	2	11	95	14558m 13s 89t	49089
Giáo Đức	2	10	50	19539m 23s 05t	58672
Long Định	2	14	106	24715m 90s 46t	47821

ĐÌNH TƯỜNG VỚI HUÊ VIÊN LẠC HỒNG NẪM SÁT BỜ SÔNG CỬU LONG

(Nơi quuyến rũ tao nhân mặc khách)

Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh.

Quyện lòng du khách gọi tình nước non.



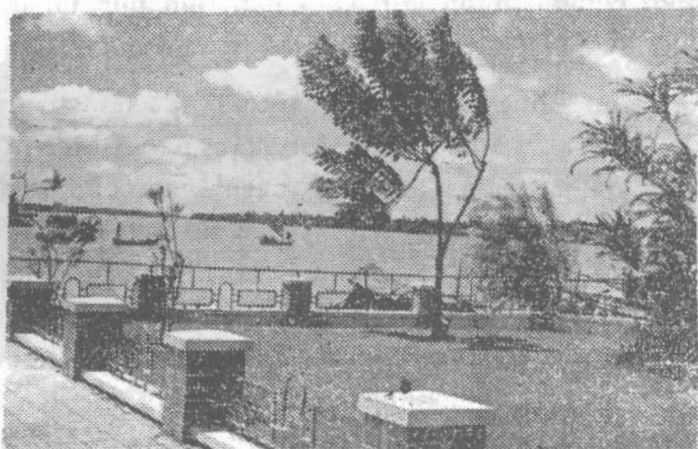
*Những hàng dương cổ thụ soi
bóng dưới bờ sông Cửu Long*

Du khách viếng
Đình Tường muốn
tìm nơi ngắm cảnh
cho thoải mái tinh
thần, ai chẳng trầm
trồ khen ngợi vườn
hoa Lạc Hồng khéo
hoà hợp với cảnh
vật thiên nhiên, nổi
bật phong quang tân
tạo sinh tươi, êm
đềm nhàn lạc thú.
Vườn hoa Lạc Hồng
là một địa điểm gắn
liền với tâm tiếng
Mỹ Tho, gần như là
một danh thắng của
tỉnh.

Nếu biết rằng nơi đây xưa kia là nhà ga xe lửa ồn ào náo nhiệt mà nay thay đổi sắc thái trầm lặng mỹ quang, du khách chẳng khỏi tấm tắc khen thầm người đã có công kiến tạo một chốn yêu kiều dành riêng cho khách hào hoa thanh lịch, tăng vẻ đẹp cho châu thành cảnh trí đầy thơ mộng. Vị trí vườn hoa Lạc Hồng nằm sát bờ sông Cửu Long rộng độ 40m dài độ 400m, ngó qua cù lao Rồng. Đầu trên là căn cứ hải quân đầu dưới là vàm sông Mỹ Tho, ghe thuyền tấp nập đưa khách sang sông qua cồn Rồng hoặc cồn Phụng nơi mà tu sĩ Nguyễn Thành Nam kiến thiết. Du khách thường tới lui viếng cảnh vườn hoa Lạc Hồng. Dọc theo bờ sông cần đá kiên cố, có làm lan can để tránh sự rủi ro cho du khách. Hàng dương soi bóng nước Cửu Long, từng giờ trở gan cùng tuế nguyệt mấy mươi năm qua, chứng kiến dòng lịch sử ngược xuôi biến chuyển xoay vần. Nhìn hàng dương cổ thụ, lòng du khách bồi hồi cảm phục, chi tiết miên man tưởng nhớ nhân vật, đất đai Định Tường từ xưa vẫn là một trong sáu tỉnh miền Nam lừng lẫy tiếng tăm. Đã thế còn có một cội đa nằm phía đầu trên sát nhà hàng Cửu Long, tàng nhánh sum sê, thân già cổ hủ cũng từng ghi nhớ bao cuộc Định Tường thăng trầm biến đổi.

Khắp nơi hoa cỏ khoe màu tươi thắm. Thảm cỏ xanh trải dọc theo các lối đi. Hoa kiểng tranh phô chiều thanh vẻ lịch, duyên dáng đậm đà, quyến rũ du khách say nhìn, suy tư rộn rã. Nhất là lúc chiều tà, bên vườn hoa còn có bóng giai nhân nhẹ gót hài tha thướt, đủ các

cánh áo màu sắc sỡ trông như bướm lượn vờn hoa, phong quang đẹp càng tăng nét diễm kiều huyền ảo, gợi lòng tao nhân mặc khách bàng hoàng ngây ngất.



Huê viên Lạc Hồng

Mỹ Tho có bến Lạc Hồng

Hoa xinh người đẹp mặn nồng phôi duyên.

Ngẩn ngơ du khách triền miên,

Tưởng chừng lạc bước đào nguyên thuở nào

Rải rác trong vườn hàng băng đá để sẵn như mời chào du khách hãy dừng chân, ngồi thưởng thức cho thoả mãn, cho phỉ tình thăm viếng Mỹ Tho, cho lòng lưu luyến mãi Lạc Hồng dù khi lên đường đặt bước ở phương trời xa lạ.

Đắm mắt nhìn qua những ngọn sóng nhấp nhô cột cười trên mặt nước, đưa đẩy mấy chiếc thuyền câu trôi

lên hụp xuống giữa dòng sông lạnh, phía trên cồn Rồng những dãy nhà giăng giăng cất sát bờ sông, bên trong cây cối phủ che một màu thanh lịch, gió hiu hiu dao động, chuyển mình gợi cảnh hữu tình non nước, du khách sẽ càng thêm cảm khái.

Cồn Rồng thời Pháp thuộc đó là chỗ tập trung người cùi, nay không còn cảnh thảm não ấy nữa. Cồn này ở ngang vườn Lạc Hồng, cách sông chừng 800m. Hiện thời dân cư đông đúc, lập vườn trồng cây ăn trái rất thanh mậu. Nhưng nghe đến hai tiếng cồn Rồng và đoái nhìn vòm sông Mỹ Tho kia, du khách nếu ngược dòng lịch sử, ắt phải chẳng khỏi chạnh đến cái chết của cụ Âu Dương Lân, một nhà cách mạng lấy lòng tên tuổi bị Pháp hành quyết ở mé sông Mỹ Tho, và tưởng nhớ đến cái chết của cụ Thủ Khoa Huân, mà đâu đây như còn nghe văng vẳng:

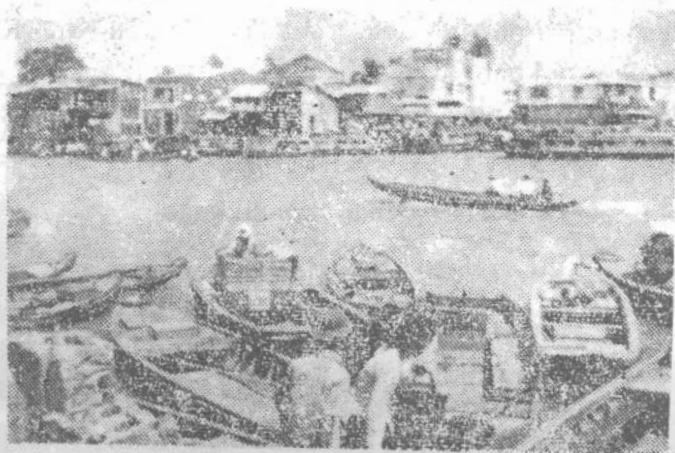
Sông Mỹ năm xưa tràn giọt máu!

Cồn Rồng đêm vắng gió buồn thu!

Lại nữa gần đây khi quân đội Nhật đóng ở Mỹ Tho khiến phi cơ đồng minh đã giội bom tại đấy, đánh chìm hai chiếc tàu chiến của Nhật giữa sông, phía mé trên vườn Lạc Hồng bây giờ và một chiếc mang tên Amiral Charner bị chìm phía bên kia cồn, xác tàu vẫn còn nằm đó, đánh dấu ngày tàn của thực dân đã chấm dứt ở Mỹ Tho trên 80 năm đô hộ.

Đang miên man thả hồn về quá khứ, du khách chợt bừng tỉnh về ngay hiện tại, vì tiếng cười rộn rã ở gần

đấy như giục khách hãy sống vui, sống mạnh ở buổi này. Ấy là tiếng cười do từ nhà hàng CỬ LONG thiết lập gần vị trí khu vườn đưa lại, đồng vọng từng đêm lại từng đêm, gợi niềm tha thiết yêu đời, hưởng thụ lạc thú trần gian.



*Ghe xuồng tập nập tại vàm sông Bảo Định
dầu vườn hoa Lạc Hồng, để đưa rước khách sang sông*

Nhà hàng CỬ LONG cất sát bờ sông, khách sang trọng thường lui tới ăn uống, ngó ra sông ngắm cảnh. Ở mé sau vườn hoa Lạc Hồng là đường Gia Long, có dãy khách sạn và các quán ăn quay mặt ra vườn hoa đón rước ngọn gió mát từ bên cồn Rồng thổi vào.

Về đêm những ngọn đèn ống đủ màu của hãng dầu Shell Socony bên cồn phản chiếu làm tăng màu sắc diễm ảo. Giai nhân tài tử dập dìu. Du khách bốn phương góp mặt, say sưa thưởng lãm cảnh trí đầy quyến rũ.

Sóng nước Cửu Long cuộn cuộn quả như rồng uốn khúc mang theo nhiều màu mỡ bồi đắp vườn tược cây trái oằn sai, trông qua như rồng dậy.

Xa xa phía đầu trên là cầu Bắc, qua rạch Miếu mé bên kia là địa phận tỉnh Kiến Hoà. Ngồi tại vườn Lạc Hồng, du khách bâng khuâng có cảm tưởng như mình đang ở bến Ninh Kiều của Cần Thơ. Vì bến Ninh Kiều cũng đẹp đẽ khang trang chẳng kém, duy thiếu hoa đưa hương ngát và phía trước mặt bến Ninh Kiều là xóm Chài, xa xa phía đầu trên là cầu Bắc.

Định Tường chào mời du khách:

Viếng thăm vườn cảnh Lạc Hồng

Màu hoa thắm đượm say lòng

Sóng nước Cửu Long hùng chí.

Cồn Rồng gợi nhớ Thủ Khoa Huân

Rạch Miếu gương trong Mai ẩn sĩ,

Về đây bạn, dạo chơi đất Mỹ,

Ngắm Lạc Hồng chạnh nghĩ nước non ta.

Dòng tiên rồng, nòi Hồng Lạc cao xa

Nền văn hiến bốn ngàn năm chói rạng,

Về đây bạn, Lạc Hồng vườn hoa thắm,

Ủ ấp lòng, say đắm mộng phi đăng.

Thanh niên vượt tiến, hùng cường,

Vinh vang nòi Việt trường tồn non sông.

Ngắm vườn hoa Lạc Hồng hồi tưởng lại những chuyện của năm xưa mà thương đến những anh hùng dân tộc, những trang mưu quốc của Định Tường đã hy sinh vì non nước mến yêu còn phảng phất đâu đây, sóng nước Cửu Long đang cuộn cuộn cuộn ngược xuôi trên dòng sông lịch sử của bao thế hệ.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu -----	4
Lời nói đầu -----	6
Đôi lời tâm huyết -----	7
Tìm hiểu non sông đất nước -----	8
Non nước mến yêu -----	9

Phần I SƠ LƯỢC

Nhân dân miền Trung di cư vào Nam -----	11
Cuộc di dân của người Trung Quốc -----	12
Chúa Nguyễn đặt nền cai trị -----	14
Định Tường dưới thời Tây Sơn và Nguyễn Anh -----	17
Định Tường dưới thời Gia Long -----	18
Định Tường dưới thời Minh Mạng -----	20
Định Tường dưới thời Tự Đức -----	20
Anh hùng hào kiệt Định Tường... -----	26
Định Tường hành chánh -----	43

Vị trí ----- 46

Địa chất, đất đai, vùng đất cũ vùng đất mới,
cù lao, sông ngòi...----- 48

Phần II NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Đỗ Thanh Nhân -----	61
Tả quân Lê Văn Duyệt -----	66
Huỳnh Văn Hớn -----	72
Hồ Văn Lân -----	76
Nguyễn Văn Hiếu -----	80
Đặng Văn Lượng -----	86
Trương Văn Hoảng -----	90
Lê Văn Thuy -----	92
Lê Văn Quân -----	95
Nguyễn Văn Cẩn -----	99
Âu Dương Lân -----	102
Phan Hiến Đạo -----	104
Nguyễn Văn Lạc -----	109
Nguyễn Văn Thanh -----	114
Mai Văn Ngọc -----	118

Đại thạch bia.....	124
Đàn Xã Tắc.....	124
Đàn Tiến Nông	125
Miếu Thành Hoàng	125
Miếu thờ thần Bảo Tố	126
Vị cổ Phật bằng đá	127
Ao Tha La	128
Miếu thờ trinh nữ Nguyễn Thị Liễu	129
Mộ chưởng cơ Kỳ thiện hầu	129
Mộ hai vị thượng quan ông Kinh, ông Đạt	130
Mộ tứ kiệt, cũng gọi bốn ông ở Cai Lậy	131
Mộ tả quân Lê Văn Duyệt	132
Chùa Linh Phong tục gọi chùa Thành	138
Chùa Bửu Lâm	139
Chùa Vĩnh Tràng	140

Phần IV HUYỀN SỬ – GIAI THOẠI

Con kinh Bảo Định Hà	143
Định Tường với trận Rạch Gầm	146
Hồn thiêng trinh nữ Nguyễn Thị Liễu	153

Tìm hiểu cuộc đời ông cử Đa tại Thuộc Nhiều -----	161
Sự tích chùa Phật Đá -----	166
Đình Điều Hoà cổ kính -----	169
Sự tích đá mọc -----	174
Chùa Bà Kết -----	177
Bến thuyền ngày xưa -----	179
Giồng ông Lũng -----	182
Giai thoại về Đồng Tháp và ông Thiên Hộ -----	184
Rắn thần tiếp chiến ngài Thiên Hộ -----	185
Liêm Pha với Lạn Tương Như Việt Nam -----	190
Thiên Hộ Dương kể chuyện xưa -----	192
Ngài Thiên Hộ võ nghệ tinh thông -----	197
Đồn Chợ Giữa -----	205

Phần V VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT

THI THƠ TÂN CỤU

Thổ nghi sản vật Định Tường... -----	214
Về bộ môn sân khấu kịch nghệ -----	216
Những cây viết xứ dừa thơ mộng -----	230
Nhân tài xứ Mỹ -----	232

Đường vào xứ Mỹ -----	248
Văn hoá giáo dục -----	249
Kinh tế -----	252
Y tế -----	255
Xã hội -----	255
Tín ngưỡng, đạo giáo -----	256
Định Tường qua vài thổ sản đặc biệt -----	259
Định Tường với vườn hoa Lạc Hồng -----	275

ĐỊNH TƯỜNG XƯA

HUỶNH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập:

NGUYỄN GIANG

Sửa bài:

SONG PHƯƠNG

Bìa:

LÊ PHƯỚC HIỆP

In 800 cuốn, khổ 13 × 19cm. Tại Công ty Cổ phần In Bến Tre.

Giấy phép xuất bản số: 197/118 CXB cấp ngày: 18/01/2001.

In xong và nộp lưu chiểu quý 04 năm 2001.



Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú, Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hùng bất diệt, có những anh hùng rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta...

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch Sử, Địa Lý, Nhân vật, Giai Thoại, Huyền Thoại, Di Tích, Thôn

ng như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần

a chúng ta. Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dấn

ảo, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và

a như: Cựu Hoàng Thành Thái v.v...



Nhà Sách Giáo Dục



DINH TUONG XUA

27.000 VNĐ

Giá : 27.000